

**TRƯƠNG BÁ CÂN**



**NGUYỄN  
TRƯỜNG  
TỘ**

**THÂN THỂ  
VÀ DI THẢO**

**PHẦN 2 - DI THẢO**



# **Nguyễn Trường Tộ**

## **Thân thể và di thảo**

**Phần 2 - Di thảo**

**Di thảo số 1 đến di thảo số 24**

**Trương Bá Cần**



**Paris \* 01-2026**

**Nguồn : *lichsuhuyenbivietnam***  
**Ebook : *Thư viện Tiểu Lùn***

**Ban Tuyển đọc Thư Viện Tiểu Lùn** mạn  
phép tác giả Trương Bá Cần thay đổi tựa sách  
là: ***NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - THÂN THỂ VÀ DI***  
***THẢO.***

**Nguyễn Trường Tô**

**Thân thể và di thảo**

**Phần 2 - Di thảo**

**Di thảo số 1 đến di thảo số 24**

**TRƯỜNG BÁ CẦN**



## Mục lục

|                                                                  |            |
|------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>Nguyễn Trường Tộ</b>                                          | <b>13</b>  |
| Di thảo                                                          |            |
| <b>1. Di thảo số 1</b>                                           | <b>25</b>  |
| Thiên hạ đại thế luận (Bàn về những tình thế lớn trong thiên hạ) |            |
| <b>2. Di thảo số 2</b>                                           | <b>56</b>  |
| Giáo môn luận (Bàn về tự do tôn giáo)                            |            |
| <b>3. Di thảo số 3</b>                                           | <b>78</b>  |
| Bài trần tình                                                    |            |
| <b>4. Di thảo số 4</b>                                           | <b>115</b> |
| Kế hoạch duy trì hòa ước mới                                     |            |

**5. Di thảo số 5** **140**

Dự tài tế cấp bầm từ = Lục lợi từ  
(Kế hoạch làm cho dân giàu nước  
mạnh)

**6. Di thảo số 6** **225**

Về việc mua và đóng thuyền máy

**7. Di thảo số 7** **238**

Về việc đào tạo người điều khiển  
và sửa chữa thuyền máy

**8. Di thảo số 8** **247**

Khai hoang từ (Kế hoạch khai thác  
tài nguyên đất nước)

**9. Di thảo số 9** **276**

Về việc mua tàu London

**10. Di thảo số 10** **280**

Thảo thư gửi Tây soái

**11. Di thảo số 11** **291**

Tâm sự với Trần Tiền Thành

**12. Di thảo số 12** **299**

Những việc Giám mục Gauthier có thể giúp

**13. Di thảo số 13** **308**

Ngôi vua là quý; chức quan là trọng

**14. Di thảo số 14** **339**

Tình hình lương giáo ở Nghệ An

**15. Di thảo số 15** **352**

Lại tâm sự với Trần Tiền Thành

**16. Di thảo số 16** **358**

Bài bạt mừng đào xong thiết cảng

**17. Di thảo số 17** **366**

Dùng giám mục linh mục vào việc canh tân

- 18. Di thảo số 18** **377**  
Về việc học thực dụng
- 19. Di thảo số 20** **409**  
Phải tạm thời dựa vào Pháp
- 20. Di thảo số 20** **417**  
Về việc lấy lại ba tỉnh miền Đông
- 21. Di thảo số 21** **430**  
Kế hoạch vận động ở Pháp để giữ  
ba tỉnh miền Tây
- 22. Di thảo số 22** **441**  
Báo cáo về việc gặp viên lãnh sự  
Tây Ban Nha
- 23. Di thảo số 23** **462**  
Báo cáo về một số việc cần làm
- 24. Di thảo số 24** **466**  
Kế ly gián giữa Anh và Pháp





## NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

### di thảo

**DI THẢO** của Nguyễn Trường Tộ, chủ yếu, là những văn bản, quen gọi là các điều trần, được gửi lên Triều đình vua Tự Đức từ 1861 đến 1871.

Hai chữ điều trần, để nói về các văn bản của Nguyễn Trường Tộ, có lẽ đã được sử dụng lần đầu tiên trong Tạp chí NAM PHONG

số 100, số đăng tải văn bản đầu tiên của Nguyễn Trường Tộ với đầu đề: “Nguyễn Trường Tộ điều trần, thiên hạ đại thế nguyên tập”. Còn trong chính các văn bản của Nguyễn Trường Tộ, chúng ta không bao giờ thấy có hai chữ điều trần.

Có thể là, theo thông lệ, khi viết các văn bản gửi lên Triều đình, Nguyễn Trường Tộ không đặt đầu đề cho chúng. Nhưng khi nhắc lại các văn bản cũ của mình, Nguyễn Trường Tộ dùng chữ luận cho ba văn bản đầu tiên của mình là: Thiên hạ phân hợp đến thế luận, Tế cấp luận, Giáo môn luận. Còn khi nói về các văn bản này, Nguyễn Trường Tộ thường dùng chữ từ, như: Lục lợi

từ, Khai hoang từ, hoặc nói chung “bẩm từ”, “trần từ”...

Hai chữ điều trần thực ra, theo đúng nghĩa của chúng, chỉ là: Trình bày rõ ràng theo từng điểm, từng việc. Nhưng hai chữ điều trần, do được sử dụng để nói về các văn bản của Nguyễn Trường Tộ, đã được thông dụng đến độ trở thành một thuật ngữ để chỉ các văn bản gửi lên nhà cầm quyền. Trong TỰ ĐIỂN TIẾNG VIỆT của Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1967, điều trần có hai nghĩa. Một nghĩa thông thường và một nghĩa chuyên dùng. Theo nghĩa thứ hai này, thì điều trần là “Bản trình bày ý kiến đưa lên nhà cầm quyền (cũ): “Điều trần của Nguyễn Trường Tộ” (trang 374, cột 1).

Tuy nhiên, theo chúng tôi, điều trần như thế phải là một văn bản trình bày vấn đề một cách quy mô và có độ dày của nó. Còn như các văn bản của Nguyễn Trường Tộ gửi cho Triều đình Huế, thì có những bản là cả một bài luận văn dài như Thiên hạ đại thế luận, Dụ tài tế cấp bẩm từ, Khai hoang từ, Tế cấp bát điều... ; có bài vắn vện chỉ một hai trang, trả lời hay góp ý cho một vấn đề nào đó, như mua thuyền máy, các vật dụng sứ bộ phải mang theo... [\*]

Tất cả các văn bản của Nguyễn Trường Tộ gửi lên Triều đình vua Tự Đức đều bằng chữ Hán: Có những văn bản chính thức được lưu giữ

trong thư viện của Triều đình, có bản với lời châu phê (ghi bằng chữ đỏ) của nhà vua; có những văn bản chỉ là bản sao hoặc bản thảo được cất giữ trong gia đình của tiên sinh ở Bùi Chu, Hưng Nguyên, Nghệ Tĩnh.

Những văn bản lưu giữ ở Thư viện của Triều đình Huế trước đây đã được đóng thành tập và trước Cách mạng Tháng 8-1945, có nhiều người đã tới Thư viện Bảo Đại để tham khảo hoặc sao chép các văn bản đó.

Theo ông Đào Duy Anh, trong một bài viết trên CÔNG GIÁO

VÀ DÂN TỘC số đề ngày 12-7-1983 (Xem phụ lục số XI), thì vào khoảng năm 1938, ông có tới gia đình ông Nguyễn Trường Cửu là con trai Nguyễn Trường Tộ ở Bùi Chu, Hưng Nguyên, Nghệ Tĩnh và xin được các bản văn, bút tích của Nguyễn Trường Tộ, cùng với một quyển sổ tay của Nguyễn Trường Tộ ghi chép trong chuyến đi Pháp với Giám mục Gauthier năm 1867 – 1868 (sau ông Đào Duy Anh có cho chép lại các văn bản này để gởi lại cho gia đình ông Nguyễn Trường Cửu). Ông Đào Duy Anh cũng thuê người vào Thư viện Bảo Đại sao chép các văn bản chính thức của Nguyễn Trường Tộ, rồi đem đối chiếu với các bản sao hoặc bản thảo lưu giữ trong gia đình ông Nguyễn Trường Cửu, để làm thành

bốn quyển; bốn quyển này, ông Đào Duy Anh đã đề tặng cho ông Tôn Quang Phiệt một bản và ông Lê Thọ Xuân, ở Sài Gòn một bản. Sau Cách mạng Tháng 8-1945, do việc di chuyển các tài liệu từ Thư viện Bảo Đại sang một nơi khác, một số tài liệu bằng chữ Hán đã bị mất cắp và đem bán ở chợ Đông Ba làm giấy cuốn thuốc lá, trong số đó có các bản văn chính thức của Nguyễn Trường Tộ, do ông Thân Trọng Bính mua được và đem tặng cho ông Đào Duy Anh: tất cả các sách vở và tài liệu của ông Đào Duy Anh, trong đó có những tài liệu quý về Nguyễn Trường Tộ, đều bị mất và có thể bị hủy hoại trên chuyến xe lửa cuối cùng từ ga Hàng Cỏ Hà Nội đi Vinh trước lúc cuộc toàn quốc kháng chiến bùng nổ ngày

19-12-1946; sau này ông Đào Duy Anh đã xin lại được 4 tập đã tặng cho ông Tôn Quang Phiệt để đem ra chiến khu Việt Bắc, cho Ban Sư Địa, sau này là Viện Sử học.

Như thế là, theo ông Đào Duy Anh, những văn bản chính thức của Nguyễn Trường Tộ gửi lên Triều đình vua Tự Đức, với châu phê của nhà vua, đã bị mất trên đường hỏa xa từ Hà Nội đi Vinh. Những tài liệu quý này, hoặc đã bị hư mất hoặc đã được cất giữ một nơi nào đó mà chúng ta chưa biết. Nhưng khả năng trở thành hư vô là rất lớn. Có một điều chắc chắn là tại kho Lưu trữ Khu vực II, ở thành phố Hồ Chí Minh, trong CHÂU BẢN TRIỀU

NGUYỄN, không thấy có một văn bản nào của Nguyễn Trường Tộ.

Những văn bản của Nguyễn Trường Tộ mà chúng ta có hiện nay đều là những bản đã được sao chép lại.

1. Ở Thư viện Viện Sử học, 38 phố Hàng Chuối, Hà Nội hiện có:

– Bốn quyển ký hiệu Hv 189 từ 1 đến 4, có thể là 4 quyển do ông Đào Duy Anh sao chép tổng hợp từ các văn bản lưu giữ ở Thư Viện Bảo Đại và trong gia đình ông Nguyễn Trường Cữu ở Bùi Chu, Nghệ Tĩnh. Bốn quyển này ông Đào Duy Anh sao tặng ông Tôn Quang Phiệt, sau giao lại cho Ban Nghiên cứu Văn

Sử Địa, tiền thân của Viện Sử học.

– Bốn quyển ký hiệu Hv 634 từ 1 đến 4, do Mặc Sĩ Nguyễn Huy Nhu sao lại từ các bản chép tay mượn của ông Đào Đăng Vỹ.

– Một quyển mang ký hiệu Hv 135, gồm 9 văn bản. Trong số 9 văn bản này, có 8 văn bản đã được đăng tải trên tạp chí NAM PHONG. Tất cả 9 văn bản này đều có trong Hv 189 và Hv 634.

2. Ở Thư viện Hán Nôm, đường Lý Thường Kiệt, Hà Nội, hầu hết các văn bản về Nguyễn Trường Tộ mang ký hiệu VHv đều là sao chép lại từ các văn bản của Thư viện Viện Sử học, như:

VHv 2620/1-4 chép lại Hv

189/1-4

VHv 2620/5 chép lại Hv 135

VHv 1153 chép lại Hv 189/3

VHv 1431 chép lại Hv 189/2

Chỉ riêng VHv 170 gồm 5 văn bản không phải là sao chép y nguyên từ một bản nào của Viện Sử học, nhưng các văn bản này đều có cả trong Hv 189 và Hv 634. Nói tóm lại, là hầu như toàn bộ di thảo của Nguyễn Trường Tộ mà chúng ta hiện có được đều nằm trong hai bản Hv 189/1-4 và Hv 634/1-4. Duy chỉ có văn bản về “Cải cách phong tục” (Di thảo số 47), do XTT dịch, đăng trên báo TIẾNG DÂN từ số tháng 1-1940 là không có trong Hv 189 và Hv 634. Bản dịch này cũng

như một số bản dịch của VĂN ĐÀN - Di thảo số 18, 44, 46 - chứng tỏ là còn có những bản sao chép về di thảo của Nguyễn Trường Tộ mà chúng tôi hiện chưa biết đang nằm ở đâu, khác với các bản sao chép mà Thư viện Viện Sử học và Thư viện Hán Nôm ở Hà Nội đang lưu giữ.

## DI THẢO SỐ 1

### Bàn về những tình thế lớn trong thiên hạ

[Nguyên văn chữ Hán: Hv 189/1 tờ 34 - 45; Hv 634/1 tờ 40 - 58; Hv 135 tờ 38 - 50; NAM PHONG (N.P) số 100 trang 47 - 58. - Về nội dung, bản NAM PHONG, trong chi tiết, có những lời lẽ dài dòng và không chính xác bằng ba bản kia. - Về ngày tháng năm, thì chỉ có Hv 189/1 là ghi “Tự Đức thập lục niên, nguyệt..., nhật...); còn ba bản kia thì không ghi ngày tháng. Từ Ngọc Nguyễn Lâm, sđd, có trích nhiều đoạn của Thiên hạ đại thế và nói: Không rõ ngày tháng. - Về đầu đề thì NAM PHONG ghi: “Nguyễn Trường Tộ điều trần thiên hạ đại thế nguyên tập (nguyên danh quốc tế thượng giao thông chi chính sách)”. Hv 634/1 ghi: “Điều trần thỉnh hứa đại Pháp quốc khai phụ thông thương”, còn Hv 189/1 và Hv 135 không có đầu đề. Chính Nguyễn Trường Tộ,

trong Trần tình, nói: “Thiên hạ phân hợp đại thế luận” và trong các bài viết sau này, nhiều lần nói đến “Luận phân hợp”. Ông Nguyễn Lân nói: “Thiên hạ đại thế”; ông Đào Duy Anh nói: “Thiên hạ đại thế luận”. Từ những dữ kiện nêu trên, chúng ta có thể tạm kết luận là Nguyễn Trường Tộ đã viết, để thuyết phục Triều đình Huế phải hòa với Pháp, vào hai thời điểm khác nhau: a. Theo bài Trần tình, thì năm 1861, Nguyễn Trường Tộ đã có gởi cho Nguyễn Bá Nghi một bài Bàn về việc hòa (Hòa từ) và trong Trần tình có trích một đoạn của Hòa từ, lời lẽ hoàn toàn giống như trong bản N.P và các bản Hv. Bản văn đăng trong N. P có thể là bài Bàn về việc hòa của năm 1861. Bởi vì bản N. P so với các bản Hv, lời lẽ không chỉnh và không khúc chiết bằng. Hơn nữa bài Bàn về việc hòa hình như được viết để cho nhà vua đọc, nên tác giả nói: “Phục vọng chuẩn thần sở kiến”: kính mong các ý kiến của thần được chấp thuận, trong lúc các bản Hv nói: “đại nhân cụ đề chuyển tấu”: kính xin đại nhân tâu lại đầy đủ. Bản N.P lại có phụ đề: “Nguyên danh: Quốc tế thượng giao thông chi chính sách”. b. Cũng theo bài Trần tình, thì năm 1863, Nguyễn Trường Tộ còn có bài Thiên hạ phân hợp đại thế luận. Để viết bài này, Nguyễn Trường Tộ chỉ lấy bài Hòa từ sửa chữa lại cho chỉnh và gọn gàng. Lúc đầu, hình như Nguyễn Trường Tộ định viết như một thư văn có mào đầu, có niên hiệu; nhưng sau có thể đã sửa chữa để gởi kèm theo bài Trần tình như một bài nghị luận, nên không có mào đề, không có niên hiệu. Đây là bản đã được sao chép lại trong Hv 135 và Hv 634/1 mà các

tác giả như Nguyễn Lân, Đào Đăng Vĩ đều đã tham khảo và nói là “không rõ ngày tháng”. Bản được sao chép trong H.v 189/1 có lẽ là bản thảo ban đầu được sao chép lại gởi cho Phạm Phú Thứ. Ở đầu bài có ghi: “Giá tập ký dữ thần Phạm Phú Thứ (Bản này gởi thần Phạm Phú Thứ)”. Đây có thể là lời của Nội Các hay Viện Cơ Mật.]

(Thiên hạ đại thế luận)

(Tháng 2-3 năm Tự Đức 16 tức tháng 3-4 năm 1863)

Tôi là Nguyễn Trường Tộ, bề tôi nước Đại Nam đã từng trốn ra nước ngoài xin đem những điều mà tôi đã biết và thấy một cách chính xác về sự thế trong thiên hạ, mạo tội kính bẩm.

Trộm nghĩ việc trong thiên hạ chỉ có “thế” mà thôi. Chữ “thế” là nói bao gồm cả thiên thời nhân sự. Cho nên người biết rõ “thế” thì

không trái trời, không mất thời,  
không hại người, không hỏng việc.

Hãy nói về thiên đạo trước. Khí đất là từ Bắc đến Nam, vận trời từ Tây sang Đông, theo Hà đồ<sup>1</sup> thì thủy ở về phương Bắc, hỏa ở về phương Nam, kim ở về phương Tây, mộc ở về phương Đông. Thủy thì diệt hỏa, kim diệt mộc, ấy là lẽ tự nhiên của trời đất luôn luôn như vậy.

Ngày nay các nước phương Tây, đã bao chiếm suốt từ Tây Nam cho đến Đông Bắc, toàn lãnh thổ châu

---

<sup>1</sup> Hà đồ: Thời ông Phục Hy làm vua thiên hạ, có con Long mã đội bức “đồ” (tức là bức vẽ) hiện ra ở sông Hà, ông Phục Hy theo cái văn bản ở trong bức đồ ấy vạch ra 8 quẻ ứng với 5 điều thủy, hỏa, kim, mộc và thổ là ở giữa bức đồ.

Phi cho tới Thiên Phương, Thiên Trúc, Miến Điện, Xiêm La, Tô Môn Đáp Lạp, Trảo Oa, Lữ Tống, Cao Ly, Nhật Bản, Trung Quốc và các đảo ở ngoài biển, kể cả Tây châu, không đâu là không bị họ chen hống bám lưng. Nước Nga thì từ Tây Bắc đến Đông Nam gồm tất cả các nước Đại Uyển, Cốt Lợi Cán, Mông Cổ và các xứ ở phía Bắc Mãn Châu, không đâu là không chiếm đất và nô dịch dân những nơi đó. Ở trên lục địa, tất cả những chỗ nào có xe thuyền đi đến, con người đi qua, mặt trời mặt trăng soi chiếu, sương mù thấm đọng thì người Âu đều đặt chân tới, như tằm ăn cá nuốt, ở đâu thuận với họ thì phúc, chỗ nào trái với họ thì họa; ai hòa với họ thì được yên, ai cự lại thì dùng binh lực giao tranh; trong

thiên hạ không ai dám kháng cự lại họ. Như thế, nếu đó không phải là ý trời định, địa thế xoay vần, thì sao không lấy số đông của bốn đại châu mà kháng cự lại người Tây phương? Huống hồ nước Việt ta là một nước bé nhỏ, tại sao lại muốn trái đạo trời mà làm những việc thiên hạ khó làm được?

Đến như địa thế Trung Hoa chiếm 1 phần 3 Đông phương<sup>2</sup> nhân số đến 360 triệu, uy thế lẫy lừng, ai cũng phải thần phục họ cả, thế mà từ thời Minh về sau, người Tây phương vượt biển sang Đông, hai bên đánh nhau, thây chất thành đống, sau phải giảng hòa không

---

<sup>2</sup> NAM PHONG nói: 2/3 Á Đông, Nguyễn Lân sđd trang 129 cũng nói: “một phần ba Á đông”.

biết bao nhiêu lần. Còn như ta là một xứ nóng, gần kề Quế Hải [Nam Hải.], là trạm nghỉ chân của người Tây phương trên đường sang Đông. Con giao long khi thấy đầm vực thì nghĩ cách đầm mình chứ không thể chịu bỏ mà đi.

Mới đây, người Pháp thừa thế đánh xong tỉnh Quảng Đông, đã đưa quân tinh nhuệ xuống phía Nam, làm Đà Nẵng thất thủ. Khi ấy giả sử ta có 10 vạn quân, cũng không đánh nhau được với họ. Phàm việc binh cốt ở thần tốc, họ đã biết rõ rằng quân ta mới nghe thanh thế họ đã phách lạc hồn xiêu rồi, hơn nữa cảng Đà Nẵng cách các doanh trại<sup>3</sup> ta chẳng bao xa thế tại sao họ

3 NAM PHONG nói: “Đà Nẵng đi kinh đô” (Đà Nẵng

không thừa thế chẻ tre, xua quân tinh nhuệ tiến tới mà lại thôi? Sao cứ thông dong nhân hạ không cần lợi dụng thế tốc chiến? Hay vì họ nghĩ rằng ta phòng bị chưa kiên cố. Bởi lẽ ta càng phòng bị kiên cố chừng nào thì càng tỏ rõ được cái năng lực công phá của họ chừng ấy. Họ không cần thừa chỗ sơ hở mà đánh xuất kỳ bất ý như đối với nước địch có thế lực ngang ngửa với họ. Hơn nữa, người Pháp đến đây, một là hỏi ta vì sao giết hại giáo sĩ, hai là hỏi vì sao không chịu giao thiệp, ba là xin ta cắt cho một vài chỗ để làm đường giao thương như các nước thường làm. Lúc đầu họ không có ý đi cướp nước người.

---

khứ Kinh). Nhưng nói như vậy là lúc Nguyễn Trường Tộ đánh giá chưa đúng lý do tại sao quân Pháp đầu năm 1858 không tiến đánh Huế mà lại hướng vào Nam bộ.

### ***1. Di thảo số 1***

Nếu những yêu sách của họ được thỏa mãn, họ sẽ chấm dứt những hành động gây hấn như đã ước định chứ đâu đến nỗi dây dưa lan rộng như thế. Cũng ví như nước lụt, người hiểu biết thì thuận theo thế nước mà cho chảy xuôi, để nước chảy về sông về biển thì hết, nếu ngăn đọng lại thì úng núi ngập gò, tắc lại thì trôi nhà trôi cửa. Cho nên người khéo trị lụt, thì việc làm hết sức đơn giản.

Hiện nay quân Pháp đã chinh cư thành Gia Định và các phủ huyện thuộc hạt, họ đào kinh đắp lũy trù kế lâu dài để tỏ ra không chịu đi, như hổ đã về rừng, rồng đã xuống biển. Bây giờ như ta muốn cố thủ

thành trì đợi cho họ tê liệt thì thật chẳng khác nào muốn quét sạch lá rừng, tát cạn nước biển. Không hòa mà chiến, khác nào cứu lửa đổ thêm dầu, không những không cứu được mà còn cháy nhanh hơn nữa.

Tôi thường nghiên cứu sự thế trong thiên hạ mà biết rằng hòa với Pháp là thượng sách. Hơn nữa ở châu Âu việc võ bị chỉ có nước Pháp là đứng hạng nhất, hùng mạnh nhất không thua ai cả. Họ lại có tính khảng khái, hiếu chiến, với uy phong của một quân đội có xe sắt. Tuy dụng binh nhưng cũng biết trọng nghĩa giữ lời, không như các nước chỉ chuyên thủ lợi. Khi kéo quân đi đánh thì khí thế hiên

ngang, thái độ hân hoan. Khi lâm trận thì xông pha tới trước, không chịu tụt lùi. Khi thắng trận thì cả nước hoan hô, dù tổn thất nghìn muôn người cũng chẳng tiếc, chỉ sao cho uy danh hùng tráng, quốc thể được bảo toàn làm trọng. Các tướng thì gan dạ, nhiều mưu trí, thạo binh pháp, thủy chiến, lục chiến đều rất giỏi. Thật đúng như sách DOANH HOÀN CHÍ LƯỢC đã chép vậy.

Nếu như ngày kia Pháp đưa quân đến thì việc vượt biển cũng như đi trên đất bằng, trèo non như đi trên đường bộ. Nước ta tựa núi kề biển, địa thế như một con rắn dài. Nếu họ dùng hỏa thuyền chia nhau đánh cắt các tỉnh dọc bờ biển, lại cho các tàu đậu ngoài cửa sông lớn

để triệt sự vận tải đường biển của ta, lại cho một đạo quân đóng giữ ở Hoành Sơn để chặn đường tiếp tế bằng đường bộ và cắt đường qua lại của đội quân Cần Vương, rồi lại đổ bộ tiến đánh các chỗ xung yếu, gấp rút truyền hịch khắp Nam Bắc, chiêu mộ bọn giặc cướp ẩn náu dùng làm bọn dẫn đường, thì thủy binh của ta sẽ trở thành vô dụng. Bộ binh thì đại lộ không thông. Chỉ còn đường Vạn Tượng, Ai Lao, Trấn Ninh, và đất Cao Miên thì lại hiểm trở khó đi mất nhiều ngày tháng đầu đuôi không liên lạc được với nhau. Nếu họ đánh một trận thì ta đã bị cái thế chia năm xẻ bảy<sup>4</sup>. Dù cho có trí dũng cũng không kịp ra mưu. Đại thế đã mất, lòng quân sĩ đã lìa thì còn ai đánh giặc nữa? Địa

---

<sup>4</sup> Những chữ xiên không có trong Nam Phong.

lợi như thế thì không thể trông cậy vào đâu được.

Quân lính của ta lại chuyên dùng gươm dao gậy gộc, không thạo súng ống, dù phục binh cài bẫy, nhưng trận đồ như vậy chỉ hợp cho những tình thế không cấp bách, chỉ đánh được gần chứ không đánh được xa. Nếu họ dùng súng trường từ xa bắn suốt tới, thì quân ta chưa giáp trận mà gươm giáo đã tan tành. Khi họ đến gần thì dùng lưới lê xung phong một người đương được cả 100 người, xông lên như nước sông chảy xiết. Lúc ngừng lại thì như núi dựng, xông vào chẳng qua cũng như chuồn chuồn lay cột đá mà thôi.

Hơn nữa, họ đã lão luyện chiến trận những phương pháp của Đông phương như dụ địch, kiêu binh, địa lôi, hỏa công, sập hầm, thuốc độc họ đều biết cả, dù có người trí xảo đến mấy cũng không nỡ được họ. Huống chi việc thắng bại lại do ở nhuệ khí. Họ từ xa đến, dẫn thân vào chỗ chết với khí thế một ra đi là không trở về<sup>5</sup>. Còn quân lính ta xưa nay vốn nhát gan, lại chưa quen đánh trận với nước khác, một ngày kia gặp phải quân địch mạnh mẽ, tuy có lòng dũng cảm nhưng khí thế đã suy lại đánh đâu thua đó, vừa mới nghe bóng nghe gió đã mất hết hồn vía, tham

<sup>5</sup> Nguyên văn là Phá phủ trầm chu chi thế. Do tích: Ngày xưa Hạng Vũ đem quân đi đánh Tần, lúc đã đến gần chiến trường ông bắt đập vỡ hết cả nồi cháo nấu cơm, đánh đắm thuyền, chỉ mang lương thực vừa đủ ăn trong ba ngày, để tỏ ý cho quân sĩ biết rằng nhất định phải quyết chiến, nên ai nấy phải liều chết.

sống sợ chết là lẽ thường tình. Chỉ trước khi ra trận mà có lòng quyết thắng địch thì mới khỏi chết. Nay đã biết họ có thể tất thắng, ta có cơ dễ thua, lại không biết phép ra quân của họ biến hóa như thế nào mà đem quân nhút nhát của mình ra đánh lại quân vô địch của họ thật chẳng khác nào như bắt muỗi đội núi, đem dê đấu hổ, rõ ràng là lối tấn công như vậy không dùng được nữa.

Theo binh pháp, muốn cố thủ phải có hai điều kiện: một là thành trì, hai là nhân tâm. Lúc địch mới đến thì phải gấp rút chặn những chỗ xung yếu mà đuổi nó đi. Nếu kẻ địch đã thọc sâu vào cứ điểm, thì

phải có thành cao hào sâu để hãm kẻ địch mặt mới. Đó là thượng sách. Ngày nay quân Pháp có hỏa thuyền để vận tải thì việc vượt muôn dặm cũng bằng chèo một mái chèo mà thôi. Nếu ta muốn ngăn bể để tuyệt lương của họ cũng không thể được. Họ muốn tăng thêm quân sang ta thì theo đường Biển Đỏ chỉ độ bốn, năm tuần là đến nơi. Nếu cần lắm thì gửi giấy xin quân Anh đóng ở Ấn Độ, Túc Lực, Hương Cảng, Thượng Hải... thì sớm chiều là có thể đến nơi để giúp. Lại có quân của Y Pha Nho ở Lữ Tống, đến dồn sức tấn công.

Quân Pháp đánh thành không cần dùng những phương pháp bắc thang đường hầm, xe kiếm, bao

đất<sup>6</sup>, mà đại pháo bắn ra thì núi lở gò sập, thành đã vỡ, thì ta tuy có lương tiền nhiều, gươm giáo sắc và có phương pháp giữ thành cũng trở nên vô dụng. Hơn nữa, người Pháp đánh ta, trèo thành như lên đệm gối, sở dĩ lâu nay họ chưa dùng đến là vì cắt cổ gà cần gì phải dùng dao mổ trâu. Nếu gặp đối thủ thì như trận đánh ở Biển Đen năm trước, Tây Ba Sĩ Đa Bốc Lỗ là một thành kiên cố nhất thiên hạ, Nga là một nước cường địch bậc nhất trong thiên hạ có trăm vạn quân, đã giữ vững trong hai năm, thế mà rồi cũng bị hãm. Lấy ta so sánh với Nga cũng như lấy Đẳng, Tiết mà so

---

<sup>6</sup> Xe kiểm: Là một loại xe đằng trước có mũi nhọn bằng sắt để húc cho thủng thành, bao đất; dịch chữ “thổ nang” tức là bao đựng đất để sắp đồng mà trèo thành.

sánh với Tần, Sở<sup>7</sup>. Nga như thế mà chống không được còn bị đánh tan tành, ta đâu có đủ sự hiểm yếu nào có thể mong cậy được!

Hiện nay tình hình trong nước rối loạn. Trời thì sanh tai biến để cảnh cáo, đất thì hạn hán tai ương, tiền của sức lực của dân đã kiệt quệ, việc cung ứng cho quân binh đã mệt mỏi, trong Triều đình quần thần chỉ làm trò hề cho vui lòng vua, che đậy những việc hư hỏng trong nước, ngăn chặn những bậc hiền tài, chia đảng lập phái khuynh loát nhau, những việc như vậy cũng đã nhiều; ngoài các tỉnh thì quan tham lại những xưng hùng xưng bá tác phúc tác oai, áp bức tàn nhẫn kẻ cô thế, bòn rút mỡ

<sup>7</sup> Đằng, Tiết là hai nước rất nhỏ. Tần, Sở là hai nước rất lớn thời Xuân Thu (Trung Quốc).

dân, đục khoét tủy nước, việc đó đã xảy ra từ lâu rồi. Những kẻ hận đời ghét kẻ gian tà, những kẻ thất chí vong mạng, phần nhiều ẩn núp nơi thảo dã, chính là lúc Thăng, Quảng [Thăng, Quảng: Trần Thăng, Ngô Quảng đã từng tụ tập nông dân, chống lại Tần Thủy Hoàng.] sẽ thừa cơ nổi dậy. Thế mà sao đối ngoại thì không có cách nào để động đến một mảy may lông của quân Pháp, cũng chẳng thuyết phục được ai để giải vây cho, lại đi tàn sát dân mình, giận cá chém thớt, khiến cho dân bị cái hại “cháy nhà vạ lây”. Thật đúng như câu nói: “đào ao đuổi cá”, “nổi giáo cho giặc”. Cây cối trước hết tự nó hủ mục sau mới bị sâu đục; nước mình trước hết không biết tự giữ thể diện thì người ta mới khinh mình; dân loạn bên trong, rồi kẻ

địch mới nhân đó mà vào. Như thế loạn không phải chỉ từ bên ngoài mà ở ngay trong nước vậy.

Than ôi! Dân chúng phụng sự quan trên, đóng thuế nạp tô, để mong được sống yên thân, thế mà bây giờ lại lấy những thứ nuôi sống người đó để làm hại người, nữa khiến dân chúng vấp phải họa binh đao, nữa tranh giành cái nhỏ mà bỏ cái lớn, cũng như muốn bảo tồn cành lá mà lại đem dẫn cả cội gốc. Cho nên mới nói: không sợ thế giặc ngang tàng mà sợ lòng người rời rạc. Lòng người đã rời rạc, đã muốn chóng mất, thì dù có thành trì bằng kim loại, có ao nước sôi

cũng phải bỏ mà chạy, ai ở đó chịu chết mà giữ cho!

Sự thể hiện nay chỉ có hòa. Hòa thì trên không cưỡng lại ý trời, dưới có thể làm cho dân khỏi khổ, chấm dứt được sự dòm ngó của bọn gian nghịch, ngăn chặn được sự tranh giành của nước ngoài, thật là hay không thể kể xiết. Còn việc binh đao thì thật là tai họa nó làm cho vợ góa con cô, tổn thương hòa khí của trời đất, sinh ra hạn hán lụt lội. Thánh nhân bắt đắ dĩ mới phải dụng binh dẹp loạn. Nếu không đánh mà khuất phục được binh lính người mới là đánh giỏi. Nay có đánh họ cũng không đi, hòa họ cũng không đi. Họ chỉ xin mình

miếng đất mà thôi, nếu cứ kiên quyết không cho, họ sẽ lập mưu cướp hết, từ khách quay lại làm chủ. Như thế là tiếc một hai mảnh đất mà đem cả nước trao cho họ. Nếu biết rõ, họ đã đến là không đi, họ ỷ thế vào những nước khác, thì đánh với họ tức là mất cái lớn không đáng mất mà còn tỏ ra mất đó là vì bất lực, không hợp tình, không kêu nài gì được; chỉ bằng hòa mà chịu mất cái nhỏ không thể không mất mà còn tỏ ra mình ngoại giao biết điều và là việc hợp tình hợp lý có hơn không? Nếu bảo quân ta mạnh, lúa gạo ta nhiều, chưa chi đã vội hòa sợ thiên hạ cười chê chẳng? Nói như thế tức là không nhận nhục việc nhỏ để hỏng việc lớn vậy<sup>8</sup>. Không thấy một

---

<sup>8</sup> Ở đây bản NAM PHONG có một đoạn như sau:

nước Trung Hoa to lớn là thế mà còn phải cắt đất cầu hòa. Lại nữa, như Thái vương bỏ đất Mân<sup>9</sup>, Câu Tiễn thờ vua Ngô, việc hòa thân của Hán<sup>10</sup>, việc cống nạp của Tống<sup>11</sup>, tất cả đều lấy việc không đánh là hơn,

---

“Tôi trước đây ở Đại Thanh thấy nước Pháp ký hòa ước với Đại Thanh chỉ có 5 cửa biển mà thôi. Sau sự biến ở Quảng Đông, Pháp bèn cùng Anh chiếm Quảng Châu. Đại Thanh lại phải cho Pháp được tự ý từ Kinh Châu, Hán Khẩu xuống cửa sông Dương Tử chọn lấy một nơi tốt nhất. Đến năm Hàm Phong thứ 2, Tăng Vương hủy bỏ hòa ước và gây sự, Pháp liền bỏ Đà Nẵng hợp cùng với Anh đánh Thiên Tân, Tăng Vương thua chạy lên phía Bắc. Pháp tiến lên Thông Châu đánh thẳng vào Hậu Uyển. Hàm Phong chạy sang Nhiệt Hà sai Cung Thân Vương giảng hòa, chịu bồi thường 800 vạn lạng bạc, lại phải nhượng thêm Thiên Tân, cửa sông Đại Cô và Lai Châu thuộc tỉnh Sơn Đông, Quỳnh Châu, Đài Loan thuộc tỉnh Quảng Đông. Chuyện Trung Quốc thật đúng như câu nói: “Giống lừa không chở nặng không chịu đi” thật là thất sách”.

9 Mân: Tên cũ của một nước ở Trung Quốc, địa vực hoạt động đầu tiên của thời Chu nay là giáp tỉnh Thiểm Tây.

10 Hán hòa thân với Hung nô.

11 Nạp tiền và hàng hóa cho nước Liêu và nước Kim.

mà còn trọng sinh mệnh nữa. Luận việc này có ai cho là thất sách đâu?

Hoặc giả có người nói đất đai tổ tiên để lại không được đưa gang tấc nào cho kẻ khác. Như vậy là quá câu chấp mà để hỏng việc nước. Sao không xem xưa nay có ai là chủ giang sơn mãi đâu. Nhà Tấn bị Hồ<sup>12</sup> gây loạn, Tống mất vào tay Nguyên, Minh mất vào tay Thanh, họ này thay thế họ kia chẳng phải do số trời sắp đặt đó sao? (... ) Từ xưa, các bậc đế vương, mỗi khi thay họ đổi ngôi thì con cháu không có đất cắm dùi, đều do tiếc cái ít để mất cái nhiều.

Hơn nữa, thiên hạ là của chung của thiên hạ, các bậc đế vương dĩ nhiên không thể đem thiên hạ mà

---

<sup>12</sup> Loạn Ngũ Hồ.

cho ai, chỉ có điều là biết không thể cho được rồi sau mới có thể cho được. Nếu không tùy thời liệu định, cho để mà giữ, chẳng may thế sự chuyển dần thì rõ ràng là phải đưa hết tất cả cho người ta. Thế nên, Câu Tiễn chịu nhẫn nhục để được còn nước Việt, vua Văn Hoàng mượn binh để lập cơ nghiệp, đều là muốn bảo toàn thiên hạ cả. Xưa nay, chưa có ai không ỷ nhẫn việc nhỏ mà làm nên việc lớn bao giờ.

Theo cách ngày nay thì nên để quân lính nghỉ ngơi, rồi làm theo chức Hán Cao Tổ cắt Quang Trung cho Hạng Võ ngày xưa để họ giữ bờ cõi cho mình, như có hổ báo trong rừng thì chồn cáo không dám bén mảng tới. Thế nhượng một tấc đất

mà nhân dân lợi vô cùng. Như thế chẳng phải là làm việc chung cho thiên hạ đó sao? Người xưa cũng làm như thế thôi, không thể bỏ cách đó mà theo mưu khác được. Thế là xoay chuyển một cái mà kẻ sống người chết đều chịu ơn, thật là sáng rõ, rõ như ánh lửa rọi chẳng còn hình tích gì đáng nghi nữa cả. Dân đã yên sau sẽ khiến kẻ hiền tài vượt biển, sang các nước lớn học cách đánh trận giữ thành, học tập trí xảo của thiên hạ, giao thiệp với họ lâu dài, mới biết lường sức đo tài, biết hết tình trạng của họ. Học cho tinh vi mới sinh kỹ xảo, rất mực kỹ xảo mới mạnh, bấy giờ sẽ dưỡng uy sức nhuệ, đợi thời hành động, mất ở phía Đông thì lấy lại ở phía Tây, cũng chưa muộn gì<sup>13</sup>.

<sup>13</sup> Ở đây bản NAM PHONG có một đoạn như sau:

Vả lại, những điều mà nước Pháp xin, chẳng qua là để mở bến tàu; lập phố xá, thông cửa bể để buôn bán, lập nhà thờ để giảng đạo mà thôi. Lẽ thường những nơi có buôn bán, thế tất không thể mở thương trường, lập cơ xưởng. Như người Trung Hoa ở nước ta cũng vậy. Lấy có đổi không, khiến Nam Bắc hòa hợp, của cải hàng hóa lưu thông, tiêu dùng tiện lợi, cuộc sống

“Việc ấy hiện có căn cứ sự thật. Tôi đã xét qua nhân tài các nước phương Đông thấy ít nước nào hơn nước mình. Người Pháp cũng phục người Nam có nhiều trí xảo. Tôi đã từng ở các nước xa về phía Tây nghe họ đều nói các môn Thiên văn, Địa lý, Cách vật, trí xảo, hỏa xa, hỏa thuyền, đồng hồ... người Nam học rất thông minh linh lợi. Nhưng cái bệnh của người mình là câu nệ thủ cựu, chuộng văn chương, không ra khỏi nước nên thấy, nghe chưa rộng, khiến họ chê cười. Nếu các danh nho cao sĩ của ta được qua lại giao thiệp với các nước thì không đầy 10 năm sẽ như Đỗ Mục nói: Giang Đông còn lắm người tài giỏi, Cuốn đất tràn về lại có phen!”

đầy đủ đều nhờ ở đó cả. Xưa nay chưa có ai buôn bán mà âm mưu chiếm nước người ta bao giờ. Còn như giáo sĩ thì họ chỉ lấy việc mở rộng đạo giáo chống lại gian tà, làm trách nhiệm, chẳng liên quan gì đến những việc tranh thành tranh đất cả. Sở dĩ họ xin bỏ việc cấm đạo chẳng qua là để cho sự truyền đạo được dễ dàng mà thôi. Nếu nói họ có âm mưu gì khác thì Đức Thế Tổ Cao hoàng đế<sup>14</sup> đã ở với giáo sĩ lâu ngày tưởng cũng đã biết ít nhiều hành động của họ. Nếu quả như người ta nói, tại sao không đề phòng ngăn cấm trước để chi đến nay mới cấm, khiến người Pháp mượn cớ trách ta? Nếu nói họ dụ dỗ giáo dân trước rồi mới gây hấn với ta, thì sao họ không

---

<sup>14</sup> Vua Gia Long.

thừa cơ khi ta mới bắt đầu dựng cơ nghiệp mà đem quân cả nước đánh lấy cả Nam Bắc phải đợi đến hàng chục năm dài về sau mới tính mưu? Phải chăng vì họ chưa được thông thương cho nên chưa lập mưu lấy nước ta, thế thì ngày nay họ đã thông thương được với nước ta đâu mà có thể thắng được ta? Nếu họ quyết ý chiến thắng thì dễ như lấy vật trong túi đời nào lại chịu giảng hòa với ta. Những việc đó đã quá rõ, không đợi phải nói mới biết được. Còn ta nếu không chịu hòa, thì họ xưa nay vốn hiếu thắng, đời nào lại chịu thôi. Cho nên tôi nói hòa với họ là tiện lợi, là một việc rất tốt phù hợp với lẽ trời đất. Trời đất hòa mới có mưa móc tưới nhuần. Bốn mùa hòa vạn vật mới sinh nở. Hai nước hòa bờ cõi

mới an ninh. Triều đình hòa trăm việc mới chỉnh đốn. Xưa nay chưa có khi nào bất hòa mà làm xong việc được.

Vậy kính xin đại nhân tâu lại đầy đủ<sup>15</sup>. Cho họ một miếng đất thì chẳng những các sĩ phu trong thiên hạ muốn làm quan ở Triều đình mình, người buôn trong thiên hạ đua nhau đến buôn bán trong nước mình, mà nước nhà sẽ được vững như bàn thạch, là dân sẽ tránh được khổ lắm than, để giữ vững cơ nghiệp.

Tôi ở nước ngoài đã lâu biết rõ sức của họ, tình tường tình hình của họ. Xưa Hàn Dũ có nói: “Biết

<sup>15</sup> NAM PHONG nói: Xin chấp nhận cho ý kiến của thần. (Chuẩn thần sở kiến).

mà không nói là bất nhân; nói mà không nói hết là bất nghĩa”. Vì vậy, tôi tuy thân giang hồ mà lòng vẫn ở nơi đế khuyết. Thật không nở lòng thấy đất nước bị chia cắt, trăm họ bị lìa tan, cho nên không nghĩ mình ở địa vị thấp hèn, dám cả gan nói ra. Nếu như lời tôi nói là gian trá, hoặc có ai xui khiến tôi nói thì tôi xin nạp mình trước cửa đế đô, để làm chứng sau này<sup>16</sup>.

Tôi xin gửi kèm theo đây một bản đồ để chú giải rõ những điều nói trên đây.

Kính xin soi xét.

Sau này nếu được yên, tôi xin đích thân đến để trình bày rõ nỗi lòng riêng bấy lâu ấp ủ của tôi.

---

16 Bản NAM PHONG chấm dứt ở đây.

Nay bái bầm

Ngày tháng năm Tự Đức 16

Nguyễn Trường Tộ ký

## DI THẢO SỐ 2

### Bản về tự do tôn giáo<sup>17</sup>

17 Nguyên văn chữ Hán: Hv 189/1 tờ 45-53; Hv 634/1 tờ 109-111; Hv 135 tờ 105-117; NAM PHONG số 118 trang 65-70. Nội dung của cả 4 bản đều gần hoàn toàn giống nhau, chỉ trừ một vài chỗ do chép sai, chép sót. Bản Hv 189/1 có tiêu đề, có ngày tháng (11-2 năm Tự Đức 16) có thể là bản thảo ban đầu, được lưu giữ trong gia đình Nguyễn Trường Tộ. Các bản Hv 634/1, Hv 135 và NAM PHONG số 118 có thể được sao chép từ một bản chính thức gởi kèm theo bài Trần tình, vì thế mà không có tiêu đề, không có ngày tháng năm. Từ Ngọc Nguyễn Lân, sđd tr. 123, có trích một đoạn của bài này, nhưng không nói xuất xứ, cũng không nói ngày tháng. NAM PHONG số 117, ở cuối bài có ghi 23 tháng 7 năm Tự Đức 19, nhưng

(Giáo môn luận)

(Ngày 11 tháng 2 năm Tự Đức  
16 tức 29 tháng 3 năm 1863)

Trộm nghĩ rằng cái đức lớn của trời đất là sự sống. Sống là gì? Là làm cho muôn vật đều được bảo toàn thiên tính của nó. Vì vậy mà trên trời có sao sáng mây đẹp thì cũng có gió lớn mưa to; dưới đất có lúa tươi thóc tốt thì cũng có cỏ xấu sâu độc. Tuy tốt xấu khác nhau nhưng đều được sinh nở không cái nào bị hại. Như vậy mới sáng tỏ cái đại toàn của trời đất. Chứ cái gì đẹp thì tô bồi, cái gì xấu thì dẹp bỏ, cái gì hay thì che chở, cái gì dở thì

---

chắc là chép lầm, bởi vì vào thời điểm này, vua Tự Đức đã có dụ tha đạo, người công giáo có gặp khó khăn phải chăng là do địa phương.

hủy hoại thì không làm sao thấy được cái vĩ đại, cái kỳ diệu của tạo vật. Vì sao lại nói như vậy? Bởi vì nếu trên đời này có ngọt mà không có đắng, người ta sẽ không biết vị ngọt là đáng yêu; có ấm mà không có lạnh, người ta sẽ không biết được cái thích thú của sự ấm áp; có trắng mà không có đen, trắng không thể tự một mình phô bày cái đẹp được; có hoa mà không có gai, hoa cũng không thể một mình tốt tươi được. Cho nên trời đất không vì tốt xấu mà phân biệt mưa sương, không vì văn minh dã man mà phân biệt sự che chở. Muôn vật sống chung đụng với nhau nhưng mỗi vật đều thuận theo tính của nó, hợp với cái dụng của nó, theo đường hướng của nó, đều tự thích nghi, thành hoại thông với nhau,

tán mạn đặc thù đều qui về một mối, không bỏ một vật nào cũng không riêng tác thành cho một vật nào cả. Sở dĩ trời đất vĩ đại là vì thế. Tại sao riêng loài người lại không như thế?

Vua đối với dân, xem bề ngoài tuy có tôn ty khác nhau, nhưng bề trong cũng cùng một lẽ sinh thành của tạo vật mà thôi. Tạo vật đối với muôn loài, các việc ăn nghỉ ham muốn đều được theo xu hướng của nó, không cưỡng ép phải làm khác đi cái điều nó yêu thích hay hòa đồng với cái điều nó không ưa. Vì vậy cho nên tuy sống chung lộn với nhau mà vẫn thành đại quan của vũ trụ, không có gì khác. Nếu như

muôn loài phản lại cái đức hiếu sinh không chịu theo thiên tính tự nhiên mà đi tàn hại lẫn nhau, lấy lớn ngược đãi nhỏ, họp nhỏ chống lại lớn thì chẳng bao lâu sẽ bị tiêu diệt. Đó chẳng phải là điều tối kỵ của tạo vật hay sao?

Vua đối với dân, là người thay trời mà chấn dặt, theo ý trời mà hành động. Dân sinh ở trên đời, tuy tiếng nói khác nhau, sự yêu chuộng khác nhau, kẻ xứ lạnh người xứ nóng khác nhau, đến hay đi, nghịch hay thuận, miễn sao biết trung hiếu là được cần gì phải câu nệ hình tích bên ngoài mà không xét đến cái gốc ở trong tâm, cưỡng ép phải giống nhau để gây ra rối

loạn? Vì thế các bậc thánh vương sửa đổi luật pháp mà không thay đổi tập tục, sắp đặt việc chính trị mà không thay đổi cái gì vốn đã thích nghi cuộc sống. Tuy chương Vương chế trong KINH LỄ có nói bắt tả đạo, sách LUẬN NGŨ có nói chống dị đoan. Thế mà thiên hạ không biết bao nhiêu người đã bỏ Phật theo Lão, thánh vương cũng không nỗ lực tuyệt. Bởi vì ghét người ta cho lắm chỉ gây thêm mối loạn mà thôi, vả lại thánh vương cũng không dám làm tổn thương đến cái to tát bao dung của trời đất.

Phàm con người sinh ra trong trời đất, trung hiếu vốn là bản tính

chứ không phải cái gì giả tạo từ bên ngoài gán vào. Ví cũng như nước lửa thuận theo thể của nó thì nước chảy vào chỗ trũng, lửa cháy nơi khô. Nếu có cái thể khác làm rối loạn không cho lửa bốc lên, nước chảy xuống, thì đó chỉ là tạm thời mất sự bình thường mà thôi, còn bản tính của nó vẫn không bao giờ mất. Dữ dân<sup>18</sup> cũng là người, ai lại không có lòng trung hiếu? Sở dĩ phải tránh đi xa mà mong nhờ cứu giúp, gọi người khác bằng cha, gọi người khác bằng mẹ là vì thời cùng thế bức, cực chẳng đã phải tạm trốn tránh chứ đâu phải trong lòng muốn như vậy! Không thấy như con đối với cha mẹ đó sao? Hề

---

18 Dữ là cỏ xấu phá hại cây lúa. Thời Công giáo bị ngược đãi, trong khoảng từ Minh Mạng đến gần cuối Tự Đức, người công giáo bị gọi là Dữ dân để phân biệt với lương dân.

bị đòn nhỏ thì chịu, đòn lớn thì bỏ chạy là vì lợi hại thiết thân, không thể không được. Vì vậy sự thuận mệnh cũng có khi không thể làm được.

Xét ra đạo Công giáo<sup>19</sup> vào nước ta từ thời Lê. Trước tiên các giáo sĩ Bồ Đào Nha đến giảng đạo ở tỉnh Hưng Yên, tiếp đến có các giáo sĩ người Pháp, người Y Pha Nho đến, được nhiều người tin theo. Lúc bấy giờ giáo dân và những người trong ba đạo (Phật, Lão, Khổng) tuy tín ngưỡng khác nhau nhưng vẫn ân ái tiếp đón nhau, lễ nghĩa

---

19 Trong nguyên bản bằng Hán văn, Nguyễn Trường Tộ dùng từ “đạo giáo”, nhưng “đạo giáo” đây là tác giả muốn nói “Công giáo”.

đối đãi nhau, năng lui tới với nhau không có gì hiềm nghi, đều là con dân của nước nhà mà thôi. Từ khi ban hành lệnh nghiêm cấm thì mới sinh ra ghen ghét kỳ thị nhau, do ghen ghét kỳ thị nhau mới sinh ra tội lệ. Từ đây giáo dân bị phiền nhiễu đến nỗi phải lưu ly thất sở mà mắc vào vòng hình phạt. Nước vốn trong, có quấy lên mới bị đục, nếu ngừng thì chốc lát sẽ trong trở lại.

Giáo dân cũng là người trong nước, đều là người cả, cũng là dân của trời, sự ăn ở có liên quan nhau, vui buồn liên quan nhau. Lễ nào bên này động mà bên kia lại yên được sao? Một nước ví như

một thân thể. Một chỗ bị đau thì toàn thân cũng không yên. Một cục thịt thừa, một ngón tay đeo thật hết sức vô dụng thế mà cắt bỏ đi thì đau, huống chi là tay chân hữu dụng! Trời đất đối với các hành tinh, một nước đối với dân chúng, sự liên quan lệ thuộc duy trì cũng một lẽ như nhau. Nếu trên trời có một hành tinh bị động, các hành tinh khác cũng nhân đó mà có chút biến đổi, huống chi dân là gốc của một nước, dân bị tao động lẽ nào nước không sinh họa loạn? Không thấy thượng đế là chúa tể cai trị các nước cũng như vua là chúa tể trị vì một nước đó sao? Các nước khác nhau rất xa về ngôn ngữ, phong tục và sự ưa chuộng, nhưng thượng đế cũng lấy một lẽ mà đối chung cả vạn vật khiến tất cả

đều thuận theo trật tự, đều thỏa ý nguyện, không bắt tất cả phải giống hệt nhau. Có thể mới sáng tỏ cái tài năng lớn, cái uy quyền trọng và cái độ lượng rộng rãi. Trong một nước, tuy nhân dân có phân chia nhà cửa khác nhau, nhưng vua cũng chỉ lấy một quyền mà thống trị dân chúng, lấy một trí mà liên kết muôn dân, khiến dân tình đều được yên ổn, hành động tuy khác nhau nhưng đều lương thiện, chí hướng khác nhau nhưng đều đáng quý cả. Như thế thì chẳng những không tổn hại về mặt chính trị mà còn cho thấy cái tài khéo trong việc trị nước nữa.

Phàm có vạn thứ không giống

nhau thì gọi là giàu, không cái gì không chứa đựng được hết gọi là lớn, chồng chất thành đống nhiều lớp mà không chống chọi nhau gọi là khéo, nhiều thế lực khác nhau, nhiều tính tình khác nhau mà hợp được làm một để sử dụng gọi là giỏi. Cho nên tạo vật nặn đúc ra không đồng một hình dạng, một khuôn khổ, một ngôi vị, một xứ sở mà sinh ra vô số hình thái khác nhau, phương hướng khác nhau để nhiếp trị. Thế mới thấy được cái giàu lớn khéo giỏi của tạo vật. Sở dĩ thượng đế chế trị đại địa cũng như con người ta lập các tôn giáo riêng, không bắt ép cái này phải nhập vào cái kia là vì có thâm ý trong đó.

Vua đảm đang công việc giúp thượng đế không phải là vua có thể biệt lập một trời đất mà một mình cầm quyền được, chẳng qua chỉ là nhân các dân vật đã được thượng đế tạo thành an bài đó mà thương yêu làm cho an ổn, để thông suốt cái chí của thiên hạ, để soi thấu cái tình của muôn vật mà thôi. Như thế sao lại muốn chấn hưng hay tiêu diệt được để trái lại trời hay sao?

Từ xưa đến nay trên mặt đất lớn lao này có nhiều đạo khác nhau đã được thành lập ở nhiều nơi. Đạo Công giáo khởi từ Tiểu Tây, Hồi giáo khởi từ Thiên Phương (Ả Rập), Phật giáo khởi từ Thiên Trúc (Ấn Độ), Tây Tạng có Lạt Ma tọa sàng, Trung Quốc có Nho, Mặc,

Trang, Lão. Phàm nơi nào có dấu chân người đặt đến thì các tôn giáo cũng theo người mà truyền vào. Hễ nước nào có thanh danh văn vật, xứ nào có giao thông trù mật thì người theo đạo đông đúc. Nước càng thịnh vượng thì tôn giáo càng nhiều. Nước dã man thì tôn giáo ít. Lấy tôn giáo nhiều hay ít mà xem nước ấy có hưng thịnh hay không thì thấy tôn giáo nhiều, nước càng hưng thịnh.

Tuy vua các nước tùy theo mỗi đời có sự ưa thích khác nhau, nhưng đầu tiên đạo giáo do một người truyền bá ra, kế tiếp theo có hàng nghìn vạn ức người phụ họa theo, và cũng có vạn ức người

bài bác lại. Nhưng chưa từng thấy đạo nào vì được phụ họa mà chấn hưng được hết cả, hay bị bài bác mà bị tiêu diệt hết cả. Ngoài ra còn có các ngoại đạo ở các nước nhỏ, và các xứ ven biên không kể hết được, nhưng cũng chưa nghe nước nào vì đạo giáo nhiều mà phải mất nước. Quay ngược về xưa mà xem thì giặc Khăn Vàng (Hoàng Cân) vốn vì theo Lão Tử, loạn Hồ vốn bởi theo Mâu Ni. Ngoài ra như Hoàng giáo, Bạch giáo và các đồ đảng Đại Thành, Từ Đoàn tụ tập quần chúng xướng loạn, mà cũng chưa từng nghe các triều đại ấy dùng hình pháp nghiêm khắc để tiêu diệt các tôn giáo ấy. Thực ra những tệ hại đó là do người làm ra mà thôi. Lý thuyết và lễ văn của các tôn giáo tuy có khác nhau, nhưng đem hết

sách của các tôn giáo mà xem thì không tôn giáo nào không lấy trung hiếu làm gốc. Nếu không như thế thì người có lương tâm ai chịu tin theo.

Xưa nay, những loạn thần tặc tử ai là người không đọc sách, ai là người không phục lời của Khổng Mạnh. Cớ sao lại trộm lấy cái trí năng của thánh hiền mà làm thân đạo tặc? Như thế là lỗi tại ai? Tại người hay tại tôn giáo? Nếu cứ ai đồng với mình thì dù tệ cũng bỏ qua, còn ai khác với mình thì chỉ trích khắt khe mà đổ cho giáo pháp ấy không tốt, thứ hỏi công lý ở đâu?

Từ xưa đạo Công giáo đã phát hưng ở miền Tây phương Đông, miền Nam phương Bắc, miền Đông phương Tây, nhất thống toàn thịnh như Đại Tần (tức La Mã), tung hoành cát cứ như nước Mông Cổ và những nước rộng đến 5, 6 nghìn dặm la liệt như sao trên trời, bày bố khắp như quân cờ, vua tướng ở các nước ấy quyền quý, thông minh, hùng hổ đều nổi dậy mưu hại giáo đồ. Hơn 300 năm nay, số giáo dân bị giết hại, thống kê số người có tên họ bị chôn ở nhà đá có đến trên mười triệu người; còn những người vô danh khác bị vùi lấp như kiểu giáo dân ở Biên Hòa (của ta) thời không kể xiết. Lúc bấy giờ như ở hai nước Pháp, Y Pha Nho, số giáo dân bị độc hại cũng hằng hà sa số. Nhưng giết một người

thì có nghìn người theo, giết mười người thì có vạn người theo thêm. Vua tướng các nước đã không tiêu diệt nổi đạo, mà trái lại được đạo cảm hóa. Vì sao vậy? Vì phạm vật gì có sức lớn mà lại có gốc nguồn thì càng bị quấy rối di động càng xuất hiện mãi mãi không cùng. Như nước và lửa, có ai có thể múc hết nước, dập tắt hết lửa?

Đạo Công giáo đã thịnh hành từ Đại Tây, Tiểu Tây rồi dần dần chuyển qua Đông Nam. Và đã 300 năm nay cũng bị các nước ở đây ngăn trở sát hại như ở phương Tây trước kia. Thế mà người theo đạo ngày càng đông. Theo thống kê ở Trung Quốc thời Minh đạo đã có hơn 60 vạn. Còn như người nước ta, Nhật Bản, Cao Ly, Miến Điện,

Thiên Trúc, Ba Tư, Tây Tạng, Hung Nô, Lữ Tống và các đảo ở ngoài bể thì không kể trong số này. Càng cấm mà người theo càng đông là vì sao vậy? Vì rằng tạo vật quý trọng sự sống vô cùng, thường hay phù trợ những người bị mưu hại. Nếu không phù trợ mà còn giúp kẻ có thể lực được thỏa lòng sát nhân thì thiên hạ sẽ bị kẻ lớn mạnh nuốt hết, mà kẻ nhỏ bé sẽ không còn nòi giống nữa. Huống chi các vua thường nghiêm cấm đạo mà người truyền đạo thì vẫn tiếp nối nhau đời này sang đời khác không thôi. Tuy hoặc có lúc hơi bị áp chế nên tạm ngừng, nhưng lúc ấy, chính là lúc củng cố vun bồi để sẽ phát sinh thêm nữa. Ví như suối ở trên núi, nguồn suối càng sâu càng dài, thì nước tuôn ra càng xa càng mạnh.

Như thế là những cái gì mà trời dung thì người không thể tiêu diệt hết. Nếu như quả là trời dung mà người diệt thì lẽ nào tạo vật không có quyền lực để xử việc đó?

Giáo dân cũng do tạo vật sinh dưỡng và đạo giáo cũng do tạo vật bảo dưỡng, huống chi giáo dân cũng là một thành phần của nhân dân trong nước? Trong số đó nếu có kẻ bội nghịch chẳng qua cũng chỉ một phần nghìn phần trăm mà thôi, tại sao không minh xét mà cứ đổ riết cho tất cả là nghịch? Do đó mới coi những người theo đạo vô luận lớn bé trẻ già, trung nịnh trí ngu đều đáng xua đuổi sát hại như chim non chuột thối. Nếu làm như thế mà hợp với lòng của tạo vật, thì tạo vật vốn là bậc cha mẹ của

muôn loài sao không sớm tiêu diệt đạo ấy đi còn để truyền lan làm gì cho khắp thế giới phải sa hầm mắc bẫy? Chắc chắn không phải như vậy...

Nói tóm lại, bất kỳ trong đạo giáo nào, hễ ai phản nghịch loạn thường đều là người đắc tội trong tôn giáo, cứ áp dụng hình pháp không tha để cho đạo giáo được trong sạch. Còn ai yên phận tuân theo pháp luật thì để cho họ tự nhiên có hại gì đâu? Đồng hành mà không nghịch nhau là được, cần gì bắt phải nhất tề những cái mà tạo vật không thể nhất tề, cũng không cần thiết phải nhất tề, để làm tổn thương hòa khí? Kính mong đại nhân ra sức hồi thiên<sup>20</sup> đem lòng

20 Hồi thiên: Làm cho vua hồi tâm nghĩ lại. Tích Trương Huyền khuyên can Đường Thái Tôn bỏ việc

hiếu sinh bắc cầu cho kiến qua<sup>21</sup> để được cùng với trời đất góp phần ích dụng. Nói một tiếng khiến giáo dân được mang ơn một phần. Đó cũng là hợp với câu “đại đức viết sinh”<sup>22</sup> vậy. Xin dâng lời thô ngu, kính mong cao minh lượng xét.

Nguyễn Trường Tộ ký.

---

tu bổ cung Lạc Dương. Người ta gọi Trương Huyền có sức hồi thiên. Đây có ý nói khuyên vua bỏ việc cấm đạo.

21 Bắc cầu cho kiến qua (biên kiều độ nghị) do tích Vương Tăng đời Tống bên Trung Quốc là một người đã từng đậu trạng nguyên làm Tế Tướng. Thuở nhỏ có hôm nhân đi qua một chỗ có nhiều tổ kiến bị nước ngập, ông bèn lấy cành tre bắt ngang làm cầu cho kiến bò qua khỏi chỗ nước chảy, khỏi bị ngập chết trôi. Tác giả dẫn tích này cốt nói trẻ nhỏ mà có lòng nhân đức biết quý trọng sự sống. Vì vậy mà về sau trở thành một vị danh thần. Ý nói cứu được nhiều sinh linh.

22 Câu “Thiên địa chi đại đức viết sinh” nghĩa là đức lớn của trời đất là sự sống.

## DI THẢO SỐ 3

### Bài trần tình

[Nguyên văn chữ Hán:

Hv 189/1 tờ 53-64

Hv 135 tờ 129-145

Hv 634/1 tờ 85-103

N.P số 117 trang 54-59.

Bản Hv 189/1, so với ba bản sau, có nhiều câu, nhiều chữ chỉnh hơn. Đây có lẽ là bản mà Nguyễn Trường Tộ, khi sao chép lại để gởi cho một vị đại

thần nào đó, có chấp bút thêm; ở đầu bài ghi: Tự Đức năm 17, trong lúc thực sự bài Trần Tình này, theo như ba bản kia và các tác giả khác như ông Nguyễn Lân và ông Đào Duy Anh nói: 26 tháng 3 năm Tự Đức 16.

Bản chính thức gửi cho Trần Tiến Thành được lưu giữ tại thư viện Bảo Đại; trước năm 1945 các ông Trần Mạnh Đán, Đào Đăng Vỹ, Nguyễn Lân đều đã tham khảo. Điều đáng chú ý là ông Nguyễn Lân, trong sách đã dẫn ở trang 57 có trích một đoạn nằm trong số khoảng 428 chữ mà ba bản văn Hv 135, Hv 634/1 và N.P không có. Đoạn này liên quan đến thái độ lật lọng của Pháp có thể do N.P tự ý đục bỏ. Các bản văn Hv 135 và Hv 634/1 có lẽ đã được sao chép từ một bản gốc giống như bản được sao chép cho N.P. Còn bản chính thức lưu giữ lại Thư viện Bảo Đại cũng như bản Hv 189/1 lưu giữ trong gia đình Nguyễn Trường Tộ thì có đủ.

Về đầu đề thì Hv 135 và N. P nói: Trần tình khải; Hv 634/1 Trần tình - Riêng Hv 189/1 thì không có đầu đề, nhưng có mào đầu: “Ti Nguyễn Trường Tộ trần tình khấu bảm: Tôi Nguyễn Trường Tộ cúi đầu bày tỏ nỗi lòng”.]

(Ngày 26 tháng 3 năm Tự Đức 16, tức 13 tháng 5 năm 1863)

Tôi thuở bé không được dạy

bảo, lớn lên lưu lạc nhiều nơi, nhưng những hoài bão và việc làm của tôi có chỗ khác hơn người.

Từ bé tôi đã thận trọng trong việc giao du, thích yên tĩnh, đối với tất cả những sự cầu danh, lẩn lút, giành công, tham lợi tôi đều coi như mây bay nước chảy. Và lại, tôi không ham thích kinh doanh, không thích chuyện vợ con, đoạn tuyệt với hai cạm bẫy tài sắc. Người ta ở đời sở dĩ không được thanh thản tự do mà phải chìm đắm trong lưới trần tục, lạc theo phường phản nghịch, đều do hai cạm bẫy này mà ra cả. Tôi thoát khỏi vòng đó, cho nên việc làm của tôi có khác người, như những điều sau đây là những bằng chứng xác thực. Đây là điều khác thứ nhất.

Đến lúc lớn lên tôi chu du các nước, những điều mắt thấy tai nghe góp lại thành một sự ích dụng lớn. Về việc học, không môn nào tôi không để ý tới: cái cao của thiên văn, cái sâu của địa lý, cái phiền toái của nhân sự, cho đến luật lịch, binh quyền, tạp giáo, dị nghệ, các môn cách trí, thuật số, không môn nào tôi không khảo cứu, nhất là để ý nghiên cứu về sự thế dọc ngang, tan hợp trong thiên hạ. Thường những người học được như vậy hay dùng đó làm phương tiện để cầu vinh, để tiến thân, còn tôi thì dùng để đền đáp lại cái mà trời đã cho tôi học được, chứ không mong kiếm chác một đồng tiền nào. Đây là điều khác thứ hai.

Đến lúc đạo sắp bị diệt, tôi qua sông vượt biển để giữ lấy cái chân lý. Tuy nhiên đến các nước ngoài, trước mặt những người quyền quý lời nói việc làm của tôi đều giữ thể diện cho nước mình. Nếu ai làm nhục đến các bậc công khanh nước ta, tôi đều biện bác ngay không chút sợ sệt. Như người khác ở địa vị tôi lúc ấy, tất hạ mình tôn xưng người, cúi đầu luôn lụy để được yên thân. Còn tôi thì tôi biện bác ngang nhiên, tỏ rõ tài năng của mình, tán dương rất mực những điều sở trường của nước mình và che đậy những điều sở đoản. Tôi không có chức phận của người sứ giả ngoài bốn phương, mà làm được như thế. Đây là điều khác thứ ba.

Kịp đến lúc người Pháp gây hấn với ta, tôi đã cực lực chối từ lời mời của họ. Nhưng sau nghĩ rằng tình thế nước ta hiện nay tạm hòa là thượng sách. Vì chưa đủ sức chống chọi được với họ, cho nên, phải uốn nắn mà theo họ. Như thế may ra góp được một phần nhỏ đối với việc bàn hòa. Nỗi khổ tâm của tôi phải uyển chuyển để được chu toàn thật không bút mực nào tả được. Nhưng ở lâu với nước Tề đâu phải là chí nguyện<sup>23</sup>. Tôi đã dự định trong lòng từ lâu, nếu như việc đó được thành công thì tôi lại bay bổng cao xa ngao du khắp bốn bể. Như trước kia tôi có đưa cho người bạn Trung Quốc câu

---

23 Nguyên văn: Cứu Tề phi chí: trích lời của Mạnh Tử, có ý nói: ở lâu với nước Tề không phải là bản chí của Mạnh Tử, và ở lâu với nước Pháp không phải là bản chí của tác giả.

thơ rằng: “Thành công tôi sẽ ngao du” (Công thành ngã diệc tầm hân mạn). Đây là nguyện vọng của cả đời tôi. Như thế thì tuy sống cảnh giang hồ mà lòng vẫn lo tưởng đến nơi lăng miếu Triều đình. Đây là điều khác thứ tư.

Sau đó rồi đại đồn<sup>24</sup> thất thủ, người Pháp giao cho tôi giữ việc giấy tờ. Tôi thật như mũi tên nằm trên lòng cung. Thế nhưng lời lẽ trong các giấy tờ, một bên tôi gọi là “quan binh”, một bên tôi gọi là “triều binh”. Để có những lời thô bỉ nhục mạ, tôi đều sửa lại cho được trang nhã nghiêm chỉnh, không khi nào dựa thế mà quên đại nghĩa.

---

<sup>24</sup> Tức là đồn Kỳ Hòa bị tràn ngập ngày 23-24 tháng 2-1861.

Người xưa ở trong hàng trận mà không thất lễ vua tôi. Chỉ chừng đó cũng đã được bề trên yêu quý. Còn tôi đang ở trong lòng địch, không quyền không thế, chúng tác uy tác phúc trên đầu mà giữ được lễ nghĩa như thế lễ nào lại không hơn những người xưa đó hay sao? Hơn nữa tôi còn làm trung gian điều hòa hai bên, để giảm bớt sự hà khắc gay gắt của kẻ địch, để cứu giúp nhân dân khỏi vòng nước lửa. Đối với những người chịu sự giúp đỡ kín đáo đó, tôi cũng không lấy đó làm điều ƠN ĐỨC. Mỗi khi thấy các quan của Triều đình bị nhục, tôi coi họ như cha mẹ mình mà âm thầm tỏ lòng cung kính, an ủi, tìm cách sắp xếp cách cư xử, để tránh sự ngược đãi của kẻ địch. Nhưng tôi cũng phải khéo léo không để

lộ dấu tích, sợ kẻ địch sinh nghi. Việc này xin hỏi quan lãnh binh thì biết rõ. Nếu như người khác ở địa vị ấy sẽ hoạnh hộc cầu lập công, thêm dầu thêm lửa, xui địch giết hại, để thỏa mãn thù hằn. Còn tôi, tôi vẫn nghĩ tới luân thường đạo lý, không dám ôm lòng phần nộ, để tổn thương danh phận. Đây là điều khác thứ năm.

Sau đó khâm sai Nguyễn đại nhân<sup>25</sup> đến bàn việc hòa hiếu. Tôi vui sướng không biết bao nhiêu mà kể. Thường khi gặp phái viên ở trên tàu, tôi giả vờ chỉ trời chỉ đất như nói những chuyện không đâu, mà thực ra ở trong có vô số những

---

<sup>25</sup> Tức Nguyễn Bá Nghi được phái đến thương thuyết với Charner tháng 3 và 4-1861.

mật thuyết cơ mưu, mong phái viên nghe được mà đem về chuyển đạt. Tức như đảng giặc Quảng Yên lúc ấy tuy chưa phát lộ, mà tôi đã nói rõ với quan Phan<sup>26</sup> để bẩm lên Triều đình biết mà đề phòng trước (Việc ấy là vào khoảng tháng ba năm Tự Đức 14). Đến lúc bọn giặc đó nổi lên, tôi lại hết sức nói với mọi người rằng: Bọn chúng không làm gì được. Ai mà theo chúng tất sẽ làm quỷ không đầu. Cũng có nhiều người nghe đến thế lực của chúng to lớn đã phụ họa theo, tôi lại cực lực ngăn cản và nói rằng: Nếu trời không có mắt, chúng nó mới hoành hành được. Tôi nói tôi

26 Nguyên văn là “Phan quý viên” tức một viên chức họ Phan, chứ không phải Phan Thanh Giản bởi vì trong đoạn sau khi nói tới Phan Thanh Giản, thì tác giả nói “Phan đại nhân”. Và chẳng Phan Thanh Giản chỉ tới Sài Gòn để ký hòa ước 5-6-1862 (Tự Đức 15). Quan Phan nói ở đây là Phan Văn Khả ở đoạn sau?

sẽ lên về, họp những người oán ghét chúng, chết cũng quyết đánh, thề không chịu làm dân của chúng nó<sup>27</sup>. Những lời nói đó của tôi hiện những tín đồ trong bản đạo

---

27 Đảng giặc “Quảng Yên” mà tác giả nói đến đây là đảng Lê Duy Minh, cũng có nơi gọi là Lê Duy Phụng hay Tạ Văn Phụng, tự xưng là dòng dõi họ Lê đứng lên chống lại nhà Nguyễn. Theo linh mục Le Grand de La Lyraie, thông dịch viên của quân đội Pháp (1858-1873), người có quen biết Lê Duy Minh là thầy giảng của linh mục Castex, thì Lê Duy Minh theo Ba Khuất hoạt động tại vùng Quảng Yên từ năm 1851 nhưng thất bại sang ở với các thừa sai Pháp tại Hồng Kông (đổi tên là Phụng), và năm 1858 theo Le Grand de la Lyraie về Đà Nẵng làm thông dịch cho Pháp, tìm cách làm áp lực để Tướng Pháp đánh thẳng lên Huế, nên bị trả về Hồng Kông, đầu năm 1861, được Charner đem về Sài Gòn để mệnh lệnh lập đồn đảng quấy phá ở Bắc bộ (điều mà Nguyễn Trường Tộ đã phát hiện và phản ánh với “Phan quý viên”) năm 1862 là lúc Lê Duy Phụng được Pháp hỗ trợ mạnh để làm áp lực bắt Triều đình Huế phải ký hòa ước 1862. Lúc này là lúc Nguyễn Trường Tộ trao cho Phan Thanh Giản câu thơ “Giặc ở Quảng Yên như cá ở trong chậu” tức không sống được lâu, sang năm Tự Đức 19 (1866) thì đảng của Lê Duy Phụng bị tiêu diệt hoàn toàn và Lê Duy Phụng bị bắt và xử tử.

và người ngoài ai cũng biết. Ngày trước tôi cũng có đưa cho Phan đại nhân một câu thơ:

*“Quảng Yên cá chậu sống bao  
lâu,*

*Gia Định lừa<sup>28</sup> kêu kể đã cùng”.*

Xin xem câu ấy thì biết ý tôi. Bấy giờ đường vận chuyển lương thực cho quân thứ ở Biên Hòa gặp khó khăn. Có một lần tàu Pháp tuần hành nhật được một bó công văn. Quan Pháp dùng những chữ

---

28 “Lừa kêu”: Trích truyện của Liễu Tông Nguyên, nhà văn thời Đường, có kể là ở đất Kiếm vốn không có lừa, nhưng một người đã đem một con lừa từ nơi khác đến thả trong rừng. Hồ thấy lừa to lớn, thì tưởng là vị thần, nghe lừa hí thì sợ, nhưng rồi dần dần nghe quen, nên lại gần, lừa tức giận tung vó đá hổ. Hồ sấn tới nhảy lên cắn cổ lừa ăn thịt. Do đó câu thơ “Gia Định lừa kêu kể đã cùng” có nghĩa là bọn Pháp ở Gia Định cũng giống như con lừa ở đất Kiếm đã hí lên rồi thì tài năng cũng đã để lộ ra hết rồi, không có gì đáng sợ nữa.

số 1, 2, 3, 4... viết lên trên mỗi trang rồi đưa về tàu giao tôi phiên dịch. Trong đó tôi đã chọn lấy một hai điều không liên quan đến việc quân sự đem dịch ra, số còn lại thì tôi dịch tráo trở lời văn làm cho họ không hiểu được. Trong đó có một khoản nói về kế hoạch bí mật vận chuyển lương thực. Tôi bèn lấy một tờ giấy khác đánh số rồi đem tráo vào đó, bí mật lấy tờ giấy kia giao cho tri phủ Phan Văn Khả mang về.

Lại có một lần nữa, người Pháp bắt được bản ghi tên các nhà bá hộ ở Phước Lộc, Tân Hòa bấy lâu lén lút chở lúa gạo lương thực đến Phước Tuy như Phạm Cự Chung v.v... Tôi cũng đưa thay đổi cất

giấu, nếu không thì mấy người này cũng không có đất mà ăn nấu nữa!

Còn như các hòa ước của hai bên trao đổi hàng chục lần thì trong chữ Pháp có chỗ nào nhục mạ không khiêm tốn, tôi đều bỏ hết không dám viết ra. Còn những công văn có lý thẳng lời hay có ích cho việc nước tôi đều dịch rất rõ ràng đầy đủ. Lúc ấy hòa ước tuy chưa thành nhưng tướng Charner cũng đã dần dần có thái độ hòa dịu, đã chịu bớt cho số bạc bồi thường và giảm số đất phải nhượng. Chẳng may, có một bận tôi có việc phải đi xa, quan Pháp vớ được một đạo công văn giao cho viên giám đốc người Pháp nhờ một người Hoa

phiên dịch, trong có mấy khoản nói về việc treo giải thưởng cho những người chém được quân và quan Pháp. Tướng Pháp thấy thế, liền cho là Triều đình giả hòa. Tôi tuy đã nhiều lần giải thích, nhưng trong giấy lại có ghi ngày tháng làm căn cứ nên không thể làm sao được, trong lòng lấy làm lo ngại. Do đấy tướng Charner chán nản thất vọng thu xếp về nước.

Tôi lại gửi cho Nguyễn đại nhân một bức thư. Khi ấy tôi đã dò biết tướng Bonard sắp sang. Ba tỉnh sắp mất. Phía trong phong bì bức thư đó, tôi lấy bút chì mật viết mấy hàng: “Xin đại nhân phải gấp một người lanh lợi có trí nhớ tốt, đến

chỗ ở của tôi, tôi có vài điều bí mật cần nói để người đó về trình lại, xin điều đình ngay để kịp cứu vãn tình thế”. Ở phía ngoài, mặt sau phong bì tôi có viết mấy chữ “Xin xem bên trong phong bì”. Nếu phong bì ấy còn đến ngày nay, thì hiện dấu chữ của tôi đủ làm bằng chứng. Không biết vì sao không thấy Nguyễn đại nhân phái người đến hỏi. Tôi mong đợi đến mấy ngày. Rồi tướng Charner xuống tàu về nước, để lỡ mất cơ hội ấy. Tôi đành ngậm ngùi than thở mà tự nghĩ rằng: Phải chăng ý Trời khiến thế? Người dẫu có cao mưu tài trí cũng không thể cưỡng được<sup>29</sup>. Đứng trước tình thế khó khăn ấy, nếu quả tôi là kẻ

---

29 Đoạn chữ xiên “Đứng trước tình thế khó khăn... Xin hỏi những người chung quanh sẽ biết tôi nói có đúng không. Vì vậy” không có trong NAM PHONG và Hv 135.

có lòng phản bội Tổ quốc thì sao tôi lại có thể cẩn thận suy nghĩ, bí mật lo liệu được như vậy? Kế đó tướng Bonard sang. Tôi thấy ông ta có những hành động nghịch lại việc bàn hòa. Tình thế đã khó lại khó thêm, tôi mới quyết ý xin thôi không làm việc nữa. Họ không chịu xét<sup>30</sup>. Tôi nhất định từ, không nhận bổng lộc. Ai cũng chê cười tôi là ngu. Mặc dầu họ có sai người đến cố nài ép trao cho tôi, tôi cũng bỏ đi lánh mặt. Thấy lòng tôi quyết định, chí tôi vững chắc họ lại đem quan chức ra dụ tôi. Tôi nói: Nhận quan chức thì được bổng lộc, không nhận thì dù bàn cùng đến phải làm đũa ăn xin cũng thà làm đũa ăn xin chứ không chịu theo mà phụng

30 Đoạn chữ xiên “Tôi nhất định từ... mà phụng sự cho họ” lại có trong Từ Ngọc Nguyễn Lâm sđd trang 27.

sự cho họ. Câu nói này hiện có cổ Hòa<sup>31</sup> và những người lúc bấy giờ cùng nghe. Xem thế thì thấy tôi đã cương trực đến như thế nào. Hơn nữa, mỗi khi nói chuyện với những bậc trí thức, tôi đều nói đến những hành vi và chính sách hà khắc của họ. Tuy nhiên cũng còn giữ lễ của kẻ trượng phu nên chịu dằn nặng lời, và ngay đối với hạng ngu phu nô dịch tôi cũng dùng lời lẽ nhẹ nhàng. Nhưng về sau đến lúc quá quắt không chịu được nữa (ở đây tôi đã dùng rất nhiều lời lẽ để nói), đã ví họ như người đàn bà mới về làm dâu, thói xấu tật hư chưa mạnh nha lộ dạng. Đối với hạng ưa chuộng quyền thế lợi lộc thì tôi bảo như thế là vì “miếng ăn mà không

---

31 Tức linh mục Croc, có tên Việt là cổ Hòa, sau này là Giám mục giáo phận Vinh.

nghĩ gì đến tư cách của mình”. Đối với hạng người cho chúng là lớn mạnh mà sợ thì tôi giận ra mặt vào bảo như thế là “làm tăng trưởng nhuệ khí người ta, mà tự diệt uy phong của mình”. Đối với hạng người cho chúng là giàu có thì tôi mắng nhiếc rằng: “thứ ăn mày đến cửa nhà ai cũng chúc tụng”. Đối với hạng người cho rằng chúng có thể lực vững, có nhiều lợi thế hơn có thể chịu đựng lâu dài thì tôi bảo rằng “chuyện hưng thịnh suy vong là điều vô thường”. Tôi lại đem những lợi hại của phương Tây xa xôi ra so sánh để thấy rằng chúng mạnh chỉ là tạm thời mà dễ yếu, còn ta tuy yếu mà dễ mạnh được lâu dài. Đó là điều tôi thường đem ra tranh luận mãi không thôi. Xin hỏi những người chung quanh sẽ

biết tôi nói có đúng không. Vì vậy, ngày trước tôi có đưa cho Phan đại nhân một câu thơ rằng:

“Khói lửa trời Nam rồi sẽ dứt,  
Phương Tây binh giáp tạm hùng  
thôi”<sup>32</sup>

Tôi nghĩ rằng thời kỳ khôi phục nước nhà đã có xác chứng ở bốn bể, dự tính được ở tương lai. Đi theo con đường nào mới được? Con đường phải theo không thể tìm ở trong nước mà phải tìm ở trong thiên hạ. Như trong tờ bản về việc nên hòa năm xưa<sup>33</sup>, tôi đã

---

32 Nguyên văn hai câu thơ có chữ Ly hỏa và Đoài kim. Ly hỏa: Ly ở phương Nam thuộc hỏa, ám chỉ việc binh đao ở nước ta có ngày sẽ khắc phục được; Đoài kim: Đoài phương Tây thuộc kim, ám chỉ nước Pháp tạm thời xưng hùng.

33 Lời bản về việc nên hòa (Hòa từ) là một bản văn

mật trình với Nguyễn đại nhân rằng: một là mình phải khéo léo ngăn chặn đừng để họ tìm cơ sinh sự làm lan rộng ra; hai là hãy thông thả sắp đặt đợi lúc họ sơ hở; ba là để dân thư thái củng cố sức lực. Như đoạn cuối trong bài có nói: Dân đã yên rồi thì sau sẽ đưa những người tài hiền đi ra bốn bể để học tập các nước lớn những phương pháp tấn công, phòng thủ, phân tán, tập hợp. Ở chung với họ lâu ngày thì mới đo lường các đức tính, các lực lượng mà biết tình trạng của họ. Học được tinh thông rồi mới có kỹ xảo. Kỹ xảo giỏi thì mới mạnh, dưỡng uy sức nhuệ đợi thời mà hành động. Như thế thì tuy

---

của Nguyễn Trường Tộ đã gửi cho Nguyễn Bá Nghi tháng 3-4/1861. Đây có thể là bản “Thiên hạ đại thể nguyên tập” đăng trên NAM PHONG số 100 tháng 11-1925.

mất miền Đông mà lấy được miền Tây<sup>34</sup> cũng chưa lấy gì làm muộn.

Còn như những điều mà Triều đình thâm mưu mật nghị cố nhiên không phải là những điều mà kẻ thảo dã này dám bàn luận ước lượng đến. Nhưng tình thế lớn trong thiên hạ biến đổi vô cùng, thường thường có những cái mà con người không tính trước được. Dù là thánh nhân cũng không thể không học mà hay. Huống chi ta với họ phương Đông và phương Tây, đường đất xa nhau, mắt chưa thấy tai chưa nghe, tình cảm chưa thông hiểu, sự cơ chưa rõ hình. Chưa ra khỏi nhà nửa bước, thì

---

34 Nguyên văn: “Thất chi Đông ngưng, thu chi tang du” câu trong HẬU HÁN THU, Phùng Dị truyện. Ý nói mất miền Đông (mặt trời mọc) mà lấy lại miền Tây (mặt trời lặn).

làm sao biết được họ? Cho nên, Mục công<sup>35</sup> đời Tần tuy có Bách Lý Hề, Thúc Kiến, Mạnh Minh là những người hiền nhưng xảy đến sự thế Tây Nhung cũng phải đợi Dư Do báo tin rồi mới biết. Lẽ nào ở trong triều có ba hiền lương như bọn Lý Hề, Thúc Kiến, Mạnh Minh mà lại không bằng một Dư Do sao? Rõ thực con người dầu là trí tuệ cũng có chỗ không đủ, dù là thông minh cũng có chỗ không biết. Đến như Hán Cao Tổ không phải không thông minh, thế mà việc để tang Nghĩa Đế phải đợi Đồng Công nói rồi mới phát tang. Khổng Tử không phải là không có trí tuệ cao vượt, thế mà bị người dân quê bắt mất ngựa cũng phải đợi người giữ ngựa nói hộ rồi mới được trả lại.

---

<sup>35</sup> Mục Công, vua nước Tần đời Xuân Thu.

Đó là vì việc lớn trong thiên hạ không phải một mình có thể biết hết. Tính tình con người mỗi nơi mỗi khác, nếu không phải cùng nòi giống, không thể hiểu rõ được. Tôi tuy phận thấp hèn nhưng tình thế lớn dọc ngang trong thiên hạ, tình trạng lợi hại của những nước ngoài cũng đều biết sơ qua một vài điều. Từ lâu ôm ấp trong lòng chưa được nói ra! Cho nên trước kia tôi có đưa cho Phan đại nhân một bài thơ rằng:

“Dệt mướn thôn Tây chẳng phải  
nghèo

Khung cửu nhà người sẵn đầy  
theo

Gấm vóc cung Đông như hỏi  
đến

Kim vàng trân trọng nắn đường  
thêu”<sup>36</sup>.

Tôi lại đưa cho Phan đại nhân  
mấy câu:

“Mặt trời cho dầu không soi  
đến

Hương Dương xin vắn nếp hoa  
quỳ”<sup>37</sup>

Xem đây cũng đủ thấy tấm lòng  
nhiệt huyết của tôi.

Trước kia cũng có một lần Hiệp

36 Bài thơ này ngụ ý nói rằng: Cũng như những cô gái đi dệt thuê ở thôn Tây không phải vì nghèo mà vì muốn học nghề để có thể dạy cho đồng hương nếu cần, Nguyễn Trường Tộ đi với Tây cũng không phải vì nghèo mà vì muốn học hỏi để giúp Triều đình nếu Triều đình cần đến.

37 Có ý nói rằng: Tuy Triều đình không dùng, nhưng lòng tác giả vẫn luôn hướng về Triều đình, lo toan đến quốc sự.

lãnh Phạm đại nhân<sup>38</sup> đến chỗ ở của Giám mục Hậu<sup>39</sup> tôi thấy đại nhân có lòng lo cho việc nước bảo vệ công lý, hỏi han ân cần chu đáo. Thấy vậy tôi mừng thầm và xin hẹn với ngài hôm nào cải trang ăn mặc thường đến chỗ tôi ở để tiện việc mật trình. Nhưng lúc bấy giờ vì quan Pháp nghi ngại Phạm đại nhân quá lắm, đề phòng rất kỹ càng. Tôi sợ việc lộ ra sẽ lụy đến đại nhân nên phải có thái độ giấu đầu che đuôi. Rồi không biết Phạm đại nhân nghi ngờ làm sao đã không đến chỗ tôi ở. Tôi thất vọng vô cùng.

Xem mấy việc trên đủ biết

---

38 Tức Phạm Phú Thứ.

39 Tức Giám mục Gauthier, có tên Việt là Hậu.

dụng tâm sâu kín của tôi như thế nào. Nay ở Gia Định, những người ở trong tình cảnh đáng lo sợ, trừ các thuộc quan nhỏ của Triều đình ra, chỉ có mình tôi mà thôi. Vì lúc trước tôi có đi với người Pháp, bắt buộc phải làm cái việc thân ở Hán tâm ở Hàn. Về tình tuy không thẹn, nhưng ai thấu rõ nguồn cơn? Xưa nay những người sa chân lỡ bước lưu lạc tha hương cũng nhiều. Tuy sống ở đất khách nhưng người nào chả có gốc, ai lại vong tình cố quốc được. Về sau cũng có người nhân đây lập công, cũng có người suốt đời sống lưu lạc, nhưng cả hai đều không tránh được công luận để án lại nghìn thu. Tôi mỗi lần đọc thư trả lời của Lý Lăng<sup>40</sup> gửi Tô Vũ

40 Lý Lăng, một viên tướng thời Vũ đế nhà Hán, cầm quân đánh nhau với Hung Nô, nhưng vì thế yếu lại không nhận được viện binh nên buộc phải tạm đầu

không lúc nào không rơi lệ rỏn tóc. Thật là một lần sa chân lỡ bước mà nuốt hận suốt đời. Những lúc gặp phải cảnh trái ngược như thế thật là khó xử trí. Bởi vì trong danh giáo hạng người biết xét rõ nguồn cơn để rộng lượng khoan hồng, biết đặt pháp luật ra ngoài mà xét theo tình để không hà khắc, biết viện những lý lẽ trong pháp luật ra mà bênh vực kẻ cùng đường lỡ bước, chẳng qua chỉ được một hai người. Còn những kẻ chỉ biết nhìn và coi trọng việc trước mắt thì có đến hàng nghìn hàng vạn. Cho nên, hễ hợp nhau thì tuy nói là sơ nhưng lại càng thân, còn việc đã nghịch nhau rồi thì dù nói thật cũng nghi.

Thế thường nhân tình là vậy. Bởi thế những kẻ sĩ khi gặp cảnh trái

hàng. Vũ đế được Tần Lý Lăng dâng hàng đã giết vợ con họ hàng Lý Lăng. Sau Tô Vũ đi sứ sang Hung Nô, Lý Lăng viết thư cho Vũ kể tội giết họ hàng.

ngang, thường thương thân bại

danh liệt, lưu lạc không về, luống đem khí uất ức lâm ly mà vùi chôn nơi cát vàng cỏ úa mà thôi. Đây chính là sự thế của tôi ngày nay. Cảnh ngộ tuy có khác nhưng bản lĩnh của tôi không vì hoàn cảnh mà đổi dời. Nương thân nơi cửa người nhưng thề quyết không bày mưu cho họ. Như năm trước tôi có gởi cho người bạn Trung Quốc một câu thơ rằng:

“Ngụy Tào sống gởi: Từ Nguyên  
Trực

Tần Lã không thờ: Lỗ Trọng  
Liên”<sup>41</sup>.

---

41 Nguyên văn: Ký thân Tào thị, Từ Nguyên Trực  
Bất để Dinh Tần, Lỗ Trọng Liên.

Đời Tam Quốc, Từ Nguyên Trực theo Lưu Bị, bị Tào Tháo bắt mất mẹ, nên phải về theo họ Tào, nhưng nhất định không bày mưu cho họ Tào.

Đời Chiến Quốc, Lỗ Trọng Liên cho nước Tần là man rợ, nên không chịu tôn Tần Thủy Hoàng làm

Cũng có lúc nghĩa khí ở trong lòng vì sự tức giận mà bộc lộ ra. Anh em bạn của tôi cho rằng, đã có cái chí khí như vậy sao không bí mật làm nội ứng? Ý ấy trước kia tri phủ họ Phan cũng đã nói đến. Tôi đã lấy câu hỏi của Dự Nhượng<sup>42</sup> rằng: “Không muốn làm việc dễ mà làm việc khó” để trả lời và xin đợi đến ngày sau sẽ biết. Xem thế đủ thấy thâm ý của tôi là giữ lấy cái chính không dám làm điều sai lầm. Nhưng điều dụng tâm kín đáo khó khăn của tôi bị nhùng nhằng trở ngại, lại càng gay go hơn thế nữa.

---

Hoàng đế. Ông nói: Thà nhảy xuống sông mà chết chứ không chịu làm dân nhà Tần.

42 Dự Nhượng, người nước Tần, thời Chiến Quốc, đồ đệ của Trí Bá, Trí Bá bị Triệu Trọng Tử giết, Dự Nhượng làm đủ cách để cải trang nhằm giết cho được Triệu Trương Tử.

Từ lúc tôi lớn lên, bước chân ra xứ khác, chẳng được Triều đình biết đến, thế mà không sợ phạm tội, quên mình là kẻ hèn mọn dám nói đến việc cao xa, chẳng tránh hiềm nghi dám trình bày lợi hại. Như thế thật là ngạo mạn. Đó là tội thứ nhất.

Ở Triều đình tôi không có địa vị, yến tiệc tôi không dự. Những việc trọng đại tôi không có liên quan gì, thế mà không biết giữ mình sống bấp bênh theo chúng là hơn. Huống chi ở trong vòng của quân địch mà lại ôm chí khác. May ra dẫu thành công cũng không tránh khỏi sự chệch bại. Như trường hợp vợ cũ của Mãi Thần quay đầu trở về xin chịu tội<sup>43</sup>. Cho dù lượng

43 Chu Mãi Thần, đời Hán, nghèo bị vợ bỏ. Sau ông được làm quan, vợ xưa trở lại, ông lấy bát nước đầy

bể bao dung cũng chưa chắc không khỏi có điều lo ngại về sau. Lỡ ra lòng người khó chắc, sa cơ bại lộ thì thân chịu một mình, nào ai biết đến. Thế thì tội gì mà làm như vậy? Đó là tội thứ hai.

Xưa nay những kẻ trung thần nghĩa sĩ, ai chẳng muốn đem tài ra giúp nước. Nhưng một mai việc không thành bị dèm chê thì thân danh bại hoại sự nghiệp tiêu tan. Huống gì tôi ở vào hoàn cảnh khó biện bạch, dễ bị nghi kỵ, mà lại làm việc vượt ngoài phạm vi của mình, không biết giấu tên che dạng để cầu toàn thân lại còn đem thân hèn mọn hiến dâng ý kiến. Một giọt nước bổ ích gì cho núi sông? Sao mà ngu vậy. Đó là tội thứ ba.

---

đổ xuống đất và bảo vợ nếu mức lại đổ đầy được, ông chịu tái hợp.

Vì tôi là kẻ tự biết rõ mình, thấy mình một cách chính xác, bao nhiêu những việc thế tình nham hiểm, hoạn hải ba đào không việc gì không biết, nên mới cam tâm chịu ba tội ấy. Chuốc lấy mỗi lo không phải thuộc phận sự của mình, ôm lấy những việc khó làm, chí đó mới có thể giữ được. Người xưa xét người không xét ở thành bại mà xét ở chỗ có hay không có tấm lòng. Có lòng mà gặp thời đắc dụng là điều may. Có lòng mà gặp phải trắc trở luân lạc, là điều không may. Có lòng mà gặp thời không tốt, đến phải cô quạnh không chốn nương thân lại còn mắc tội, là điều rất không may. Nhưng nếu lấy điều khoan dung nhân hậu mà xét, thì nhìn

vào lầm lỗi của một người có thể biết được lòng nhân hậu của người đó. Huống chi tôi nay như con cá voi ở giữa bể, trong gia đình không hệ lụy vợ con, ngoài xã hội không lo bị kìm chế, thế mà biết nhớ về cố đô, căm giận quân thù. Cho dầu một ngày kia may mà thành sự, tôi vẫn biết khó tránh khỏi lời di nghị mà yên thân được. Hơn nữa tôi cũng biết rõ rằng tội trước khó chuộc và kẻ có tài thì dễ rước lấy tai ương. Tôi vốn là người hiểu sâu đạo giáo. Việc đời được mất vinh nhục tôi đều xem như ngoại vật, chỉ cần bảo toàn lấy cái điều rất quý ở nơi mình là đủ rồi, nhưng thấy người có việc bất bình cũng phải tuốt gươm cứu giúp, mà bản tâm không mong người đó báo ơn. Chỉ khi nào không mong người báo

đáp người ta mới làm được những việc phi thường, khẳng khái. Hơn nữa, tôi còn thấy một cái gì cao thượng hơn sự so đo đền ơn trả nghĩa theo cách thường tình ở đời. Như trước kia tôi đã thiêu hủy cả một tập văn thư có ghi tên Phạm Cự Chung đó là một chứng cứ. Ngoài ra những việc làm như mình oan cứu người, nói những lời lợi cho nước thì không thể kể hết. Tôi vốn không có trách nhiệm về việc công, không mong khen thưởng, không mong báo đáp sau này, mà làm được như thế, không phải là khác hơn người đó sao?

Xưa, Đông Phương Sóc dâng thư tự tiến cử mình, toàn khoe khoang những tài năng bản lĩnh của mình không hề giấu giếm tí

nào. Tôi tuy khôì hài hoạt kê không bằng Phương Sóc nhưng thâm hiểu nhân tình thế thái, biết rõ điều lợi hại, những đạo lý cao xa, những điều bí ẩn tinh vi, so với Phương Sóc còn có phần hơn, cho nên không sợ ghen ghét nghi ngờ cứ nói ra hết thấy, để thấy rằng kẻ sĩ trong thiên hạ không bị ràng buộc thì cách cư xử của họ thường vượt ra ngoài khuôn sáo. Thế thì không nên lấy cái luận đoán thường tình mà câu thúc họ, để rồi khiến cho họ cũng sẽ chết già trên mặt biển, cũng buồn thảm như những người xưa mà thôi.

Cúi xin đại nhân lấy quan niệm cao cả rộng lượng mà vượt ra ngoài những xét đoán hẹp hòi, thương kẻ vong thân bất hạnh này, bỏ

qua những hình tích bề ngoài mà xét thấu tấm lòng thành của tôi. Nếu như đại nhân vui lòng nhận những lời lẽ vụn vặt này, tôi kính xin dâng mấy bài Thiên hạ phân hợp đại thế luận, Tế cấp luận, Giáo môn luận,... để cho ngậm nước nơi vũng chân trâu nhờ sông ngòi có thể chảy thấu ra biển cả. Được thế thì nước đó qua trăm dặm may ra có thể giúp được ít nhiều. Như thế, tôi dầu chết vùi nơi chốn mừng mọi cũng tỏ được tấm lòng không quên nguồn gốc.

Muôn nhờ ơn.

Kính bái.

## DI THẢO SỐ 4

Kế hoạch duy trì hòa ước mới<sup>44</sup>

(Khoảng 11-17 tháng 2 năm Tự Đức 17 tức khoảng 18-24 tháng 3

<sup>44</sup> Nguyên văn chữ Hán: Hv 189/13 tờ 63-71 và Hv 634/3 tờ 34-46.

Hai bản hoàn toàn giống nhau, chỉ khác một vài chỗ sai sót của người chép.

Về niên hiệu thì chỉ có Hv 634/3 ghi “Tự Đức 23 với đầu đề “Điều trần hiện tình” Nhưng qua nội dung, chúng ta có thể đoán chắc rằng bài này được viết gởi Phan Thanh Giản vào khoảng giữa tháng 2 năm Tự Đức 17 tức hạ tuần tháng 3-1864.

Thực vậy, chúng ta biết là Phan Thanh Giản, cùng với hai phó sứ và bồi sứ, Phạm Phú Thứ và Ngụy Khắc Đản, đi sứ ở Pháp về, mang theo một bản dự thảo Hòa ước, thay thế cho Hòa ước 5-6-1862. Theo dự thảo Hòa ước mới: Pháp trả lại cho Việt Nam ba tỉnh phía Đông và chỉ giữ lại một vài địa điểm làm nơi buôn bán. Ngược lại, Triều đình Huế phải trả cho Pháp một khoản tiền bồi thường rất lớn hằng năm. Phái bộ Phan Thanh Giản, phải lưu lại Sài Gòn từ 11 đến 17 tháng 2 năm Tự Đức 17 tức từ 18 đến 24 tháng 3 năm 1864, trong lúc chờ tàu trở về Huế.

năm 1864)

Tôi là Nguyễn Trường Tộ xin kính bẩm,

Sự thể hiện nay rất khó xử, cần phải tìm người giúp, bủa lưới bốn mặt, để họ không được hoành hành, thì bản minh ước<sup>45</sup> mới lâu dài được, phải lấy kinh nghiệm các nước khác đã bị trúng ám kế của họ để làm gương, và bắt chước những mưu mô mà các nước khác đã chế ngự được họ. Hai lối ấy là việc rất gấp cho tình thế hiện nay. Tôi đã trình bày sơ lược với hai vị phó sứ và bồi sứ<sup>46</sup> rằng việc ấy mười phần chắc chắn không nghi ngờ gì nữa.

---

45 Bản minh ước: Tức bản dự thảo Hòa ước mới được thương thuyết tại Paris giữa phái bộ Phan Thanh Giản và Aubaret cuối năm 1863.

46 Phó sứ và bồi sứ: Tức Phạm Phú Thứ và Ngụy Khắc Đản.

Vì họ nghĩ rằng nước ta từ trước chưa bao giờ giao thiệp với nước ngoài, chưa hiểu rõ các mảnh khoe nên họ mới dùng những kế đã thi thố ở các nước khác ra thi thố với ta. Nếu đại nhân<sup>47</sup> đã có mưu kế riêng rồi, thì tôi không dám bàn nữa. Còn nếu muốn mưu tính việc thiên hạ, khiến những bọn ghét nhau tự xâu xé lẫn nhau, để ta được nhân đó mà hưởng lợi, như xưa kia Anh mất Hợp Chúng Quốc là vì có nước Pháp xen vào; Khang Hy được chia bờ cõi với người Nga vì bị Hà Lan dụ dỗ; Nhã Điển khỏi bị thần phục Thổ Nhĩ Kỳ vì có Anh, Pháp giúp đỡ. Các nước Nhật Nhĩ Man<sup>48</sup> khỏi bị thôn tính là nhờ có các nước lớn giữ cho. Lý do vì sao

47 Đại nhân: Tức Phan Thanh Giản, Chánh sứ.

48 Nhật Nhĩ Man: Tức liên minh các nước Đức (Confédération du Rhin).

được như thế, trong tờ trình bày tháng trước tôi đã bẩm qua rồi. Cúi xin đại nhân soi xét tấm lòng thành đem việc chuyển tâu lên. Nếu ngày kia có việc<sup>49</sup>, tôi xin được phụ giúp, tôi cũng có thể trình bày một vài ý kiến để chuộc tội trước.

Hiện nay tôi muốn đi qua kinh đô nước Anh. Nhân nước Anh có mở đại hội cách trí, họ thường sai người đi khắp các nước đến các đầu phố phỏng vấn về tình hình người phương Tây giao tế với các nước khác như thế nào (Việc này có tương quan đến đại thể tung hoành, phân hợp của các nước). Người này đến Gia Định, phỏng vấn người Pháp

<sup>49</sup> Việc: Đây là việc đi giao thiệp, thương thuyết hay đi ra nước ngoài theo như kế hoạch được trình bày trong bài văn này.

gần đây thế nào, Đại Nam thế nào, nhưng người Pháp không chịu nói sự thật. Y nghe tiếng tôi, tự đến hỏi thăm. Thật tình có bụng muốn gặp nhau nên nhân y muốn mời tôi cùng đi, tôi mừng thầm cho đó là cơ hội tốt khiến tôi có thể đến tận nước Anh, như trong tờ mật bẩm ngày trước tôi đã nói lý do cần đi nước ngoài là vì thế.

Vậy cúi xin đại nhân cho tôi mượn bộ ĐẠI VIỆT SỬ KÝ (tại sao lại cần dùng bộ sách ấy, tôi đã nhờ hai vị phó sứ, bồi sứ chuyển trình rồi). Nếu được đại nhân cho mượn, thì xin giao cho người thông ngôn của hỏa thuyền (Ngoài bì nhớ đề: Cổ Hòa<sup>50</sup> ở nhà Phước nhận) cầm

---

50 Cổ Hòa: Tức linh mục Croc, lúc đó làm thông ngôn cho Pháp và linh hướng cho các bà dòng Thánh Phalô (Nhà phước, phúc gia).

về cho tôi. Khi nào xong việc, xin trả lại tử tế. Muôn đội ơn đại nhân.

Nếu có việc gì ở nước ngoài, cần dùng đến tôi, thì xin cho biết gấp, tôi xin đợi ở Gia Định. Không thì tôi xin đi trước. Hoặc đi hoặc ở lại, xin theo ý định của đại nhân.

Tháng trước, tôi đã bẩm lên quan Thượng thư bộ Binh biết rằng: Họ muốn làm kế bưng tai ăn trộm chuông, cho nên gấp rút phái thuyền đến Kinh xin hoàn thành công việc<sup>51</sup>. Đây là mưu kế độc ác. Có hai lẽ (Hai lẽ ấy tôi đã bẩm rõ

---

51 Xin hoàn thành công việc: (Cầu thành giả) Tức việc phái bộ Bonard đến Huế tháng 4-1863 để làm lễ trao đổi bản Hòa ước đã được vua nước Pháp và vua Tự Đức phê chuẩn.

ről). Vả lại trong tờ hòa ước họ có buộc một điều kiện là: “Có thuận cho thi hành mới được thi hành”<sup>52</sup>, chính là mưu ngăn chặn người khác chia lợi với mình sau này vậy. Vì gần đây các nước ký hòa ước chung với phương Tây, phần nhiều đều có các nước cùng chứng vào, nên khó bề tự ý muốn làm gì thì làm. Chỉ có lần này họ đem kế ấy thi hành ở nước ta. Họ biết chắc chắn thế nào ta cũng sẽ vi phạm trước. Ý họ muốn mượn cơ đấy để phía Nam lấy Cao Miên, phía Bắc thông lên Vân Nam (Họ nghe nói tơ Vân Nam tốt nhất thiên hạ, lại

52 Thuận cho thi hành mới được thi hành: (Doãn hành tắc hành): Đây là điều 4 của Hòa ước 5-6-1862, trong đó có quy định rằng: Khi vua nước Nam có ký hòa ước, trong đó có vấn đề xét nhượng đất cho một nước khác, thì vua nước Pháp có đồng ý mời được ký kết, không cho ký kết thì không được ký kết. (Đại Phú Lăng Sa Hoàng thượng doãn hành tắc hành, bất doãn hành tắc bất hành).

nghe Hải Dương có mở than) chứ không phải chỉ vì ba tỉnh mà thôi.

May phen này (Người Anh nghe họ thông thương với Cao Miên rất giận) Triều đình ta cương quyết sai sứ sang Tây, họ tưởng là ta đã khám phá được âm mưu của họ rồi (Vì nước họ có hai đảng: Một là Viện Công Hầu, một là Viện Thứ Dân; Viện Công Hầu thì hay bợ đỡ ý vua, còn Viện Thứ Dân thì cho việc ấy là bức hiếp người ta, vì nước ta chưa có sai lỗi gì lớn, mà làm như thế là chưa hợp nghĩa; vả lại Viện này nhiều người có thiện cảm với đạo giáo, cho là nếu gây sự cần bậy, sợ thiên hạ chê cười, cho nên dư luận xôn xao không thuận. Nay ta muốn mưu việc cũng

phải ngầm thông với Viện này mới được; nếu cần ngầm thông, cũng phải tốn nhiều công sức, biết nhiều ngõ ngách, nay chưa bàn đến kịp). Cho nên họ làm kế tạm cho lại (Kế này 200 năm trước, người Anh đã thi hành ở 5 xứ Ấn Độ, người Anh thấy lòng dân chưa phục, nếu hiếp chế phải tốn kém nhiều sức binh lính, cho nên giả vờ không tham mà trả lại, chỉ dùng thổ quan thay họ cai trị. Sau đó họ hết sức dụ dỗ, và lấy của tốt mua lòng. Lúc đầu, thấy thổ quan còn có lòng vì nước, họ cũng giả làm không nghe biết. Rồi lâu ngày sinh tệ, vì tính con người ta chưa thoát khỏi niềm tục, ít người không bị của cải mua chuộc; vả lại dần dần đút lót đưa vào cũng vì nể nang, mà dễ xiêu người; lâu ngày về sau, phân nửa

bọn thổ quan, đã bị họ lợi dụng. Huống hồ họ lại đã am hiểu phong thổ, nên sau chỉ cần đánh một trận là tiêu diệt; trong đó cũng có bọn muốn làm Hoàng Sào<sup>53</sup> chống lại, nhưng khi sức họ đã đủ bao trùm hết, thì dù có Hoàng Sào cũng nuốt luôn).

Họ trả lại cho ta một là vì danh nghĩa ép buộc (Điều này ngày trước tôi cũng đã bẩm lên quan bộ Binh biết rõ. Xin đợi đến khi về Kinh xem lại kỹ càng).

Hai là để lấy lòng (Điều này chưa dám nói rõ).

Ba là tạm mua hư danh, rồi sẽ thông thả thực hiện ý đồ (Tôi đã

---

<sup>53</sup> Hoàng sào: Người đất Oan Cú, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc nổi lên đánh đuổi vua Hy Tây, nhà Đường (862-877) lên làm vua.

từng dò biết được chắc chắn không sai, họ cũng bàn bạc với nhau rằng: Sứ bộ nước Nam đã sang, mà ta cứ giữ khư khư không cho, sợ sinh sự không tốt đẹp, như mấy việc tôi đã nói ở trên. Vả lại họ giữ chưa được vững, sợ người khác giúp ta, âm thầm chẹn họng họ. Chi bằng bề ngoài giả tiếng là cho chuộc mà nâng cao giá lên. Nếu ta chịu hết điều kiện, thì hiện nay họ được lợi. Ngày sau ta không khỏi trái ước. Lúc ấy hai mối lợi họ đều được, mà ta thì không có lời lẽ gì để bộc bạch với thiên hạ, họ mới có thể giữ được bền vững lâu dài, như việc người nước Anh trước kia. Hoặc là muốn ta cho sự thề ước quá nặng, lại tưởng ta không biết đường lối, khó tìm được người giúp đỡ, chỉ cứ lúng túng lấy nặng

nhẹ làm điều, kéo dài ngày tháng. Hoặc ta nghi ngờ mà không chịu, hay chịu mà không theo đúng lời họ yêu cầu thì họ sẽ có lời lẽ với thiên hạ, mà cái có để lấy lại càng thêm vững chắc. Điều ấy trong ý họ tính được bảy phần. Trước đây, những điều ta chịu hết, trong ý họ chỉ có ba phần. Hai điều ấy, ta rất khó xử trí. Các nước đã từng bị kế độc ác ấy của phương Tây. Nếu nói rằng họ đã mệt mỏi mà trả đất lại cho ta, thì hiện nay chưa có khả năng như thế).

Nhưng mà muốn nên việc lớn, phải tranh giành hàng trăm năm, chứ không phải chỉ tranh giành một lúc mà được. Họ dòm ngó đất ta, cầu thành công sau vài mươi năm, thì ta muốn trấn áp được

họ, cũng phải cầu hiệu quả sau vài mươi năm, chứ không thể một lúc mà được. Họ đã lấy được Gia Định, tự cho là nơi thiên nhiên hiểm trở, có thể đua đuổi với người Anh. Có điều là ta phải biết xử khéo đừng để cho lan rộng ra.

Vậy một là phải tìm được ngoại viện để phá mưu của họ (Điều này có nhiều chỗ cơ yếu, khó nói vắn tắt được).

Hai là phải tìm những tị du côn của nước nào có giao hiếu với họ, âm thầm đến nước ta (Tuy bọn chúng cũng có nhiều người muốn theo ta nhưng ta chưa biết tìm

đường đẩy thôi. Còn như bọn vô lại các nước, ở tản mác khắp nơi, cũng có nhiều người rất là mạnh khỏe gan dạ. Nếu ta biết khéo dùng thường thường được chúng ra sức liều chết. Tôi đã biết hạng người ấy mang tội phiêu lưu, không cần gì ở trên đời này cả. Chỉ cần được no ấm khoái lạc thì dù có chết cũng không từ. Nếu ta dùng được thì có lợi rất lớn) để gieo lòng nghi hoặc cho họ.

Ba là phải học hết các món khôn khéo của họ, mà trong khi qua lại giao tế, phải nhượng cho họ ba phần. Đại phạm đem chuyện phi lý mà buộc cho người, tất nhiên phải có dựa vào một lý lẽ nào đó. Nếu ta

không có điều gì để họ có thể chấp lý được thì chắc chắn họ phải im không dám hành động gì. Cứ bủa vây bốn mặt rồi chờ khi có tệ (Tệ này tôi đã dự đoán không sai, 10 năm sau sẽ thấy) mới có thể mưu đồ được.

Tôi xem qua các nước từ 500 năm lại đây, sở dĩ chế ngự được họ, không ngoài ba điều trên và ít nhất cũng phải dùng đến hai điều. Nếu không có ba điều ấy, từ trước đến nay, tôi chưa thấy có mưu chước gì được cả. Nhưng thời khác, thế khác. Hiện nay bí quyết chống giặc của Triều đình đã có những bậc tài trí như thánh nghĩ ra, đâu phải hạng hèn mọn như tôi có thể suy

đoán được. Nhưng đại nhân có lòng hạ cố, nên tôi tự nghĩ, nói mà được việc, thì dù có tội cũng cam lòng. Mong sao những dòng nước nhỏ được chảy xuống bể, dầu không bổ ích gì, nhưng cũng được có chỗ để hướng về.

Tôi xin đem hiệu quả có thể thu được ở điều thứ nhất mà tính để mừng trước. Còn như đi đường ngõ nào, thì trên Triều đình đã có sẵn kế hoạch, tôi đâu dám vượt phạm mà nói càn.

Xưa vua Đạo Quang nhà Thanh đã từng nói: Chúc chống rợ giặc, hay nhất chỉ có một đường là “dùng rợ đánh lại rợ”. Nhưng vì họ lại lấy việc tự hạ mình làm xấu, cho nên chưa thấy công hiệu lớn của chúc

ấy. Có điều thấy rõ là người Nga sở dĩ không dám ở yên đất Mông Cổ, vì nhờ nước Hà Lan; Nhật Bản bị đuổi ra ngoài bể cũng bởi Bồ Đào Nha. Còn các nước khác đã được hiệu quả như vậy, không thể kể hết.

Tôi xét thấy sự thể hiện nay chỉ người Anh có thể cộng tác được với ta. Vì Anh và Pháp có mối thù truyền kiếp. Nay người bác của vua Pháp bị người Anh đày ở ngoài một đảo xa xôi, người Pháp lấy làm xấu hổ.

Người Anh mất Hợp Chúng Quốc do Pháp hất cẳng; người Pháp sở dĩ tạm thời hợp tác với người Anh vì người Anh giỏi về đường biển. Nay nếu có đánh nhau thì người Pháp chỉ giỏi về đường bộ, không

thể biến hóa được (Khoản này có nhiều điều lợi hại, nhưng không quan thiết đến ta, nên không nói kỹ làm gì). Vả lại, người Anh hiện đã làm chủ được tình thế phương Đông, hơn gấp 10 Pháp, cho nên Pháp phải miễn cưỡng hòa thuận với Anh. Nhưng tính người Pháp hay kiêu điệu, lại hay nghe dèm pha, nên càng dễ ly gián. Người Anh tuy giữ được nhiều nơi, nhưng chưa chỗ nào hiểm trở bằng Gia Định. Nay nếu Pháp lấy được Gia Định thì sẽ bất lợi cho mình. Nên nếu có cơ hội thuận tiện, lẽ nào người Anh bỏ qua. Nay nếu ta tỏ ý cầu viện người Anh, thì cũng dễ nói. Đây là một điều lợi.

Vả lại nước Pháp vài năm sau tất sẽ có nội loạn, mà thuộc địa Anh lại nhiều chỗ gần thuộc địa Pháp. Gia Định đã là nơi thiên nhiên hiểm trở, mà từ lâu người Anh hận người Pháp đã chiếm được, thì sự muốn cướp giật lại càng sâu sắc. Sợ một ngày kia, Pháp bị nội loạn, không quan cố được nơi xa, rồi đem chỗ này đổi lấy chỗ kia, thì liệu ta có khỏi cái nạn đuổi hùm cửa trước, rước sói cửa sau không? Cho nên người quân tử lo mưu phải nghĩ lâu dài đến con cháu về sau. Nay nếu ta thông hiếu với người Anh, thì ngày trước họ đã mưu với thiên hạ để ngăn trở người Pháp, để tỏ việc họ làm là giúp người hoạn nạn, gỡ việc rối ren, mai sau chẳng may sự thế đổi thay, thì họ làm sao bùng được hết mắt thiên hạ, ngồi ỳ ra

mà thuận chịu đổi chác với người Pháp? Thiên hạ lẽ nào lại không có người như người Anh đứng chực đằng sau hay sao? Ngăn trước, phòng xa, đấy là hai điều lợi.

Hiện nay người Pháp muốn làm giúp ta với ý đồ mờ ám (điều này không cần nói rõ cũng hiểu) như năm trước họ đã thi kế ấy với nước Rôma<sup>54</sup>. Nếu xong việc thì được hưởng nửa phần lợi. Nếu việc không thành thì vạ có người khác chịu. Nay nếu ta ngầm nhờ người Anh dò xét, chẳng may việc có bại lộ ra, thì người Anh với ta đã có lý lẽ để nói với thiên hạ. Rồi sau lấy việc đó mà trách người Pháp, sự

<sup>54</sup> Với nước Rôma: Tức việc Napôlêông (Napoleon) III đem quân sang giúp Giáo hoàng giữ đất Rôma của Tòa Thánh.

trái đã có nơi chịu. Nhờ người giúp ta, đó là việc ngay thẳng mà dễ nói (Điều này sẽ dẫn đến nhiều việc quan trọng, nhưng chưa thể trình bày). Được thế thì chẳng những miền Bắc yên, mà miền Nam cũng có thể khơi dậy được. Đây là ba điều lợi.

Người Pháp với ta, sự việc chưa biết đến đâu là cùng. Gần đây, nhiều khi người Pháp cũng mời người Anh cùng đi đôi với họ. Nếu nay ta không gấp rút thông hiếu với người Anh trước, vạn nhất ngày sau lại sinh chuyện, mà Pháp với Anh đã đi đôi với nhau rồi, thì ta chịu sao nổi? Nay nếu ta biết liệu trước sẽ có thể giao hảo được với

người Anh, thế thì dù sau này có xảy ra việc gì ắt họ sẽ một là sợ danh nghĩa, hai là vì cảm tình mà hòa hoãn. Đây là bốn điều lợi.

Người Pháp tuy tự khoe khoang giàu mạnh, nhưng so lực lượng cũng đã chịu nhường người Anh. Nay nghe ta thân thiện với người Anh, ắt biết ta sẽ lập mưu ngăn cản họ. Nay nếu người Pháp đem nhiều lời ly gián, thì lại sợ người Anh thấy rõ tâm địa mà chê cười. Tuy người Anh chưa công khai giúp ta, nhưng người Pháp cũng đã biết, nếu có hành động gì, chắc người Anh cũng sẽ ngầm báo tin cho ta. Và mối thù ngày trước, to như núi; lúc nào người Pháp cũng

lo ngay ngáy sợ người Anh kết hợp với ta. Lần trước Pháp giao kết với Nga toan để ngầm chống Anh, nhưng nay đã sinh hiềm khích và tự biết bị cô lập. Lúc bấy giờ nếu muốn được họ chuyển nặng sang nhẹ cho ta, thì cơ hội cũng dễ. Đây là năm điều lợi.

Trước đây vào khoảng năm Gia Khánh nhà Thanh, bác vua Pháp bấy giờ gọi là Napôlêông, xuất thân từ trong binh lính nổi lên, giam Y Pha Nho, hãm Áo Đại Lợi, đốt Nga La Tư, phá Hà Lan, hiếp Ý Đại Lợi, đánh Ách Nhật Đa, cướp Nhật Nhĩ Man, xâm lăng Anh Cát Lợi. Các nước phương Tây không nước nào không bị độc hại. Đến nay các nước vẫn còn tức giận. Và lại, người Anh tuy nói cộng tác với

Pháp, nhưng chỉ vì lợi ích mà hợp tác thì làm sao lâu dài được? Gần đây, nước Anh lại sắm sửa binh thuyền, gấp ba người Pháp trong ý luôn luôn muốn trả mối thù mất Hợp Chúng Quốc. Giả sử thời cơ đã đến mà có ta ở trong đó nói ra nói vào, khéo điều đình kêu gọi, vạn nhất nổ chuyện ra thì Anh Cát Lợi chặn đường thủy, Mặc Địa Lợi áp đảo đường bộ, Y Pha Nho bọc phía Nam, để trả cái giận làm chung mà chiếm lợi riêng một mình. Hà Lan, Bỉ Lợi Thì đón phía Bắc, Nga La Tư theo sau tiếp ứng. Ở phương Đông người Anh đem binh lính Ấn Độ chặn đường về, còn ta thì ngồi mà hưởng lợi. Đây là một mối lợi rất to.

Sáu món lợi<sup>55</sup> kể trên là tôi hãy tạm lấy cái dễ thấy, cái công dụng lớn mà nói, còn như nhân việc mà xoay dần, tùy cơ mà chuyển bắt, thường thường nhân nhỏ mà được lớn, như các việc đã qua ở các nước Tân Thế Giới, khó có thể kể hết. Còn như sự sắp đặt của Triều đình, vốn không phải người ngoài thấy được.

Nhưng làm được sáu điều lợi trên, dĩ nhiên còn có nhiều đường lối tùy sự thế mà xoay chuyển, không thể bàn nhất định trước được, sợ vướng vào gàn dở, không dám dài dòng.

Nay kính bẩm.

---

55 Sáu điều lợi: Trong bài Lục lợi từ (Di thảo số 5), sau này Nguyễn Trường Tộ sẽ triển khai rộng hơn 6 điều lợi này.

## DI THẢO SỐ 5

Kế hoạch làm cho dân giàu  
nước mạnh

(Dự tài tế cấp bầm từ = Lục lợi  
từ)

[Nguyên văn chữ Hán: Hv 189/1 tờ 2-23. Hv 634/4 tờ 78-127 Hv 135 tờ 75-103. N. P số 119 trang 3-11 Nếu so sánh các bản văn, chúng ta thấy: - Hv 189/1 và Hv 634/4 giống nhau hầu như hoàn toàn: Cả hai cùng chép sót một đoạn khoảng 237 chữ; cả hai cùng có đầu đề Dự tài tế cấp bầm từ, cả hai ghi ở đầu bài “11 tháng 2 năm Tự Đức 16” Có lẽ người chép Hv 189/1 và 634/4 tưởng lầm bản văn này là Tế cấp luận, là bản văn được gởi cùng với Giáo môn luận (11 tháng 2 Tự Đức 16). Nhưng bản văn này không phải là Tế cấp luận, bởi vì có trích dẫn Tế cấp luận. Nói “11 tháng 2 - Tự Đức 16” là quá sớm, bởi vì trong bài có nhắc đến bài Trần tình năm trước. - Hv 135 và N. P cũng rất giống nhau,

chỉ có vài chỗ do chép sót, sắp chữ sai hoặc do nhà báo tự ý sửa chữa hay cắt bỏ: Cả hai cùng có đầu đề *Lục lợi từ*, nhưng lại không có phần cuối nói về sáu điều lợi; cả hai cùng ghi ở cuối bài: “Ngày 23 tháng 7 năm Tự Đức 19”, có thể là do người sao lục chép lầm, bởi vì nói 23 tháng 7 năm Tự đức 19 là quá muộn, bởi vì trong Khai hoang từ (tháng 1 năm Tự Đức 19) đã có nhắc tới *Lục lợi từ* năm trước. Ông Từ Ngọc Nguyễn Lân, sđd, có nhiều trích đoạn của “*Lục lợi từ* tháng 5 năm Tự Đức 17” ông Đào Duy Anh và Đào Đăng Vỹ cũng có nói tới “*Lục lợi từ* năm Tự Đức 17”. Nguyễn Trường Tộ, trong nhiều bản văn sau này, có nói nhiều đến *Lục lợi từ*, mà không hề nói tới *Dụ tài* tế cấp bẩm từ. Tuy nhiên bản văn mà chúng ta có trong Hv 189/1 và Hv 634/4 là một bản văn rất hoàn chỉnh gồm một lời mở đầu triển khai một phần bài *Phân hợp đại thể* luận nói về lễ mất còn và hưng thịnh của một quốc gia, cùng với ba phần rõ rệt: - Phần một: Trả lời những điều các vị trong Triều đình hỏi về đức sủng và chất nổ. - Phần hai: Nói về những kế hoạch làm cho đất nước giàu mạnh (*Dụ tài*). - Phần ba: Nói về sáu điều lợi (*Lục lợi*) trong kế hoạch ngoại giao chống Pháp. Bài này có thể triển khai rộng những điều đã nói trong di thảo số 4. Trong bản văn này có nói: “Hôm trước tôi đã có bẩm với hai đại nhân Phạm, Ngự” (Xem chú thích văn bản số 4).]

(Tháng 5 Tự Đức 17 khoảng  
20-6 - 18-7 năm 1864)

Trộm nghĩ, trong nước có nhiều việc, dân chúng phải lo gấp việc sinh sống mà ý trời giúp người lại ngoài ý muốn của người. Cho nên Mạnh Tử có thuyết: “Địch quốc ngoại hoạn”<sup>56</sup>; tiên nho có câu: “Thiên tâm nhân ái”<sup>57</sup>. Do từ việc người mà xem, các nước trong bầu trời, chưa nước nào không do có nhiều biến cố mà vượt lên xa được; từ đạo trời mà xem, lại càng kỳ diệu hơn. Tạo vật ban phúc cho con người, cái phúc đó cũng chỉ được dần dần, lớn dần dần, phải lâu ngày mới thấy. Người biết rõ lẽ trời sẽ không vì những điều lo buồn trước mắt mà oán trách trời.

56 Địch quốc ngoại hoạn: Nước thù địch, hoạn nạn từ bên ngoài. Mạnh Tử nói: Nước ta không có địch quốc ngoại hoạn thì thường dễ bị mất.

57 Đồng Trọng Thư nói rằng: Lòng trời thương yêu người nên sinh ra nhiều chuyện bắt người phải suy nghĩ, tính toán.

Vì rằng, tạo vật sinh ra muôn vật để cho con người sử dụng mà không tiếc một thứ gì. Chỉ vì con người phần đông chỉ thích nhàn không chịu ra sức sưu tầm phát hiện những của cải ẩn giấu, nên những thứ quý giá của rừng núi, biển cả, dưới đất, trên trời chưa được sử dụng hết.

Kể từ khi có loài người, loài vật đến nay đã gần 7.000 năm, thống kê số lợi hưởng trên mặt đất của cả thiên hạ chưa đầy 4/10. Vả lại, tạo vật sinh ra loài người đều do cùng một nguồn gốc như nhau cả. Thế mà ngày nay trên địa cầu, người văn minh thì ít người dã man thì nhiều, chẳng lẽ tạo vật lại có hậu đãi, bạc đãi khác nhau? Đó chẳng qua chưa đến thời mà thôi. Ví dụ

như cha mẹ đối với con cái, đứa lớn thì bảo lập nghiệp làm ăn sinh sống, đứa bé thì phải dạy cho biết số mực, ứng đối... cứ tuần tự như vậy. Do đó suy ngược lại thì mọi ý định sắp xếp của tạo vật không có cái gì là không để tâm đến. Đây chính vì muốn cho con người được mở rộng thêm trí thức, làm sáng tỏ thêm cái tinh anh của trời đất, tức là phú cho loài người một nguyện vọng không cùng, khiến loài người phải tìm kiếm những điều mới lạ hay ho. Tạo vật lại sợ con người yên phận thủ thường không chịu qua lại với nhau, nên về đất đai mới sinh ra có thổ nghi khác nhau, tốt xấu khác nhau để nhân đó giao thông qua lại với nhau, để người biết trước bày kế biết sau, để dã man biến thành văn minh, để giúp

vào những việc mà tạo hóa chưa kịp làm, để nêu rõ cái công dụng kỳ diệu của linh tính loài người.

Nếu để cái thấy, nghe, ăn, nghỉ của con người, chỉ biết tuân theo tự nhiên như loài vật không có linh tri linh giác mà không giao cho con người quyền điều khiển vận hành thì làm sao phân biệt được con người linh hơn muôn vật? Vì vậy ở trên lục địa năm châu lại có biển lớn bao bọc bốn phía, có các sông lớn thông suốt trong các châu, nối liền các đồng bằng để xe thuyền đi lại, nhưng cũng có những hang núi cản đường, đèo ải chắn lối, khiến con người phải tự khai đường để thông đến những chỗ đất đai có của

báu. Ở trên mặt đất, sự sắp xếp kỳ diệu của tạo vật như vậy rất nhiều không thể kể xiết.

Nói tóm lại, loài người chúng ta có chung một trời che, chung một đất chở, chung một mặt trời chiếu, chung một mặt trăng soi, một không khí đầy tràn, một hơi nóng ấm áp, một thứ nước thấm nhuần, một ngọn gió mát mẻ, do một lý chi phối tất cả, do một tính chất đồng như nhau tất cả... buổi đầu do một mà sinh ra, cuối cùng lại hợp lại làm một mới thành tựu cái công dụng to lớn của cả trời đất. Xem đây thì chúa tạo vật không nỡ để cái lý lẽ lớn lao của trời đất cuối cùng phải đến chỗ bế

tắc, cũng không nỡ để cho cái dùng hằng ngày của loài người cuối cùng không phát triển được, nên đã bày ra nhiều cách để mở mang trí tuệ, dìu dắt nhau tiến lên con đường đại đồng... Trước đây 3.500 năm, phương Đông là nơi đầu tiên đã khai phá được cái phong khí thô sơ thuần phác, mà làm được hàng trăm công việc, cho đến thời trung cổ thì càng ngày càng thịnh. Lúc bấy giờ, phương Tây đang còn ở trong giai đoạn mông muội dã man, cho nên các rợ miền Tây Bắc phương Đông thường hay đến xâm chiếm các nước phương Tây. Do đó phương Tây đã tiêm nhiễm được văn hóa phương Đông. Rồi nhân nạn binh đao xảy ra mà hai bên có sự qua lại, do thám tình hình của nhau. Những cái gì bên này chưa

có thì nghĩ cách trèo non vượt biển để cướp về, còn bên kia bị kém thua thì cũng lo học cái phương pháp mà họ đã dùng để thắng mình để đối địch lại.

Xem như nước ta xưa bị Trung Quốc xâm chiếm tàn phá. Việc đó tưởng như tạo vật gieo họa nhưng chính cũng là làm phúc. Vì nhân đó mà nước ta trở thành một nước văn hiến. Ở miền Nam Hải có ba nước: nước ta, Miến Điện và Xiêm La. Nhưng hai nước kia còn trong tình trạng kém cỏi, còn lâu mới đuổi kịp nước ta. Thế chẳng phải do những cơ đã nói trên đó sao? Thời nhà Chu, nho sĩ nước Phất Lâm đã qua Trung Quốc, đến thời Vũ Đế nhà Hán đã từ nước Thân Độc thông sang Đại Hạ, thời Nam

Bắc triều, rợ Bắc đã chiếm sang cả phương Tây. Đến thời Thế Tổ nhà Nguyên trong lúc chưa cướp đoạt xong nước Kim Nguyên mà đã lo khai thông miền Tây Bắc, miền Tây Nam của phương Đông, miền Đông Bắc của phương Tây và miền Bắc của phương Nam. Hễ nơi nào có hình thế đẹp để đất đai màu mỡ, là không khỏi bị chúng tiến chiếm, làm sao cho đường bộ hai bên Đông Tây thông làm một với nhau. Đến cuối đời Nguyên, có vị phò mã Tát Mã Nhi Tứ Thiên của nước Cáp Liệt uy danh lan khắp Tây Vực, có người phương Tây đầu quân vào hàng ngũ của ông ta, nhân đấy họ đã đem theo về thuốc súng và các thứ đồ vật kỳ lạ khác. Người Tây vì loạn lạc đã lâu nay muốn trị yên nên đã bắt chước phương pháp đó

chế sủng điều thương, để chống lại, và những thứ kỳ xảo khác đều lấy phương Đông làm kiểu mẫu. Về sau, việc học thuật, việc chế tạo những khí cụ ngày càng được tinh vi. Học thuật được tinh vi thì sinh ra kỹ xảo. Kỹ xảo đến cực điểm thì trở nên mạnh và đã làm thay đổi hẳn cái hèn kém mông muội trước kia. Cho đến thời Minh bước tiến Âu Tây ngày một lên cao vùn vụt, đến nỗi không có chỗ để thử cái tài dũng của họ nữa. Do đó, họ chuyển dần về phía Tây, và bỗng nhiên tìm được Tây Châu (tức Tân Thế Giới) và chiếm lấy làm đất của mình, khai thác vùng đất đai mấy ngàn năm hoang vu, cải tiến phong tục tập quán mấy ngàn năm hủ lậu. Lúc đầu người dân bản xứ còn xem họ như thù địch, dần dần đã

chịu gần gũi và ngày càng trở nên thân thiết, những người dân ở đây đã học được hết những cái kỹ xảo của người phương Tây, cho nên không đầy 100 năm sau đã đuổi được người phương Tây ra khỏi đất mình. Những nước phụ thuộc phương Tây xưa kia, nay trở thành những nước thân phương Tây. Các nước ấy đã nhờ phương Tây mà thay đổi những tập quán cũ để trở thành giàu mạnh, người phương Tây cũng nhờ vào nguồn lợi ở đó để chu cấp cho mình. Xưa thì ghen ghét, nay đã thành tình nghĩa anh em tốt đẹp bền bỉ.

Từ khi quyền lợi của người phương Tây ở các nước này giảm

bớt, nhưng vì lòng tham không chấm dứt, họ bèn quay tàu trở súng hướng về các nước phương Đông. Các nước phương Đông tuy là ông tổ của trăm nghề, nhưng bản tính lại mãi mê sự an nhàn vui thú không thích đổi mới. Và lại ngày xưa đã từng xưng hùng xưng bá trong thiên hạ, tự mãn tự túc, nghĩ rằng thiên hạ không ai hơn mình. Cho nên chuyên chuộng hư văn phù phiếm, học lối xu phụ nịnh bợ để được cái phú quý mỏng manh trước mắt. Việc này đến buổi mặt vận thì lại càng quá lắm (đây là chỉ chung các nước). Khi có kẻ địch bên ngoài thoát đến, thì coi họ như là đồ kỳ dị, trí xảo lạ đời, mà không biết rằng những cái khôn khéo của người phương Tây ngày nay chính là lượm lặt được cái dư thừa của

phương Đông mình ngày xưa đó. Chúa tạo vật trước kia đã giúp ta cho ta thứ đó, mà ta chưa dùng hết cái hay thì tạo vật đem cái ta gây họa cho họ để giúp họ. Họ được cái dư thừa của ta thì họ rất trân trọng mỗi ngày mỗi trau chuốt ngày một đẹp thêm rồi lại đem bán cho ta để thu lợi lớn. (Nhưng muôn vật hễ đến cùng cực thì sẽ ngược trở lại, xưa kia không có cái thuật gì là không bị phá mà dù có cái thuật riêng đi nữa thì cũng có ngày phải hết. Không ngoài mấy trăm năm rồi các nước phương Đông cũng sẽ nhờ đấy mà đánh bại phương Tây. Hiện nay năm miền Ấn Độ đã gần có dấu hiệu bắt đầu rồi đấy. Cho nên tôi nói rằng người phương Tây là kẻ bán cái trí cái dũng, nếu ai biết khéo mua thì chẳng bao lâu các

thứ họ có sẽ trở thành của mình. Lấy cái lợi vô cùng chưa dùng của sông núi chúng ta mà đổi lấy cái trí của họ, thì họ là kẻ vỡ hoang mà ta thì hưởng cái thành quả như các nước ở Tây Châu vậy. Vì rằng, ta đã học hết cái thuật của họ, như Bàn Mông<sup>58</sup> ngày xưa, rồi sau lấy cái trí tuệ vốn có sẵn của chúng ta thêm vào cái trí tuệ ta mua được của họ. Đất là đất của ta, mượn cái trí xảo của họ càng ngày càng già nua còn cái trí xảo của ta thì mới mẻ trẻ trung, đem hai trí mà địch lại một trí, lẽ nào không thắng được? Như trường hợp Tây Châu là một chứng cứ vậy)<sup>59</sup>.

---

58 Một nhân vật truyền thuyết, một người giỏi nghề bắn.

59 Đoạn giữa hai ngoặc đơn chữ xiên (“Nhưng muôn vật...chứng cứ vậy”) không có trong NAM PHONG, có thể do nhà báo cắt.

Thiết nghĩ, tạo vật sinh ra đất đai là cốt để cho cả loài người hưởng dụng chứ không phải để cho một người chiếm lấy làm của riêng. Cho nên lúc đầu cây cỏ bụi bờ chưa khai phá thì cho loài người phân tán cư trú rải rác khắp địa cầu, ở đâu thì khai thác phát triển mà hùng cứ ở đấy. Đến lúc núi sông đã thông, hiểm trở đã hết thì lại khiến có trao đổi buôn bán, nơi có đổi cho nơi không, để việc sử dụng được thuận lợi, việc sinh sống được đầy đủ, để suy xét lai lịch mà dần dần nhận ra rằng nguyên xưa vốn là anh em, cùng chung một gốc mà biết thương yêu nhau, lấy chỗ dư thừa mà bù vào chỗ chưa đủ, thông công đổi việc,

giúp đỡ lẫn nhau, rồi sau hợp cả thiên hạ làm một nhà để hưởng hết cái diệu dụng của trời đất. Nếu không như vậy thì người miền núi thiếu cá, thiếu muối, người miền biển thiếu thú, thiếu gỗ, nước ta thiếu thuốc, Trung Quốc thiếu gạo. Tạo vật là đấng nhân ái công bằng, coi mọi người như con, tại sao không để cho nước nào tự túc lấy đồ dùng của nước ấy không cần đến nước khác, người nào tự túc lấy đồ dùng của người ấy, không cần nhờ người khác giúp đỡ để khỏi qua lại cho thêm phiền phức?

Nhưng nhân tình trước trái sau hợp, thì sự hợp ấy mới càng thân. Việc đời trước gặp khó khăn

mà sau thành công, thì sự thành công đó mới bền vững. Cho nên lúc sắp hợp sắp thành tất nhiên phải có cái hại của sự nghi hoặc và khốn đốn, rồi mới có cái lợi của sự yên ổn lâu dài. Vì đã có sự nghi hoặc thì cần phải được sáng tỏ, có khốn đốn vất vả mới nghĩ đến sự nghỉ ngơi. Cho nên lúc hiểu ra được thì mới biết đó là do sự sắp xếp cất đặt của tạo vật không được làm trái khác đi. Cho nên, theo lý lẽ ở phần trên mà nói ở phần dưới thì các vật đều giúp đỡ lẫn nhau để làm đồng đều những điều mong muốn cho nhau. Nếu không như thế, thì loài người là con của tạo vật, nếu cứ để cho người lớn mạnh chuyên được phần lợi mãi, mà không giúp cho người nhỏ yếu trong đó được sống còn mãi mãi, được hưởng lợi

ích to lớn lâu dài để bù vào sự thiệt hại trước, thì sao gọi là chí công được?

Những điều nghị luận trên đây là một điều trong bài Thiên hạ phân hợp đại thế luận. Đó là những sự thật, lý thực của trời đất. Từ thuở khai thiên lập địa đến lúc cáo chung cũng chỉ có thế mà thôi. Dù có người giỏi biện bác đến đâu cũng chỉ bài bác được tạm thời, chứ không thể bài bác mãi mãi được.

Nay tôi trích ra trình bày như trên, là vì các học giả nước ta ngày nay phần nhiều cứ viện xưa chống nay, nói quấy quá làm rối loạn việc chính trị, đàm luận xì xào, để chia bè lập đảng mà bài báng Triều đình.

Họ có biết đâu thời thế đổi thay, có nhiều cái của đời xưa không thể áp dụng cho đời nay được<sup>60</sup>. \* Cho nên bậc tiên hiền đã từng nói: Người tuần kiệt là người biết việc đời nay, chứ không phải là người biết việc đời xưa. Bởi vì việc còn, mất, yên, loạn nếu không trí tuệ không thể nào biết được. Còn như việc ngợi khen người xưa thì dù ngu cũng biết thừa. Cho nên kẻ trí bàn việc đời cần phải thể hiện ở việc làm, cân nhắc sự việc mà lập ra mưu trí, tùy thời thay đổi để cho lòng người hợp với ý trời. Như ngày nay các vị đại nhân đem các điều ra hỏi kẻ thảo dã mà không câu nệ thường tình chính là vì vậy.

---

60 Đoạn giữa hai dấu \* từ “Cho nên bậc tiên hiền”... cho tới “chỉ biết lý thuyết” bản Hv 189/1 chép sót.

Nay tôi xin đem những điều các vị hỏi nói sơ qua vài nét trước và cuối cùng xin phụ thêm một đoạn của bài Tế cấp luận, sau đó sẽ nói rõ sự lý của năm sáu điều lợi lớn. Đó là những điều cấp thiết hiện nay, mong rằng không nên xem qua rồi thôi<sup>61</sup>.

I- XIN KÊ RA CÁC PHƯƠNG PHÁP LÀM HỘT NỔ VÀ ĐÚC SÚNG, ĐÚC KIM LOẠI CÙNG CÁC MÔN QUANG HỌC, CƠ HỌC, HÓA HỌC, KHAI THÁC MỎ THAN<sup>62</sup>:

Điều cốt yếu để thực hiện các phương pháp trên, trước hết phải

61 Từ đây trở xuống, tác giả sẽ nói đến ba phần như trong câu này tác giả đã giới thiệu.

62 Phần I, tác giả trình bày sơ lược các phương pháp làm hột nổ v.v... để trả lời những điều được hỏi đến.

có khí cụ. Các môn ấy phải được thi hành thực sự. Việc học lý thuyết thực ra không khó, mà thực hành thì khó, hơn nữa phí tổn rất nhiều, nhưng thu lợi cũng rất lớn.

Việc học tập và sắm khí cụ phải thực hiện đồng thời, không thể thiếu một. Nếu đã được học qua loa như tôi mà không có khí cụ khi gặp khó khăn lại không có người chỉ vẽ thì cũng chỉ biết lý thuyết\*<sup>63</sup> và công dụng mà thôi, và cũng còn khó đem ra thực hành được. Nếu đem ra thực hành cũng phải qua nhiều lần dùng thử, để loại bỏ những cái trở ngại mới tận dụng được chỗ tinh diệu. Vả chăng việc sáng tác dùng thử cũng có cái dễ thành, có cái khó thành, mà cái khó

63 Đoạn giữa hai dấu \* từ “Cho nên bậc tiên hiền”... cho tới “chỉ biết lý thuyết” bản Hv 189/1 chép sót.

thành nhiều lúc lại xảy ra tai hại bất trắc. Nếu hiểu được lý thuyết sẽ làm được công dụng lớn, nhưng nếu bất cẩn sơ ý, máy móc nổ vỡ thì nghìn vàng dễ được chứ người giỏi khó tìm, trăm thanh gươm báu không bằng một người thợ đúc giỏi. Những điều lợi hại là như thế đấy. Việc trong thiên hạ có cái lợi lớn, tất có cái hại lớn, nếu không tuân theo thứ tự của nó, thì chẳng những lợi bất cập hại mà còn làm hỏng cả công việc nữa.

Nay trước hết tôi xin hãy làm cho nước nhà giàu có (như trình bày ở đoạn cuối này) để chi dụng chi phí cho việc học tập và mua sắm khí cụ. Khi mua sắm được khí cụ rồi sẽ cùng thực hành với việc học tập lý thuyết. Như thế thì sự

sử dụng máy móc lẽ nào lại không thành công, tài khéo lẽ nào lại không tiến lên được?

Nói tổng quát thì phương pháp đúc súng đạn và chế hột nổ cần nhất ở cơ học, và có cả quang học giúp vào. Còn phép đúc kim loại và khai thác mỏ than thì cần nhất về cơ học và có hóa học giúp vào. Về phép lái tàu thì cốt ở quang học và có trắc lượng học, toán học giúp vào.

Cơ học là nghiên cứu tất cả những gì dùng sức gia thêm vào thể chất để sinh ra động lực, mà không làm biến đổi bản chất. Đó gọi là cơ học. Cơ học có hai loại khí cụ chính: khí cụ đơn giản và khí cụ phức tạp. Hai loại đó lại chia

làm ba: nặng, sức và điểm tựa. Tất cả những khí cụ đều là phép tinh xảo để tạo nên trợ lực. Có khi dùng phương pháp khiến các khí cụ phát ra sức kỹ xảo, tựa hồ như chính tự nó có một sức sống.

Khí cụ của trợ lực có ba thứ: đòn bẩy, trục quay và mặt nghiêng. Đó là những vật dụng cơ bản. Ngoài ra lại có ba thứ nữa: bánh xe, máy cắt, đinh ốc. Đó là những vật dụng thứ yếu. Tất cả mọi công dụng thực sự của cơ học đều quy về mấy điều kể trên. Nhưng việc học cũng phức tạp khó khăn, nếu không tinh thông vật lý không thể xem xét phân biệt được mà không xem xét phân biệt được thì khi sử dụng các loại máy móc đó thường gặp tai nạn nguy hiểm. Tất cả mặt

trăng, mặt trời, các hành tinh, sự động đất và những chất lưu động nhẹ, những chất lưu động nặng, những chất cố định cùng với những việc do sức người làm ra với tất cả những sức năng động, sức nặng đều thuộc về môn học này, cho nên phân biệt cho rõ ràng là điều rất khó.

Còn quang học thì dùng để quan sát những chỗ cao chỗ sâu. Phàm tất cả những vật ở trên đời, trên mặt đất, dưới mặt đất, những quang sai, thị sai, phân vi và các động vật, thực vật mắt thấy được hoặc không thấy được và cả những bản đồ, địa mạch, sản vật, cái thật cái giả lẫn lộn... đều phân biệt được, đó là nhờ quang học.

Hóa học thì có thể làm cho các thể chất biến hóa. Khác với cơ học, hóa học được dùng để quan sát kim loại và chất nặng, chất nhẹ, chất cố định, điện khí, nam châm.... để phân biệt những tính khác nhau của chúng, để thích hợp với công dụng của chúng, khiến cho các chất rắn, mềm, giúp nhau để làm thăng bằng sự vận động. Các ngành khai thác mỏ, thuyền máy, máy hơi nước đều thuộc về môn này.

Còn phép làm hột nổ thì cũng như phép đúc súng, tuy có phần dễ hơn, nhưng điều cốt yếu là ở khí cụ để đúc. Vì rằng người thợ muốn cho công việc làm được tốt trước hết phải có khí cụ tốt, nếu không có khí cụ thì lấy gì mà làm?

Nói tóm lại, những điều trên đây, những lý thuyết của nó đều không ngoài sức tự nhiên. Nếu trước hết không biết rõ cái sức đó là cơ sở thì dù học suốt đời, cũng vẫn mù mờ không lần ra mối. Tuy cũng có thể dùng được một đôi cái nhưng chẳng qua là làm theo khuôn có sẵn mà thôi, chứ không biết biến hóa để nhân cái này biết cái kia, để làm được tinh xảo hơn. Cho nên sức tự nhiên là điểm đầu tiên phải học, không thể không hiểu trước hết. Các điều nói trên đã có sách chuyên môn chép rõ. Việc đó không thể chép trong một lúc hết được, hơn nữa, mắt chưa nhìn thấy công dụng của nó, lại không có người đứng bên cạnh để ví dụ, giảng giải, thời cũng khó hiểu hết được nghĩa chữ, câu văn. Cho nên

ở đây tôi chỉ đưa ra những điều đại cương mà thôi.

Còn phương pháp khai thác mỏ than, trước hết phải biết rõ địa mạch, biết rõ các loại kim khoáng và các cách chuyển động của vỏ quả đất. Nếu bây giờ cho vài người như tôi đi khắp nước sưu tầm thám nghiệm khoảng 3, 4 năm mới có thể biết. Đó là vì mỏ than ở sâu hơn các mỏ khác, mà phần nhiều lại hay có ở miền đồng bằng, ít có ở nơi núi hang và nơi nước chảy. Nếu mỏ than lộ thiên thì than không tốt mà lấy cũng chóng hết. Vả lại mỏ than thường có ở xứ lạnh, ít có ở xứ nóng. Nhưng ngày nay ở xứ nóng cũng đã tìm thấy một vài chỗ có mỏ than thì tôi tưởng rằng ở nước ta cũng có. Mỏ than lại hay có nhiều

ở chỗ gần mỏ sắt. Đó là do cái cách sắp xếp vận dụng rất hay của tạo hóa. Lại có những nơi đất bùn, nơi rừng núi xưa kia hình như cũng có mỏ than, nhưng than ở đây chỉ dùng để đun bếp, chứ chạy máy tàu thì không đủ sức nóng. Nghe người ta đồn ở tỉnh Hải Dương có mỏ than, tôi nghĩ đấy cũng là rừng núi xưa kia mà thôi. Tôi tuy chưa đến đó, không dám nói quả quyết, nhưng miền Hải Dương quá nửa là chỗ có tầng nước chảy. Đấy cũng là một chứng cứ để nói rằng không có mỏ than. Phương pháp tìm mỏ than có nhiều cái ẩn tích không thể nói hết được. Nhưng việc tìm mỏ không khó, chỉ có việc khai thác than mới khó, lúc đầu đang còn cạn thì dùng sức người cũng có thể lấy được, đến lúc xuống sâu mà lại

phải đào xiên một hai nghìn thước nếu không dùng máy móc rút hết nước thì không thể lấy được than. Lại nữa, trong đất thường xông lên các khí độc nếu gặp lửa đèn sẽ nổ bùng làm người chết ngay. Vì vậy, phải có phương pháp khéo léo và phương pháp làm thông gió như của người Tây Âu mới tránh khỏi tai nạn. Vả lại đào xiên vào rất sâu hay dễ bị sập, nên phải làm sàn bắc ngang để đề phòng.

Phương pháp lấy than đá nói trên đây phải dụng công rất khó, nhưng lợi lớn gấp mười mỏ bạc, mỏ vàng, cho nên phải nghĩ hết mọi cách để lấy.

Cách làm cho nước mạnh là ở chỗ tạo được nhiều cửa. Cửa cái

nhiều thì lương thực đủ, khí giới tinh, thành trì vững, công quỹ dồi dào, các việc lợi ích do đấy sinh ra, các việc tai hại do đấy giảm bớt. Một khi có biến cố lớn xảy ra, chỉ cần lấy của cải trong kho nhà nước, khỏi phải phiền lụy đến dân. Lợi ích đó không thể kể xiết.

Nay nước ta, của công chỉ nhờ vào thuế, mà thuế đánh có hạn, chứ không có cách gì để làm cho của cải được nhiều như phương Tây. Cái tôi gọi là làm cho có nhiều của ở đây không có nghĩa là nói bòn rút của dân để làm cho nước giàu, mà là nhân nguồn lợi tự nhiên của trời đất để sinh ra của. Do đó nước giàu mà dân cũng giàu.

Nước ta một bề giáp bể, một bề

tựa vào núi, giữa là một giải đồng bằng, lại có nhiều sông chảy ngang qua, từ bờ biển đến tận cùng rừng núi mất 5, 6 ngày mà thôi, không như các nước khác xa biển xa núi, hoặc biển ít núi nhiều, hoặc núi nhiều sông ít, hoặc nhiều cồn cát sa mạc, hoặc nhiều đất khô cằn, thật là một nơi địa thế tốt nhất trên quả địa cầu. Người các nước đã từng ngợi khen, chính cũng vì núi sông gần nhau, cận nhau, mỗi lợi của nó rất lớn. Hơn nữa, người nước ta tầm vóc vừa phải, đã nhiều tài trí, lại khéo bắt chước tài kỹ xảo của người khác. Người nước ta có cái tính biết học tập cái hay cái tốt của người khác, không tự kiêu tự mãn như người Trung Quốc. Cho nên các nhà thông thái các nước khi bàn về đại thế trong thiên hạ đều

cho rằng nước ta đã có địa thế tốt lại có nhân tính tốt ngày sau ắt sẽ phồn vinh vô cùng. Nhưng chỉ tiếc là người mình còn chấp nê tập tục cũ, bị lối học từ chương bó buộc, nên chưa thể tung hoành nơi bốn biển (Tôi sẽ viết dâng lên một bài về địa thế nước ta vài mươi trang. Xem sẽ thấy phần khởi).

Ngày nay nếu ta biết dần dần chỉnh đốn những thói cũ, nghĩ cách làm lợi cho công, làm lợi cho tư để ta có được phương pháp hay của mình lại có được cả những phương pháp hay trên thế giới mới sáng tạo ra nữa, hai cái cùng thực hành song song với nhau không trái ngược nhau (Những phương pháp hay này chưa kịp trình bày được). Như thế thì những cái thiên hạ

mới có, ta cũng đồng thời có. Còn những cái ta vốn có thì thiên hạ không có. Như thế ai còn dám khinh nước mình nữa?

II- SAU ĐÂY TÔI XIN ĐƯA RA MỘT KHOẢN VỀ VIỆC LÀM SAO CHO NƯỚC NHÀ GIÀU CÓ ĐỂ CỨU GIÚP LÚC KHẨN CẤP:

Một là nguồn lợi về biển. Về biển thì không có nguồn lợi nào lớn bằng cá với muối.

Hai là nguồn lợi về rừng. Rừng thì không có gì lớn bằng gỗ.

Ba là nguồi lợi về đất đai. Đất đai thì không có gì lớn bằng tơ gai.

Bốn là nguồn lợi về mỏ. Về mỏ

thì không có gì lớn bằng đồng và thiếc.

Bốn nguồn lợi ấy, ngoài việc tùy theo thổ nghi mà thu thuế ra, còn phải nghĩ những phương pháp hay như của Tây Âu để thu nhiều sản vật. Sau đó cho tàu bè nhà nước chở ra bán cho các nước, rồi lại chở về nước mình những hàng cần dùng mà nước mình không có. Cái lợi bán mua qua lại như thế thường được gấp ba. Trừ than đá ra, như đồng, thiếc giá ở Bắc kỳ một quan nếu đem ra nước ngoài bán có thể được tới tám quan. Ngoài ra các thứ tơ, gai, cá, muối cũng thế. Và lại, Bắc kỳ nối liền Vân Nam, mà tơ của Vân Nam là tốt nhất thế giới. Người Pháp sở dĩ muốn từ Bắc kỳ thông thương Lương Giang, từ

Nam kỳ thông đường Tiền Giang là vì thế. Việc ấy trước đây tôi đã nói rõ, nay xin thôi không nói nữa.

Phàm thế vận càng suy thì thiên hạ không ai là không đuổi theo của cải mà tranh giành. Người đã giành lợi của ta, lẽ nào ta lại không biết lấy lợi của người? Đó là luật vay trả tự nhiên không thể tránh được. Hoặc có kẻ nói rằng bậc vua chúa cứ việc thi hành nhân nghĩa thì tự nhiên có lợi, cần gì phải khơi cái lòng ham lợi để cạnh tranh với dân! Sao không biết rằng nói như vậy là rất sai lầm về chính trị? Bậc tiên hiền có nói câu ấy thực, cốt ý để cứu vãn cái tệ hại thời bấy giờ, vì sợ rằng chỉ biết lo làm lợi

mà không nghĩ đến nhân nghĩa. Những nho gia sau này vì không suy nguyên cái ý ấy nên bày đặt ra bàn luận những điều thể diện quá cao. Nhưng xem việc làm của họ thì thường thường lại vì điều lợi hại mà không giữ được tiết tháo trong sạch. Cho nên người ta đã bảo những kẻ ấy là lời nói đã dè tiện mà việc làm lại hèn hạ. Hãy xem Yến Vương nước Tề vì nghĩa mà bị diệt, Tử Khoái nước Yên học bắt chước vua Nghiêu mà bị mất, Ai Công nước Lỗ ham đạo Nho mà bị suy nhược, vua nước Đại ham theo đạo Mặc mà bị tàn tạ! Học theo xưa không phải là luôn luôn không hay, nhưng chỉ có bốn ông ấy bị quốc phá thân vong là vì gặp lúc thời thế đã khác xưa rồi. Ăn trộm thì không gì lớn bằng trộm

nước. Thế mà thành công thì làm vua, bao nhiêu nghĩa sĩ chen chân nơi cửa chur hầu. Cho nên dùng gặp thời tức là nhân nghĩa, thất thời tức là bạo ngược. Những nhà nho câu nệ không khéo biến hóa, thường hay uốn lười múa mồm, sau khi sự thành bại đã rõ như gương chiếu rồi mới bàn luận anh hùng. Giả thử bản thân họ ở vào cảnh ngộ bấy giờ thì chẳng những mơ màng không biết tính toán ra sao mà điều nhân nghĩa, việc phải chăng cũng không phân biệt được. Vì sao vậy? Chẳng qua vì họ chưa làm đến địa vị ấy, mà luận bàn đến những điều cao xa ngoài sự tưởng tượng của người ta để tự tán dương lẫn nhau, để cốt cho những người có quyền lực đương thời để ý đến mà thôi. Như thế chẳng khác

gì người thích vẽ ma quỷ mà ghét vẽ chó ngựa<sup>64</sup>.

Đại phạm sự tình trong thiên hạ mượn tiếng tốt để làm việc xấu là người ngu; chịu tiếng xấu để làm việc tốt là người khôn. Trong thiên hạ khéo biết dùng thì được tiếng hay, không khéo dùng thì mang tiếng dở. Khéo dùng hay không khéo dùng đó là gì? Chính là cái tài lợi. Về tài lợi nếu như biết khéo thu nhập thì được nhiều mà không ai trách oán, đã thu nhập được mà không ai oán trách lại biết khéo sử dụng của thu nhập ấy, đó là nền

64 Nguyên văn: “Háo họa ly my, nhi tăng họa cầu mã”, câu của Hàn Phi Tử. Nghĩa là thích vẽ ma quỷ vì ma quỷ không có chân dung, không có thực hình, muốn vẽ thế nào cũng được, ai biết đúng sai đâu mà nói. Còn ghét vẽ chó ngựa vì có hình dung cụ thể, nếu vẽ sai là người ta biết ngay.

tảng của nhân nghĩa. Cho nên tạo vật khi chưa sinh ra người đã sinh ra muôn vật trong thiên hạ trước để làm nguồn của cái. Như Kinh Dịch nói: “Có trời đất muôn vật sau mới sinh ra trai gái”. Chứng cứ về việc đó rất rõ ràng.

Thời thượng cổ khi loài người bắt đầu phồn thịnh thì buổi trưa đã có họp chợ để tiện việc trao đổi những thức cần dùng, rồi sau việc giáo hóa mới dần dần hưng thịnh lên. Bởi vì tạo vật yêu người nên thầm dạy những việc cấp thiết trước, việc chưa cấp thiết thì dạy sau.

Tất cả những cái cần thường dùng thường làm hàng ngày của

con người từ thượng cổ, trung cổ đến tận thế không có cái gì là không do tạo vật bày ra. Những cái mà tạo vật bày ra đó đều khiến vua nắm quyền để mở mang sắp đặt. Vua đã thay quyền tạo vật để chấn dân, làm lợi cho dân, thì những việc lợi ích nên làm trong dân gian lẽ nào vua không tự mình ra gánh vác lấy, tự mình xướng xuất ra? Thời trung cổ người ta chưa hiểu được lý ấy nên mới bày bạ cho như thế là tranh lợi với nhân dân, nên mới có chuyện xưa kia đã làm đến quan đại phu thì không cho vợ dật cử nữa. Như thế là không biết rằng, có nước mà cứ để mặc cho của công tư bị thiếu hụt, đến phải yếu nhược không chấn hưng lên được, chính là vì có đó. Sao không suy xét xem vua muốn làm giàu có phải để cho

riêng một mình không? Nếu không thể thì một mình tiêu xài cũng có hạn, dù xa hoa phung phí cùng cực cũng không hết được. Vậy của đó để làm gì nếu không phải để cho dân cho nước? Ví như cha mẹ làm ăn khó nhọc để có của cải, là muốn để lại cho con cháu. Người không biết thì cười chê cha mẹ, cho rằng làm những việc vất vả khó nhọc ấy là đê tiện, thế chẳng phải là trái với lòng thương của cha mẹ lắm sao?

Nay nói về việc nước, khi đã có đủ của cải rồi thì lệnh trưng thu của cải trong dân chúng để cung ứng cho việc nước sẽ ngày càng giảm bớt mà sự nghiệp củng cố cho nước mạnh sẽ ngày càng tăng. Một khi nếu xảy ra giặc giã cần

phải đánh dẹp để yên bờ cõi an ninh xóm làng, quân đi đánh dẹp mỗi ngày tiêu phí hàng ngàn vàng thì lấy của công mà dùng để bảo vệ tài sản của dân chúng. Như vậy là không có nhân nghĩa ơn huệ nào lớn hơn thế nữa. Chỉ nói một việc này các việc cũng như thế thôi. Như thế mà còn có người đưa ra thuyết cùng dân tranh lợi để ngăn trở phá hoại việc nước, để cho bậc quân phụ mang tiếng này nọ, thế có phải là trung không? Thuở xưa Thái Công được phong làm vua nước Tề, chọn kẻ tài năng chuộng người có công và giết cao sĩ Đông Hải<sup>65</sup> là vì thế.

---

65 Đông Hải cao sĩ: Người có học có danh tiếng ẩn cư ở Đông Hải, không chịu làm việc mà chỉ nói suông, thường bày ra những luận điệu cao kỳ làm trở ngại việc nước. Thái Công nghĩ rằng để ông ta không có gì lợi mà có hại, nên đem giết đi.

Nay tôi xin hãy làm cho của cải nhiều thêm. Có nhiều lối làm giàu, nếu đem ra thực hành trăm năm cũng chưa hết. Nhưng tôi chỉ đưa ra 4 cách cấp thiết trước tiên để cấp cứu trong nhất thời. Tạo vật đã cho nước ta một địa lợi tốt để mà làm thì Triều đình phải có người đứng ra xướng xuất cho dân theo. Còn như những phương pháp nào hay ho thì Triều đình đã có ý định sắp đặt rồi tôi không dám bàn đến nữa. Nếu làm được như thế thì thật là vì chấn hưng lợi ích cho dân chứ không phải lấy của nhân dân. Ngày nay các nước trong thiên hạ đều theo phương pháp đó để làm giàu mạnh. Thiên hạ làm trước, mình làm theo sau, ai dám chê trách?

Lại xin đề cho những nhà giàu ở gần cửa bể có thể mua tàu lớn vượt bể để chở những đồ vật nước mình dư không dùng đến đem bán ở các nước, rồi lại chở về những thứ thiết dụng cho nước mình và đánh thuế xuất nhập để tăng thêm những thứ cần dùng trong nước. Nếu người nào mua về được nhiều thứ có lợi cho nước thì cần nhắc mà ban thưởng để khuyến khích họ cố gắng thêm. Đây là một điều lợi lớn. Vì rằng, những hàng hóa mình có, trừ số cần dùng ra, còn thừa đem chở bán cho họ, họ lại bán cho nước khác, như thế họ không cần phải đến nước mình làm gì. Nếu họ muốn đưa hàng hóa sản vật của họ sang thì đã có tàu của nước

mình đem về để mua bán trao đổi với người cùng quê hương xứ sở, chẳng dễ làm hơn mua ở bên nước họ hay sao? Như thế tự nhiên họ không cần phải tìm đến mình nữa. Sở dĩ họ tìm đến cầu thông thương với mình là vì người mình không thể đi xa mà thôi.

Có người nước ngoài nói rằng kế ấy rất độc. Nếu làm được thì không ngoài vài năm người Tây tự nhiên bỏ đất mà đi không cần phải đánh chác gì nữa. Vả lại họ đã dựa vào việc ta không ra khỏi cửa, nên dùng thế lực cướp lợi của ta, nay ta theo công lý để ngăn lòng tham của họ, lấy lợi của họ thì chắc rằng trong khoảng u u minh minh ấy

trời sẽ thăm lặn giúp ta vậy<sup>66</sup>. Vì rằng, tạo vật quý trọng sự sống vô cùng, đã cho ta địa lợi tốt, lại cho ta nhân vật tốt, ắt sẽ giúp ta thịnh vượng để hợp thành ra sự đẹp tốt lớn trong vũ trụ. Vậy ta nên thuận theo chúa tạo vật đã mở đường chỉ lối mà biết lo lắng để chuyển tai họa thành phúc, chuyển thất bại thành thành công, đem hết cái trí khôn trời cho để khai thông mọi cái bí mật trên trời dưới đất. Kẻ hủ nho sao không biết thời thế biến chuyển, cứ câu nệ vào nghĩa lý sách vở, nói bừa bãi rằng: Triều đình mở cửa ngõ đón kẻ cướp vào. Sao không biết rằng: Lúc thời thế đã đến, không thể ngăn được, lúc thời thế đã đi, không thể chặn

66 Đoạn chữ xiên “Có người nước ngoài” đến “giúp ta vậy” không có trong NAM PHONG, có thể do nhà báo cắt.

được. Tào vật đã sắp đặt như vậy sao ta không biết liệu cách tạm thời lưu thông với họ, để tự phấn đấu cho hợp với ý của tào vật? Cửa bể của khắp các nước phương Đông tào vật đã khai thông cả thì tại sao một mình nước ta lại có thể đóng kín được? Huống chi, việc lợi ích của một nước, quyền lực hành vi do vua nắm, và cùng với quốc dân chia sẻ mọi sự vui buồn. Mà trên đã có tào vật thâm sai khiến, vua chỉ cần theo ý trời để làm mọi việc. Những việc lớn như lấy đi hay là cấp cho, biết đâu chẳng phải do tào vật ngầm ngầm sắp đặt. Tào vật đã nhân ái đối với vua để từ đó mở rộng đến muôn dân. Thế mà trước mắt, hơi thấy việc bất bình thì kẻ hủ nho biết gì mà dám chê bai trách cứ? Tôi nói như vậy không phải để

hòa với địch mà chính vì sợ bọn hủ nho không biết ý trời việc người. Trước đây bọn họ đã có những ý nghĩ sai trái, làm hỏng công việc, nay thời thế đã đến thế lại còn không biết giúp đỡ Triều đình, hợp lực đồng tâm để lo việc nước khiến Triều đình đã lo ở ngoài lại phải lo cả bên trong, thử hỏi như thế thì còn lòng dạ nào? Thử xem 5 xứ Ấn Độ năm Càn Long thứ 17 vì không chịu cho nước Anh một thành mà sau phải mất trọn cả nước, Miến Điện năm Đạo Quang thứ 4 vì không chịu cho Anh một mảnh mà sau phải mất nửa nước. Tất cả đều vì không biết người biết mình nên đến nỗi hỏng việc nước như thế. Sở dĩ, năm xưa tôi đã không sợ tội mà dâng lời bàn hòa, chính là vì có ấy.

III. Hiện nay cục diện chưa biết sẽ diễn biến đến đâu, tôi xin kính dâng điều khẩn cấp nhất trong bài Tế cấp luận, là tìm sự trợ giúp, có sự trợ giúp sẽ được sáu điều lợi lớn. Tôn Tử nói: Dư sức đánh thì giữ, dư sức đánh mà lại có người giúp thì đã có sức mạnh. Huống chi nước ta nay đã không đủ sức đánh lẽ nào lại không cần sự giúp đỡ sao?<sup>67</sup>.

Trong tờ bẩm năm ngoái, tôi đã trình bày rõ ràng tình hình các nước phương Tây hiện nay giống

---

67 Bản NAM PHONG chấm dứt ở đây với câu: Ngày 23 tháng 7 năm Tự Đức 19. Đây là phần III tác giả nói về sự lý của sáu điều lợi lớn. Đó là điều khẩn cấp nhất trong bài Tế cấp luận của tác giả.

như thời Chiến Quốc. Đó là một điều trong bài Phân hợp luận. Vua Đạo Quang nhà Thanh có nói: “Cái kế hay nhất để đánh địch không gì bằng lấy địch đánh địch”. Theo tôi, nhìn chung các nước trong thiên hạ từ ba trăm năm trở lại đây tuy có nhiều cách có thể làm cho kẻ địch lâm nguy, nhưng cái cách bắn một phát trúng ngay, thì phải là lấy địch đuổi địch. Đó là lý do mà trong tờ Trần tình năm trước tôi nói việc khôi phục không phải tìm ở trong nước mà phải tìm ở ngoài thiên hạ. Bởi vì từ 15 năm nay tôi đã biết rõ chắc chắn phải có mối lo như ngày hôm nay, nên tôi đã ra sức tìm tòi học hỏi trí khôn của mọi người để thêm sự hiểu biết cho mình, chứ không phải chỉ mới một ngày.

Tóm lại, nói gộp trong một lời mà đủ ý tức là: Chỉ có lấy cái việc thiên hạ đã bị trúng quỷ kế của địch làm điều răn, để phòng địch, rồi lại lấy cái phương pháp mà địch đã bị trúng quỷ kế của thiên hạ để mà đuổi địch, thì không thể không thắng lợi. Vì rằng kẻ địch đã từng đi khắp thiên hạ, đã đem cái kế đó thi hành ở nước này mà trúng, thì lại đưa ứng dụng sang nước khác nữa. Nhưng thường thường cái kế của địch rất cuộc rồi cũng làm hại địch. Người hay lặn dưới nước tất phải có ngày chết chìm, đó là lý đương nhiên. Tạo vật là cha mẹ của tất cả các nước, thì không nở để một đứa con nào đến phải chịu



khốn khó<sup>68</sup>. Nay tôi xin đem sáu điều lợi lớn trình bày như sau:

Thứ nhất là nhờ kẻ khác để ngăn chặn họ. Anh và Pháp xưa nay vốn thù hằn nhau. Trước đây hai bên đã đánh nhau hàng trăm năm mãi không thôi. Cho đến nay hai bên vẫn chê cười khích bác nhau, cả nước đều như thế cả. Hiện nay vua Pháp đang ngấm ngầm tìm kế độc để báo thù việc vua Anh trước đây đã bắt đày vua bác của họ ra tận đảo xa xôi<sup>69</sup>. Người Anh lẽ nào không biết việc đó? Nhưng họ vẫn ỷnh nhẵn cộng sự với người Pháp, vì họ còn e ngại nước Nga

---

68 Bản Hv 135 chấm dứt với câu ghi: Ngày 23 tháng 7 năm Tự Đức 19.

69 Napoléon I bị Anh đày ra đảo Elbe rồi lại đày ra đảo Saint Helène.

chực sẵn sàng sau đó. Hai con trâu không húc nhau ở bên cạnh con hổ, vì cái thể còn ngại hổ. Lại vào cuối đời Càn Long, nước Anh đánh nhau với Hợp Chúng Quốc, người Pháp đã dồn cả binh lực vượt biển sang giúp Hợp Chúng Quốc. Do đó người Anh đã không giữ được phải bỏ. Mối thù đó đã khắc thấu xương chưa tiêu. Vì vậy năm trước khi Pháp lên vào Quảng Nam, Anh hay tin, cả nước xôn xao kêu ầm rằng Pháp uy hiếp ta, cho như vậy là không đúng. Hơn nữa, ta từ xưa đã từng đi lại ân nghĩa với người Anh, sao không nhân đây thông tin tức cho họ, rồi nhờ họ thông báo đến nước Nga, nước Áo nhờ các nước giải quyết giúp ta? Tuy nhất thời chưa chắc các nước làm ngay được, nhưng cũng nhân đó có

thể ngấm ngầm tìm cách giúp ta hại Pháp. Pháp hại thì ta lợi. Đó là điều lợi thứ nhất.

Thứ hai là xui kẻ khác gây sự với họ. Ở phương Tây thế lực hai nước Anh Pháp đại khái tương đương nhau. Pháp lợi về đường bộ, Anh lợi về đường thủy, không bên nào chịu nhường bên nào. Anh từ khi mất vùng đất Hợp Chúng Quốc, thì lại may mắn được nguồn lợi ở Ấn Độ. Nhân đó chiếm được 5 cảng của Trung Quốc, nửa nước Miến Điện và các thương cảng lớn ở biển Đông<sup>70</sup>, tự nghĩ có thể dùng thế lực đó trấn áp được Pháp. Duy

---

<sup>70</sup> Tức Thái Bình Dương, chứ không phải là Đông Dương, Nam Dương ngày nay. Nguyên văn nói: “Đông Dương”, nhưng Đông Dương là biển đông, “Nam Dương”.

có nước ta là hòa mục với Anh. Anh không có cơ để cướp nước ta. Pháp hận vì những miếng béo bở đã bị Anh phỗng trước nên nhân lúc Ấn Độ chưa hoàn toàn thuộc Anh, người bỏ thì mình lấy, cũng đã kiểm soát được 5 thương cảng nhỏ. Nhưng những nơi đó không phải là hang rồng ngách hổ nên cũng khó đứng vững. Một mai có việc gì xảy ra ở phương Đông thì cũng khó thắng nổi Anh. Do đó, Pháp đã bất chấp danh nghĩa, đột nhiên chiếm Gia Định và tự cho là tìm con rồng mà được ngọc. Hơn nữa, Gia Định vốn là nơi thiên nhiên hiểm trở, suốt một dải bờ

biển đều là bùng biển rậm rạp, hiểm trở hơn nhiều so với các chỗ khác ở phương Đông, chiếm được chỗ này là đủ sức khống chế thiên hạ. Tóm lại, nguồn lợi ở phương Đông, đều đã nằm trong tay người Anh, chỉ vì đi sai một nước cờ mà thế lực bị phân tán. Điều đó chưa bao giờ người Anh quên được!

Nước ta phải dùng lời lẽ thật từ tốn và tiền bạc thật hậu sang nước Anh, nói hết những điều sai trái của Pháp, như trong bài bẩm trước đây tôi đã nói rõ. Lại phải dùng những lời ngọt ngào viện dẫn các lý lẽ cứu nhược phù suy để tán dương thế lớn mạnh của Anh xem ý hướng họ thế nào. Nếu những lời nói đó được họ nghe thì sẽ nói tiếp rằng: Người Pháp không nói lời lẽ

gì minh bạch trước mà tự nhiên đột nhập lén đánh chúng tôi một cách bất ngờ. Nay người Anh đến giúp chúng tôi một tay khôi phục lại, chúng tôi sẽ vui lòng nhường quý quốc một thương cảng lớn, ký thác vĩnh viễn và sống như anh em với nhau, như Trung Quốc với Bồ Đào Nha trước đây vậy. May mà trời cho gặp cơ hội, Anh sẽ nhân lúc Pháp chân đứng chưa vững, đem những lý lẽ phải trái tuyên truyền sâu rộng khắp các nước làm chứng cứ, thì sẽ mau chóng ép buộc được Pháp. Thế của Anh thì mạnh, mà thế của Pháp thì yếu. May ra việc thành ta và Anh đều có lợi, còn không thành thì họa đã có chỗ chịu. Nếu bảo rằng cái kế đó cũng chỉ là cách rước sói vào cửa sau mà thôi, như thế tức không biết rằng ở đời

nếu phải tai họa thì hãy chọn cái họa nhỏ. Mất dê mà được trâu thì ai không thích cái mất ấy? Người Anh tuy thích vùng vẫy xâm lược phương xa, nhưng cũng thường giữ lễ nghĩa, chứ không hay phản phúc bất thường như người Pháp. Vả lại khi họ đuổi được Pháp rồi họ cũng khỏi lo bị chèn ép nữa. Dù không được thương cảng nào họ cũng vui lòng, huống chi ta cam kết giữ lời hứa, lẽ nào họ lại được thế hại ta? Mà giả sử điều đó xảy ra thì biết đâu pháp sẽ chẳng tụ họp các nước để đánh lại Anh? Như thế, Anh sẽ phải theo lời giao ước mà dừng lại, chẳng phải chỉ vì lý mà còn vì cả chính họ nữa. Hơn nữa tâm địa người Anh rộng rãi, không biết chừng còn trả lại cho ta mà không cần lấy đất nhượng, để

được tiếng thơm trong thiên hạ. Như năm xưa họ đã từng làm 5, 6 việc giống như vậy. Tuy đến nay họ còn hết sức bảo hộ là vì không bỏ người ta nửa đường. Anh đã đối xử với các nước như vậy, lẽ nào lại không đối xử được với nước ta? Nhưng điều đó cũng còn tùy thái độ nước ta đối với họ như thế nào trước đã. Nếu việc này thành công, đó là điều lợi thứ hai.

Thứ ba là nhờ người khác để ly gián họ. Anh và Pháp xưa nay vẫn ghen ghét nghi ngờ nhau, tuy tạm thời cộng tác với nhau, nhưng Anh vẫn giành phần hơn: về các phép dùng binh, trị dân và bất kỳ các việc lớn nhỏ hai nước đều xung

khắc nhau. Hễ vì lợi mà hợp nhau thì khi lợi hết ắt phải lìa nhau. Cứ mỗi khi Pháp có mưu đồ gì khác thì Anh tìm cách ly gián (Có nhiều việc không thể kể hết). Anh lại khéo giao thiệp, còn Pháp thì ít chơi thân với ai. Ít chơi thân thì đa nghi, đó là lý tất nhiên. Nay nếu ta năng đi lại với người Anh hoặc thăm viếng, hoặc mua bán, hoặc học tập những văn hóa lễ nghi với người Anh một cách nhiệt tình thân thiết hơn đối với người Pháp thì người Anh cũng sẽ đối xử với ta một cách xứng đáng. Cái kế của ta đó chưa chắc người Anh đã nhất nhất giúp ta hoàn thành, vì còn tùy cơ hội khó hay dễ. Nhưng dù sao người Pháp thấy ắt sinh nghi, cho rằng người Anh đã đem hết những mưu mô quỷ quyệt, những việc

làm ác độc của họ nói cho ta biết rồi và còn bày vẽ cho ta những kế thâm độc (Có hai kế phương Tây đã lập minh ước với nhau là không bày vẽ cho người khác) để làm hại họ, để hả lòng căm thù. Họ còn lo sợ người Anh sẽ nhân đó dụ ta đem mỗi lợi của họ chia cho người Anh vì họ biết rõ người Anh khéo thu phục nhân tình họ khó bì kịp. Đó chính là lý do khiến trong tờ hòa ước năm trước có một điều nói rằng: Có bằng lòng cho cắt đất mới được cắt đất<sup>71</sup>. Nhưng cái kế ấy của người Pháp là quá tham lam và có chỗ không thể thi hành được. Bởi vì ở phương Tây không có cái luật ấy, không có lý gì chưa lấy hết được đất mà đã có quyền như vậy. Nay nếu ta đem điều ấy nói với

---

<sup>71</sup> Hòa ước 5-5-1862 điều 4.

người Anh chắc người Anh sẽ giúp ta phân giải. Như thế, người Pháp lại tưởng rằng ta đã đem những việc làm sai trái của họ nói hết với người Anh, như việc năm trước họ đã lái tàu vượt biên giới bắt Quản Tiến đày ra ngoài đảo xa. Quan của họ đã từng nói đó là việc làm rất sai trái, nếu nước Nam đem chuyện này nói với người Anh, người Anh sẽ không tha thứ đâu. Như nay ta đã giao thiệp mật thiết với người Anh, tuy người Anh chưa hẳn đã táo bạo gây khó cho Pháp, nhưng cái thế rồi dần dần cũng sẽ đến. Như vậy người Pháp biết ta đã có người giúp tay, lại có trình thám dò xét mọi động tĩnh của họ; lại bị ta dùng kế bủa lưới bao vây bốn phía (Có nhiều điều, nay chưa kịp nói); lại biết lực lượng của ta dần

dần đủ để chống lại họ; lại biết ta đã phá vỡ mưu kế của họ; lại biết ta phải mà họ trái thì phải sợ mà chùn không dám hành động nữa. Sau đó sẽ nhân cái tệ của họ mà ta thực hiện mưu kế thì cũng dễ dàng thôi. Nếu không thì như bài bầm năm trước tôi đã nói đến hai con đường phía Nam thông Cao Miên, phía Bắc thông Vân Nam. Hiện nay ba tỉnh ngoài họ đã không trả<sup>72</sup> ba tỉnh trong lại lắm le muốn lấy, rồi tương lai sẽ gây biến động gì nữa, cứ suy việc trước ắt biết. Nay nếu thực hành cái kế đó người Pháp sẽ

---

72 Khoảng tháng 6, 7-1864, tuy Aubaret tới Huế thương lượng về hòa ước mới thay cho hòa ước 5-6-1862, nhưng trong lúc Aubaret trên đường về Sài Gòn, thì Chính phủ Pháp đã điện cho Lagrandière không trả lại ba tỉnh. Ba tỉnh trong (nội tam tỉnh) tức ba tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hòa và ba tỉnh ngoài (ngoại tam tỉnh) tức ba tỉnh Vĩnh Long, Châu Đốc, Hà Tiên.

ngghi ngờ mà xa là người Anh. Ta sẽ lợi dụng tình trạng đó mà xoay trở công việc. Đó là điều lợi thứ ba.

Thứ tư là nhờ nước khác lấy danh nghĩa mà áp chế họ. Cái kế mưu sinh lớn của các nước phương Tây quá nửa là do lấy từ nước ngoài. Bồ Đào Nha là nước khởi đầu việc đó, rồi các nước khác tiếp theo sau. Phàm trên thế giới, tất cả những chỗ nào có nhiều lợi lộc chúng đều trở mắt vén tay chực mưu tính cả. Mỗi lợi nào chưa vào tay thì sợ người khác phỗng, khi đã lọt vào tay rồi thì sợ người đến sau giật lấy. Mình có thì không muốn người khác cũng có như mình. Mình không có thì không muốn người khác có. Vì sợ rằng bên này lợi thì bên

kia hại, bên này thịnh thì bên kia suy, cho nên cái mưu kế tung hoành không hện mà gập. Phàm nước nào hiếp ức người vô lý thì các nước sẽ hiệp lực với nhau để đánh lại. Trước hết lấy danh nghĩa ra mà trách, nếu biết trái mà dẹp thì thôi. Hiện nay các nước nhỏ ở phương Tây và các nước khác trên thế giới đã từng bị phương Tây xâm lăng ngược đãi, không nước nào không dùng kế này để cầu an. Thường thường các nước lớn hay đánh lẫn nhau mà các nước nhỏ thì ngồi xem thành bại, không hề mất một mũi tên. Những chứng cứ như thế rất nhiều không thể kể hết. Ngày nay, nếu ta biết qua lại giao thiệp với các nước lớn phương Tây, gây được mối tình cảm, rồi dùng cái xảo kế để ly nước này,

hợp với nước kia. Người Pháp dù muốn thừa cơ hội nhưng nếu các nước chịu tuyên bố giúp ta một lời thì người Pháp cũng sẽ lo sợ không dám làm càn, sợ động đến sự phần nộ của các nước, họ còn sợ các nước sẽ nghĩ đến việc báo thù vua bác của họ trước đây đã tiến binh chinh phạt (Ông vua này đã diệt Hà Lan, phế Y Pha Nho, lấy Bồ Đào Nha, thôn tính Ý Đại Lợi, Thụy Sĩ, các nước Nhật Nhĩ Man (Germanie), quá nửa Phổ Lỗ Sĩ, lấy các nước Áo Đại Lợi, Ách Nhật Đa (?), Đan Mạch và xâm nhập thủ đô của người Nga. Những việc này xảy ra năm Gia Khánh thứ 10). Nếu người Pháp vì quá tham mà không nhả thì các nước sẽ dồn lực để thực hiện lời tuyên bố trên. Tiếc là làm việc nghĩa nhưng thực ra là để báo oán

đấy. Rồi ta lại qua nước La Mã thông hiếu với Giáo hoàng. Giáo hoàng tuy không dùng binh quyền nhưng thực ra là người chiết trung mọi việc tranh chấp của các nước và vốn được các nước khâm phục chiêm ngưỡng. Nếu Giáo hoàng cũng cho việc giúp ta là phải, thì mọi người đều vui lòng thực hiện, ta không lo người Pháp không nghe. Nếu kế đó thi hành được, thì sớm muộn ta cũng thoát khỏi sự ràng buộc của người Pháp như các nước vậy. Đó là điều lợi thứ tư.

Thứ năm là nhờ các nước để đề phòng các nước. Kế này rất là lâu dài, cũng rất thượng sách. Không đầy 10 năm sau ta lại có mối lo

khác, cho nên nếu ngày nay sớm biết đề phòng, thì ngày sau mới có công việc. Bởi vì người phương Tây thường hay nhân lúc người ta có nội loạn mà cướp đoạt mối lợi ở ngoài của người ta. Cũng có khi vì xa không trông coi được mà dùng cách lấy xa đổi gần. Nhưng quyền lợi ở phương Đông hiện nay 10 phần đã thuộc về nước Anh đến 6, 7 rồi. Duy có Y Pha Nho chỉ còn Lữ Tống, Hà Lan chỉ còn Trảo Oa và linh tinh một số nhỏ nữa mà thôi. Còn người Nga thì đã bao chiếm tất cả miền Bắc của phương Đông. Nhưng sự thông thương sang phương Đông của người Nga phải theo đường bộ, nên chậm, còn người Anh thì theo đường biển nên nhanh. Hiện nay Đại Thanh đã cho người Nga phân nửa đất đai phía Bắc Cát Lâm. Các

vùng thuộc Hồi giáo ở Tây Vực cũng đã nhập vào bản đồ nước Nga hết cả rồi. Ý đồ của người Nga sẽ còn muốn dòm ngó cả Ấn Độ nữa. Nói về lực lượng thì người Anh không bằng người Nga, nhưng nói về kỹ thuật thì người Nga không bằng người Anh, mà sau người Anh là đến người Pháp. Việc chiếm đoạt phương Đông, Anh Nga đến trước, Pháp đến sau. Hơn nữa, hiện nay vua Pháp đang âm mưu làm một việc mà cả phương Tây rất ghét và tạo vật cũng rất kỵ. Ở phương Tây từ trước đến nay chưa nước nào phạm việc đó, mà không bị bại loạn cả. Vì vậy hôm trước tôi đã bấm với Phạm, Ngụy<sup>73</sup>. hai đại nhân nên lấy kỳ hạn 10 năm để khôi phục chính

73 Phạm Phú Thứ, Ngụy Khắc Đản trong thời gian phái bộ Phan Thanh Giản ở Sài Gòn chờ tàu đi Huế (từ 18 đến 24-3-1864).

là vì lẽ đó. Nhưng ta với Pháp thì xa mà Anh với Pháp thì gần, nếu xảy ra việc gì chỉ trong một ngày có thể biết ngay. Đem binh lính hùng cường của phương Đông dồn hết lực lượng ra tranh hùng với người Pháp để bù lại sự thua thiệt trước kia, đó vốn là cái ngón thường dùng của người Anh. Tất cả những nước Pháp, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Y Pha Nho, Đại Ni Á (?) có những thương cảng ở phương Đông và phương Nam xưa kia, nay đã thuộc về Anh đến 8, 9 phần 10 rồi. Ấy là do lấy cái này đổi cái kia, hoặc nhân lúc suy yếu mà nhường đất cho Anh để mong ngày sau sẽ chuộc lại, hoặc thấy người Anh có ý vậy nên không đánh nữa mà tự rút lui để giữ nhân tình. Ba trăm năm nay giữa các nước những chuyện trao cái

nọ đổi cái kia, cướp đi giật lại, có khi một thị trường nhỏ mà thay đi đổi lại như thế đến mấy chục lần. Người Anh tuy thường giữ lễ nghĩa nhưng trong bụng vẫn thèm muốn cái thiên nhiên hiểm yếu Gia Định của ta, ý đó chẳng phải mới một ngày đâu. Một mai, nếu người Pháp có việc gì người Anh sẽ lấy một thương cảng nào đó ở Tây Châu gần thuộc địa của Pháp để đổi cho Pháp. Nếu không, xem ra cái thế có thể cướp được thì cướp đoạt luôn để bao chiếm hết cả những chỗ quan trọng của phương Đông. Thế nghĩa là cả miền đất đai ấy không người này chiếm thì người kia chiếm. Nếu ngày nay ta biết giao hảo với người Anh trước để đề phòng đường biển, sau sẽ thông thương với nước Nga để đề phòng

đường bộ. Cho dầu sau này thời thế biến đổi thì trước kia người Anh đã lấy cái việc người Pháp tìm cơ cướp nước ta cho là trái lẽ, mà nay lại thủ tiêu tình bạn bè để cướp nước ta mà cho là phải hay sao? Vả lại, trước kia người Anh đã có cảm tình nồng hậu đối với ta mà hết lời tán dương chính nghĩa của ta để giải thoát cho ta. Việc đó cả thiên hạ đều nghe thấy. Thế mà nay lại thấy lợi quên nghĩa. Thế thì trước kia người Nga cũng đã từng có cảm tình với ta, nay thấy việc bất bình như vậy biết đâu chẳng vì ta mà từ Tây Vực choàng ngay vào sào huyệt của Anh? Nếu sớm dùng kế này thì không những tính trước được lâu dài mà cũng do đây đạt được cái lợi gần như nói trong 4 điều trên. Nếu không, cứ sợ đuổi Tần này lại sinh

một Tần khác<sup>74</sup>, cứ nghĩ rằng một lần ngã còn được, ngã lần nữa thì bị thương. Đó mới thật là mối hại lớn. Mưu trí của người quân tử để lại chẳng riêng cho bản thân mình mà cốt để cho con cháu. Huống chi đây là việc nước vô cùng trọng đại lẽ nào không sớm lo liệu hay sao? Đó là điều lợi thứ năm.

Thứ sáu là dùng người khác để đánh họ. Ta đã thực hành năm cách trên đây để cầu giúp từ bên ngoài, như con rết một trăm chân không ngã là do có nhiều chân vậy. Sau đó mới nhờ người ngoài để giúp đỡ bên trong. Nay nhìn sang phương Tây thì dù đưa bé con cũng

74 Mất Tần Thủy Hoàng thì lại vấp phải Hạng Võ. Câu trên ý nói Hạng Võ thì cũng ác không kém Tần Thủy Hoàng.

hiếu được cái tâm lý là hai nước mạnh không chịu thua nhau, chứ không phải chỉ riêng Pháp mới như thế. Nếu ta đi lại với Anh, biết rõ tính tình của họ rồi chiêu mộ những người Anh sống lưu vong ở hải ngoại, cho họ tiền của, cư xử tốt để được lòng họ, rồi nhờ họ huấn luyện binh lính quân ngũ cho ta (Binh pháp của người Anh rất giỏi). Những người này không suy nghĩ gì viễn vông cả, hẳn được thỏa thích là họ xông lên, không như quân ta sợ trước ngó sau. Huống chi đây lại đối đầu với kẻ mà họ ghét, xuống tay với kẻ tương tranh. Cho nên trước đây khi Pháp nghe đồn nước ta thu nuôi người Anh, họ rất lo ngại. Vì họ vốn có bụng sợ quân Bắc kỳ một vài phần, nếu có người Anh đốc suất điều khiển nữa

thì họ càng thêm nao núng. Bởi vì họ đã biết rõ những người này có thể liều chết vì người khác, lại giỏi dụng binh, giữ thành. Các nước sở dĩ chống được với phương Tây cũng đều dùng kế đó. Như trong thời Càn Long, người Anh đã lần dần như tằm ăn cả 4 miền Đông, Trung, Tây, Nam của Ấn Độ, duy chỉ có miền Shikhs bắc Ấn Độ dùng người Pháp làm tướng, cho nên người Anh thu giáo về bàn chuyện hòa hiếu, chưa dám manh tâm. Đợi đến khi viên tướng Pháp kia chết người Anh mới đem quân xâm nhập cắt chiếm hơn nửa phần đất. Lại như các nước Tây Châu giải thoát được bàn tay độc của phương Tây phần nhiều cũng dùng kế đó. Vả lại ngày nay ta dùng kế đó là cốt để tự cường bên trong. Con mãnh hổ

có mặt trên núi thì bày cáo không dám ngấp nghé. Nhờ đó việc dẹp giặc loạn bên trong không khó mà đề phòng hoạn nạn bên ngoài cũng dễ. Vì rằng người Pháp biết ta đủ sức phục thù tất sẽ tụ hợp các nước khác để ứng viện. Nhưng ta đã được sự đồng tình của các nước rồi, thế tất các nước cũng nhân đó mà ngăn chặn lại. Nếu người Pháp thấy phải mà không chịu nghe cứ muốn cướp nước ta, thì sẽ bị cô thế không ai chi viện, còn lực lượng của ta thì đã được củng cố, như thế cũng chẳng đáng sợ. Huống hồ người Anh đã ở với ta thì chính phủ Anh tất phải theo giúp, nếu để thua sẽ tổn hại uy danh. Hiện nay Pháp đem thêm quân lính sang và tương lai những binh thuyền sở thuộc ở phương Đông cũng sẽ dần

dần tập trung về Gia Định để làm cái thế chiếm đóng chỗ trọng yếu. Thêm vào đó Y Pha Nho ngày nay đã mất hết quyền ở các nước thuộc địa Tây Châu, chỉ còn đảo Lữ Tống ở phương Đông mà thôi, đảo này lại ở gần Bắc kỳ ta. Y pha Nho là một nước rất sùng mộ đạo giáo [Chỉ cho đạo Công giáo.], gần đây nghe tin ở miền Bắc việc giết giáo dân chưa yên, cũng sẽ nhân cơ đó mà trách ta không giữ đúng lời hứa, để rồi sẽ giúp nghịch đảng chống ta. Còn người Pháp nhân nay nghe tin quân Bắc vào Bình Thuận, mai nghe quân Bắc vào Gia Định (Tin đồn này do các thương thuyền phía Nam Quảng Nam vào Gia Định tung ra) thì tất cả những ông quan muốn lập công ở hải ngoại sẽ tâu lên loạn xạ để chứng minh cho lập trường

của họ. Ngoài ra còn có bọn giặc ở phía Bắc luôn luôn qua lại hai nước, dùng lời xảo quyết để thực hiện mưu đồ của chúng. Vậy nay ta phải xử sự cho khéo, bình tĩnh đề phòng đừng để hai nước tìm được chỗ hở nào của ta cả. Lại phải thông hiếu gấp đừng để chúng kết hợp lại với nhau, phải gấp rút chiêu mộ những tay vong mệnh để áp đảo khí thế của họ, trước hãy làm cách không thể thắng để chuẩn bị thắng địch. Đó là điều lợi thứ sáu.

Đã thực hiện được sáu điều lợi rồi, dần dần có cơ hội, tôi xin đem các điều ngầm ngầm làm tổn hại địch trong bài Tế cấp luận ra thực hiện dần dần thì sẽ như lấy trăm

kim mà chích làm cho họ nằm ngòai không yên. Sau đó bồi luôn cho một nhát dao thì thế nào cũng chết. Huống chi Tế cấp luận là thâm tóm trí khôn của thiên hạ 500 năm nay, đâu phải chuyện một ngày có thể làm được hết. Một nước dùng kế trong một nước cũng đủ chả cần phải mượn tài ở nước ngoài. Nhưng muốn chế ngự thiên hạ thì cũng phải dùng mưu trí của thiên hạ mới được việc. Bởi vì đại thế trong thiên hạ thường cứ 6, 7 trăm năm có một lần biến đổi lớn, thì cái trí thuật cũng theo thời thế mà tăng, việc làm cũng phải tùy theo thời mà định liệu. Nếu lợi cho dân thì không cứ phải theo xưa, nếu thích hợp thì không cứ phải chạy theo cũ, nếu học điều khôn thì không cứ là của địch hay của ta. Kinh

Dịch có nói: Khi con rồng đang nằm ăn náu thì không nên dùng nó. Câu ấy có nghĩa là không nên trái thời.

Những điều trên đây là trình bày đại thể, nói chung là trước thuận theo sự đặt định của tạo vật, sau ra sức thực hiện để cứu vãn tình thế. Vậy muốn áp dụng kế này phải gấp rút khai thác các nguồn lợi và phải nhờ người khác giúp sức. Các mưu kế đó nếu được gấp rút ứng dụng thì dần dần sẽ thấy kết quả. Nếu chậm ứng dụng thì dù chậm đến đâu cũng không thể nào bỏ qua không dùng những kế đó, mà có thể chống lại được với địch. Còn như tự Triều đình thấy mưu kế chước thuật gì hay hơn, điều đó tôi không dám biết. Nhưng theo kiến thức của tôi thu thập được trong

thiên hạ, thì nếu bỏ kế đó sẽ không có kế sách nào khác nữa. Hơn nữa dùng kế này không những chống được Pháp, mà còn đề phòng được thiên hạ. Nếu cho rằng kế này quá phiền phức mà chậm, tức không biết rằng muốn thành việc lớn phải đấu tranh hàng trăm năm, chứ đâu phải một hơi mà được. Nhà Đường mất Lưỡng Hoài<sup>75</sup> phải đến hàng ba chục năm mới khôi phục được hưởng chi đây là một kẻ địch hùng mạnh. Cho nên bắt chim, đâu phải chỉ có một mắt lưới mà được. Nay dùng một mắt lưới mà muốn bắt được chim thì làm sao được? Bờ đê có hàng vạn lỗ hang chỉ chặn một lỗ mà muốn bắt được cá thì làm sao được? Trên thế giới có nhiều

75 Tức Hoài Bắc và Hoài Nam. Đời Đường gọi các miền đất phía Bắc và phía Nam sông Hoài là đạo Hoài Bắc, đạo Hoài Nam.

nước nhỏ đã thực hiện được, sao ta lại không làm được?

Trong bài có nói về các khoản khai thác nguồn lợi dù kẻ địch có biết cũng không hại gì. Còn như các điều khoản nói về người giúp đỡ, nếu tiết lộ ra khiến họ tìm cách ngăn chặn ta sẽ khó thực hiện được ý muốn, cho nên phải hết sức cẩn thận. Còn như sẽ làm theo đường lối nào và sử dụng ngôn ngữ gì thì tôi sẽ cùng với ông Nguyễn Hoằng xin hết sức làm để giúp muôn một.

Nay kính bẩm.

## DI THẢO SỐ 6

Về việc mua và đóng thuyền máy<sup>76</sup>

(Cuối năm 1864 - Đầu năm 1865)

---

76 Nguyên văn chữ Hán chỉ có trong Hv 634/4 tờ 185-192

Bản văn này không có ghi ngày tháng năm. Nhưng nội dung bản văn chưa cho thấy là trước đó đã có việc mua bán gì cụ thể, mua cụ thể thì tháng 8 năm Tự Đức 18 (tức tháng 9-1865), Triều đình mới mua thuyền máy đầu tiên là thuyền Mẫn Thỏa (Xem ĐẠI NAM THỰC LỤC, bản dịch Nxb Khoa học Xã hội, tập 30 trang 168). Hơn nữa di thảo số 7 (khoảng tháng 2-1865) đã có nhắc tới tờ bẩm trước về việc mua thuyền máy. Do đó văn bản này có thể được viết từ Sài Gòn (Nguyễn Trường Tộ nói là mình đang bị tê bại, nằm ngửa mà viết) vào khoảng cuối 1864 - đầu 1865.

Tôi nghe Triều đình muốn mua hỏa thuyền. Điều này rất tốt và cũng chẳng cần xin phép họ, chỉ thông báo cho họ biết mà thôi. Nước Pháp xưa nay không dám có hành động cấm cản người ta tu chính việc võ bị. Nhưng họ cũng có bụng hẹp hòi. Nếu ta đến họ yêu cầu chỉ vẽ đường lối, chưa chắc họ đã tận tâm giúp ta. Chỉ người Anh là có tâm lượng rộng rãi, giúp việc cho ai cũng đều có ân có hậ. Hơn nữa việc mua máy móc cũng có nhiều chỗ khó khăn đáng quan ngại. Tôi xin trình bày sơ lược một hai điều xem liệu có dùng được điều nào chẳng.

Về máy móc, nó vốn chỉ là vật cố định, nhờ khéo léo điều khiển mà thành vật chuyển động, khi

thành vật chuyển động mà gặp trở ngại nếu không có người giỏi, cứ chỉnh sửa bậy bạ thì sẽ thành đồ bỏ. Cũng như thân thể con người khi gặp bệnh nếu người không giỏi mạch lạc mà cứ châm cắt bừa bãi thì sẽ thành phế nhân. Hiện nay nước ta chưa có tay lành nghề, nếu vội mua về không khỏi phải mượn thủy thủ của họ. Tốn phí rất lớn mà cũng có nhiều chỗ đáng ngại. Còn không mượn họ, để hỏa thuyền một tháng không sử dụng cho máy chạy, máy sẽ bị cáu rỉ sau khó chỉnh lại cho tốt. Xưa nước Lạc Mã muốn đối địch với nước Phi Ni Tây ngầm sai những tay thợ khéo nước mình lén sang nước địch làm công rồi ngầm học cách lái tàu hơn một năm, khi lái giỏi mới có thể đối trận lập công được. Hiện nay

Nga La Tư cũng sai người sang Anh Cát Lợi làm công, học các thao tác. Cách thao tác rất khó. Họ đã tích lũy nhiều năm mới giỏi được như vậy. Hiện nay ở phương Tây về cách thao tác thuyền bè không có ai là đối thủ của người Anh cả. Cho nên nhiều người đến đó học. Nay ta chưa thao tác điều khiển được mà muốn sửa chữa thì làm sao khỏi bị hư hỏng. Tôi thiết nghĩ hiện nay ta chưa có nhiều người thông thạo tiếng nước họ, đó là một điều khó. Nếu muốn sang học người Anh, họ cũng chẳng hẹp hòi, nhưng một là phải chọn được nhiều người thật tâm vì nước không ngại đi xa mới được, hai là phải dùng nhiều thông ngôn, gấp rút như thế khó tìm được, đó là hai điều khó. Còn một bên sang học một bên thuê mướn

thì so ra việc sang học tốn phí còn gấp đôi việc thuê mướn (Lý do vì sao, việc này tôi chưa kịp trình bày rõ).

Về máy móc có loại máy cao và máy thấp khác nhau. Máy cao thì dụng công giản dị nhưng dễ bị hư hại. Máy thấp thì dụng công phiền phức nhưng tiện. Phải có người hiểu rõ lý thuyết mới khỏi mua lầm. Ngoài ra có loại 200 sức ngựa, 300 sức ngựa cho đến 1000 sức ngựa khác nhau. Nếu không biết công suất áp lực, không tính được sức ngựa nhiều ít. Giá rẻ thì dễ mua lầm. Nói chung, máy cao sức ngựa ít, giá rẻ, máy thấp sức ngựa nhiều, giá đắt. Đó là điều phải phân biệt cho rõ.

Về khoản thứ ba nói về định vật như máy móc chẳng hạn thì theo nguyên lý từ mới đến cũ, không phải như sinh vật từ nhỏ rồi đến lớn. Cho nên tất cả các định vật do người vận chuyển dần dần sẽ hao mòn hư hoại, dù có tu bổ cũng không thể đổi cũ thành mới lại được. Do đó thuyền chở khách hoặc thuyền buôn bị hư họ muốn đem bán thì họ sửa chữa lại. Cũng như đồng hồ vậy, nếu người mua không biết cách sử dụng, không quan sát cho tinh vi thì vào tay không bao lâu sẽ hỏng ngay. Phàm thuyền cũ hoặc thuyền sử dụng đã lâu rất khó quan sát nhận xét. Tốt hơn chi bằng đến thẳng xưởng đóng thuyền chọn mua cái mới. Nhưng như thế cũng gặp phải một nhược điểm là thuyền chưa

chạy thử. Vì vậy nên mua thuyền nào đã chạy một vài lần mới tốt. Thống kê về hỏa thuyền trên thế giới thì thuyền tốt nhất mà giá rẻ nhất chỉ có Hoa Kỳ, nhiều xưởng đóng thuyền nhất chỉ có Anh Cát Lợi. Quá nửa hỏa thuyền của Pháp đều mua từ nước Anh và các nước phương Tây phần nhiều cũng đều mua thuyền của Anh. Bởi vì cách đóng thuyền của các nước đều theo phương pháp của Anh Cát Lợi. Nay đi mua thuyền phải theo đường lối như vậy, lại phải chọn được người mình có biết qua các loại máy móc để biết lựa chọn cái xấu cái tốt mới được. Nếu cứ theo lời họ nói thì thế nào họ cũng che giấu cái xấu cái tệ. Theo tôi thiết nghĩ hiện nay người Nam ta biết qua các loại máy tàu và các lý thuyết điều chỉnh tu

sửa, không ai hơn được tôi, từ nay về sau thế nào thì không dám nói. Nhưng giao dịch với nước ngoài, phần nhiều có lệ phải đóng khoản tiền đầu (Điều này có nhiều chi tiết chưa kịp trình bày rõ), phải đến trước mặt quan họ xin dùng công ấn đóng vào mới khỏi tệ này.

Khoản thứ tư, nếu đã mua được mấy chiếc thì phải mua máy điều chỉnh, các máy móc có hư tổn thì lượng thế tu chỉnh, sức ít công nhiều. Nếu không, thuê thợ của họ tiền công rất cao. Hơn nữa cứ mỗi lần hư cái gì lại phải mời họ điều chỉnh cũng phiền phức.

Khoản thứ năm thuyền nước họ giá mua và tiền công rất đắt, khi bán sang cho ta lại phải giá lợi

gấp 3, 4 lần mới chịu bán. Nếu mua được vài mươi chiếc thì phí tổn đã không ít mà sử dụng cũng có hạn. Tôi thiết nghĩ trước tiên nên mua vài chiếc để đáp ứng những việc cần dùng khẩn thiết. Sau đó mua một bộ các loại máy nấu đúc và các máy vận dụng tạo tác (Danh mục các loại máy này rất nhiều chưa kịp trình bày đầy đủ. Tuy nói trong danh mục nhưng mắt chưa trông thấy cũng khó hiểu rõ). Những loại máy này, có thứ thợ mình có thể làm được thì không cần mua, còn những thứ thợ mình không làm được (Có máy nặng đến một vạn cân không thể vận chuyển bằng tay được, phải nhờ máy nấu đúc hoặc các loại máy công cụ mới làm thành được) thì mua hết đem về thiết lập một xưởng để thực hiện

việc nấu đúc. Ban đầu tuy chưa tinh xảo, nhưng từ vựng rồi sẽ đến khéo, từ thô sơ rồi mới đến tinh xảo, lâu ngày tự mình có thể thông hiểu nguyên lý của nó. Họ là người gì? Mới đầu bắt quá cũng vậy thôi. Khi đã có máy làm khuôn rồi, từ đó chế biến ra bao nhiêu loại kỹ thuật khác như bánh xe nước, máy cày, máy dệt, đồ dùng hằng ngày, binh khí, v.v... cũng đều ứng dụng từ một nguyên lý mà ra (Đó là sức tự nhiên). Mỗi ngày một canh tân, canh tân thêm nữa, cũng chẳng phải là việc khó. Nhưng trong các loại cơ khí, duy công lực của hỏa thuyền là phiền phức hơn cả. Nếu mình không hiểu sâu đại số, hóa học, trọng lực học v.v... thì cũng khó thành tựu. Tuy nhiên nói vậy không có nghĩa là mình không thể

làm được. Chỉ có điều là bề trên phải có tâm sức, làm mà không hạn chế, làm lâu mới thấy hiệu quả. Nếu cho rằng tạo tác không đúng pháp, quyết không thành công, tôi xin làm một so sánh như sau. Vật liệu và giá nhân công của ta rất rẻ. Nếu đem số tiền mua được mười chiếc của họ mà ta tự chế tạo thì sẽ được 30 chiếc. Cho dầu sơ khởi tạo 2, 3 chiếc chưa được tinh xảo, nhưng đến lần thứ tư thứ năm sẽ tinh xảo. Như vậy dù trước có mua của họ 2, 3 lần nhưng số tiền đó cũng chưa đầy một phần ba số tiền hoàn toàn mua của họ. Nhưng ta chế tạo thì dần dần mỗi ngày một tinh xảo sẽ được lợi vô cùng, đó là một, thành tựu được nhân tài là hai, cho họ biết nước ta cũng có người là ba.

Năm khoản trên đây tôi chỉ mới nói đại lược, còn các chi tiết chưa kịp trình bày rõ. Nhân vì chân tôi bị tê bại sắp thành kẻ phế nhân, nằm ngửa ra mà viết, tinh thần buồn bực rối loạn, tự biết nói năng không thứ tự. Nhưng tất cả đó là sự thật, muôn trông ba vị đại nhân thương tấm lòng nhiệt thành của tôi mà lượng thứ cho. Nay kính bẩm.

(Tôi nghe cái đồng hồ không chạy. Nếu tiện xin gửi đến, tôi sẽ đích thân chỉnh lại sẽ tốt. Nếu tôi bệnh chưa khỏi, tôi sẽ thuê thợ Tây chỉnh lại cũng tốt. Vì thợ Tây biết tôi cũng chỉnh được nên khô-

ng dám làm cầu thả. Còn các loại đồng hồ chuông tôi đều hiểu rõ hết, không những chỉnh được, dù loại mới cũng được. Có điều là tôi chưa mua được máy chỉnh).

## DI THẢO SỐ 7

Về việc đào tạo người điều khiển và sửa chữa thuyền máy<sup>77</sup>

(Tháng 2 năm 1865)

Tôi là Nguyễn Trường Tộ xin dâng lên đại nhân soi xét.

---

<sup>77</sup> Nguyên văn chữ Hán: Hv 189/1 tờ 65-66 và Hv 634/4 tờ 73-77.

Bản văn này cũng không có ghi ngày tháng năm, nhưng chắc chắn là được viết vào khoảng giữa tháng 2-1865 tại Huế. Bởi vì trong bản văn có nói tới việc tàu Pháp đã đến kinh. Đây là tàu đo trung úy hải quân Chavalier tới Huế (Từ 10 đến 17 tháng 2-1865) để chính thức báo tin là chính phủ Pháp vẫn giữ nguyên hòa ước 5-6-1862 và đòi Triều đình Tự Đức trả tiền bồi thường chiến tranh hàng năm như đã quy định.

Hiện nay thuyền của Tây đã đến Kinh, tôi đã ngầm hẹn với ông Hoảng cùng đi với tôi là có thâm ý riêng:

Một là, lần này thuyền Tây đến trả lời thẳng là không trả 3 tỉnh, mà còn tin cho biết sẽ đòi tiền bồi thường hằng năm. Tôi nghĩ có lẽ Triều đình đã có lời bàn riêng với họ, nhưng viên thông ngôn đã bị họ sai khiến, nên hễ có lời nói nào không hợp với họ, thì hẳn ta bênh che không dám nói hết lời. Như thế thì thật hỏng việc. Như việc phiên dịch của Trung Quốc đối với các nước ngoài trước kia, vì do những sự thêm bớt sự việc mà đến hỏng việc nước. Cho nên tôi đã thăm

hẹn với ông Hoảng cùng nhau đến đây. Nếu Triều đình có những việc gì cần nói cứng hoặc cần đấu dịu cứ việc nói thẳng không ngại gì.

Hai là, trước đây phái viên tung tin ra rằng Phan đại nhân và Phạm đại nhân có sai người đến hỏi ông Hoảng về việc hỏa thuyền. Lúc bấy giờ chưa thể trình bày rõ, nay nếu cần hỏi tỉ mỉ rõ ràng thì có ông Hoảng ở đây. Nếu có điều gì ông chưa hiểu thấu thì tôi sẽ cùng ông ta bàn bạc rồi sẽ bẩm rõ. Và chẳng vì việc đại thuyền và cơ khí thì trước đây tôi đã trình bày sơ lược rồi. Nếu muốn mua những thứ đã có sẵn thì phải theo cách đó mới được (trước đây đã trình bày

rõ). Hoặc muốn sang nước họ học tập chế tạo những thứ đó, theo tôi phải có những người khéo tay chọn lấy khoảng ba bốn mươi người từ ba mươi tuổi trở lên, đi học chế tạo, lại cần có những người thông minh chọn lấy mười người từ hai mươi lăm tuổi trở lên, đi học đại số, vi phân cùng các môn trọng lực học, hóa học, quang học, v.v... Hai khoản này nếu thiếu một không thể thành việc. Lại phải sang kinh thành nước Pháp hoặc kinh đô nước Anh học khoảng 8, 9 năm mới biết được đại khái. Vì rằng sang học tại nơi đô thị của họ, thì một là kiến văn rộng rãi việc học dễ thành đạt; hai là ở lâu với người nước họ, thông hiểu được ngôn ngữ, phong tục của họ, sau này có việc gì sai phải đi về cũng dễ. Còn như ở Sài

Gòn, các loại máy móc hiện có chế tạo từ bên Pháp chở qua đây chẳng qua là những loại xấu, hư hỏng mà thôi, không có gì đáng học.

Nếu Triều đình muốn thực hiện hai thứ vừa kể trên tôi và ông Hoảng xin tình nguyện ra sức cùng sang Tây với hai lớp người nói trên, thông dịch ngôn ngữ, giải thuyết những điều họ chưa hiểu rõ, phụ giúp cho những chỗ họ không theo kịp thì không ngoài mười năm, việc học sẽ thành đạt. Bởi vì đối với lý thuyết của hai khoản này tôi đã biết được những điều quan yếu. Lại thêm ông Hoảng là người rất giỏi tiếng Pháp, giải thích, phiên dịch được rõ ràng, nếu cùng đi với

những người này thì sẽ trực tiếp và dễ dàng hơn. Hiện nay Nhật Bản, Miến Điện cũng đã phái người đến kinh đô nước Pháp học kỹ nghệ. Đến như nước Nga ở phương Tây mà cũng cho người đến nước Anh nước Pháp học tập. Tuy phải dụng công lâu dài, chi phí rất lớn, nhưng cũng thu hoạch được nhiều. Vì rằng muốn thành đại sự phải mất hàng trăm năm chứ đâu phải một ngày là được. Cho nên người quân tử lo toan mọi việc chẳng những ở đời mình mà còn cho con cháu nữa. Như nước Nga 100 năm nay vẫn thường cử người đến Bắc Kinh học tập Hán văn, cứ 10 năm lại đổi một loạt người khác, lại cho người đến Thiên Trúc học tập âm ngữ<sup>78</sup>. Ý của họ là xin lửa thì chi bằng lấy cái

---

78 Tiếng Phạn

gỗ kéo lửa, xin nước thì chỉ bằng đào giếng uống. Hiện nay cuộc diện chưa biết sẽ đến đâu. Họ đã không trả cho ta ba tỉnh ngoài, mà ba tỉnh trong cũng đã nằm trong ý định của họ rồi (Trong tờ trình trước đã nói tới). Mà Y Pha Nho cũng đến miền Bắc, nếu không đến nhờ người giúp để khiến cho họ yên đi không dám động (Trước đây khi ở Sài Gòn tôi đã có tờ trình rõ với hai vị phó sứ bồi sứ, nay không nói tới nữa), lấy cái mưu mà các nước bị mắc với họ để đánh lại họ, lại lấy cái họ đã từng thi hành ở các nước để dè bẹp họ. Vì hiện nay ở thế tung hoành nếu không như vậy thì chưa thấy kế hoạch gì khác có thể trấn áp được họ (Trong tờ trình năm ngoái tôi cũng đã nói tới). Đại nhân mang trọng trách

của Nhà nước xin sớm liệu định, e rằng nếu để chậm thì đã khó lại càng thêm khó. Tôi ở xa nhưng vẫn là dưới quyền của đại nhân, không có cái gì biết mà tôi không nói, nếu có gì không hợp với sự kiêng kỵ về thời sự, xin đại nhân tha thứ cho. Lại xin đại nhân nếu có bản chép về quốc sử từ Lê đến Tây Sơn nếu có thể cho xem xin gửi cho một bản, nhờ đó tôi có nhiều giải thuyết để chống lại những phù thuyết của giặc. Tôi lại xin gởi kèm theo đây một cái hộp gỗ thô kính tặng quý công tử dùng đựng thuốc hút, mong đại nhân nhận cho. (Tôi hiện nay bị bệnh tê thấp chưa khỏi. Xin quý công tử thương tình cho tôi 5 đồng cân quế quỳ. Sau này lành bệnh tấm lòng khuyến mãi chẳng dám quên ơn).

Đêm khuya bối rối nhiều việc  
thời sự chưa kịp trình bày tường  
tận. Một lần nữa kính chúc hai phó  
bồi sứ đại nhân vạn phúc.

Nay kính bẩm.

## DI THẢO SỐ 8

Kế hoạch khai thác tài nguyên  
đất nước

(Khai hoang từ)<sup>79</sup>

Ngày tháng giêng năm Tự Đức  
19 (15-2 - 17-3-1866)

---

<sup>79</sup> Bài này chỉ có ở Hv 189/1 trang 67 - 79

Nguyễn Trường Tộ, trong nhiều bài điều trần sau này, thường nhắc đến bài này dưới tiêu đề “Khai hoang từ” và ngay ở câu đầu của bài này có nói tới hai chữ “Khai hoang” (Cẩn thượng ngôn vi tương chân tri chước kiến Tây phương tuân hành khai hoang cự lệ).

Nhưng khai hoang đây không có nghĩa hẹp là khai phá đất hoang, mà là có một kế hoạch khai thác tiềm năng của quốc gia bằng cách thu hút sự đầu tư của người nước ngoài.

Kính dâng mấy lời trình bày những điều mắt thấy tai nghe về đường lối cố hữu trong việc khai hoang của người phương Tây. Nước ta phải gấp rút tính liệu mưu kế trước để chiếm ưu thế, để mưu đồ lợi ích vĩnh viễn, để giảm bớt những bức thiết hiện nay.

Nguyên phương Tây 500 năm nay, tất cả những nơi nào họ đã vững chân và không có gì trở ngại thì trước hết họ dùng lời mềm dẻo cầu xin. Những sự tình trong lời xin của họ tôi đã nói rõ trong tờ bẩm trước. Nếu việc xin của họ gặp khó khăn trở ngại họ cũng không cưỡng ép mà cứ dần dần thi hành các âm mưu quỷ quyết để mưu chiếm lấy hết. Nhiều nước đã bị như vậy rồi.

Hiện nay họ đã sai người đi theo Tiền Giang dọc thẳng lên các đường đến tận Vân Nam. Những nước nhỏ ở phía Tây ven sông thuộc Xiêm La thường bị họ dùng kế ly gián để dễ bề sai khiến. Họ còn lên tiếng xin nước ta cho họ sai người dọc theo đường núi từ Bình Thuận ra Bắc đến Tuyên Quang để dò đường trước, rồi sẽ sai binh thuyền dọc theo ven biển từ Bình Thuận đến Quảng Yên qua các cảng khẩu và mặt biển, để dò nông sâu, vẽ vào bản đồ. Sở dĩ họ cần làm như thế là không những chỉ mưu lợi mà còn dụng ý rất thâm, tôi đã mật bẩm rồi, nay không dám nói rõ nữa.

Nhìn chung các nước trong thiên hạ phạm nước nào chiếm được ưu thế thì một là do có người

giúp hai là do phân rõ chủ khách. Nếu ta tính toán trước công việc để trấn áp họ thì không những hiện tại có thể được hưởng lợi 7, 8 phần 10 mà về sau có thể được cái lợi vĩnh viễn vô cùng như Hợp Chúng Quốc ở Tây Châu. Cho nên gần đây các bậc có trí trong thiên hạ bàn về lý và thế nói rằng: Thà làm khách làm chủ chớ không làm tôi làm tớ. Câu nói đó thật là đúng. Thường tình con người ta khi làm khách làm chủ với nhau thì mạo diện tất phải cung kính, ý tình phải nồng hậu. Giả sử có lời lẽ phân trần cảnh cáo để lấy việc trước cảnh giác việc sau thì chẳng qua là lấy tình bè bạn giúp nhau mà thôi, chứ không phải như phận học trò phải bỏ sức ra phục dịch thầy. Nếu trong khi giao thiệp có

điều gì xích mích trái ý thì vì thể diện hai bên sẽ dần dần tìm cách giải quyết. Còn như thầy trò thì có nhiều điều bị xử ức phi lý lắm chứ không phải một mà thôi đâu. Hiện nay các hội buôn của họ sang nước ta có hội muốn xin mở đường xe lửa suốt cả Nam Bắc; có hội muốn xin khai thác mở dọc theo các núi, có hội muốn xin cho thuyền đi dọc theo biển để tiểu phỉ, có hội muốn thông đường buôn bán. Các người này một mặt xúi giục các quan của họ, sớm làm cho thành chuyện, một mặt đánh tiếng xin dần để dò xem như thế nào. Vả lại vua quan của họ cũng có thâm ý riêng. Từ quan đến dân không ai không có chú mục vào nước ta. Tôi đã biết rõ tình hình này, cho nên trong các tờ trình trước tôi đã nhiều lần đề

cập một cách tế nhị, nhưng vì là những việc hiểm nghi húy kỵ nên chưa nói rõ hết được mà thôi. Năm trước tôi đã nói với họ rằng những phần đất phía Đông từ Tiền Giang thẳng đến Vân Nam xưa nay đã thuộc về ta, dân ở đây hoặc nạp cống, hoặc nạp thuế. Bản ý của tôi là muốn ngầm cho họ biết trước để sau này không thể không để cho ta cùng hưởng lợi. Rồi sau dần dần dùng kế dụ dỗ dân ở đây theo về ta theo lối nước Nga đã dùng kế lấy các bộ ở Tây Bá Lợi Á.

Tuy chưa thực hiện, nhưng thâm tâm mật kế tôi đã dự định đường đi nước bước như thế rồi. Cho nên từ bàn hòa năm trước tôi có nói: “Mất bên Đông thu lại

bên Tây” là đã ngầm phục sẵn sự việc ngày nay vậy. Nay nếu biết đề phòng trước có thể được lợi lớn sau này. Vậy xin trình bày mấy điểm sau đây:

1. Nước ta có một dải núi chạy dài từ Bắc xuống Nam lại thoải dần về phía Đông. Đó là một thế núi tốt nhất trên địa cầu. Nền của nó rất cổ, do đó chứa nhiều kim loại đá quặng cùng các ngọc báu, các vật hiếm lạ. Những nhà địa lý các nước đã từng khen ngợi. Nhưng ta chưa hề khai quật, nỗ để điều mà tạo vật ban phúc cho ta thành ra vô dụng. Nay ta chưa tài khai khẩn, lại chưa có đủ phí tổn nhu dụng thế là ôm của báu mà chịu nghèo mãi, lẽ nào không biết thẹn mà còn đem cái lợi bày đường mách nước

cho người ta? Nếu không biết khởi phát trước để chế ngự họ, không để cho họ thừa thế, thì sẽ cam chịu cho họ sai khiến để được một phần lợi, như trường hợp một vài nước nhỏ ở Tây Châu. Hơn nữa, ven núi phía Tây theo họa đồ của họ đều thuộc về ta. Như tôi đã lấy những người mình từng đi lại nhiều biết rõ phong tục tình lý ngôn ngữ của thổ dân ra làm chứng. Ngày nay nếu ta đưa ra những chứng cứ có thực đó bảo họ trở lại cầu ta giúp đỡ, nếu ta thành thực giúp họ để chia nhau nguồn lợi phía Tây, nhờ uy để chiêu dụ những dân man mợi thì họ càng sung sướng vì hợp với thâm ý của họ. Ta cũng để lộ cho họ biết nếu họ bị lộ chuyện gì ta sẽ ngầm giúp họ một tay. Như thế họ sẽ vui thích và hết sức giúp ta,

để mong ta giúp họ sau này. Nếu thực hiện kế đó thì từ ven núi ra phía Đông, họ nở nào chiếm đoạt? Còn từ ven núi phía Tây ta với họ cùng có lợi tuy có mất mát phần ít cũng chẳng qua là lấy của ngoài đường để mua cái tình người đày thôi, ta có tổn hại gì đâu? Vả lại, họ lấy kế để cần ta thì ta cũng tựu kế mà chọi lại họ không được sao? Nhưng kế đó rất khó, phải khéo điều đình mới được, hãy đợi tôi từ từ dò xem họ, biết rõ chân tướng sự cơ của họ rồi mới làm.

2. Người Pháp xưa nay từng coi ngôi vua là quý, chức quan là trọng, và việc làm của họ thì cốt lợi cho dân. Nếu thấy nước nào còn theo tập tục cũ, đem lòng nghi kỵ đối với người khác không chịu

thông hiếu với nhau, thì họ sẽ lấy câu “lợi mình là để lợi người” mà suy diễn ra cho rằng tạo vật sinh ra đất đai vốn để cho cả nhân loại hưởng dụng, chứ đâu phải để cho một nước, một vua nào chiếm lấy làm của riêng? Lẽ đó ở đoạn đầu trong bài Lục lợi từ tôi đã nói rõ. Nếu hai bên không lưu thông trao đổi để cùng có điều hay, chung điều lợi thì ta bỏ người lấy không được sao? Nay nếu biết mở cửa buôn bán với nhau, họ không ngăn cản ta qua, ta không ngăn cản họ lại hòa hợp với nhau, đúng như thánh thượng đã minh dụ rằng: “Các nước bốn phương hiện nay đã liên kết giao thông với nhau”. Như vậy là để liệu trước sự việc sẽ xảy ra, đón kịp thời thế khiến họ phải là khách mà ta là chủ. Như thế họ sẽ

cho rằng ta biết rõ thời thế, nên đến đâu cũng sẽ yên phận giữ lời ước, giữ danh nghĩa, không dám có ý đồ khác mà cũng không cần có ý đồ khác làm gì nữa. Thường tình con người ta, cầu lợi mà không được lợi mới không kể gì nghĩa lý mà liều với tiếng xấu. Nhưng người ta cũng có nhiều cách che đậy để mong tránh tiếng tham ô xấu xa. Nay đã được cái lợi như ý, lại tránh được tiếng xấu nữa, mà còn mưu cái lợi khác để liều chịu tiếng nhơ, lẽ nào có tình đời như vậy? Tôi đã xem xét hết các nước hễ ở đâu có người của họ cư trú mà nước đó ăn ở tận tình với họ, thì không những tránh được họa bên ngoài mà mối lo bên trong cũng hết dần. Vì rằng mối họa khốc liệt thảm hại nhất không gì bằng họa

binh đao. Nếu họ đã ăn ở cùng ta thì khi có họa bên ngoài xảy tới họ cũng sợ bị vạ lây, buôn bán không thông, khi có hoạn nạn bên trong họ cũng sợ lụy đến thân gia đình khó bảo toàn. Vì vậy, hai trường hợp đó ta không cần giúp tự nhiên họ cũng sẽ giúp. Nhìn ra các nước ở phương Tây và Tây Châu, vua các nước thường giao việc nước cho các đại thần mà chu du các nước để mở rộng kiến văn, không phải lo việc bên trong nữa, vì đã có nhiều người lo giữ cho rồi. Sở dĩ được thế vì danh nghĩa đã lập, ngôi vị đã định, lý chính, thế đồng, phải trái thiên hạ đều biết, xử sự hợp với công luận, tung hoành liên kết nước lớn nước nhỏ, hòa hiếu hợp với các nước, một người làm trái thì cả đám gỡ cho. Ngày nay

việc cai trị được lâu dài yên ổn đều do ở sự biết kết hợp, khác với thời xưa lấy bòn mà trát kín cửa để tự bảo vệ là thế.

3. Ngày nay cái mà ta thiếu thốn nhất là tiền của. Vì không có tiền của cho nên trăm việc, việc gì cũng không làm được. Hơn nữa, đồ dùng khí cụ của ta chưa đủ, tài trí chưa vươn tới, lại chưa có tiền của để mua máy móc kỹ thuật. Nay nếu đem một nửa số nhân tài cả nước và một nửa của cải ra thực hành cũng phải đợi vài chục năm sau mới có hiệu quả. Huống khi trước khi chưa được lợi đã sợ có một biến cố gì khác xảy ra thì tài lực của ta có khi lại bị người khác dùng. Hơn nữa dân tình yêu ghét chưa giống nhau, ý kiến còn chưa

thống nhất, thì vị tất đã hiểu rõ được ý nghĩa tạm thời tổn phí để được yên ổn mãi mãi. Phàm việc gì chỉ tính đến cái lợi nhỏ trước mặt, thì vị tất đã tính toán kịp được cái lợi lớn đến con cháu. Cho nên, ai lo phận nấy, nhà ai biết nấy, thì vị tất đã hợp được công tư với nhau như dân các nước phương Tây. Tục ngữ có câu: “Muôn việc khó ở bước đầu”. Hễ thấy việc lớn mà không có lợi ngay thì tâm thần ý chí mệt mỏi rồi không chịu làm xong việc. Đại để trong một nước phàm việc dân như việc hưng lợi, tuy do người trên xướng lên, có khuyến khích hướng đạo rõ ràng, nhưng do cả nước ở dưới làm. Nếu như ở trên việc gì cũng cứ tự làm lấy cả thì sự phiền phức thật không kể xiết. Việc làm đó ban đầu thì

lợi quy về dân mà cuối cùng là quy về nước như các hội ở phương Tây. Nhưng dù trước hay sau cũng đều có lợi chung giữa công và tư. Vấn đề này có nhiều chi tiết chưa kể hết ra đây. Nay ta nếu biết cân nhắc sự cấp thiết đó mà mời họ khai nguồn lợi cho, thì dân thấy việc làm của họ có lợi, sẽ hòa nhau mà theo. Đó là lẽ thứ nhất.

Phàm việc thuê mướn nhân công, trước hết họ phải thuê dân ta, những người nghèo khó không có kế sinh nhai thấy được lợi nhiều sẽ rủ nhau ra làm, như thế sẽ tránh được cái thói du thủ du thực trộm cướp, như người Tàu đổ xô đến Cự Kim Sơn và Tân Kim

Sơn<sup>80</sup> trước kia vậy. Đó là lẽ thứ hai.

Phàm những điều lợi mà họ được tất phải qua dân ta trước, rồi mới đến nước khác. Phàm những đồ cần dùng mà họ xuất ra như các loại đồ uống, thức ăn, khí cụ tất từ nước khác chuyên chở tới. Họ có những đồ cần dùng mà ta thiếu và cần thiết, thì cũng nhân họ có mà ta có. Đó là lẽ thứ ba.

Trừ các điều lợi đã giao ước, ngoài mấy phần thuộc về nước ta, còn họ được mấy phần thì dân ta cũng được nhờ, như nào là việc buôn bán các đồ tạp dụng cho đến mọi sự kinh doanh nhỏ khác linh tinh rất nhiều không thể kể hết. Rồi

---

80 Cựu Kim Sơn: San Francisco. Tân Kim Sơn: Melbourne.

lại có công nhân các nước kéo đến đông đảo thế tất phải mượn đất ta dựng nhà, người thuê nhà đông thì thuế nhà cũng nhiều, ta lại được cái lợi như người Anh ở Hạ Châu<sup>81</sup>, không đánh thuế thuyền buôn mà chỉ thu thuế nhà mà thôi, ấy là cốt ở chỗ người đông. Cho nên nước nào khai mỏ thì dân cư ở đấy giàu có đông đảo, như Tây Châu là chứng cứ rõ nhất. Đó là lẽ thứ tư.

Phàm chỗ nào họ đi đến thì họ đều dùng đủ mọi cách gây tình cảm để được lòng vua và tôi, để dễ bề thuê mượn nhân công và để được các sự bảo hộ trong khi ăn ở, sự phí tổn không thể kể xiết. Như thế không những ta được cái lợi thường tình để làm ích cho nước,

---

81 Hạ Châu: Singapore.

mà dân chúng cũng được của cải lưu thông để tự cấp. Đó là lẽ thứ năm.

Nhân sự cần mẫn của họ làm phần chấn sự ủy mị của dân ta; nhân cái sức lực đã thành thuộc của họ giúp cho cái sức lực đang nuôi dưỡng của ta; nhân cái lợi đã hiện có của họ giúp cho cái mới bắt đầu của ta; nhân sự qua lại các nước của họ mà mở mang các đường giao thông của ta. Đó là lẽ thứ sáu.

Phàm chỗ nào có họ đến, hơi yên dằm là họ đã lập các hội như nhà thương, viện dục anh, viện tế bần, viện bố thí, trường học miễn phí, dân ta sẽ được nhờ. Đó là lẽ thứ bảy.

Bảy điều trên đây đều có thể giúp ta bước đầu giải quyết nạn thiếu tiền của.

4. Hiện nay cái ta thiếu là sự học tập tài nghệ. Nay ta mời họ đến, phạm chỗ nào có khai quật, thì có quan quân của ta ngồi thu thuế. Do sự đi lại nói năng và mắt thấy những điều có thể dùng được ta đều học lấy. Dân ta với họ cùng nhau làm việc, nơi ở gần nhau, ăn mặc giống nhau, trong khoảng mười năm thì tài nghệ trong dân gian chẳng gì khác họ nữa. Như thế nhà nước không mất một đồng tiền nào mà việc học của nhân dân vẫn thành đạt. Ta lại có nhiều cách để khen ngợi nhân dân, thì dân sẽ đua nhau theo học những cái thực dụng ấy. Trong khi học tập lại có

tiền công của họ để tự nuôi mình. Sau khi học thành tài sẽ nghĩ đến kinh doanh việc khác để góp công với nước nhà. Như thế ai không hết sức, không tận tình? Vả chẳng việc mà họ giúp được cho dân ta cũng chỉ là lúc mới đầu công việc chưa biết, kỹ xảo chưa tường, nói năng đối đáp chưa lanh, tính tình chưa hợp mà thôi. Đến khi mọi việc đã thông hiểu, đủ để tự lập rồi, thì ta sẽ rời bỏ họ mà trở về với ta, tất sẽ nghĩ đến chuyện cũ Bàng Mông<sup>82</sup>. Dân là dân ta, họ không thể cưỡng ép đi theo họ được. Thế là lúc đầu họ dạy ta, chỉ vẽ cho ta những cái khó, mà cuối cùng là ta được hưởng cái thành tựu, ta tự điều khiển dễ dàng. Tôi thấy khắp các nước cũng

---

82 Bàng Mông học được chước hay của Hậu Nghệ rồi thì giết chết Hậu Nghệ luôn.

như tình người đâu cũng vậy, khi thiếu thì phải dựa vào người, khi đủ rồi thì trở về với mình. Đó là lý thế đương nhiên, không đợi bày đặt mới biết. Cho nên nói rằng ngồi mà hưởng lợi là vậy.

5. Ngày nay cái khó của ta là ở chỗ bắt đầu. Nếu chần chừ không biết nắm lấy cơ hội trước, thì việc họ thềm thuồng nhỏ dãi không phải chỉ một ngày, thế tất họ sẽ dùng trăm cách cố làm sao nắm lấy cho được. Ví như trong nhà có một chỗ bí mật không hề mở cho ai thấy ắt sẽ khiến người ta sinh nghi. Bọn cướp không phải trên trời xuống, tất cũng là người trên đất này, chúng sẽ lấy kỳ được những thứ

cất giấu đó mới thôi. Nay nếu ta mở toang các cửa, để cho họ thấy rõ mọi vật đều có chủ, thì không thể thừa cơ gây hấn, chỉ có dùng lối mềm dẻo để xin mà thôi. Khi đó quyền định đoạt thuộc về ta. Ngày nay nếu ta nhân có họ xin mà mở các cảng khẩu để thuyền bè các nước ra vào, ta ngồi mà thu thuế để tăng quốc dụng, như ở Trung Quốc. Có thuyền máy qua lại trên mặt biển thì bọn cướp biển dần dần sẽ tiêu. Sự sinh sống của dân ta sẽ dần dần thịnh vượng. Hai con đường đó sẽ giúp ta chi phí một vài chỗ trong lúc đầu. Phàm họ đi tới đâu, mọi việc làm tất phải tự xuất tiền để mà lập nơi cư trú đồn trại và cầu cống đường sá, v.v... hoặc đào mương, hoặc xẻ núi để vận chuyển hàng hóa, lại còn phải

thiết lập các thứ khí cụ để làm việc. Tất cả những xây cất tạo dựng đó đều ở trên đất của ta. Đến khi họ vừa lòng mãn ý rồi thì chán, hoặc vứt bỏ mà về, hoặc bán rẻ. Như thế là ta không khó nhọc gì mà được hưởng chiếm, không ra khỏi nhà mà mua được. Thật là nhất cử lưỡng tiện. Hơn nữa, họ xây dựng nhà cửa ở nước ta, thì những nơi trù mật đông đúc, hưng vượng thịnh lợi đâu phải chỉ riêng họ có? Kia, nguồn lợi vô cùng của núi biển chưa dùng hết, và các loại cây cỏ lúa má trên mặt đất sinh sản mãi mãi, hễ chỗ nào có dấu chân họ đến là họ khai thông đường sá cho mãi hạn rồi thì vật sẽ trở về với chủ, họ không thể cuốn hết núi, biển, đất đai của ta mà mang đi. Thế tức là họ vỡ hoang mà ta hưởng

thành quả, như các nước Tây Châu là một chứng cứ. Chứng cứ đó rất mới, cả thiên hạ cũng không thể bài bác. Đó là vì lý mà cũng ví cái thế nữa. Vì rằng tạo vật đã định sẵn mà nguyên tổ loài người cũng đã sắp xếp trước. Tuy họ tạm thời được hưởng nửa phần lợi, nhưng cuối cùng cũng không thể nào đổi khách thành chủ được. Chẳng qua là tạo vật dùng họ để chấn hưng các nước. Xét đến cùng cũng không khác gì làm thuê cho người khác mà thôi. Ngày nay nếu ta biết đề phòng trước các ngõ ngách, lời nói phải nghiêm nghĩa lý phải chính, để đợi họ đến xin, như thế rõ ràng là ta làm chủ. Đợi khi họ xin, thì ta ưng thuận ngay để chặn mỗi hiềm khích. Dần dần ta cho họ một vài chỗ; lúc bấy giờ sẽ có

nhiều thương nghị giao ước, nay chưa nói đến. Nay xin gấp rút mời vài người Tây có thể tin cậy được, hậu đãi họ, tức tốc cùng vài người của ta thông hiểu sự việc trước hết dọc theo ven núi biển tìm kiếm, chỉ định rồi sau chọn lấy những mỏ tốt nhất mà dễ lấy, dành lại về sau để tự khai thác. Trừ những mỏ nào mà ta đã khai thác, còn những mỏ nào mới tìm được mà khó lấy thì ta giao cho họ lấy, ta hưởng nửa phần lợi. Một mặt cầu ngoại bang giúp đỡ để trấn thủ 3 tỉnh, bên trong thì khai nguồn lợi để chặn sự gây hấn, đề phòng họ lấy ngầm, để phòng giúp khi loạn, để chặn đường bọn người rình mò xúi bẩy, để tương lai thu lại các lợi khác. Mặt khác, đặt lãnh sự để củng cố hòa nghị, thông thương thuyền bè

để khởi tranh chấp. Một mặt phải gấp rút chấn hưng những món lợi gần để giải cứu những bức thiết nhất thời; mặt khác phải gấp rút nói rõ cho các nước biết cái đại thể kiên cố để tiêu trừ những ý nghĩ của bọn Thăng, Quảng<sup>83</sup>, để thuận theo bụng muốn lập công của tướng Tây, mà cái ý muốn lấy ba tỉnh trong cũng nguôi dần. Vì tạo được sự thông hiểu với ta cũng đã là một công lớn rồi, mà còn không thể gây hiềm khích gì được nữa. Như trong tờ trình trước tôi đã nói: “Bốn phía vây bủa khiến cho họ không dám động tĩnh” là như thế.

---

83 Trần Thăng, Ngô Quảng là những lãnh tụ nông dân nổi lên chống lại Tần Thủy Hoàng.

Nay xem Triều đình của họ đã có mật nghị, muốn lấy trọn sáu tỉnh hợp với toàn xứ Cao Miên để làm cửa ngõ lấy vùng đất hai bên sông Cửu Long dọc lên tận Vân Nam làm nhà chính, phía trên lấy Vân Nam làm vườn sau, và lấy nước ta làm bờ giậu phía Đông, để chống giữ mặt biển. Những ý đồ đó đều nằm trong dự định của Triều đình họ như con thỏ đào ba lỗ hang là như thế. Các tướng Tây gần đây dự định trong vòng ba năm hoặc sẽ lấy toàn bộ sáu tỉnh hoặc chiếm cả Cao Miên, hoặc khai phá đường phía sau để thông Vân Nam; hoặc sẽ thông thương chung lợi với ta để mở mang rào phía Đông. Ba việc đó thế nào cũng phải thực hiện được một. Nay nếu ta khéo đắp đê để nước róc về phía Tây, lấy Cao

Miên và phía Tây làm chỗ trũng để họ chuyên ý vào đó. Ta lại làm cái cách đứng bên cạnh bồi vào, như ở đoạn trên tôi đã nói thì mới có thể làm dẫn được tình trạng căng thẳng của ta. Còn ở ba tỉnh trong cứ để họ qua lại tự nhiên đừng đề phòng hạn chế gì cả xem như mình cùng với họ sống chung. Thế là tuy họ không lấy ba tỉnh trong, mà vẫn được thuận lợi cũng như lấy rồi. Có như vậy mới duy trì được ba tỉnh trong để làm kế sau này. Điều đó trong binh pháp nói: Tạo được tình hình thì địch phải theo.

Nếu Triều đình không nghi ngại gì mà thực hiện dần dần các kế đó thì đại sự sẽ không xảy ra. Nhưng điều tôi nói có thể có một vài cái không nghiệm, nhưng nếu không

gấp rút lo liệu thì chẳng những tờ trình này mà các tờ trình khác trước đây cũng đủ chứng rằng lời tôi nói không sai. Điều mong muốn thiết tha của tôi là lời nói của tôi không nghiệm chứ không muốn để thấy rằng lời nói của tôi là không sai. Bởi vì biết đề phòng trước khi sự việc xảy ra, thì lời nói của tôi dù có chỗ không nghiệm cũng là điều phúc cho nước nhà, mà còn phúc cho cả anh em tôi. Còn bảo đó là vì công hay vì tư thì sau này sẽ có ngày hiểu rõ, không cần phải biện bạch. Vậy kính dâng.

Ngày tháng giêng năm Tự Đức  
19.

## DI THẢO SỐ 9

### Về việc mua tàu London

[Nguyên văn chữ hán: Hv 189/4 tờ 3. Không ghi ngày tháng năm, nhưng chắc vào khoảng tháng 2 hoặc 3 năm 1866, bởi vì trong văn bản Nguyễn Trường Tộ có đề nghị là nên tư cho Phan Thanh Giản ở Vĩnh Long tới Sài Gòn xin Tây soái can thiệp và theo báo cáo của La Grandière ngày 30-1-1866 (Kho lưu trữ Bộ Pháp Quốc hải ngoại Indochine A 30 (9) Centre II), thì hôm 22-1-1866, Phan Thanh Giản trên đường từ Huế đi Vĩnh Long có ghé Sài Gòn mà không nói gì tới việc này. Hơn nữa chúng ta được biết là theo báo cáo của Trần Tiên Thành, (xem phụ lục số IV, I) thì ngày 25-3-1866, Nguyễn Trường Tộ đã rời Huế đi Quảng Bình. Trong thư gửi Trần Tiên Thành ngày 19-3-1866 (Văn bản số 10), Nguyễn Trường Tộ có nói rằng: “Tôi nhân công việc về đây, chẳng mấy tháng mà bệnh cũ đã tăng lên”. Như thế là Nguyễn Trường Tộ phải có mặt ở Huế từ cuối tháng 1-1866 cho tới 1-4-1866. Di thảo này phải được viết trong thời gian Nguyễn Trường Tộ ở Huế.]

(Khoảng tháng 2 hoặc 3 năm 1866)

Nguyễn Trường Tộ kính bẩm.

Cái hỏa thuyền này nếu quả không có giấy tờ của phái viên thì cũng không quan ngại gì, nhưng trước hết xin hãy nói rõ nguyên do và đệ trình gấp cho Tây soái biết, thì dù họ không chịu rút lui mà lái về Hương Cảng để cầu viện quan họ, Tây soái cũng sẽ dàn xếp cho ta. Vì theo hòa ước thì nước nào muốn sinh sự với nước ta cũng phải có quan Tây tham dự để xem xét phải trái. Một mặt ta phải tư cho Hiệp biện đại nhân đem đầu đuôi sự việc nhờ Nguyễn Đức Hậu viết rõ ra bằng chữ Tây và kèm

theo bản dịch ra chữ Hán một bên.

Hôm trước Hiệp biện đại nhân đã giao giấy cho ông ta làm gấp gửi hỏa thuyền nhật trình đệ về Hương Cảng giao cho viên lãnh sự Pháp biết rõ để viên lãnh sự phân giải với quân Anh cho ta. Hơn nữa, hôm trước ở Gia Định đã có nhật trình nói rõ rằng: “Thuyền này là thuyền của người Anh, nước Nam chưa mua xong”, đó cũng là một chứng cứ. Nhưng tôi đã suy nghĩ kỹ thì dù họ không thể bắt ép ta mua nhưng trước đây ta đã giao hẹn và lần này họ đến Gia Định ta lại không kịp nói gấp với họ để họ tiện việc khiến đến nay họ phải qua lại tốn kém, thì khoản tổn phí đó ta phải bù cho họ mới tránh cái tiếng xử sự không phải với thiên

hạ. Hoặc là nói với họ rằng mua thì cần mua nhưng phải đổi cho chiếc khác mà phải đúng là binh thuyền mới được. Rồi theo lẽ công bằng ta nhờ người xem xét và định giá cho. Khi đó, nếu họ đòi giá cao mà ta trả giá hạ, nếu họ bán thì ta mua được cái tốt, thế cũng chẳng sao. Nếu họ không bán, thì họ tự chịu lấy và khó bắt ta trả tiền phí tổn. Như thế mới khỏi mang tiếng không tốt. Tuy nhiên cũng phải tốn nhiều vận động lắm mới xong được việc. Một đằng là không mua mà phải trả phí tổn, một đằng là đổi rồi mới mua để tránh tiếng. Tóm lại chỉ có hai con đường đó mà thôi xin đại nhân tham khảo.

## DI THẢO SỐ 10

Thảo thư gửi Tây soái<sup>84</sup>

(Nguyễn Trường Tộ soạn)

Trước đây chỉ vì bản triều chưa hiểu rõ sự thế phương Tây, mà quý soái trước kia (khi ở Đà Nẵng) lại đến đột ngột, không nói rõ ràng làm cho bản triều không hiểu, đến nỗi bất đắc dĩ phải đem binh tời ra chống đỡ. Đó cũng là do tình thế bất buộc. Mong quý quốc cũng

84 Nguyên văn chữ Hán: Hv 189/4 tờ 17-20.

Cuối bài đề tháng 2 năm Tự Đức 19 tức khoảng từ 17-3 đến 26-3-1866 là ngày Nguyễn Trường Tộ rời Huế đi Quảng Bình. Nguyễn Trường Tộ đã thảo thư này trong lúc ở Huế vào đầu năm 1866, để trả lời một văn thư nào đó của Tây soái phiên trách việc quấy phá của nghĩa quân trong ba tỉnh đã nhường cho Pháp.

không vì thế mà trách giận lâu dài. Kể đến khi gác giáo bàn việc giảng hòa quý quốc đòi phải tạm cắt đất bồi thường chiến phí, bản triều đã lập tức nghe theo, chính vì muốn giương cao uy danh của quý quốc mà cũng vì tin tưởng sau này quý quốc cũng sẽ hiểu rõ tình hình giao hảo của bản triều mà cho thương thuyết châm chước trở lại. Xưa kia, vua Anh Cát Lợi có nói: “Ta chưa lên giường ngủ thì chưa dám cởi áo” Chúng tôi nghĩ rằng quý quốc vì thấy bản triều hiện tại chưa rõ sự thế, nên tạm thời bắt phải cắt đất bồi thường để đợi khi nào bản triều hiểu rõ đại thế quý quốc, cùng nhau liên hợp lâu dài, cho nhân dân hai nước chung hưởng hạnh phúc hòa bình, thì quý quốc khi đó sẽ lấy tình mà cư xử, để bản

triều và các nước thấy rõ tấm lòng quý quốc là đợi lúc “có thể cởi áo thì cởi” chứ vị tất đã có thâm ý mặc mãi chiếc áo đó. Nếu không, lẽ nào quý quốc chưa bao giờ mới đến xứ nào đã đối xử nghiêm khắc ngay với xứ ấy mà lại riêng đối xử với bản triều sao? Có lẽ tình không phải vậy mà thế phải làm như vậy. Hiện nay tình giao hảo của bản triều đối với quý quốc thật giả ra sao, dân sự nhân cái cơ đó mà bất an như thế nào, quốc kế chấp vá hao hụt như thế nào quý soái cũng đã rõ. Ba tỉnh thuộc quý hạt, dân chúng chưa đồng lòng, khó bề sai khiến. Tuy với thế lực của quý quốc, kinh doanh tổn kém lâu rồi mà còn như thế, thì tình hình ba tỉnh trong như thế nào cũng có thể suy ra mà biết được. Dân thuộc

quý hạt đã am hiểu phong tục luật lệ bản triều nay bỗng chốc thay cũ đổi mới tất sẽ cho là chướng tai gai mắt. Hơn nữa lại có những kẻ dựa thế hại người, nay thì phao tin nói quý quốc sắp thi hành những chính sách tàn bạo hại dân, mai lại nói bản triều sắp tiến hành khôi phục để giết dân, khiến đến nỗi dân tình Nam Bắc nghi ngờ sợ hãi. Phàm những chuyện đồn đại như thế không phải ít gì, tưởng quý soái cũng đã biết rõ. Như thế thì chẳng những quý quốc khó bề quản trị, mà bản triều cũng bị hại lây. Dân ở quý hạt và bốn phía xung quanh đã từng được quý quốc dạy dỗ dẫn dắt lâu mà còn như thế thì những nơi xa xôi và những miền man mọt sẽ như thế nào. Roi dài vẫn không vươn tới được, đó là việc dĩ nhiên.

Tuy quý quốc gấp rút việc đua đuổi nơi xa ngự trị lâu dài để cầu đạt sự mong muốn lớn, tuy bản triều gấp rút xóa bỏ những lời gièm pha, mở lòng thành thật với quý quốc để cùng chung hưởng điều lợi, nhưng hai bên vẫn còn một đường ngăn cách. Không có cách giải quyết khéo léo để xóa bỏ đường ngăn cách ấy thì làm sao liên hợp với nhau được? Bản triều thiết nghĩ quý quốc phàm đến nước nào cũng trước dùng uy rồi sau thi ân, trước nắm lý rồi sau cư xử bằng tình. Uy và lý là tạm thời, ân và tình là trường cửu. Uy và lý là để mở cửa cho ân và tình. Khi đã vào khỏi cửa rồi thì như một nhà sum họp vui vẻ cùng nhau, thế là lấy cái ân tình trường cửu mà bù lại cái uy lý bất đắc dĩ trước kia. Đâu có chuyện vì

những lời đồn đại vu vơ mà nữ bỏ cái lòng chân thành thiện đạo vốn có của quý quốc? Bản triều thật đã thấy rõ như vậy, nên ngày đêm suy nghĩ mong sao mối quan hệ với quý quốc đã thân lại càng thêm thân, để chặt đứt đường ngăn cách ấy đi, và trong bụng cũng thành thật tin tưởng quý soái sẽ rộng lượng không vì những lời phao đồn mà mất tình hữu nghị. Thật như thế thì từ nay về sau, hai bên có thể lấy quyền lực của vua mà điều hòa sắp đặt hóa khó thành dễ, biến dị thành đồng, nơi có bù nơi không, nhân dân tương trợ lẫn nhau, bản triều với quý quốc tuy hai mà như một. Thế lực của bản triều là thế lực của quý quốc. Sự cường thịnh của quý quốc tức là sự cường thịnh của bản triều. Con rết trăm chân

thì không ngã. Như thế thì có nước nào dám khinh miệt được? Vì rằng người bình thường muốn giao đĩnh với nhau phải dựa vào tình bạn mới thành. Nếu cứ thù nhau mãi đời thì người ta phải tìm người bạn khác để làm kẻ thân thiết để giúp đỡ lẫn nhau, chứ có ai sống cô lập không cần sự giúp đỡ mà thành được việc đâu. Bản triều thiết nghĩ hiện nay các nước phương Tây đại loại đều như thế, cho nên thiết tha muốn được ít nhiều “gần đèn thì sáng” ngõ hầu mãi mãi nhờ thanh thế của quý quốc mà mở mày mở mặt trong thiên hạ, và quý quốc cũng có thể nương cậy lâu dài vào bản triều như là phen giậu che chở cho quý quốc, để gây ảnh hưởng rộng lớn ở phương Đông. Hai nước liên hợp với nhau lâu dài, chung nhau

điều hay, món lợi, thì những điều sở cầu của quý quốc mới hợp với lương tâm, và giữ gìn được bụng ăn ở tốt với bản triều, để cho thiên hạ biết rõ quý quốc không phải lấy thế lực đàn áp người như các nước khác. Như thế thì bản triều sẽ tránh được cái tiếng xử sự hẹp hòi, khỏi phải chờ đợi gì nữa. Việc đó cũng do tự ý quý quốc thi hành ra trước đã. Bản triều lại thấy rõ người phương Tây phạm đến xứ nào thì trước hết dù có dựa vào thế lực của mình để chiếm cứ thị trường, nhưng cuối cùng cũng phải dựa vào quyền lực của xứ đó để kinh doanh khai thác, chứ chưa hề thấy đồn người cả nước mình đến đấy, bỏ cái gốc mà lo cái ngọn bao giờ. Giả sử vua xứ ấy không hiểu lẽ tương thông cứ đẩy binh chống mãi thì cuộc tương

tranh cũng không chấm dứt được. Cái thay vì để nuôi người giờ trở thành cái làm hại người. Cho dầu có quyết đánh lấy người ta cho được thì cũng chỉ tạm một thời mà thôi và cái được cũng bù vào cái mất, người bị hại nhưng đâu phải ta chỉ có lợi mà không có hại? Cuối cùng vật gì quá cực độ của nó thì nó sẽ phản ngược trở lại. Đâu có thể nào an nhiên tọa hưởng mãi trên đất xứ người ta? Như các nước ở Tây Châu là những bằng chứng cho điều này vậy. Bản triều đã hiểu rõ lý lẽ ấy cho nên không chịu để mất cả hai, bản triều chẳng những muốn mình vẹn toàn mà còn muốn cho người vẹn toàn nữa, vì thế cho nên có đoạn tâm tình trên đây. Mong quý soái hiểu cho lòng thành thật của bản triều. Vì rằng những

sự thế này không thể đem miệng lưỡi giả dối ra mà nói được. Cách ngôn nói: “Biết trước đã rồi sau mới muốn”. Bản triều đã biết rồi, nên mới muốn như vậy. Thiết tha mong quý soái đừng vì việc đã qua mà nghi ngờ việc sau này, để tăng thêm sự điều đình hơn nữa để bản triều giữ được vẹn toàn nghĩa liên hợp lâu dài, và quý quốc cũng mãi mãi tránh được cái tiếng lấy thế lực chèn ép người. Như thế thì hai triều đình sẽ cố kết thông đồng, và đại hoàng đế quý quốc với đại hoàng đế bản triều mãi mãi giữ được tiếng thơm trong thiên hạ, nhân dân hai nước lấy tình thân ái lễ nghĩa đối đãi với nhau, chung nhau mối lợi cũng như sự vui buồn, như người trong một nhà. Như thế là tốt đẹp, quý soái có nghĩ như vậy

chăng? Nay kính

Ngày tháng 2 năm Tự Đức 19.

(17-3 - 14-4-1866)

Châu phê: Bài này lý lẽ rất mềm dẻo, không chống, không theo, cũng rất nghiêm chỉnh và trang nhã khiến cho họ biết rõ có thể cũng không ý thế được, thật là không thêm dạy mà dạy cho họ vậy.

## DI THẢO SỐ 11

Tâm sự với Trần Tiến Thành<sup>85</sup>

(Ngày mừng 3 tháng 2 năm Tự Đức 19, tức 19-3-1866)

Tôi là Nguyễn Trường Tộ xin kính bắm.

Tôi trước đây bị ốm nằm ở Gia Định điều dưỡng đã gần hai năm nay mười phần đã giảm 5, 6. Tôi cũng định đi xa, một là để thỏa điều

---

<sup>85</sup> Nguyên văn chữ Hán: Hv 189/1 tờ 80-82.

Bài này được viết lúc Nguyễn Trường Tộ đang ở Huế, để giúp vào việc tàu London. Lần này Nguyễn Trường Tộ tuy có được hỏi han, nhưng không được sử dụng trong cuộc thương thuyết về tàu London, nên có vẻ ê chề, chán nản nên mới xin về Nghệ An.

nguyện ước trước kia, hai là mong được bình phục sức khỏe để sau này báo đáp ơn trên. Nhưng thời thế còn có điều trở ngại, do người đời còn ghét kẻ có tài mà chặn tay lại, ngay đến người có quyền lực như đại nhân mà còn gặp khó khăn, huống chi tôi là người thân hèn tài mọn mong dựa vào đại nhân để hành sự thì cũng chưa thể được. Không có cơ gì mà việc lớn cứ ngấm ngầm nảy sinh ra nên tôi không thể không trở về để tau bám rõ ràng, ngõ hầu có thể đề phòng được sự việc trước lúc phát sinh. Tôi nghĩ rằng lòng của tôi đã không muốn vào tay người khác để họ sai khiến, mà lại có cách để tránh được tai họa, tưởng mọi người cũng có cái lòng như tôi, cho nên không dám tiếc tấm thân hèn sắp

chết này mà không trở về Kinh để nói rõ cái ý chí của thiên hạ như vậy. Sở dĩ tôi trở về tâu bẩm chính là ý đó.

Những điều trình bày trong các tờ bẩm trước không phải là những điều thấy nghe nhất thời mà tôi viết ra. Đó là những điều tôi đã ôm ấp hàng năm, cho nên muốn thổ lộ chân tình, trút hết tâm huyết, mục đích không phải cầu cho lời nói của một mình tôi là thực mà chỉ muốn khắp thiên hạ chứng minh cho sự thực. Hơn nữa, tôi đang ở trong hoàn cảnh bị hiềm khích, chưa chắc ai đã tin ngay lời tôi nói, nên phải kiên nhẫn đợi chờ, không dám đuổi theo tài lợi, đành cam

chịu cuộc sống nghèo khó đạm bạc, để cốt chứng minh cho lời nói của tôi là không vì một cái gì, không mong được một cái gì, không bị ai sai khiến, không có một ý đồ gì khác mà thật là vượt ra ngoài lẽ thường tình. Theo lẽ thường mà nói, thì những việc làm của tôi như vậy thật là khó hiểu, bấy lâu nay vì tôi không gánh vác gia đình không thiết tha tài lợi, cả Tây Nam cũng đều thấy, như thế cốt để gạt lọc ý chí, đào luyện tính tình mà bảo dưỡng việc học tập của mình. Tất cả những điều đó vốn là để đợi thời hành sự, để mong làm được một vài điều lòng hằng ôm ấp, để tròn ơn trên, để tròn thế sự, chứ đâu phải cam chịu chôn mình trong cảnh tối tăm tịch mịch? Trung và hiếu vốn là hai điều khó giữ vẹn. Nhưng nếu

chỉ nói suông không ngồi vào, không dự vào chỉ biết thân mình, nhà mình, theo thường tình, còn việc an nguy của quốc gia thì coi như chuyện của nước Sở nước Việt; không hết lòng báo đáp ơn nước nhà, một mai bốn phương xảy ra nhiều việc thì thân thích của mình cũng sẽ cùng số phận với việc mất còn của đất nước. Trung không thành thì hiếu chưa hẳn đã giữ được. Tôi đã thấy rõ ràng như vậy nên muốn vun đắp báo bổ cho tương lai, chớ không muốn làm gương ép một cách tạm thời để đến lúc phải than thở ôm tài mà chết. Xin đại nhân xét lại những hành trạng của tôi xem tại sao tôi không chịu làm điều danh lợi cho mình trong lúc còn tuổi trẻ và trong những ngày có nhiều thuận lợi ấy, mà lại còn có

cái ý khác trong lúc bệnh hoạn trôi buộc, muộn màng gian nan? Nếu thấy được những lý do đó thì biết được lập tâm của tôi như thế nào. Nay tôi nhân việc công về đây, chả mấy tháng bệnh cũ đã tăng lên, tuy được đại nhân chiếu cố cho thuyền đi lại mà cũng khó bề bôn tẩu vâng mệnh. Nhưng lòng tôi yên sao được mà dám yên nhiên như thế? Cái tình ấy thật khó nói. Cúi xin đại nhân gia công tài bồi cho chậm lại ít lâu để tôi được khỏe lại mới có thể ứng mệnh. Ngày báo đáp của tôi với Triều đình và đại nhân còn nhiều, trừ phi tôi chết mới thôi, chứ quyết không dám thay đổi chí hướng để mất đi cái kiên nhẫn của mấy năm trước kia là không cặn nhân tình không mưu danh lợi.

Kính mong đại nhân xét cho tấm lòng của tôi. Sau khi tôi trở về, nếu bệnh khỏi không đợi gọi tôi cũng đến, nhưng nếu chưa bớt thì dù có lệnh gọi tôi cũng xin đại nhân lượng thứ cho. Nếu có việc gì có thể sai phái như mua sách, hoặc trình bày việc này việc khác với họ, giúp đỡ lãnh sự để lấp mối hiềm nghi. v.v... Những việc như thế tôi có thể giúp trong muôn một. Còn những việc có tác dụng lớn khác thì thế chưa thể làm được, sợ bệnh tái phát thì khó xong việc. Nếu đại nhân truyền gọi điều gì, xin hỏi nơi Giám mục Hậu, và xin nói cho biết rõ việc gì, đi đâu, đi lâu hay đi chóng hoặc tạm về rồi đi nữa, hoặc đi xa, hoặc ở Kinh để tôi dự

bị mang theo những đồ dùng cần thiết phòng bệnh và ít nhiều tiền chi dụng khỏi phiền lụy đến người khác.

Rất mong

Nay kính bẩm.

## DI THẢO SỐ 12

Những việc Giám mục Gauthier có thể giúp<sup>86</sup>

(4 tháng 4 năm Tự Đức 19, tức 17 tháng 5 năm 1865)

Tôi là Nguyễn Trường Tộ xin bẩm rõ những điều Giám mục Hậu muốn giúp Triều đình mà xét thấy có thể làm được:

Năm trước châu phê: “Liệu có giúp được việc gì không”<sup>87</sup>.

<sup>86</sup> Nguyên văn chữ Hán: Hv 189/1 tờ 95-98 Hv 634/4 tờ 9-14. Bài này được viết từ Nghệ An.

<sup>87</sup> Châu phê trên Văn thư của linh mục Hòa như nói trong bài này. (Xem chú thích về tờ trình của linh mục Hòa dưới đây)

Về việc Triều đình muốn xin trả lại ba tỉnh thì theo tôi đó là việc quân việc nước vô cùng quan trọng một giáo sĩ không thể làm được. Về lý và thế đều còn có chỗ trở ngại, thiết tưởng Triều đình cũng đã rõ không cần phải nói nữa.

Nay Triều đình muốn nhờ giám mục mời các kỹ sư đến để học tập, đó là điều cấp thiết hiện nay. Nhưng các kỹ sư này đều là những người có tài lực trí xảo họ không muốn xa quê hương. Hơn nữa thấy Triều đình chưa mở hết cửa để thỏa nguyện kẻ ở xa muốn đến giúp Triều đình, khiến họ chùn bước không tiến tới được. Nếu là bọn lạc phách du dân việc gì cũng lấy tài lợi làm trọng, tâm địa không ra gì, thì không thể nào so sánh

được với những người chỉ có lòng muốn làm hay làm tốt cho ta. Nay muốn thay đổi tình thế mà không cẩn thận trong việc tìm người hợp tác thì thường sẽ bị người xúc xiểm, bòn rút. Mới đầu khởi sự, chưa thấy lợi mà đã thấy hại, tất sẽ như tình trạng vì ghen hòng mà bỏ ăn, rút lui không tiến, thế thì làm sao thành việc được? Xe đã đổ<sup>88</sup>, tôi rất lấy làm lo buồn. Năm trước linh mục Hòa ở Gia Định đã có tờ trình bày<sup>89</sup>. Lần ấy tôi cũng có hai tờ trình bày về việc mua bán và học tập<sup>90</sup>. Giám mục cũng đồng ý trước với tôi như vậy. Bởi vì điều

---

88 Xe trước đã đổ (Tiền xa ký phúc): Phải chăng là Nguyễn Trường Tộ muốn nói đến chuyện lường gạt về chiếc tàu London?

89 Tờ trình của linh mục Hòa năm trước: Văn bản này hiện không tìm thấy ở đâu có.

90 Tức văn bản số 6 và 7 của Nguyễn Trường Tộ trước đây.

khẩn thiết nhất trong đạo giáo là yêu người như yêu mình. Cho nên giáo sĩ đến đâu cũng quan tâm đến việc vui buồn của nước ấy. Hễ nước nào có nền chính trị tốt không làm trở ngại đạo giáo người đều ra sức giúp đỡ. Chỉ có điều chưa thấy bề trên suy lòng để dạ như thế nào mà thôi. Còn cái tình ngay thật trong lòng này, sau nhất định sẽ có ngày Triều đình hiểu rõ. Thế mới biết chỗ kỳ diệu của đạo giáo, không như thường tình thù hằn đến chín đời là vậy. Trước kia khi ở Kinh, nhân lúc đại nhân căn dặn linh mục Hòa<sup>91</sup> tôi đã mấy lần thấy việc giám mục giúp cho một tay là cần thiết. Khi trở về tôi trình bày lại kỹ càng, giám mục vô cùng hân

91 Linh mục Hòa cũng đã được mời về giúp giải quyết vụ tàu London cùng với Nguyễn Hoằng oà Nguyễn Trường Tộ. (Xem phụ lục 4.2)

hạnh cho rằng Triều đình đã muốn yên trị tự cường thế tất sau này cả nước và giáo dân đều được ban ơn như các nước trên thế giới vậy. Do đó giám mục tuy ở xa nhưng hiểu được ý tốt của Triều đình. Vậy xin đem những điều có thể giúp được mà không trở ngại gì về mặt giáo lý của đạo giáo trình bày sơ lược vài điều sau đây.

Nếu muốn sang thông hiểu hoặc chọn người sang phương Tây học tập quan sát các cơ xưởng kỹ xảo như thế nào, các phép thiên văn, địa lý, lái thuyền hàng hải như thế nào, những cách phân biệt các thứ kim loại đá quặng và thảo mộc như thế nào, các phép tìm kiếm khai

quạt các mỏ như thế nào, cách làm các khí cụ thường dùng hằng ngày như thế nào, các binh cơ khí giới như thế nào, các mưu lược tung hoành như thế nào cùng là các lễ pháp ngoại giao như thế nào, mua các máy móc to nhỏ hoặc xem cách sử dụng hoặc lấy mẫu như thế nào, cách chọn những người dạy kỹ xảo như thế nào, tìm người trung tín có thể nhờ vả để tìm những nguồn lợi trong nước ta như thế nào, các phương pháp mới để phát triển kinh tế, chọn ra cái nào nên làm trước cái nào nên làm sau và ứng dụng ở nước ta như thế nào, nhất nhất phải nhận cho rõ ràng mà làm, lợi hại hoãn gấp ra sao... đều phải đồng lòng hợp sức để mọi sự được thỏa đáng. Trừ những cái bất ngờ ngoài sự trừ tính của mình ra,

còn thì sau này mọi người cứ thế mà làm.

Các việc trên đây, trừ những khoản phí tổn về việc đi lại của Triều đình ra, còn các khoản phí tổn do giám mục sai phái các linh mục hoặc giáo đồ qua lại để giúp đỡ công việc đều do giám mục tự đài thọ, không phiền Triều đình phải lo, mà các việc đó giám mục đều giao cho Nguyễn Trường Tộ tham dự từ đầu đến cuối. Những dự định giúp đỡ ấy là lời thật tình thật của giám mục chứ không phải nói quá sự thực đâu. Về thứ tự làm cái nào trước cái nào sau sẽ do Triều đình quyết định. Khi bắt tay vào việc sẽ có nhiều điều phải bàn

chung nữa, giấy bút không thể kể hết được. Nếu như có việc gì lớn lao rắc rối mà người của giám mục không làm được thì giám mục sẽ thân hành ra làm, không nề khó nhọc, như trước kia Bá Đa Lộc đã đi cùng tiên hoàng vậy. Nhưng khi nào bắt đầu thì Triều đình phải gửi thư đến Giáo hoàng trước để thỉnh mệnh mới được.

Mấy điều trên đây, dám xin bày tỏ nỗi lòng dù Triều đình có nghi hay không nghi cũng vậy. Vì rằng sự thế rồi tất có ngày thấy lợi hại của sự nghi ngờ hay không nghi ngờ. Đại nhân là kẻ liên quan đến sự khinh trọng của nước nhà, xin đem tấm lòng thành này của tôi

tâu giúp lên cho hoàng thượng rõ  
thấu, tôi thật vô cùng cảm kích.

Kính bẩm.

Các điều trong tờ trình bày đều  
đúng với lời của giám mục nên  
giám mục đóng dấu vào đây để làm  
bằng.

## DI THẢO SỐ 13

Ngôi vua là quý; chức quan là trọng<sup>92</sup>

(Tháng 4 năm Tự Đức 19, tức cuối tháng 5 năm 1866)

Kính thưa,

Trong bài ***Khai hoang từ*** trước đây, ở điều thứ hai tôi có nói: Người Pháp xưa nay lấy ngôi vua làm quý, chức quan làm trọng. Trong phần

---

92 Bản Hán văn: 189/1 tờ 83-94. Ở đầu bài ghi là “Tháng 4 năm Tự Đức 19” tức từ 14-5 đến 12-6 năm 1866. Nhưng theo bài tấu của Trần Tiến Thành ngày 19-4 năm Tự Đức 19 tức 1-6-1866, thì có nhận của Nguyễn Trường Tộ gửi từ Nghệ An ba bản, chắc trong đó có bản “Ngôi vua là quý, chức quan là trọng”, nên bài chắc phải được viết trước 1-6-1866 tức vào cuối tháng 5-1865.

cuối điều đó cũng nói: Vua các nước thường giao việc nước cho các quan đại thần để chu du các nước, mở rộng kiến văn, mà không phải bận tâm việc trong nước nữa. Vì việc yên trị lâu dài là do liên kết giao thiệp với các nước, khác với thời xưa chỉ biết lấy bùn trét cửa để tự giữ là thế... Trong bài ấy, có 5 điều, nhưng điều này là căn bản. Các việc phúc lợi trong nước đều do đó mà ra.

Tôi sợ dĩ khinh bỏ danh lợi cốt để Triều đình tin nghe, vì thâm ý của tôi là sang các nước xem nắm tình hình, không những nôn nóng chứng tỏ mình là người không có hại, có thể làm được những việc chính nghĩa cho vua mà còn để trở thành một kẻ mưu trí gấp lo chống

đỡ hoạn nạn cho nước nhà nữa. Cho nên bây giờ lại bộc bạch tâm huyết một lần nữa cho hết từ đầu đến cuối. Sau này dù có ngàn vạn lần nữa cũng không có gì thêm.

Người xưa có nói: “Dân là gốc của nước”. Nói như vậy cũng chưa đúng. Tôi cho rằng vua quan là gốc của nước. Vì không có vua quan thì chẳng bao lâu dân sẽ loạn, tranh nhau làm trưởng, giành giật lẫn nhau, án sát lẫn nhau, oán thù lẫn nhau. Cho nên nước dù có vua bạo ngược còn hơn không vua. Trong kinh thánh xưa của đạo giáo có nói: Tuy vua bạo ngược dân cũng không thể hai lòng. Vì nếu dân dấy loạn thì chưa tổn hại đến vua mà trước hết là hại dân.

Ngũ luân thì vua quan đứng đầu. Đạo giáo coi vua hơn cha, cho nên gọi trung phụ là đế cho đạo vua được tôn nghiêm hơn. Vì nếu không có đạo vua thì không thành thế gian. Phương Tây gần đây không có ai phạm tội giết vua, không có hành vi khinh thị quý tộc. Tuy những xứ man mọi như Trâu, Cử<sup>93</sup> cũng không khinh lờn, vì đã hiểu rõ ý chỉ của kinh thánh. Trong kinh xưa còn nói: Tào vật đã từng vì tội của vua quan mà trừng phạt dân ở đời này. Lại nói: Vua tuy vô đạo cũng không được gọi bằng thẳng, và sát hại bừa bãi. Bởi vì phạt dân thì trong nước chỉ hại nhỏ, còn phạt vua trong nước thì sẽ bị hại lớn; mà thường khi hại dân

---

93 Trâu, Cử: Những nước nhỏ đời Xuân Thu (Trung Quốc).

có tội, Chúa cũng đặc biệt mượn vua quan làm roi vọt để thay Chúa mà trách phạt. Cho nên giết vua chẳng khác gì giết Chúa. Vua được coi trọng đến như vậy. Cái lý này xưa nay các sách Nho chưa từng nói rõ.

Như Mạnh Tử có nói: “Dân là quý, rồi mới đến vua”. Câu nói này đã từng mở đường cho vô số bọn hủ nho sau này lấy cớ mượn việc công để làm điều tư. Thành Thang giết Kiệt. Võ Vương giết Trụ. Thang, Võ đã từng là bề tôi của Kiệt, Trụ thế mà lại giết Kiệt, Trụ. Nếu để cho người khác giết rồi sau cướp lấy thiên hạ trong tay người đó thì mới không hại danh nghĩa. Nếu bảo đó là nguyện vọng của nhân dân thì giả sử dân bảo làm điều bất ng-

hĩa cũng làm hay sao? Phàm nhân thì phải thuần hậu, nghĩa thì phải cho trọn vẹn. Trong lúc giao phong phải cứu người vô tội. Như thế là giết người mà cứu người. Nếu mạo danh giết vua để được cái nghĩa cứu dân thì cái nghĩa đó càng chưa trọn vẹn. Thế mà xưa nay các bậc thánh hiền đều ngợi khen Thang Võ là hết sức nhân nghĩa.

Đến như Khổng Phu Tử mà cũng không chỉ rõ điều sai đó để làm sáng tỏ cái nghĩa vua tôi, để cho Thang Võ không có chỗ trốn tránh trong khoảng trời đất này nữa. Nay Thang Võ đã có chỗ trốn tránh rồi. Mỗi ấy một khi đã khơi ra khiến thiên hạ đời sau dòm ngó ngôi vua, rồi thêm nhiều tiếng ác cho bậc quân phụ để che giấu cái

xấu của mình. Cho nên trong bài Lục lợi từ, tôi có nói: Mọi quyền lợi hành vi trong một nước phải do vua nắm, và cùng với quốc dân chia sẻ nỗi vui buồn. Ngoài quy luật này ra đều là tội cả. Tôi xem khắp các nước trong thiên hạ, hề nước nào có một họ được bề tôi đời đời giúp rập thì tuy có đôi khi suy vi nhưng trong nước cũng không đến nỗi có loạn lớn. Như Nhật Bản đã mấy nghìn năm, Thổ Nhĩ Kỳ đã nghìn năm, các nước phương Tây đều như thế cả, ở Nam Tây Châu cũng vậy. Sở dĩ dân ở đấy phần nhiều chỉ có loạn nhỏ mà không có loạn lớn là vì danh nghĩa đã xác lập ngôi vị ổn định, nghe thấy đã quen ít xảy ra việc thoán đoạt làm loạn. Bởi vì nếu tục lệ dễ dãi lơ lửng, thì nhân dân một khi thấy có điều

không như ý, không biết tự hồi lại nói bừa là vua quan không xứng đáng, rồi chê trách lung tung, bàn chuyện thị phi, mưu đồ họ khác lên thay, hoặc hy vọng có một sự thay đổi nào đó, đứng núi này cho núi kia là cao hơn,... nhân tình đại để như vậy. Từ đó bịa ra đủ thứ những câu sấm, bảo là có điềm ứng hiện để gây phiến động trong dân chúng. Do đó dễ sinh ra họa loạn. Các nước phương Tây đã hiểu rõ cái lý đó.

Kẻ làm vua biết rõ cái điều trời phó thác cho mình là nặng nề, mọi phúc họa đều do trách nhiệm ở vua, cho nên tự hạ mình ghép vào vòng pháp luật. Người làm dân biết

rõ ngôi tôn quý đã định rồi, quyền hành đã có người nắm rồi, phận sự đã được đặt để rồi, cái thế đã có người giữ, cho nên quy tiếng đẹp lên trên. Mỗi người tự lo lấy danh nghĩa của mình không dám manh tâm gây chuyện họa loạn. Họ biết rõ mình có nhiều tội ác, Chúa dùng nhiều tai biến để răn đe, nên mới có những sự chênh lệch không đồng đều, chứ không phải do vua quan gây ra nên không dám oán giận bề trên. Những điều hay đẹp này là do tình vua với dân hợp nhau hoặc xuất phát từ tình cảm đó mà ra.

Kẻ làm dân chỉ cố một điều giúp đỡ vua, kính trọng quan mà thôi. Vua quan nếu có điều sai thất, thì cả nước đều đau đớn khổ sở. Vì thế mà thành thói quen, họ đều lấy

việc giương cao uy tín của nước, bảo vệ thể lực của nước làm trọng, chạy ngược chạy xuôi chống giặc như sợ không kịp, lăn vào những nơi nước sôi lửa bỏng như đi vào nơi bình thường, cả nước có một tiếng xầu thì coi như do tự mình mà ra. (Những điều tốt đẹp trên đây là nói về toàn thể, là chỉ về đại dụng, tuy nhiên trong đó cũng có vài điều nhỏ nhặt không phải vậy).

Đối với những điều này, là sĩ phu bé phải học, lớn phải làm. Là người thôn dã, trong nhà ngoài xóm phải bàn luận khuyên bảo nhau. Nhờ đó dần dần trở thành truyền thống, thuần phong mỹ tục được lưu truyền. Ví dầu ai có lòng dạ nào khác, cũng không thể không theo đại thể, không thể không theo

cái chung. Bởi vì trí xảo con người ta do tập tành mà được, thiện ác bắt nguồn từ học thuật và phong hóa cũng do từ học thuật sinh ra. Trong sách dạy như thế nào, thầy giáo chỉ vẽ như thế nào thì người học phải làm sao cho hơn những gì sách đã dạy thầy đã chỉ. Trong nước ai ai cũng phải có thái độ học tập như thế, và hành vi như thế. Bất kỳ Đông Tây, đó là cái lý lẽ chân xác không bao giờ thay đổi. Bởi vì:

1. Các nước đã có thuần phong mỹ tục rồi mà các vua quan lại biết khéo nhân thời lập thế, biết rõ phép tung hoành để kiềm chế lấy nhau, để dựa vào nhau, các nước

đều liên hợp với nhau, mở toang các lớp cửa thì ta và người đều biết rõ mọi vật đều có chủ.

2. Đi lại giao hảo thân tình với nhau, tính kế ăn ở lâu dài với nhau, không chịu giúp họ khác lên thay ngôi vua mà mình chưa biết tình ý họ ấy như thế nào.

3. Bề trên lo giữ pháp độ, lo việc nước thì chỉ dùng người hiền, đã theo công lý giữ pháp luật thì trên sẽ hợp điển chế không ai dị nghị, sự nghiệp không suy đốn.

4. Kẻ làm dân thấy thiên hạ ca tụng vua mình, so sánh người và ta, thì hết lòng làm sao cho thiên hạ kính trọng vua mình hơn.

5. Các bề đảng biết rõ danh

phận của vua quan đã định, thì vị tất trong một lúc mà các nước đều giúp cho mình làm bậy.

6. Các nước Tần Tấn Tề Sở sức lực đều mạnh ngang nhau không chịu để cho ai lợi mà mình hại.

7. Người ở thế lực trọng yếu biết rõ nhân tâm đã có chỗ chuyên hướng, những người đồng liêu đã liên kết ngoại giao, thì làm sao có thể thuyết phục hết người này đến người khác, cần gì phải ngấm ngầm kết bè phái đảng riêng nữa, bởi vì chỉ sự tổn hại cho mình mà không được lợi gì cả.

8. Nếu lập một họ khác thay ngôi thì phải có một sự thay đổi lớn, may mà được người khác giúp cho toại ý riêng, thì như thế là

làm hại cho những người an phận thủ nghiệp, lợi riêng thì ít mà hại người thì nhiều, e rằng mọi người sẽ oán giận khó mà làm được.

9. Các nước đều bắt chước nhau, tranh mạnh lẫn nhau, tự phấn đấu cho tài xảo ngày càng thịnh.

10. Chỗ có và chỗ không giao thông trao đổi với nhau, chung nhau cái hay, đồng nhau cái lợi, bắt chước lẫn nhau để cho đạo đức phong tục được đồng nhất.

11. Điều thẳng lẽ công đều công bố ra cho thiên hạ, việc sai đúng phải cho mọi người bàn luận, không dám tự mình che giấu bào chữa cho cái xấu.

12. Vua có bốn phận của vua,

quan có bốn phận của quan, dân có bốn phận của dân. Danh phận mỗi người đều có cái quý trọng riêng. Người quý kẻ tiện không cướp đoạt ngôi thứ nhau. Cho nên người nổi nghiệp, từ nhỏ đã không dám làm sai bốn phận của mình, lớn lên thi hành phận sự tất phải tinh thuần, cũng không dám vượt qua phận sự mà cải đổi sự nghiệp, vì e rằng trong bụng không có cái chí báo phục, thì một khi có việc gì cấp thiết sẽ khó bề chống đỡ. Hơn nữa, mỗi bốn phận có một cái cao quý riêng, không được có ý tưởng được voi đòi tiên.

13. Mỗi người đều được đặt để một vị trí. Khả năng nào thì vào nghề ấy. Trách nhiệm nhỏ thì dễ đền bù. Chức vụ nhỏ thì dễ giữ.

Nghề tinh thì không sai. Dừng chuyên thì không bị xâm lấn. Việc bình thường thì không đến nỗi bỏ phế.

14. Mỗi người tinh một nghề. Mỗi nghề có cái kỳ diệu đáng quý của nó, đều có tiếng hay tiếng tốt đáng khen của nó, không có sự so bì bên khinh bên trọng. Như cái áo, có cái rộng cái hẹp, cái dài cái ngắn khác nhau để thích dụng cho hình vóc từng người. Người thấp thì không ghét áo dài, người nhỏ thì không chê đai rộng. Mọi việc có cái quý trọng riêng của nó, khi thành công thì đều giá trị như nhau. Như tay chân trong thân thể người ta, tuy có cao hạ quý tiện khác nhau nhưng cũng không vì thế mà ghét bỏ làm tổn thương lẫn nhau. Cho

nên một người có cái kỹ xảo thì mọi người đều thêm vinh, một người có tài thì cả nước được tăng phần kính trọng. Mọi người tài giỏi đều cảm thông nhau thì không có cái hận ta hơn người thua, không có tình trạng ta mạnh người yếu. Cho nên trên dưới đều hết lòng với việc làm của mình, không có cái bệnh ghen ghét kẻ tài hiền.

Trên đây là mười mấy điều đại cương rút trong cái thuật tung hoành mà ra. Ngoài ra trong nhân dân còn có những sự liên kết với nhau để phụ giúp lẫn nhau như là kẻ đứng bên cạnh giúp vào, để giúp thêm vào mười mấy điều kia thì không thể nào kể hết được. (Còn như có những đường lối chính trị như thế nào đúng với tình cảm và

lý lẽ này mà hợp với chính trị nước ta thì càng không thể kể hết, không cần phải nói rõ ở đây).

Đó là những điều mà sách kinh đời xưa đã ghi chép như vậy, các bậc hiền triết đã làm khuôn phép như vậy, những người khai sáng đã tạo lập quy mô như vậy, phong tục đã kết thành như vậy, các nước đã noi theo trật tự như vậy, mà một mai có người muốn lập lại một cái gì khác, thật cũng khó có thể làm được. Cho nên, bậc làm vua biết rõ cái thế trường cửu đã có, không có bụng nghi ngờ bề tôi ở dưới, kẻ làm dân biết rõ cái lợi hại của việc trị việc loạn nên không có cái chí phạm thượng. Trên dưới tự mình không nghi cũng không ngờ lẫn nhau. Mọi việc gì đều có sự phó

thác rõ ràng, người nhận lãnh vui lòng, không có điều gì tối tăm, lo lắng, cho nên dễ đi đến chỗ đúng đắn, dễ bày tỏ, dễ cởi mở, dễ phân giải, tất cả đều là do thật lòng tin tưởng nhau, cho nên dù có sự bất bình cũng tin nhau, không nỡ trách cứ hà khắc. Được như vậy là đều do không nghi kỵ gì nhau mà ra. Nếu đã nghi thì hại đến lòng tin. Không tin tưởng thì đa kỵ, đa kỵ thì hại đến trí khôn, trí bị tổn hại thì dễ bị hỏng việc, việc hỏng thì sinh hại, hại sinh thì có lắm điều lo buồn, lo buồn nhiều thì tâm loạn rồi sinh ra lắm sự sợ hãi, sợ hãi nhiều thì khí chất kém đi mà sinh ra nhu nhược, nhu nhược thì mọi việc chần chừ do dự không dám quyết đoán. Nếu trong bụng không có định kiến chủ trì thì khi có ngoại hoạn nổi lên tấn

công ta, ta sẽ không có cái gì đối phó lại, tất sẽ tán loạn tan tành, đại thế sẽ ngày càng giảm. Những cái đó đều do chỗ ta với người nghi ngờ nhau mà sinh ra cả.

Tôi nhìn chung thấy cái thế các nước trong thiên hạ xưa nay, các nước phương Đông phần nhiều cái hoạn ấy do tích tụ lâu ngày thành thói quen. Nhưng về học thuật thì cũng có cái giống nhau cái khác nhau. Nhưng hùng biện hay mà làm cho rối rắm điều phải trái khiến người ta có cái ý bỏ đây theo kia. Đó là do cái tệ quá đề cao hoặc quá hạ thấp mà ra. Có phú quý rồi mới thấy có tật; vinh nhục đã định rồi mới thấy điều tranh chấp, nhân tình là như thế đấy. Nghệ Tổ có nói rằng: “Ở địa vị như thế thì ai mà

chả muốn làm”. Cho nên khi được gia ân lớn thì chiếm giữ lấy chỗ quan trọng để rồi họa hoạn sinh ra từ trong tay áo. Đã có tri tất có loạn, đó là lẽ thường tình. Người hay sinh chuyện thì lại mượn có người ta nói vua thất đức, trời sinh tai biến làm thực chứng, để ôm lấy cái ước vọng sai lầm của mình. Làm quan khi có điều gì sai thất, thì người ta sẽ nhân lúc bề trên nghi ngờ mà dèm pha vu khống, khiến người ta bắt chước làm con trượng mã, sợ nó hý lên một tiếng thì có người bị đuổi. Người nào cũng lo giữ lấy mình, không dám có phát minh sáng kiến gì. Người thợ không tinh kỹ xảo, người học trò không lo học để mãi sau ra làm quan. Hễ có nhiều những chuyện trục xuất, giáng chức, đổi chức,

điều động, thì những mối lo được lo mất luôn luôn hiện ra trước mắt. Những tuồng đẩy người ta để tiến mình lên, rình mò sau lưng, đương chức mà như là ngồi trên đệm có kim chích, làm việc thì lo như là bị gai đâm, không được thung dung để phát triển điều hay.

Kẻ đắc thời biết có con đường có thể tiến thân, có thể thừa cơ được cho nên cứ muốn vượt người ta mà ngoi lên. Như người xưa nói: “Thà làm đũa chẵn trâu đầu đàn, chứ không làm ông quan lớn hạng nhì trong triều”. Biết có chỗ phục thù, bọn người đắc chí, cứ hớn hờ mà đi để quyết hả cái hận “được làm vua thua làm giặc”, như người xưa nói: “Không lưu tiếng thơm muôn thuở, thì để tiếng xấu vạn

năm”. Lại có một loại người, động một tý là mượn thánh hiền, hễ có việc bất bình thì vội đòi phế lập.

Có cái chí như Y Doãn cũng nên. Sao không biết rằng người đâu phải ai cũng là Nghiêu Thuấn cả mà việc gì cũng làm được hay được tất cả. Theo lẽ thường tình mà nói, thì vua quan đều có phận sự riêng, ai chẳng muốn ở cho yên hưởng cho lâu. Cho nên ra làm điều gì thì muốn việc cho được, công cho thành, đó là bản chí của mọi người. Nếu có làm điều gì sai lầm ngoài ý muốn, hoặc cơ hội lầm lẫn thì lo thay đổi gấp để cho người ta không sửa đổi kịp. Như thế là giáo dưỡng người rất khó mà vứt bỏ người thì quá dễ. Đường tài đức xét ra không cùng đâu muốn

đoạt lấy hết tài đức trong thiên hạ cũng không lấy hết được. Như uống nước sông, tùy lượng chứa của mình rộng hẹp, nhưng tất cả đều được no đủ, không cần phải đoạt lấy của người để làm dồi dào cho mình.

Hơn nữa, hiền tài là sinh lực của quốc gia, sinh lực con người ta mà mạnh thì mọi gân cốt trong người đều mạnh. Thế thì tại sao không nghĩ đến lợi ích chung, không lo đến hạnh phúc chung? Mình đã không tốt lại còn muốn người khác xấu để chia cái xấu với mình. Như ngôn ngữ Trung Quốc có câu: “Kéo người ta xuống vũng nước dơ mong cùng lắm như mình”. Mình đã không có tài thì không muốn cho người có tài để

khỏi lộ cái dở mả của mình ra, rồi làm đủ cách để chôn vùi người ta đi. Như người ta thường nói: Tài là hay đi với cái họa, thật là cái họa của sự có tài vậy. Kẻ sĩ bất kỳ có tài giỏi hay không, cứ vào triều là sinh tặc cả. Thế thì nước nhà còn mong gì mà dành tài được? Sĩ phu tội gì mà ôm tài hại thân? Lại có một loại tặc hơn, tiếng là đào tạo tài, nhưng thực ra vớt bỏ tài. Sở dĩ được thành tài phần nhiều là do tích lũy thuận đạo, như người ta thường nói: Con nhà tướng ra cửa nhà tướng.

Nay hễ nghe khen thì mời về, nghe chê thì đuổi đi. Việc chứa giữ tài nguồn gốc của nó thật sâu xa, mà việc dùng hay bỏ tài thì lại bỗng chốc tạm bợ. Như vậy chẳng

những cô phụ việc cầu tài của trên mà kẻ có tài cũng vô dụng; khiến đến nỗi kẻ có tài sau này bế tắc không đường thăng tiến; khiến kẻ có tài mà không gặp hội phải vất bỏ hết bao công lao trước kia mà thay đổi nghề nghiệp như Hứa Hành, thật là chua cay, khiến đến nỗi sau này có cái hận làm điều thiện mà không được báo đáp, như người xưa có câu than thở “giận mình đã làm lỗ làm kiếp nhà Nho”. Cho nên nhiều người tức tối thất vọng, thất chí không có nơi nương tựa để phải mắc vào nhiều tội ác. Người ta đâu phải gỗ đá trơ trơ, ai không muốn sửa chữa tội lỗi trở thành người hiền lành. Dù có kẻ ngu ngốc không đổi nết thì cũng nên nghĩ đến công lao trước kia của người ta, để khuyến khích kẻ hậu tiến, để bù đắp

cho hậu đạo, ai lại nỡ để mình làm quan đại thần mà con cái đi ăn xin. Đến nỗi khiến người xưa có câu: “Có thể làm quan thanh liêm được, nhưng không thể làm”. Con cháu của Thang Võ cũng không có đất cắm dùi.

Như thế thì hiện nay ai chịu bỏ sự hưởng dụng cả một đời để đổi lấy cái cơ cầu ngày sau chưa chắc chắn ấy? Cho nên người xưa có câu: “Cười chê chửi mắng mặc thầy, Quan to lộc hậu thì đây cứ làm”. Những cái đó đều do biết rõ cái thế không được lâu dài, hưng vong chưa ổn định, thịnh suy không biết lúc nào, phải trái không đích xác, được mất bất thường, thực hư không phân biệt, thưởng phạt không lâu dài, ra làm quan hay ở

nhà không định trước, tiến thoái không tính liệu, như nước trong ống xe đạp nước, như sóng nơi trường giang, như tiếng sáo diều, như hình mây cầu vồng. Kẻ thất phu lên làm vua thì không kể gì thế hệ. Vua xuống làm dân quê thì tính chi đến chuyện cao thấp. Từ trên xuống dưới không ai là không ôm cái quái thai ấy. Cho nên phải giải quyết cái căn bản là phải thấy được cái gì làm cho lòng người dao động.

Các nước lớn ở phương Đông, xưa nay lên xuống đại loại đều như thế cả. Là vì không tinh thuần đạo học, không đồng nhất tâm thuật, không có cái thế liên hợp, không coi trọng danh vị mà gây ra cả.

Còn như các nước Đại Tây, Tiểu Tây cùng các nước Nam Tây Châu thì trái lại, đúng như đầu mỗi bài kinh đã ghi, tuy có sớm muộn khác nhau, nhưng đến nay đều đã dần dần biến đổi cả rồi. Khi chưa biến đổi, các nước ấy còn tệ hơn ở phương Đông, điều đó sử cũ đều có ghi chép, chỉ nhìn qua cũng thấy rõ. Nhưng những việc đó đã thuộc về dĩ vãng không nói làm gì, bây giờ chỉ nhìn vào sự tân tiến của họ cũng đủ chứng tỏ sự xưa và nay khác nhau rất xa. Người ta ai cũng lo gấp phòng bị hoạn nạn, mà không biết cách làm sao cho hoạn nạn đừng sinh ra, không biết làm sao cho hết hoạn nạn, mà chỉ lo sắm những cộng cụ phòng bị hoạn nạn. Như thế thì dù có xua hết thiên hạ ra làm cũng không đủ. Nếu biết

dựa vào sức và nhờ vào thế của nhiều người, sao cho mọi người đều quan trọng việc công và lòng người đều tôn kính bề trên, như Giả Nghị nói: “Gieo vào lòng người sự tôn kính” thì thiên hạ không có loạn. Vì rằng danh đã định, vị đã lập, lý đã chính, thế đã đồng, các nước đều như vậy cả; lẽ nào một nước lại có thể trái với các nước mà đứng riêng một mình một cõi được sao?

Tôi đã hiểu rõ cái chính lý của đạo trung ái trong kinh, biết rõ danh vị là lợi ích cho nhân dân, thấy thiên hạ có sự yên trị lâu dài, lợi ích to lớn là do chỗ một họ cầm quyền, do chỗ đời đời truyền nối. Mà chế ngự được nhân tâm là do trị lý về kinh tế, và duy trì được đời

đời dài lâu là nhờ ngoại giao. Cho nên tôi thiết tha muốn cho nước nhà cũng được hạnh phúc tốt lành như thế.

Kính bảm

## DI THẢO SỐ 14

Tình hình lương giáo ở Nghệ An<sup>94</sup>

(22 tháng 4 năm Tự Đức 19 tức 4 tháng 6 năm 1866)

Nguyễn Trường Tộ kính bẩm.

Tôi sau khi từ Kinh về đến Xã Đoài tỉnh Nghệ An, những điều mắt thấy quả đúng với những gì đã nghe được mà còn hơn thế nữa là khác. Cứ theo cái đà này thì sự việc sẽ lan ra mãi chưa biết khi nào dứt. Đầu mối của sự việc là do sĩ

---

94 Bản Hán văn Hv 189/1 tờ 98 - 103. Bài này được viết từ Xã Đoài, Nghệ An, đề ngày 22-4 năm Tự Đức 19 (tức 4-6-1866).

phu, nhưng cái gốc của nó cũng do những người có quyền lực xướng xuất ra nữa. Cho nên tôi cứ nói ra không sợ oán trách; dù sau này có vì nói những điều này ra mà phải chết tôi cũng không quản. Đây là nguyện vọng thiết tha của tâm tình, vì hai vị đại nhân mà nói. Bởi vì đã dùng quyền lực mà sinh sự thì muốn yên việc cũng phải dùng đến quyền lực mới được.

Trước đây, nhân chuyện người Tây đột nhiên đến, Triều đình chưa rõ vì ý gì, nên tiến hành việc phân tháp<sup>95</sup> để tạm thời giải tỏa sự nghi ngờ. Nhưng việc làm của Triều đình là do ý muốn yên dân, chứ

---

95 Phân tháp: Phân là chia tách ra; tháp là cấy vào. Chính sách thời Tự Đức chia tách các cộng đồng giáo dân rồi cưỡng bức đưa đi ở rải rác những vùng xa xôi không có đạo để cô lập và quản thúc họ.

không như việc làm của bọn ngoại gian, lừa đảo thêm dầu, làm điều ác độc ngoài pháp luật, rắp tâm muốn giết cho hết mới thôi! Ôi người xưa khóc kẻ có tội, làm tỉnh ngộ người trong ngục, tội nghi thì xử nhẹ, ăn ở có tình người ai lại không vui? Thậm chí, có người còn không muốn làm quan ở miếu đường, mà xin làm viên quản ngục, chính vì để được thương người đồng loại.

Cái đức lớn là quý trọng sự sống. Điều đáng ghét là tội ác, điều đáng yêu là tình người. Tuy dưới dân phạm luật đáng giết, nhưng đối với quan trên, phải chém người cũng là điều đáng khóc thương. Nhờ thế mà hòa khí tích tụ ở dưới, điều tốt lành ứng ở trên; lúc bình thường bao nhiêu việc tốt lành liên tiếp

đến, khi có biến những việc quái dị cũng sẽ tiêu tan. Như thế cũng khéo tránh được, khiến người phạm tội tự nhận tội, mà không làm điều gì hại đến hòa khí. Bởi vì khi con người ta đã mang tội với pháp luật dương gian, mà mình còn đổ cho người ta bao nhiêu tiếng ác nữa, thì mình cũng có tội nơi u đồ<sup>96</sup>, cả hai đều có tội như nhau.

Những người có lòng nhân ái đời xưa không những lấy điều thiện của người khác coi như điều thiện của mình, hơn nữa còn nhân điều ác của người khác mà đem lòng thương xót, để sâu dày đạo đức. Bởi vì người có tội, có khi

96 U đồ hoặc minh đồ đều chỉ địa ngục, nơi tối tăm u ám mà người có tội phải chịu hình phạt sau khi chết.

đáng tội, nhưng cũng có khi làm đường, chưa thể biết được. Tuy đã phải chịu luật pháp của vua, nhưng cuối cùng phải do sự phán quyết của đạo trời, hoặc có khi còn được cải án là đằng khác. Nếu mình ghen ghét đố kỵ người ta, tuy bề ngoài đã hoặc chưa giở những thủ đoạn ác độc, nhưng trong lòng cái ác ấy đã kết thành, do đó trong thâm kín đã có thần linh tru phạt, vĩnh viễn không bao giờ cải cái án ấy được. Không những thế mà thôi, phạm các loài đã được sinh ra trong thế gian, không loài nào tạo vật không muốn cho nó sinh trưởng nhiều thêm. Tuy có lúc ngựa nghiêng, có khi bị dịch lệ mà tiêu hao ít nhiều, nhưng không trở ngại gì đến việc sinh sống. Thế sao có người lại muốn cắt đứt thiên căn, lập bằng

địa đạo<sup>97</sup>, không chịu ở chung với nhau, cùng sinh cùng dưỡng.

Hiện nay ở tỉnh Nghệ hai bên lương giáo lòng đang sôi sục. Một bên nói không thể nào chung sống, phải giết cho hết tiết mới thôi. Một bên nói con thú mà bị khốn quẫn còn cần cần hưởng chi là con người? Nếu bên kia không để cho cùng sinh cùng dưỡng, thì bên này cũng không để bó tay chịu trói... Nhà nào ngõ nào cũng xôn xao bàn tán chuyện đó. Tôi lấy làm lo ngại mà không có cách nào giải quyết. Bởi vì sĩ phu trong tỉnh hạt có nhiều ý kiến khác nhau. Đã nói ra khó với lại được. Hơn nữa sự thù hằn này đã sâu sắc, việc làm ác độc này đã kéo dài, lòng không sao

97 Thiên căn: Cái gốc của trời. Địa đạo: Đạo đức của đất. Ý nói trời che đất chở, đức lớn bao dung.

yên được. Cho nên không ai chịu tự giải thích cho mình, cũng không chịu giải thích cho người khác.

Đúng như đạo dụ của Thánh thượng trước đây có nói “Giáo dân tỉnh Nghệ hơn tám vạn, trong đó có nhiều tay không vừa, trừ phi có chiếu chỉ rõ ràng của Triều đình mới không dám kháng cự. Còn giữa dân với dân thì như nhau cả, nếu bức bách họ làm sao họ chịu yên được?”

Ở phương Tây trước kia đã có lần đại loạn gọi là chiến tranh tôn giáo. Đó là cái gương cho chúng ta soi. Vả lại, hai chữ “lương, dữ” chẳng có quan hệ gì đến sự thế quốc gia cả. Thế mà khắp cả tỉnh người người đều luôn mồm lấy hai chữ

đó nhục mạ nhau. Một lời nói mà không chịu là xách dao đến chém nhau. Đó là điều tệ mà Triều đình đã cấm. Nhưng trong làng xóm người ta còn cậy thế lực hào lý áp chế nhau, còn dựa vào tục lệ mà tích oán thành họa. Lại còn một tệ đoạn nữa là trong bình dân [Chỉ bên lương.] có nhiều người quyền quý và những người có thế lực quan trọng liên kết với nhau nên dễ bề bày đặt khiến mọi người nghe theo. Ngay như trước đây khi Triều đình phân tháp họ đã làm những điều ác độc phi pháp, khắp nước chưa có đâu như tỉnh Nghệ. Ý họ muốn giết cho hết không sót một ai, như thế họ ăn nuốt mới trôi! Bởi vậy khi nghe có ân chiếu của vua, họ liền nói: “Triều đình hành sự như trẻ con”. Thủ đoạn ác độc đó thật quá lắm

vậy. Nay sợ giáo dân kiện quan, bắt bồi thường những của cải mà trước kia họ đã lấy càn của giáo dân, nên họ nói đủ những lời đe dọa. Nay thì nói Triều đình sắp phá hòa ước sẽ giết chúng bay. Mai lại nói chúng tao sắp cùng nhau giết chúng mày. Triều đình có chiếu lệnh điều hòa lương giáo thì các phủ huyện giữ kín không chịu thông tri ra. Giáo dân chỉ nghe phong thanh mà thôi. Như việc lần trước Triều đình miễn thuế cho những người giáo dân sau khi bị phân tháp mới trở về, thế mà dân chẳng ai biết. Vì vậy nhiều làng bị lý dịch vẫn cứ trưng thu đủ số. Tuy có đại ân mà cùng dân chẳng được hưởng tí gì. Việc lớn còn vậy thì biết việc nhỏ như thế nào.

Lại có một loại người bịa ra rằng ta đây vốn biết thâm ý của Triều đình: Ngoài thì hòa nhưng trong thì sợ. Như trước kia có lần đã bắt kê khai hết giáo dân nạp lên quan, có lần truy hỏi mỗi xứ có mấy linh mục. Hai việc ấy họ giải thích xuyên tạc rằng: Quan lớn này nói: “Dần dần sẽ tính”, quan lớn kia nói: “Phải ngấm ngầm đề phòng bọn đạo”, quan lớn khác lại nói: “Bọn đạo không biết dao kề sau cổ, như chim én ở trong nhà, chẳng lâu lắc gì nữa đâu!” Vị quyền quý này nói: “Triều đình đã ngấm ngầm cầu viện, đã định ngày nổi lên giết Tây. Lúc đó bọn chúng tao sẽ đồng thời giết chúng mày. Không tin cứ xem trong bình dân nhiều người đã rèn khí giới rồi đó. Nếu chẳng phải Triều đình ngầm cho như thế hỏi

người ta dám làm hay sao?” Những lời bày đặt dọa nạt như vậy đi đâu cũng nghe nói. Cho nên, giáo dân một mặt thì sợ, một mặt thì hiểu lầm, người nọ bảo người kia, sự sợ hãi ngày một gia tăng. Thậm chí có người không thiết làm ăn, sợ thân như cá trong chậu. Thậm chí có người không làm việc gì nữa, chỉ lo trốn tránh vĩnh quyết. Thậm chí có người chạy chọt đến những người bình dân ở xa, mua chuộc cảm tình để lo trước chỗ ẩn thân.

Dân tình thế đấy hỏi làm sao yên ổn lâu dài được? Xét cho cùng cũng bởi một là do ơn trên chưa được rộng khắp, hai là do sai lầm trước chưa giải thích được, ba là do bọn ăn không ngồi rồi bịa đặt mà gây liên lụy, bốn là do bọn

cường hào tác uy tác phúc ngoài pháp luật, năm là do bọn quyền quý mượn uy thế dọa nạt người, sáu là do dân đạo không yên tâm phải luôn luôn ngó trước nhìn sau. Những điều ẩn khuất như vậy, ở đây mười điều tôi chỉ mới nói một mà thôi. Bởi vì chuyện đời thường ở trong thì nhỏ mà ngoài xé ra to. Huống chi những việc bình dân dọa nạt đâu phải mới một ngày một bữa, lâu rồi phải khiến người ta tin mà sợ<sup>98</sup>.

---

98 Nguyên văn: “Đầu trử nhi khởi” nghĩa là ném con thoi mà đứng dậy. Tích mẹ Tăng Sâm đang dệt cửi, có người đến bảo cho bà biết “Tăng Sâm giết người” Bà cũng không tin, vì con bà là người hiền, nên cứ tiếp tục ngồi dệt vải. Lại có người đến nói “Tăng sâm giết người”. Bà cũng không tin. Sau nhiều người đến nói như vậy quá, cuối cùng bà ném con thoi đứng dậy mà xem. Thì ra đó là Tăng Sâm trùng tên chứ không phải con bà. Chuyện không đúng mà nói nhiều quá, khiến người ta cũng phải tin.

Đại nhân là người quan hệ đến việc khinh trọng của nước nhà, nên tôi dám đem trình bày rõ việc trên. Nguyên trước đại nhân đã xá cho tôi cái tội biết mà không thể không nói. Riêng tôi cũng tự tin rằng tôi không nói dối. Đại nhân ở chốn xa xôi ngàn dặm, nếu như tôi kiêng dè không nói ra, thì những điều ẩn khuất làm sao thấu đến đại nhân được?

Nay kính bẩm.

## DI THẢO SỐ 15

Lại tâm sự với Trần Tiến Thành<sup>99</sup>

(Ngày 3 tháng 5 năm Tự Đức 19, tức ngày 15 tháng 6 năm 1866)

Tôi là Nguyễn Trường Tộ xin kính bẩm.

---

<sup>99</sup> Bản Hán văn 189/1 từ 103-104. Bài này được viết từ Nghệ An, không biết có được gửi đi hay không được gửi và được cất giữ trong gia đình Trần Tiến Thành, chứ không thấy được lưu trữ trong Thư viện của Triều đình, bởi vì hầu như không ai được đọc bản văn này. Bản văn chúng ta hiện có trong H.v 189/1 có lẽ là bản thảo được cất giữ trong gia đình Nguyễn Trường Tộ, do ông Đào Duy Anh sao lại được.

Trước đây khi ở Kinh đô tôi đã thấy được nỗi lo âu về việc nước của các vị đại thần, lòng nhiệt huyết của các vị phải nghĩ đến nhiều việc một lúc mà chông chất trước mắt rất nhiều. Tôi đã thấy rõ đại thể trong thiên hạ có cái cơ có thể thịnh có thể suy, thấy rõ tình hình nước ta gặp lúc cả nghi ngờ, khó khăn lớn, thấy rõ cái ẩn ý chứa chất trong lòng dân các tỉnh trong nước, thấy rõ các quan địa phương làm việc công, việc tư như thế nào; thấy rõ bọn Thằng, Quảng gốc rễ chưa dứt, còn nhiều thế lực ngầm giúp, còn nhiều cơ gây sự; biết rõ bình dân và giáo dân còn nhiều mâu thuẫn tất sẽ có một bên bị tổn thương, mà khó bề xử trí; biết rõ giáo dân có nhiều ngách ngõ, có nhiều tài trí, đủ sức làm việc chung, cũng đủ

sức tự vệ; biết rõ bình dân trước kia ý thế chất chứa thù hằn, làm những điều phi pháp hại người, để đến nỗi làm cho lòng người không yên; biết rõ người Tây còn như hổ rình mồi, sức ta chưa đủ, nếu không khéo điều đình sẽ ngã theo bánh xe trước; biết rõ nước ta có nhiều khiếm khuyết, những phương pháp cũ đã hoàn toàn vô dụng mà còn câu nệ ngăn trở công việc, còn nhiều chỗ nghi nan chưa tiêu tan, ý kiến chưa đồng nhất, chứng bệnh tích tụ lại chưa tiêu trừ, những yếu nhược tích tụ lại chưa phần chấn, đường hiền tài còn bế tắc, trí học chưa mở mang, những tệ hại đó còn chất đầy, những tai họa còn dồn đến chưa chĩnh dọn hết được; biết rõ những phương pháp mới nên làm, tập tục cũ nên đổi, ôm của

báu mà chịu nghèo đói sợ người khác cười chê, chỉ cho người môn lợi sợ họ tranh phân, của cải hao hụt khó bề khởi sự, thành trì tổn hại khó bề chống đỡ, nguồn lợi đầy đất mà khó khai thác, tung hoành chưa được, chưa ai giúp đỡ, không làm thì không xong việc, mà làm thì lại không có người. Những tình thế đất nước như vậy ở các nước khác người ta lo liệu hàng trăm năm rồi, mà nước ta mới thấy một ngày. Các nước làm thực sự mà ta thì chỉ nói suông. Cho nên Triều đình sớm chiều nhọc mệt, xoay sở không kịp, chưa biết tính sao, nghĩ tình cảnh cũng khó lắm vậy.

Những điều ấy trước đây khi ở Kinh, tôi đã mắt thấy tai nghe. Thế nhưng ở nước ta vẫn có nhiều người chưa hiểu thấu tình cảnh ấy của Triều đình và cũng chưa biết làm cách nào. Tôi biết rõ đại nhân cũng cùng nỗi khổ ấy, mà tri âm thì chẳng mấy ai. Tôi là người đã trải biết nhiều người nhưng thật khó mà có được một người để bày tỏ lòng những chứa chất khó chịu, cho nên dám đem những điều này nói với đại nhân. Vì đại nhân là người tài lực như vậy, cũng đủ chia sẻ mối lo với Triều đình mà giúp cho việc lựa chọn người, biết đâu sẽ chẳng như trường hợp theo Khổng Tử thì có Trọng Do, môn hạ Mạnh Thường Quân chỉ có Phùng Hoan là người sau cùng giữ được khí tiết. Kính mong đại nhân xét

kỹ, không nên vì hiện tại chưa rõ sự thế, không nên vì mới một ngày chưa để lộ tài năng<sup>100</sup> mà nghi ngờ kẻ sĩ trong thiên hạ.

---

100 Nguyên văn: “Vị đắc thoát chùy” nghĩa là: “Mũi kim chưa được ló đầu ra”, lấy câu nói của Mao Toại thời Chiến quốc. Mao Toại là môn khách của Bình Nguyên Quân. Khi nước Tần đánh nước Triệu, vua Triệu sai Bình Nguyên Quân chọn 20 môn khách gồm đủ văn võ đi theo, nhưng chỉ chọn được 19 người. Toại xin đi theo cho đủ số. Bình Nguyên Quân có ý ngờ tài năng của Toại, Toại nói: “Tôi bây giờ mới như cây kim còn cất trong bọc, được dùng mới lòi mũi ra”. Quả vậy, sang nước Sở, Toại đã dùng ba tactic lưỡi thuyết phục được vua Sở cho quân đi cứu nước Triệu.

## DI THẢO SỐ 16

Bài bạt mừng đào xong thiết  
cảng<sup>101</sup>

Tùng nghe:

Đấng tạo vật lập nên trời đất,  
mở sông ngòi để làm mạch lạc,  
dựng núi non để làm xương cốt.  
Hai cái này giúp nhau mà làm việc.  
Nếu xương cốt có chỗ gãy gập thì  
mạch lạc cũng đứt không thể thông  
thấu nhau được. Đó cũng là cái  
bệnh ứ tắc của đất. Khôn khéo như  
tạo vật mà còn để lại khuyết điểm  
này cho đất phải có điều đáng tiếc.

101 Nguyên văn chữ Hán: Hv 189/4 tờ 21-24.

Đó không phải do vụng về mà ý tạo hóa muốn vậy!

Thợ tạo còn sinh ra muôn vật trên mặt đất để làm cái công cụ to lớn đẹp đẽ của đất, mà tất cả đều nhờ vào những giòng nước để lưu thông hòa hợp. Nếu có chỗ nào giòng nước không đạt đến thì muôn vật trên mặt đất cũng bị chia lìa cách trở không thể tô điểm cho mặt đất hoàn toàn đẹp đẽ được. Đó cũng là cái bệnh bất túc của đất. Như ở biển thiếu gỗ, ở núi thiếu cá. Khéo sắp xếp để nên việc như tạo vật mà còn thiếu sót cho đất, không được đồng đều nhau. Đó không phải do vụng về mà ý tạo hóa muốn vậy!

Ý muốn như thế nào? Giả như

trời đất chỉ có một vật không có linh giác mà không có con người thông minh trí tuệ sống ở trong đó để nuôi nấng điều động, giúp cho tạo hóa những chỗ thiếu sót thì cái công dụng tạo thành trời đất tạo thành vật loại cũng chưa hoàn toàn và cũng chưa làm tỏ rõ được chỗ kỳ diệu của tạo vật. Giả như sự bài trí trên mặt đất này mà không có chỗ cách trở thì con người chúng ta cứ tự nhiên hưởng dụng chẳng góp phần gì vào việc đó, chỉ làm theo tự nhiên mà chẳng tự biết gì cả, thế có khác gì loài vật không linh giác, mà loài người cũng chả có gì là đáng quý.

Trong tam tài<sup>102</sup> con người ở vào giữa có thể sai khiến mọi vật,

---

102 Tam tài là trời, đất và người.

phàm ở trên đất có cái gì không đồng đều, đều có thể thông đồng hòa hợp, hình thể trên mặt đất có chỗ nào chưa được hoàn toàn, đều có thể chữa trị bổ khuyết để phụ vào cái kỳ diệu của tạo hóa đã sinh ra con người chúng ta. Như thế là tạo hóa cố làm ra những chỗ chưa hoàn toàn này để dành cho chúng ta bổ túc, mà do đó mới có con người sinh ra ở giữa trời đất này. Có thể bổ túc được công việc của tạo hóa thì cũng đồng với tạo hóa. Cho nên phải có con người siêu việt mới có thể có cái linh giác to lớn mở được nguồn mạch mà chữa cái bệnh bế tắc của địa hình.

Nay xin kể sự thực của nước ta để chứng minh. Từ khi có trời đất đến nay, sông núi nước ta vẫn y như

cũ. Phàm có chỗ nào đường nước chưa thông thì trời sinh người thế hệ nào đủ giải quyết công việc thế hệ đó. Đối với những kênh nào có thể đào vét được thì tiền nhân đã đào vét và hoàn thành cả rồi. Duy có một Thiết Cản này Triều đình trước đã tốn không biết bao nhiêu tâm lực vẫn không làm xong. Đó cũng vì tiền bạc thì ít mà công việc thì quá khó, lại không lượng sức muốn cưỡng làm cái công việc mà tạo hóa có ý lưu chậm lại đến ngày nay, cho nên không thể xong việc được. Nếu có thợ trời thăm giúp như Cao Biền với kênh Thiên Lô chẳng hạn thì đã trợ giúp cho Triều đình trước rồi. Kênh kia tuy hoàn thành nhưng trời đã chia công một nửa khiến con người không được làm trọn vẹn cái đẹp của riêng

mình. Và như thế cũng chưa đủ làm tỏ rõ cái kỳ diệu của đạo trời vậy<sup>103</sup>.

Phàm việc gì nhiều đời muốn, nhiều người cầu mà không được, cái đó mới vĩ đại mới quý báu, thế mà một sớm đã được rồi để hoàn thành cái chỗ thiếu sót của đất. Việc đó bậc chí nhân đâu có kể công, mà bút mực lời lẽ cũng không thể nào kể hết được.

103 Ở đây Nguyễn Trường Tộ nhắc đến sự tích về cảng Thiên Uy mà Nguyễn Trường Tộ gọi là cảng Thiên Lô, theo Nguyên sử chép rằng: Cao Biền đi tuần dương ở Dương Châu, thấy lòng sông lắm đá, thuyền bè đi lại không tiện, bèn sai Lâm Phùng và Dư Tồn Cổ đưa quân đi khơi vét, gặp một chỗ có hòn đá lớn lắm, đứng trơ trơ giữa dòng, quân lính không làm thế nào mà phá tan được. Một hôm trời mưa to gió lớn có chừng hai trăm tiếng sét đánh luôn vào, làm cho hòn đá ấy vỡ tan ra, từ đó dòng sông mới thông. Vì có uy của trời sấm sét, cái kênh ấy mới thành, cho nên đặt tên là “Thiên Uy Cảng” (Xem bài của Nguyễn Đức Tánh: “Các nơi cổ tích đất Nghệ Tĩnh”, Nam Phong số 138, tháng 5 năm 1929, trang 247.)

Nay đại nhân vừa gặp đúng lúc trên làm tỏ rõ cái bí mật của trời mà lại thừa kế tiền nhân hoàn thành được cái sở dục sở cầu, thế là không những người sống chịu ơn mà kẻ chết cũng ôm lòng cảm kích, hơn nữa đã không phụ cái ý trời đã lưu chậm lại để đợi ngày nay vậy. Đại nhân quả thật đã bổ túc được chỗ thiếu sót của trời đất và trọn vẹn được cái địa vị mà ý trời dành cho con người xuất chúng.

Còn nói về cái lợi vô cùng đối với đất nước mà riêng tỉnh Nghệ được thừa hưởng nhiều hơn thì từ nay về sau con người sinh mãi sinh mãi không cùng, công nghiệp ấy cũng dài lâu không hết. Đã có bia miệng ngàn đời không mòn không mất không đổ không hư, khiến tên

của đại nhân cùng lưu truyền với con kênh này cũng đã đủ, cần gì phải bắt chước người xưa uống công xây dựng bia đá khắc văn chương cho mưa dập gió vùi rêu phong cỏ lấp ư? Nếu muốn nói sự lợi ích rộng lớn của con kênh này thì chỉ có hai chữ “vô cùng” mới nói hết được và đã có những người chịu ơn vô cùng thuật lại cho, đâu phải kẻ tiểu tử này trong một lúc nói mấy lời trên một trang giấy mà thuật hết được. Vậy xin dừng bút chẳng dám nhiều lời.

Nay kính dâng lời bạt này để chúc mừng.

## DI THẢO SỐ 17

Dùng giám mục linh mục vào việc canh tân<sup>104</sup>

(Khoảng 17-18 tháng 8 năm 1866)

Kính bẩm,

Nay giám mục lên Kinh đô, những điều trước đây tôi đã bẩm điều gì hoãn điều gì gấp giám mục có thể trình bày rõ được. Còn việc sắp đặt và sai phái như thế nào sẽ do Triều đình quyết định.

---

104 Nguyên văn chữ Hán: Hv 634/4 tờ 14-20. Bản văn chỉ ghi Tự Đức năm thứ 19, nhưng chắc là được viết lúc Nguyễn Trường Tộ mới cùng giám mục tới Huế (17-8-1866).

Trước đây giám mục đã từng bàn bạc với tôi rằng nếu Triều đình muốn lần lượt canh cải để làm theo phương pháp mới thì người rất vui mừng ủng hộ. Chỉ vì nay ta chưa có người. Nếu thật tâm tin nhau khẩn khoản yêu cầu, giám mục sẽ đưa các linh mục và đạo đồ, một số có khả năng am hiểu tiếng Tây, học qua một vài phương pháp của phương Tây như Nguyễn Huân, Nguyễn Hoảng, Nguyễn Điều, Nguyễn Lâu<sup>105</sup> chẳng hạn sang Tây trước, học gấp các

---

105 Theo Sự tích ông Nguyễn Trường Tộ, thì năm 1858. Giám mục Gauthier có đem theo vào Đà Nẵng “cụ Khang, cụ Điền (người An Phú), cụ Huân (người Trung Hậu) khi ấy cả ba ông chưa chịu chức thầy cả”. Sau này chúng ta chỉ thấy Nguyễn Hoảng, Nguyễn Điều và Joannes Vĩ cùng đi Pháp với giám mục Gauthier và Nguyễn Trường Tộ (1867-1868). Còn Nguyễn Lâu thì có thấy nói tới trong chiếu hội sai đi tìm mỏ với Hồ Văn Long thay Nguyễn Trường Tộ.

kỹ thuật mới mỗi thứ một năm rồi về sớm giúp vào việc áp dụng thi hành. Bởi vì bọn họ học sơ qua gấp rút trong một năm vẫn còn kết quả hơn là Triều đình mở trường mời người Tây đến dạy học trong mười năm. Đó là những điều giám mục nói riêng với tôi như vậy. Về phần tôi, tôi chỉ dùng lời khéo léo dẫn dụ giám mục và các người ấy để họ vui vẻ cầu tiến mà thôi, chứ tôi không có quyền sai sử. Nếu Triều đình muốn gấp rút thực hành để tạm thời ứng dụng thì chỉ nên bắt

đầu một hai người và trong khi thương nghị cùng giám mục nên nêu rõ tên những người Triều đình muốn khẩn phái sang Tây học tập. Giám mục sẽ không từ chối được. Nhưng không nên nói cho giám mục biết đó là những điều tôi đã góp ý trước với Triều đình.

Còn như việc ba tỉnh trong, hiện nay đó là vấn đề khẩn cấp. Trước đây ở Kinh đô tôi đã có bài bẩm nói rõ các cách đối phó để chống lại sự lập công của Tây soái. Các cách tuy có hoãn gấp khác nhau, nếu sớm áp dụng mới có thể chống được. Bằng không, một khi đã rơi vào tay họ, chắc chắn khó móc ra được. Nay trong khi hội kiến cùng

giám mục, nhất thiết chớ nên cho vấn đề này là khẩn yếu mà xin giám mục giúp đỡ. Chắc hẳn giám mục sẽ không dám nhận lời. Chỉ cần yêu cầu giám mục vào Gia Định sớm, độ mấy hôm thì đi Tây ngay. Trong khi tiếp xúc nói chuyện cùng các quan Tây cần phải trưng dẫn giải thích khúc chiết và dụng ý khéo léo.

Thí dụ như nói rõ rằng hiện nay ta thật tình muốn hòa hiếu và giữ lễ hết sức cẩn thận. Mặc dầu có tiếng đồn đại qua lại, đó chẳng qua do bọn chât chứa oán thù muốn mượn việc bịa ra chứ chẳng liên quan gì đến đại thế quốc gia cả. Nói rõ rằng Triều đình rất tin

tướng giám mục, phó thác cho giám mục sang Tây tìm kiếm các phương pháp mới. Nói rõ rằng Triều đình muốn giám mục đến La Mã đạo đạt lên Giáo hoàng về ý muốn giao hảo. Nói rõ rằng Triều đình muốn sai người sang Tây học tập và mời người Tây sang nước ta mở trường dạy dỗ. Nói rõ rằng Triều đình muốn cùng chia sẻ điều hay điều lợi với người Tây. Nói rõ rằng những việc làm của bọn quân đội thất nghiệp ở Nam kỳ không phải do Triều đình ngầm ủng hộ. Nói rõ rằng tất cả những thỉnh cầu của người Tây mà không quan ngại đến thể diện nước Nam đều được Triều đình vui vẻ đáp ứng.

Cứ thông thả đem các sự tình ấy truyền rộng ra để cho nguyên soái và các đại học sĩ, các nhà quyền quý, các giám mục bên nước ấy đều biết rằng Triều đình hiện đang làm như vậy không phải muốn hợp nhất với Tây là gì? Đó là cách ta xen vào bên trong mà tuyên truyền rỉ tai vậy. Tôi thiết tưởng giám mục chỉ có thể giúp đỡ được như thế. Còn nếu cứ yêu cầu đích thân giám mục trực tiếp chỉ việc nói rõ với Tây soái, chắc chắn giám mục sẽ không dám nhận lời. Hơn nữa làm thế sẽ có nhiều quan ngại. Bởi vì nếu Tây soái biết giám mục làm thuyết khách thì lời giám mục sẽ khó lọt vào tai. Ngày sau nếu có chuyện gì khác, sẽ không có ai dò tin tức cho. Phàm sự đời lời nói chính thức không hiệu quả bằng

lời giải thích phụ, đánh gấp không bằng đánh lén.

Vả lại việc dùng người cũng tùy sở năng, cây gỗ lớn có thể dùng để đánh thành nhưng không thể dùng để đào hang chuột. Nếu sai sẩy thì bao công lao cũng trở thành không. Còn về phần tôi cũng nhất trí dùng cái lý lẽ từ ngoài nói phụ vào, như thế cũng có thể ngầm giúp được một đôi điều. Hơn nữa nếu tôi đến Gia Định tìm kiếm các quan Tây ngày trước chống đối Tây soái ngầm hỏi họ xem theo tình hình nước Tây như vậy có cách nào để cứu vãn tình thế của ta không, việc này xin cho Nguyễn Hoảng cùng đi với tôi mới được. Bởi vì trước đây

khi ở Gia Định tôi có quen bốn, năm quan Tây chống lại việc lập công của nguyên soái. Những người này muốn hợp với tôi gây trở ngại bên trong. Nay nếu tôi gặp họ cũng có thể đem vấn đề quan trọng báo cáo cho họ biết, nhờ họ viết thư gửi cho các đại học sĩ ở Tây triều xin dư luận ủng hộ, cương quyết không can thiệp vào nước ta.

Hơn nữa tôi rất am tường việc này, tôi sẽ có lý lẽ xác đáng thương lượng với họ đúng với kế hoạch của mình. Đồng thời cũng nói với họ rằng nếu họ gây trở ngại được đối với các Tây soái, ngày sau Nam triều cũng sẽ có gì đền đáp họ. Mặc dầu họ chẳng trông đợi gì ở chuyện

đó, nhưng họ được hài lòng là làm cho nguyên soái hồng mất ý đồ, thế họ cũng sung sướng lắm rồi. Nếu Triều đình dùng kế này, xin sớm gọi Nguyễn Hoằng về kinh gấp để cùng tôi gấp rút đi trước.

Xin chớ nói cho giám mục biết rằng tôi và Nguyễn Hoằng đang thực hiện một công việc riêng như vậy. Giám mục sẽ sợ nếu sự việc bất thành để lộ dấu vết sẽ bị nguyên soái trách. Riêng tôi chỉ muốn giúp đỡ cho công việc đôi chút, dù bị trách cũng chẳng hề gì. Việc này rất nghịch chống Tây soái, xin hết sức giữ bí mật. Đó là kế sách tôi dự bị trong lòng như vậy, nên xin bẩm rõ trước. Sự tình ba tỉnh hết sức

khẩn trương như vậy. Ngày trước tôi có bệnh trở về chỉ vì ý đó thôi. Nếu không sớm thực hiện kế bủa lưới bốn mặt như tôi đã nói trong bài Lục lợi từ để thực nghiệm lời nói của tôi thì không biết sự thế sẽ ra như thế nào. Còn như khi đi Tây, Triều đình nếu muốn mua các thứ máy móc, lựa thứ giá rẻ mà dùng được thì tôi sẽ làm tên mọi Ba Tư đi theo chủ là phái viên, như vậy cũng nhất cử lưỡng tiện. Một lần nữa xin trong lúc thương nghị bàn bạc cùng giám mục, nhất thiết chớ cho các đạo đồ cùng đến dự nghe, sợ có những trở ngại khác.

Nay kính bẩm.

## DI THẢO SỐ 18

Về việc học thực dụng<sup>106</sup>

(23 tháng 7 năm Tự Đức 19, tức 1 tháng 9-1866).

Nguyễn Trường Tộ kính bảm.

---

106 Nguyên văn chữ Hán: Hv 189/1 tờ 108-111

Hv 634/1 tờ 171 - 190

Hv 135 tờ 55- 74

N.P 122 trang 45-50 Về niên hiệu, thì Hv 634/1 chỉ ghi “Tự Đức 19, trong lúc Hv 189/1 ghi rõ hơn: 23 tháng 7 năm Tự Đức 19. Còn Hv 135 và N.P 122 ghi “Tháng 9 năm Tự Đức 24”.

Theo chúng tôi, bản văn này được viết ngày 23 tháng 7 năm Tự Đức 19 (Tức 1-9-1866) như vậy Hv 189/1 ghi nhận là phù hợp với thực tế. Bởi vì ở đầu bài có nói: “Tháng trước (tiền nguyệt) tôi đã có một tập về Ngôi vua là quý”, và bài “Ngôi vua là quý” đề tháng 4 năm Tự Đức 19.

Bản Hv 135 và Nam Phong 122 có thể đã được chép từ một bản được sao lại tháng 9 năm Tự Đức 24. Ở đầu bài này, thay vì nói “tháng trước” (tiền nguyệt), thì đã nói “ngày trước” (tiền nhật).

Tôi trộm thấy mấy lâu nay Triều đình lo gấp về việc tự cường, mở rộng đường ngôn luận, đặt ra đề mục mới, khiến cho trong nước, tài nghệ gì cũng không bỏ, một điều hay gì cũng không để sót. Dụng tâm đó của Triều đình chẳng những là cần yếu mà còn thiết thực nữa. Tuy nhiên ngoài việc khoa cử thường lệ chưa thấy có ngành nào khác hưởng ứng để đáp lại lòng mong muốn của Triều đình. Chính là vì việc bồi dưỡng nhân tài chưa được liệu trước.

Tháng trước, tôi đã có một tập trình bày về “Ngôi vua là quý, chức quan là trọng”. Đó là những cái rất căn bản. Những điều phúc lợi trong nước đều do đó mà ra. Thực là một cái mấu chốt quan trọng của sự

thăng trầm xưa nay, của sự thịnh suy giữa ta và người. Bản lĩnh học thuật của tôi là nắm cho được cái đó.

Nay tôi xin đề thêm một tập nói rõ về việc học tập bồi dưỡng nhân tài tức con đường rộng lớn để đi đến giàu mạnh. Những điều tôi nói trong đây tựa hồ như bỏ cũ theo mới, tôn người hạ mình. Nhưng “Mắng Phật tức yêu Phật”, vậy xin thấu cho nỗi khổ tâm của tôi ở đây mà rộng lòng tha thứ.

Trộm nghĩ, nhân nghĩa đạo đức là bản tính của con người, dù người đã man cũng không thể bỏ những tính đó mà giữ được nước, dù giặc cướp cũng không thể bỏ ngoài trí hiểu biết sáng suốt ấy mà khuất

phục được đồng bọn. Thế nhưng bàn về nhân nghĩa thường thường thấy rằng người ta hay bị cái lợi làm cho trí não hôn mê, đó là vì không có tài nghệ để tự bồi dưỡng cái sở học. Cho nên mới thấy lợi quên nghĩa. Lòng ham muốn mà thắng thì bỏ mất đạo lý. Người xưa nói: “Kho lắm đầy rồi mới biết lễ tiết. Cơm áo đủ rồi mới biết vinh nhục”. Nếu bị cái nghèo đói thúc bách thì lo kế sống cũng không xong, còn hơi đâu mà bàn lễ nghĩa. Cho nên Mạnh Tử nói: Nhân là phải dựa vào của cải. Khổng Tử nói: Tín thì trước hết phải đủ ăn. Xét thâm ý ấy thì trước hết phải giàu có rồi mới nói đến giáo dục. Có tài nghệ mới thành công. Vì rằng có giỏi tài nghệ mới hiểu thấu lý lẽ của người và vật để bồi dưỡng cái căn bản

đạo đức. Cho nên chính cái “thành chính tu tề”<sup>107</sup> chỉ thành tựu được sau khi đã cách vật trí tri<sup>108</sup> mà công phu cách trí ấy là do học tập.

Người xưa nói: Một “vật” gì mà không biết thì nhơ sĩ lấy làm xấu hổ, chứ không nói một “chữ” mà không biết. Là vì thực ra trời đất người và ta đều là vật cả. Người xưa biết rõ phép cầu đạo thì nói: Gần thì cầu lấy ở bản thân, xa thì cầu lấy ở vật. Như vậy học tập ở bản thân, học ở vạn vật, học cái tài nghệ tức có thể sáng tỏ đạo lý.

---

107 “Thành chính tu tề”: thành: thành ý, ý phải thành thực; chính: chính tâm, lòng phải ngay thẳng; tu: tu thân, sửa mình cho tốt; tề: tề gia, sắp xếp việc nhà cho tốt.

108 Cách vật trí tri: Cũng nói là cách trí, tức là ngiên cứu suy cho đến cùng, hiểu thấu mọi lý lẽ của sự vật.

Người ta sinh ra ở đời, nền móng của đức nghiệp phải xây dựng từ khi còn ít tuổi. Vì vậy, đời xưa khi mới bắt đầu dạy học thì dạy cho sáu nghề<sup>109</sup>. Tức là khi đã có đức có nhân để làm chỗ y cứ rồi mới dạy cho học. Cũng gọi là “du nghệ” bởi vì nói nghề tức là có thủy có chung. Đời xưa sở dĩ gọi là đại thánh, là vì người đó biết mở mang các vật để phục vụ nhân sinh. Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế sáng chế dụng cụ, đến Nghiêu Thuấn thì biết sắp đặt các nghề thợ, sửa sang nhà cửa, Đại Vũ trị thủy phân chia nước vào ruộng, Thang Vũ đánh dẹp mở mang cơ

---

109 Sáu nghề (lục nghệ): lễ: lễ nghi; nhạc: âm nhạc; xạ: bắn cung; ngự: tập cỡi ngựa; thư: tập học đọc, viết sách, bài; số: toán học.

nghiệp, Chu Công<sup>110</sup> thu góp những cái hay của đời trước đặt ra điển lễ, Thái Công<sup>111</sup> biết đặt ra chín phủ<sup>112</sup>. Thời ấy chưa ai nói đến chữ “văn chương” cả. Từ Tam Đại<sup>113</sup> về sau làm vua thì như Ngũ Bá<sup>114</sup> và đến Tần, Hán, Tùy, Đường, Tống, Nguyên, Minh những nhà sáng nghiệp mở mang cũng chưa từng thấy dùng kẻ văn học ra làm quan làm tướng. Còn như Quản Trọng<sup>115</sup> giỏi nội chính, Tiên Chấn<sup>116</sup> có tài

---

110 Chu Công: Chu Công Đán.

111 Thái Công tức Thái Công Vọng tên là Khương Thượng đời Chu.

112 Cửu phủ: Chín kho của cải tiền tệ của nhà nước do chín chức quan coi, là những Thái phủ, Ngọc phủ, Nội phủ, Ngoại phủ, Tuyền phủ, Thiên phủ, Chức nội, Chức kim, Chức tề.

113 Tam đại: Hạ, Thương, Chu.

114 Ngũ bá: Hoàn Công nước Tề, Văn Công nước Tấn, Tương Công nước Tống, Trang Công nước Sở, Mục Công nước Tần.

115 Quản Trọng (Tề).

116 Tiên Chấn (Xuân Thu).

dùng binh. Tô, Trương<sup>117</sup> thông thạo thuật tung hoành. Tiêu, Tào<sup>118</sup> ít chữ nghĩa, cho đến Trương Lương, Đặng Vũ<sup>119</sup>, Khổng Minh<sup>120</sup>, Phòng, Đỗ, Quách Tử Nghi<sup>121</sup> v.v... cũng chưa có ai nhờ câu văn chương chữ nghĩa mà nên danh cả. Đời Chu có Hiểm Doãn, Hán có Hung Nô, Đường có Đột Quyết đều là những Bắc địch<sup>122</sup>, Tây nhung<sup>123</sup> cả. Lúc bấy giờ những nước đó cường thịnh mà ở sát Trung Quốc nhưng vẫn không thể xâm lấn chia cắt lâu

---

117 Tô: Tô Tần (đời Chiến Quốc). Trương: Trương Nghi (đời Chiến Quốc).

118 Tiêu: Tiêu Hà (Hán). Tào: Tào Tham (Hán).

119 Trương Lương (Hán). Đặng Vũ (Hán).

120 Khổng Minh (Tam Quốc).

121 Phòng Huyền Linh (Đường). Đỗ Như Hối (Đường). Quách Tử Nghi (Đường).

122 Bắc địch: Bắc chỉ giống người man rợ ở phía Bắc Trung Quốc, theo quan niệm của phong kiến Trung Quốc.

123 Tây nhung: chỉ giống người chưa khai hóa ở phía Tây Trung Quốc.

được. Bởi vì lúc bấy giờ có nhiều người tài giỏi nghề hay để sử dụng.

Nay xem các sách binh thư, luật dịch, phương dược khí nghệ<sup>124</sup> đều từ trước đời Đường và sau Ngũ Đế<sup>125</sup> truyền lại thì đủ biết chuyên môn thời ấy như thế nào. Về sau, Tống, Minh lại chuyên về ăn học làm thế nước yếu kém đến đến phải mất cho Nguyên, Thanh. Tuy có thể do vận hội xui nên nhưng cũng do thiếu người tài giỏi giúp đỡ. Ở phương Tây cũng vậy, đồng thời với Đường, Hán, Tống thì La Mã là một triều thất thống, vũ công vang

---

124 Binh thư: sách quân sự; luật lịch: sách thiên văn; phương dược: sách thuốc; khí nghệ: khí cụ, kỹ nghệ.

125 Hoàng Đế, Chuyên Húc, Đế Cốc, Đế Nghiêu, Đế Thuấn.

lùng bốn bể, uy linh rung chuyển ba phương, họ có nhiều chế tác kỳ dị lưu truyền mãi đến nay. Nhưng từ trung thế kỷ về sau vì những người cầm vận mệnh chỉ lo yến hội mua vui làm trọng, kẻ làm quan thì lấy văn từ làm bậc thang tiến thân. Đã một thời bao nhiêu quân tử ra đời đều chuyên chuộng chữ nghĩa văn chương, viết sách làm luận để tự cao lập dị dần dần bỏ mất cái học thực dụng, đến nỗi nước Tây Bắc tràn qua đánh phá mà tan thành từng nước nhỏ. Đến nay người phương Tây vẫn lấy đó làm răn. Cho nên khi chọn quan họ không hề đặt ra một khoa văn chương nào cả. Trừ Trung Quốc, Nhật Bản, Cao Ly và nước ta ra, không có nước nào lấy văn chương để chọn nhân tài. Đó cũng vì thơ

phú không đuổi được giặc, nghìn lời không được một kế sách, cho nên thay đổi đi mà lấy những điều tạo hóa hành sự làm cái học thực dụng, vì tạo vật là bậc thầy vĩ đại của muôn dân. Phàm những việc làm của tạo vật đều là thực dụng, như bốn mùa thay đổi muôn vật hóa sinh, khí bốc lên, nước rơi xuống, mặt trời, mặt trăng, sao ở trên trời, gió, mây, mưa, mù ở trong khoảng không, loài chim, loài cá, động vật, thực vật ở trên mặt đất, sự vận động, sự kinh doanh của loài người... tất cả mọi cái sinh sinh hóa hóa mà ta thấy đều là sự vật thực tế cả. Chúng ta là những người của tạo vật, mà lại không theo những hiện tượng tự nhiên đã dạy bày, không tập những hình dạng cụ thể đó, không học những

quyền lực kỹ xảo đó, không nghiên cứu độ số vận động của hành tinh, không biết khai thác kho tàng quý báu trên núi, dưới biển, không dùng những đức tính quý báu dồi dào mà trời đã ban cho. Tất cả những khí lực tài chất của tạo vật sinh ra, những cơ nghiệp lâu dài tạo vật để lại, lại đem gởi cả vào những văn từ suông rộng vô dụng mà không nghĩ đến cách tác thành những gì tạo vật đã để lại, không biết khéo dùng những gì tạo vật đã ban cho. Đến khi sự thế cấp bách xảy đến thì lại than trời rằng: Sao trời làm cho ta bần cùng khốn khổ. Thế chẳng hóa ra làm nhục tạo vật đó sao! Vì vậy cho nên học tập tài nghệ là bắt chước theo các cách thức của tạo vật, như người đời xưa thấy hoa bông bong xoay tròn

mà bắt chước chế ra xe, thấy mặt trăng khuyết mà bắt chước chế ra cung, lấy hình dạng của các vật nà chế ra chữ viết, nghe gió thổi mà đặt ra âm nhạc, bắt chước hình ngôi sao mà chế ra đồ dùng, xét địa thế xây dựng nhà cửa, mọi khuôn mẫu chế tác đều như thế cả. Hiện nay các nước phương Tây tất cả những khí cụ kỳ lạ, không có một cái gì là không dựa vào sức tự nhiên của trời đất để làm. Do đó nhà cơ học có nói rằng: Sự tinh xảo của những máy móc lớn nhất cũng giống như người đã man lấy que gỗ dài đất gieo hạt. Có điều người ta không xét thì không biết đó thôi. Cho nên phàm những việc học tập đều là học những cái mà tạo hóa dạy cho, phàm những tri thức đều là sức hiểu biết những cái mà tạo hóa hình

thành, phạm những công việc làm đều là nhân những cái mà tạo vật đã tạo ra, phạm những cái có được đều là hưởng những cái tạo hóa đã để lại. Thế mới gọi là con người hoàn thành công việc của trời vậy. Từ xưa đến nay mọi việc trong thiên hạ không có cái gì không suy nghĩ mà biết, không học mà hay cả, dù thánh nhân cũng học không biết chán, hưởng hồ người thường. Học những gì thực tế thì sẽ có thực dụng, học những cái vụn vặt thì chỉ được cái vụn vặt, trồng đậu được đậu, đó là lẽ tự nhiên, không ai có thể làm trái với đạo lý đó được. Cho nên nếu chúng ta muốn lấy cái học tự kỷ<sup>126</sup> mà cho là vẻ vang thì

---

126 Cái học tự kỷ là cái học cục bộ, chủ quan xoay quanh bản thân con người, lấy con người làm trung tâm mà đo lường vũ trụ. Người xưa nói: “Nhân thân tiểu thiên địa”. Nghĩa là con người là một vũ trụ

cũng chỉ được những sự vẻ vang như lễ nhượng đầu môi chót lưỡi mà cũng cho là đẹp. Còn những cái ăn mặc, thú vui tiêu khiển là tất cả chữ nghĩa văn chương thì làm sao chúng ta có thể tận dụng được cái kỳ diệu của trời đất?

Người phương Tây cũng là người, họ đâu có thể vượt ra ngoài trời đất mà học, thế sao cái học của họ được công hiệu. Như tôi đã bầm trong bài nói về: “Ngôi vua, chức quan” là do họ biết lấy những thực tế của tạo vật ra mà học. Cho nên trong âm thầm họ được mặc khải để làm nên cái diệu dụng của trời đất, để giúp tạo hóa những cái mà tạo hóa chưa kịp làm. Người nước

---

nhỏ, cứ suy từ con người thì biết hết.

ta không phải con dân của tạo vật đó sao, thế mà bây giờ lại thấp hèn làm vậy! Những điều tôi trình bày ở đây không phải là muốn bỏ hết cái cũ mà mưu cầu cái mới. Nhưng phải lấy cái hay của mình có sẵn, còn phải gồm cả những cái hay của thiên hạ mới sáng tạo ra. Như thế những cái mới thiên hạ có mình cũng có và những cái mình sẵn có thì thiên hạ không có. Lấy hai điều biết mà địch lại một điều biết như ở đoạn giữa của bài Lục lợi từ tôi đã trình bày. Như thế ai dám khinh rẻ nước mình?

Nay xin Triều đình đặt ra nhiều đề mục giao về cho các quan địa phương truyền hỏi bất kỳ người nào, bất luận lương hay giáo, ai tìm được thực lý, thực sự thì theo

đầu đề viết thành bài nạp lên. Hàng tháng các quyển ấy được đưa về Kinh một lần để khảo duyệt. Bất kỳ quyển nào giúp ích cho việc cần gấp thì được ban thưởng và khuyến khích, rồi sức cho người ấy y theo quyển mà thi hành. Nếu việc làm phù hợp với lời nói và có ích cho việc công của nước nhà thì chiếu theo khoa mà bổ dụng. Nếu như có ích cho việc tư trong dân gian thì được cấp bằng để tự chế tạo ra mà phát hành. Nếu như quan địa phương có ý kỳ thị người nào mà giấu bài đi thi thì người ấy được phép lên tâu Kinh tố cáo. Những đề mục đó xin kê ra như sau.

1. Xin cho các trường quốc học,

tĩnh học, các trường tư và các bài thi Hương thi Hội đều chú trọng vào tình hình hiện tại, như luật lịch<sup>127</sup>, binh quyền, các chính sự về công hình lại lễ<sup>128</sup> tất cả đều được nói thẳng, không giấu giếm, có cái gì tệ hại, có cái gì hay ho, cái gì nên để lại, cái gì cần thay đi, những cái cần thiết trước mắt, những cái có thể phân tích tỉ mỉ xác đúng hợp thời, thì được coi là trúng cách<sup>129</sup>, còn những chuyện cũ thì chỉ là thứ yếu.

## 2. Xin đặt các khoa hải lợi.

127 Luật lịch: thuộc về thiên văn, khí tượng, lịch.

128 Công hình đại lễ: thuộc về bộ máy thống trị bộ Công, bộ Hình, bộ Lại, bộ Lễ của Triều đình phong kiến người ngày xưa.

129 Trúng cách: thi đỗ.

Những người biết làm muối theo cách thức mới, tìm ra các phương pháp chài lưới ghe thuyền đăng đó đánh cá, nuôi cá, ướp cá, v.v...hay hơn các phương pháp cũ thì sẽ xét mà ban thưởng.

3. Xin đặt ra khoa sơn lợi. Ai tìm được khoáng sản mới như những mỏ kim loại và ai nghĩ ra phương pháp dò tìm như thế nào, phương pháp luyện kim như thế nào, phương pháp khai quật như thế nào, lại nghĩ ra những cách hay để săn bắt tê giác, voi, để tìm của quý, để lấy gỗ rừng và các nguồn lợi của núi rừng hoặc căn cứ vào địa phương gần chỗ mình ở vẽ được đầy đủ hình thể những hang

sâu rừng thăm cao nguyên... đo đạc được xa gần, rộng, hẹp, cao, sâu hiểm yếu ghi chú rõ ràng từng khoảnh một, rồi đệ nạp lên trên, trên sẽ tùy mức độ xét lợi ích lớn nhỏ để ban thưởng.

4. Xin đặt ra khoa địa lợi. Phàm những nơi có đất hoang, không kỳ ở rừng núi, hoặc ở bãi biển, hoặc ở doi sông cát bồi, hoặc ở ao hồ lầy lội một mặt có ai nghĩ ra phương pháp hay để khai phá bồi đắp để phòng được hậu hoạn, một mặt có ai xét thổ nghi ở đấy trồng thử các giống cây như dâu, đay, lúa, đậu mà được tốt tươi khác thường thì cũng tùy theo lợi ích mà ban thưởng.

5. Xin đặt ra khoa thủy lợi. Khoa này ích lợi rất lớn. Có ai nghĩ được phương pháp mới như về đào kênh, đắp đập, hoặc giữ nước để phòng hạn, hoặc tiêu nước để chống úng, hoặc dẫn nước từ xa về tưới ruộng, hoặc tìm được mạch nước sâu để lấy nước uống, nếu dùng thử thấy kết quả, phương pháp đó có thể truyền bá thì ban thưởng nhiều để đền bù công lao (như ở Tứ Xuyên<sup>130</sup> thường bị thủy tai. Nếu ai nghĩ cách trừ diệt được mối họa đó, thì nên dùng gấp để làm lợi cho dân).

---

130 Tứ Xuyên: 4 thừa tuyên ở miền Bắc. Thừa tuyên tương đương một tỉnh.

6. Xin cho làm những đồ khí mãin thường dùng hàng ngày xem có ai nghĩ ra cách chế tạo, dựa theo cái cũ mà chế ra cái mới, vừa tiện lợi mà giá không cao hơn vật phẩm thường.

7. Xin nghĩ đến các thức ăn uống xem có ai với vật thường dùng nghĩ ra cách làm cho nhiều thêm hoặc để lâu không hư hỏng mà mùi vị lại thơm ngon hơn trước, hoặc là tìm được những vật nào xưa nay chưa từng dùng để ăn mà lại có thể ăn được như các loại thức ăn cứu đói,

8. Xin nghĩ đến các vị thuốc có nhiều ở nước ta. Hơn nữa khí chất của nó thích hợp với tính chất của người nước ta. Nếu ai lấy được vị thuốc nào giống như của Trung Quốc, nghĩ cách tinh chế ra giống như vị thuốc Bắc, và nếu ai lấy được các vị thuốc tục truyền cũng như các vị thuốc mà các dân tộc thiểu số thường dùng, tìm cách trồng và bào chế được thì không kỳ nhiều ít đưa ra xét nghiệm thấy xác đúng sẽ cho biên vào bản thảo để ban hành.

Ba khoản nói trên là đồ khí mãnh, thức ăn uống và vị thuốc đều nên phân biệt thưởng cấp, cho phép người tìm chế ra được hưởng lợi để thù lao cho họ.

9. Xin cho những ai đi ra nước ngoài mà lấy được các thứ thổ sản, chọn những thứ thích hợp thổ nghi nước ta, đưa về trồng trọt xét thấy quả thực có sinh lợi thì cũng thưởng như người tìm ra vị thuốc.

10. Xin cho những nhà buôn trong dân gian biết góp vốn lập hãng buôn mà tiền vốn đến 100 vạn, hiện có xác thực thì ban thưởng cho họ. Do góp vốn hay là vốn riêng của một nhà đóng được thuyền lớn hay là mua được thuyền thì bất luận kiểu loại gì mà có thể đi sang Đại Thanh<sup>131</sup> hoặc ra nước ngoài buôn bán cũng ban thưởng cho họ.

---

131 Trung Quốc đời nhà Thanh.

11. Xin cho trong dân gian những ai lập các hội cứu tế như các loại hội cứu hỏa, hội bảo hiểm thuyền buôn, hội khơi cảng thu thuế, hội thay nhà nước sửa chữa xây dựng cầu cống đường sá nhà cửa, hoặc xuất tiền cho nhà nước vay để hàng năm lấy lợi, hoặc quyên tiền cho nhà nước để lập ra các nhà nuôi trẻ mồ côi, nuôi người nghèo khổ bệnh tật, và tự nguyện đứng ra quản lý những việc ấy, hoặc khi nhà nước có việc khẩn cấp có thể cho vay tiền từ một vạn trở lên, đều xét theo công lao sự việc lớn nhỏ mà phân biệt ban tước phẩm, hoặc tặng cờ biển để khen ngợi.

12. Xin không kể người nào hề biết tiếng nước ngoài như Y Pha Nho, Anh Cát Lợi thì xếp vào hạng 2, tiếng Trảo Oa, Trung Quốc thì xếp vào hạng 3, tiếng những nước gần biên giới phía Tây nước ta như nước Miên, Lào, thì xếp vào hạng 4, biết tiếng Pháp thì xếp vào hạng nhất. Nếu qua khảo hạch được đúng thì lấy danh hiệu là Hành nhân<sup>132</sup>, Tú tài mà chăm chú dịch miễn nhiều dịch cho họ hoặc vài năm hoặc trọn đời. Nếu ai tinh thông các sách về máy móc kỹ thuật của phương Tây có ích cho việc thực dụng thì dịch ra, theo bản đồ vẽ lại hoặc một bộ, hai bộ, ba bộ không hạn chế, những sách dịch ra lấy 1.000 trang làm tiêu chuẩn, đệ nạp lên Bộ rồi

---

<sup>132</sup> Hành nhân: người biết tiếng nước ngoài và phiên dịch được cho các đoàn sứ bộ.

cùng với Tây soái duyệt xét không sai thì ban cho là Cử nhân tại gia.

13. Xin cho các chỗ đất công ở trong ngoài Kinh thành nếu có nhà giàu nào xuất tiền nhà ra xây nhà ngói cho thuê, còn nhà tranh thì dỡ hết đi, thì sẽ tùy theo nhiều hay ít mà ban thưởng. Còn tiền cho thuê thì trích 2/10 cho vào công ích. Khoản này có nhiều trở ngại lớn, có nhiều lợi hại, Triều đình cũng đã hiểu rõ, tôi không dám nói thêm.

14. Xin cho lập viện dục anh, viện dạy trẻ, đây là một ngành hoạt động trong đạo giáo, các nước

phương Tây chỗ nào cũng có. Nay nếu nước ta thiết lập được thì viết thư cho nước Tây cho phép các hội bên ấy được đến làm công tác cứu tế. Xưa, chính sách nhân hậu của Văn Vương<sup>133</sup> lấy việc này làm đầu. Nước ta hiện nay đang bận nhiều việc lớn chưa thể thực hiện hết, và cũng khó chọn được những người chịu ra làm việc này. Nhưng thiết nghĩ, nếu bỏ phí mất một người tức phí mất một phần của đất nước. Nay nếu có chỗ nuôi dạy khiến chúng được sống còn và nên đức tính tốt, còn hơn xây mấy đợt phù đồ<sup>134</sup>. Như vậy viện dục anh vừa dạy chữ Tây nghề Tây, vừa dạy

---

133 Văn Vương: Tức là Chu Văn Vương thời Tam Đại Trung Quốc.

134 Phù đồ: tháp thờ Phật. Tục ngữ Việt Nam có câu: “Dầu xây chín đợt phù đồ, không bằng làm phúc cứu cho một người”.

chữ Nam, nghề Nam, song song cả hai, nam nữ đều học cho đến tuổi trưởng thành. Các hội khác cũng làm như thế. Triều đình là cha mẹ của muôn dân. Đã là cha mẹ thì thấy cái gì có ích cho con cái, mà thế có thể làm được thì không kỳ xa gần đây kia đều phải nghĩ cách lấy về nhà. Như vậy, nếu được chuẩn y thì mỗi tỉnh lập một viện và lấy các giám mục làm quản lý. Việc đó tôi xin lo liệu. Viện dục anh có ích cho trẻ con rất nhiều.

Các điều kể trên là tôi chỉ chọn những điều tầm thường dễ làm để dẫn tới nhiều tác dụng to lớn sau này. Đó chỉ là toát yếu mấy đề cương lớn mà thôi. Còn các đề mục nhỏ trong đó không thể nói hết từng cái một (Dùng năm sáu

trăm trang giấy cũng chưa thể viết hết). Nếu Triều đình muốn đưa ra vấn đề nào, tôi xin lần lượt trình bày rõ từng điều một. Ngay như khoản tình hình chính sự hiện tại cũng đã rất nhiều, mà cũng có thể thay đổi dần dần. Điều này thật là cần gấp, thật là trọng yếu. Còn như các công trình to lớn, các máy móc tinh xảo, sau này cũng sẽ dần dần làm một vài cái để xướng suất cho dân. Đại phạm sự yêu hay ghét, theo hay bỏ của kẻ dưới đều do sự khuyến khích thưởng phạt của bề trên chứ không phải vì Đông Tây mà khác tính nhau. Hễ bề trên quý trọng chỗ nào thì dưới dân tranh nhau hướng đến chỗ đó. Ngày nay, cái mà nước mình quý trọng đó là Nho. Mà Nho thì quý trọng ở chỗ nhiều văn chương chữ nghĩa.

Nếu như lấy cái công phu bèn bĩ dùi mài chữ nghĩa văn chương mà học cả cái phong phú vô vàn của tạo vật thì sẽ được biết bao nhiêu điều quý báu. Bởi vì, vạn vật chia ra nhiều môn loại, môn loại nào cũng có cái kỳ diệu đáng quý của nó. Cho nên người ta bảo rằng mỗi vật đều có một thái cực. Nếu chia ra từng môn, từng loại mà học thì trong một nước có nhiều cái đáng quý, như thế chẳng hơn là chỉ quý có một cái độc nhất sao? Vả lại tính tình người ta không giống nhau, mỗi người có một sở trường để thích ứng với sự vật. Nay ta chỉ dùng một loại sở trường thì những người có những sở trường khác còn hy vọng gì nữa mà đem hết sức ra làm?

Nhìn chung lại người phương Tây họ tùy theo tính chất của con người mà bắt chước nhiều sự thực của tạo hóa, lấy chỗ sở đắc để di dưỡng tính tình, mà quy về đạo đức. Cho nên người dân cũng được nhiều thành tựu để đáp ứng trăm công việc. Nước ta thì chỉ quý trọng Nho sĩ, cho nên dân cũng chỉ biết theo con đường học Nho mà thôi. Nay nếu cho dân biết rõ rằng Triều đình cũng quý cả nhiều nghề khác, thì sẽ không mấy năm, dân chúng cũng sẽ cống hiến được nhiều nghề cho Triều đình.

Nay kính bẩm.

Lục bộ thượng thư, liệt vị đại nhân soi xét.

## DI THẢO SỐ 19

Phải tạm thời dựa vào Pháp<sup>135</sup>

(25 tháng 7 năm Tự Đức 19, tức  
3 tháng 9 năm 1866)

Kính bẩm.

Trộm nghĩ người mà khéo lo toan biết được thời cơ sẽ đến mà không thể dùng được, thì thuận theo thế mà khai thông, để tránh cái hại xảy ra, như việc Hán Cao Tổ chịu phong ở Ba Thục vậy. Biết cái thế không thể giữ được cả thì đành bỏ chỗ tầm thường để giữ lấy chỗ quan trọng, như việc Lâm Hời

---

<sup>135</sup> Nguyên văn chữ Hán: Hv 189/1 tờ 119-121. Bài này được viết lúc Nguyễn Trường Tộ đang ở Huế.

bỏ số vài đáng giá nghìn vàng vậy. Thấy nước không thể giữ vẹn được thì bỏ nơi biên cương mà giữ nơi cơ bản, như Thạch Tấn bỏ Lư Long, Bình Vương bỏ Kỳ Phong vậy. Cũng có cái phải để đó mà không vội tranh, nhờ vào đó mà chống loạn, như Tống nhờ để lại nước Liêu mà dẹp yên được các nước vậy. Cho nên người hiểu biết thấy thời cơ sắp đến, biết sự thế sắp thành thì đoán trước từ ngoài xa vạn dặm không cho nó vào trong phạm vi nước mình, đẩy lùi nó đến tận mấy đời sau để nó khỏi ngăn trở mưu cơ của mình. Chia tách ra bắt nó phải thuận đi theo bên trái để ta được chuyên tâm mưu tính theo đường phải, dẫn dắt khiến nó vướng mắc kẻ địch ở ngoài để ta được thung dung lo tính việc bên trong.

Cho nên nói rằng người hiểu biết là phải biết xoay chuyển, chứ không cố định một chỗ. Bởi vậy người hiểu biết là phải xem việc đời xưa mà mưu việc đời nay, không dùng những mưu đã dùng mà dùng những gì có thể lập ra mưu, không theo những khuôn phép đã thành mà theo những gì mình có thể lập ra khuôn phép. Cho nên gặp được nhiều cơ hội, đổi chỗ mà thành công chứ không chấp chặt ở một chỗ. Xưa Khổng Minh không tranh đất Kinh Châu chuyên hòa với nước Ngô để lo đánh Bắc Ngụy. Nếu như đánh được Hán thì không chỉ riêng gì Kinh Châu là của mình mà thôi. Nam Tống nếu không hòa với Kim thì nghiệp vua cũng khó mà yên

được. Nếu như chịu bồi dưỡng sức lực cho lính và cho dân, biết như thế là đủ rồi để tự bảo vệ, không cần phải đánh dẹp để đến nỗi suy nhược thì giòng Trường Giang hiểm trở kia cũng đủ để hòa với Nguyên rồi. Người bình luận trách Khổng Minh không báo thù chủ trước, Nam Tống không rửa thẹn cho tiền nhân. Như thế là chưa biết hết nỗi khổ tâm của người đương thời. Võ Đế mở đường cho Tây Nam đi là để chặt đứt cánh tay Hung Nô ý cho rằng nếu Bắc Địch không chết thì Hán triều không yên, lo xa đến thế.

Thế mà người bình luận lại đi trách Võ Đế, thật cũng đáng cười vậy thay! Bình Vương bỏ Kỳ Phong

cho Tần, để Tần phải đương đầu với Tây Nhung, như thế mới có thể kéo dài triều Đông Chu đến 400 năm. Anh Cát Lợi bỏ Hợp Chúng Quốc cho Tây phương cùng được lợi ở Tây Châu, như thế mới thoát khỏi sự vướng mắc để một mình báo chiếm Ấn Độ. Nếu Bình Vương cứ tranh mãi cố đô thì cương vực nhà Chu chưa chắc đã giữ được; người Anh nếu không chịu bỏ hàm vàng đó để dụ người khác vào tranh nhau lấy thì Ấn Độ là nơi ngọc lụa khó một mình chiếm trọn được. Xưa Y Pha Nho (tức là nước Tây Ban Nha) bị Hồi Hồi chiếm đóng 180 năm, tộc này cường thịnh có đến vài mươi vạn người, đến khi Y Pha Nho vùng dậy phục quốc, đuổi người Hồi về tận duyên hải miền Nam, nay ở đấy thành sào huyệt

của bọn trộm cướp mà Y Pha Nho cũng nhân đó suy yếu một cách nhanh chóng. Nước Áo Đại Lợi xưa bị nước Hung Gia Lợi chiếm cứ một nửa, dân Áo cùng sống chung lẫn với dân Hung, cho nên sau này Hung biến thành Áo và hợp thành một, nước Áo nhân đó ngày càng lớn mạnh.

Hai đẳng lợi hại đều có chứng cứ ở sự đuổi hay không đuổi. Sự thế trong thiên hạ thay đổi không ngừng, được mất bất thường, nhưng nhìn chung lại chỉ ở hai chỗ: Một là, nếu mình đủ sức rồi thì hãy tự củng cố, không gây sự với người khác để tổn thất lực lượng; hai là sức mình chưa đủ

tự vệ thì nên khéo mượn sức của người khác để dùng cho mình. Cho nên, thuyền lớn thì phải dùng mái chèo 7 thước mới có thể qua được hồ vượt được biển, lấy nước làm chỗ dựa. Thánh vương sở dĩ có tài là biết dựa vào cái thế thiên hạ để làm thế. Ngày nay nước ta đang bị ở vào cái thế xung đột, Đông Tây tranh đoạt lẫn nhau, nên có hai cái lợi<sup>136</sup> là ở Nam thì Gia Định, ở Bắc thì Tứ Xuyên; nhưng lại có ba cái hại<sup>137</sup> là Bắc thì Vân Nam, Nam thì nước địch, Trung thì có bọn bất mãn chạy Đông chạy Tây rồi lại tụ tập về lại một chỗ là như thế. Hiện nay ta chưa vội dùng thuật

---

136 Hai cái lợi: Nam thì Gia Định, Bắc thì Tứ Xuyên. Gia Định và bốn tỉnh phía Bắc là vùng đất giàu có.

137 Ba cái hại: ở Bắc Vân Nam (Trung Quốc, Tàu phỉ), ở Nam địch quốc (Pháp xâm lược); ở Trung, những kẻ mưu phế lập.

tung hoành để lập cái thế con rết trăm chân được nên phải tùy thời giao thiệp thân mật với người Tây để tạm mượn thế lực của họ, để chống lại ba cái hại trên, để thu cái lợi bên phía Tây để dần dần lo kế sau này hoặc là khi gặp việc gì thì có thể cứu đỡ.

## DI THẢO SỐ 20

Về việc lấy lại ba tỉnh miền  
Đông<sup>138</sup>

(19 tháng 9 năm Tự Đức 19, tức  
27 tháng 10 năm 1866)

Tôi là Nguyễn Trường Tộ kính  
bẩm:

Hôm trước ở Kinh nhân Hiệp  
biện đại nhân<sup>139</sup> và Hộ bộ đại nhân<sup>140</sup>  
nhiều lần bí mật hỏi tôi rằng ba tỉnh  
ngoài<sup>141</sup> có thể còn có cơ hội nào  
khác nữa không? Tôi đã đến Gia

138 Nguyên văn chữ Hán bài này: Hv 189/1 tờ 122-  
127 Hv 634/4 tờ 1-9.

139 Hiệp biện đại nhân tức Trần Tiễn Thành.

140 Hộ bộ đại nhân tức Phạm Phú Thứ.

141 Ngoại tam tỉnh, tức 3 tỉnh Miền Đông, gồm Gia  
Định, Định Tường và Biên Hòa.

Định dò thám kỹ sự thể hiện tại, thì thấy cũng có phân nửa giống như những ý kiến đêm hôm ấy tôi đã bẩm. Hiện nay, người Tây có một người tên là Di Minh nguyên xuất thân võ biên, năm trước anh ta đã học được tiếng ta, mười phần biết được sáu bảy; anh ta lại hơi biết tiếng quan thoại Trung Quốc nữa, xem được mặt chữ, gần đây khi thì anh ta làm thông ngôn, hoặc làm kinh doanh. Anh ta sống với dân mình cũng rất được cảm tình. Trong cuộc sống, anh ta tuy không thật phải là người tốt, nhưng anh ta cũng không có ý gì tranh chấp thù hằn với người mình. Năm nay ở Tây Ninh anh ta hay ngấm ngầm qua lại với các quân đội đến nổi Tây soái sinh nghi và bắt giam lỏng anh ta ba tháng. Hiện nay anh ta ở

chung một nhà với mấy người học trò học tiếng Tây của ta. Anh ta nghe tin tôi từ Kinh về, đã lén đến chỗ tôi bí mật trình bày mọi việc.

Theo anh ta nói thì hiện nay Tây soái tuy rất để ý mặt phía Nam nhưng thế cũng còn trở ngại.

Một là năm trước Tây soái đã ký với vua Miên tờ ước bảo hộ, nhưng nay thì người anh của vua Miên [Anh vua Cao Miên Cầm Bô (Poulo Kombo).] rất hận người Tây không chịu dâng nước cho y, đã ngầm theo cái kế của Dị Nhân đời Tần bỏ chạy ra ngoài rồi tụ binh đem về đánh nhau với Tây giết quan quân Tây hơn ba bốn chục người. Hơn nữa, dân Miên cũng nổi lên theo ông ta, vua Miên và lính Tây đánh nhau với

quân của anh vua Miên ở thượng du Nam Vang bị thua phải bỏ chạy. Hiện nay Tây soái dần dần đưa quân lên Nam Vang, chưa biết sự thế sau này sẽ ra thế nào. Nhưng nếu phía Miên mà họ đồng mưu với nhau thì phía bảo hộ cũng không lẽ bỏ người giữa đường. Làm cái việc như Thành Hình đời Xuân Thu, người Tây sẽ không khỏi tốn thời gian, còn rảnh đâu mà mưu đồ việc khác? Thêm vào đó người Tây sang đây buôn bán không được, mắc nợ phải bỏ về, những người này sẽ đem những điều đó báo cáo với vua nước họ rằng: ở Gia Định mọi việc đều bế tắc, quan Tây chỉ lo lập công ở nước ngoài, trăm phương nghìn kế để làm sao tăng công cho được mà thôi đến nỗi khiến dân Tây bên này phải thất nghiệp không biết

dựa vào đâu. Còn dân Nam thì bị bức bách mà sinh loạn. Nay xin vua Tây một là theo y lời của Hà Ba Lý [Hà Ba Lý tức Aubaret.] trước đây hoặc có thể đổi hoặc miễn. Nếu không thì xin trả lại cho người Tây số tiền mà họ đã mua tậu đất vườn ở Gia Định. Tất cả dân Tây ở đây đều có viết thư về Tây nói giống nhau cả. Và các quan lính Tây chống với Tây soái cũng đều cho lời nói của dân Tây là đúng.

Hiện nay Tây triều lại có thuyết rằng: Nguyên trước tiên hoàng làm tờ giao ước vừa gặp lúc nước Tây đại loạn không có vua nên không đủ làm căn cứ. Thế thì việc vịn theo lời giao ước đó mà lấy ba tỉnh vốn

không phải bản ý của vua họ. Chỉ vì sự thế đã lỡ rồi, không thể không theo, nhưng xét theo lẽ công bằng thì cũng hơi hối hận vì sự không đủ căn cứ ấy. Bức thư này do một thân nhân của anh ta làm quan ở Tây gửi cho anh ta. Hiện bức thư còn trong cặp của anh ta. Vả lại theo sự bàn luận của mọi người thì cũng phù hợp như vậy. Ở đây khó nói cặn kẽ tóc tơ được. Nay Triều đình nếu muốn nhân cơ hội này thì cho anh ta lên Kinh bẩm rõ đầu đuôi xem cái gì có thể làm được thì làm. Nhưng khi đến Kinh, anh ta chỉ nói là nghe Triều đình nhờ giám mục về Tây thuê người, anh ta nhân đây lên Kinh để xin công ăn việc làm. Đến đây mới có thể trình bày hết sự cơ phải trái. Nếu Triều đình ưng chuẩn, anh ta sẽ trở

về Gia Định ngay, nói giả vờ rằng chưa có việc làm nào vừa ý. Bấy giờ hoặc anh ta sẽ trở về Tây. Hoặc sẽ viết thư cho bạn hữu, đợi đến lúc việc đã mười phần thỏa đáng, anh ta sẽ lên lại Kinh đô cùng với sứ giả của Triều đình sang Tây làm thông ngôn. Tiếng là nói về thăm, thực ra là đến đấy để xem mọi việc cho rõ ràng chân xác, nếu phù hợp như lời nói của anh ta, thì sẽ đem việc đó mà xin vua họ. Khi sự việc đã nhất định rồi thì Tây soái cũng không làm gì được nữa. Đó là anh ta theo điều sở nguyện của những người đồng hương của anh ta là làm phúc cho nước khác, chứ không phải chỉ nhằm chống Tây soái. Sau khi xong việc, dù có thù lao ít ỏi anh ta cũng vui lòng. Nhưng khi chưa xong việc thì không dám xin

gì cả chỉ cấp cho anh ta ăn uống mà thôi. Từ đầu đến cuối, khi làm việc phải giữ hết sức bí mật.

Trên đây là những điều anh ta nói ra, tôi chỉ trình bày sơ qua mà thôi. Theo thiên kiến của tôi thì tất cả những lời dài dòng đó cũng đồng một đường lối như đêm trước tôi đã bẩm với đại nhân.

Tôi lại có hỏi Nguyễn Hoảng về tình thế những điều nghe thấy bên ngoài thì ông ta nói cũng gần giống như vậy. Tuy Tây soái có ý khác nhưng dân buôn bán ở Gia Định thì xôn xao không ngớt. Hơn nữa việc quan Tây và Tây soái ghen công lẫn nhau cũng đã thấu tận Tây triều và phát thành dư luận,

khiến anh ta nghe biết được. Hơn nữa anh ta đã từng ngắm ngẫm trái chống với Tây soái. Cho nên nếu anh ta lên Kinh thì dù Triều đình ưng hay không ưng cũng cần giữ cho anh ta khỏi bị nghi ngờ. Anh ta cũng khá thông hiểu binh pháp súng đạn và một vài nghề vật. Nếu như dùng được việc gì thì cũng dễ sai khiến. Chắc chắn anh ta không dám phản nghịch lại ta vì sợ lộ ẩn tình của anh ta. Hơn nữa anh ta lại thông thạo tiếng ta thì việc gì cũng dễ hiểu khỏi cần thông ngôn nữa. Như thế rất dễ dùng hơn người khác.

Tôi thiết nghĩ, hiện nay ba tỉnh đã như ngọc chìm vục thẳm không

có cách gì mò lên được, mà lại có người tự mình xin làm việc ấy, ta chẳng phải tốn kém nhiều thì hãy thử một lần nữa xem sao. Đó cũng là chuyện thường tình vậy. Việc này tôi chưa dám bảo đảm sẽ thành, nhưng biết mà không lẽ không nói. Chỉ mong Triều đình tự chọn, tôi đâu dám vì thấy việc khó làm mà không bầm lên trên. Vì tâm lý con người ta, đối với việc muốn làm tuy còn ngại chưa chắc thành công hay không, nhưng thấy có mối manh có thể lần ra được thì cũng mừng thầm không nỡ bỏ qua. Huống chi đây là việc vì nước vì dân? Nếu như ưng chuẩn cho anh ta lên Kinh, nếu khi ấy tôi đã đi Tây rồi thì xin tư sức cho quan tỉnh Vĩnh Long ngầm sai hai học sinh biết nói tiếng Tây đến mật báo cho anh ta biết và

nếu tiện thì đến ngay Vĩnh Long xuống tàu, khỏi cần phải qua Bình Thuận lãnh bằng đi đường bộ cũng được. Nhưng phải báo trước cho các quan ở Vĩnh Long, Bình Thuận biết. Anh ta còn nói rằng nếu như tư cho anh ta ra Bắc thì xin trong tờ tư hãy nói việc khác, nhất thiết không được nói rõ cho các quan khác biết được sự thực. Lại nữa những điều anh ta nói với tôi đầu đuôi mọi việc đều thấy có thể tin được cả. Khi mới đầu anh ta giả vờ như vô tình mà nói, tôi cũng làm như vô tình mà tiếp chuyện, nhưng dần dần vào tròng rồi, tôi mới nói: “Anh có thể làm việc ấy để thành người tốt, làm phúc cho anh em tôi được không?” Anh ta nói: “Cơ hội và đường lối là như thế”. Nếu Triều đình cho phép anh ta được

gặp mặt bấm rõ, xem có thể làm thì làm, không thì thôi. Còn như nghi là có ai xúc xiểm để thử bụng ta như thế nào thì tôi dám chắc là không có điều đó.

Lại như Nguyễn Đức Hậu bấm thì hiện nay ông ta đã tìm được hai người Tây cũng khá, một người coi việc lái tàu bè thì mỗi tháng phải 300 bạc, một người coi về máy nổ thì mỗi tháng 200 bạc, họ tình nguyện hết lòng chỉ bảo. Nếu việc thuê mướn người của tàu Mẫn Thỏa đã mãn hạn, mà thấy có thể đáp ứng yêu cầu của anh ta thì nhân lúc có tàu cập bến Vĩnh Long hãy báo cho anh ta biết để anh ta cho người đến làm giao kèo, rồi

lấy giấy chứng của Tây soái. Như thế không biết có được hay không cũng xin bẩm luôn.

Nay kính bẩm.

## DI THẢO SỐ 21

Kế hoạch vận động ở Pháp để giữ ba tỉnh miền Tây<sup>142</sup>

(19 tháng 9 năm Tự Đức 19, tức 27 tháng 10 năm 1866)

Tôi là Nguyễn Trường Tộ kính bẩm.

Sau khi thuyền Tây từ Kinh về nghe Tây soái trình bày với giám mục rằng: “Triều đình trả lời như vậy. Tuy chưa giải quyết được nhưng sự việc đã có manh mối, cũng nên đợi xem như thế nào”.

---

142 Nguyên văn chữ Hán: Hv 189/1 tờ 127-131 Hv 534/4 tờ 20-27 Bài này được viết tại Sài Gòn và gửi cùng lúc với văn bản số 20.

Còn các quan Tây muốn cầu công thì cho rằng: “Ý của Triều đình hình như chưa dứt khoát, bởi vì nếu rõ ràng thuận theo thỉnh nguyện thì sợ người trong nước bàn tán xôn xao. Nếu ta nhân cơ hội đó mà lấy quách thì rồi Triều đình cũng thuận theo ta thôi và có thể che mắt bịt tai thiên hạ không can ngại gì”. Bọn họ lại nói rằng: “Theo hòa ước Triều đình phải triệt thoái hết các quan viên tiềm tàng trong ba tỉnh ngoài thì ta mới giao trả Vĩnh Long lại. Nay Tây soái đã bắt được bằng chứng rằng các quan viên ở ba tỉnh trong<sup>143</sup> đã ngấm ngầm thông đồng với các quân đội, hiện có chứng từ chính xác, rõ ràng là ngấm ngầm vi phạm hòa ước, như

---

143 Nội tam tỉnh, tức 3 tỉnh Miền Tây, gồm Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên.

thế thì ta lấy lại Vĩnh Long cũng là lẽ đương nhiên vậy!” Không biết họ nắm được bằng chứng ở đâu mà nói như vậy?

Theo thiển kiến của tôi nhận xét thì ba tỉnh trong vốn nằm trong ý đồ của họ rồi, nhưng hiện tình trước mắt thì cũng chưa chắc đã nhanh chóng rơi vào tay họ được. Vì rằng:

Một là Cao Miên vốn là một nước nhỏ yếu, khắp nơi có rừng rậm chướng khí, mà quân của anh vua Miên lại xuất nhập bất thường, nếu quân Pháp không ra chống đỡ thì không giữ trọn lời ước bảo hộ để tồn uy vũ đối với thiên hạ. Ví dầu muốn đuổi thú đến cùng rừng thì chẳng khác nào dùng đạn quý

bắn chim sẻ, dao mổ trâu cắt cổ gà kể cũng trái lẽ. Nhưng cái thế khó nửa chừng bỏ dở, mà muốn cày quét cho bằng những chỗ gồ ghề thì việc tốn kém không thể kể xiết. Một tên giặc quèn ấy khó mà bù được chỗ đó, một tên giặc bé nhỏ ấy mà khắc chẳng ra nuốt chẳng vào. Nếu như Triều đình họ biết được sự việc đó thì tất cả những lời nói của quan dân lính trước đây đã quay mặt phản đối sẽ có chứng cứ thêm. Như thế chẳng những việc cầu công không thành mà bị lại lộ những điều tâng công trước đây. Có chỗ dùng dằng không xuôi như vậy cho nên tuy trong bụng có ý đồ riêng, cũng phải giật mình vì phải cái sai lầm là vốn lời đều mất.

Hai là, Triều đình họ đã muốn y theo lời nói của Hà Ba Lý trước đây, lại có tiếng kêu bất bình của dân họ, lại có cái tình của Triều đình ta là phạm việc gì cũng nhường họ một bước, rõ ràng ai cũng nghe thấy, lại có số nửa các quan của họ không muốn nhọc sức làm thân một con chó lập công, lại có giám mục trình bày cái ý muốn hòa của Triều đình ta. Những việc đó Tây soái đều nghe thấy hết cả, trong lòng cũng lấy làm lo ngại đấy, nhưng nếu làm càn tất sẽ có ngày cùng đường mà bỏ bể cũng nên. Tôi còn thấy lúc giám mục mới đến Tây soái đối đãi rất thân thiết nhiệt tình. Nay thì dần dần lạnh nhạt, có lẽ vì Tây soái nghe được những điều các quan nói, giám mục nói, về sự giao hảo thành thật

của Triều đình ta, tựa hồ có căn cứ. Tuy là nói vô tình nhưng trong bụng vẫn mang ẩn ý, chưa chắc sẽ không đang tâm gây chuyện. Thế nhưng cũng khó mở miệng nói với ai, đành ngậm đắng nuốt cay mà thôi. Cho nên xem có vẻ không ưa gì giám mục và tôi. Nhưng cũng bắt buộc phải theo hai đường (một là hòa, hai là lấy) làm việc phiêu lưu cầu may để hãm vua vào cái thế “sự đã rồi tất phải theo” để được công đầu, sau sẽ trút cái gánh khó giữ cho người mới đến để về nhàn du nơi thôn dã. Dầu một ngày kia có vì danh nghĩa ép buộc, mà vua họ đã có lệnh “cho họ về nhà” họ cũng chẳng kể gì. Chuyện đó cũng chưa biết. Đây những ý kiến đoán chừng của tôi không biết có đúng hay không.

Nay tôi muốn nhân lúc giám mục đi Tây xin Triều đình nên viết một bức thư cho Đại học sĩ của Triều đình bên ấy nói rõ ràng tất cả sự lý và duyên do chuyển đi Tây lần này của giám mục để tỏ rõ lòng chân thành của Triều đình ta. Trong thư còn viết thêm một hai điều về những tình trạng khó khăn nan giải như dân tình ba tỉnh ngoài, sự thế ba tỉnh trong và Triều đình ta cũng đã trừng trị những quan đi theo quân đội, để lấy lòng họ. Lại thêm một hai đoạn để tỏ ý như ta muốn thông đồng với họ nhưng vì trong nước còn nhiều chuyện, chưa kịp sắp xếp được. Bức thư này không nên dịch trước ra tiếng Tây, chỉ nhờ giám mục đề bì bằng

chữ Tây gửi cho Tây triều mà thôi. Đợi đến bên ấy, tất họ sẽ nhờ giám mục dịch ra, thì thế nào những chỗ mập mờ họ sẽ sinh nghi mà hỏi kỹ, hỏi nhiều thì giám mục cũng trả lời nhiều, như thế ta mới nói hết sự tình được.

Lại xin viết một bức thư nữa giao cho tôi để bí mật gửi cho Hà Ba Lý, trong đó nhắc lại cái tình cảm nồng hậu mà ta đã đối đãi với ông ngày trước, và nói cái tình cảm tốt đối với nhau ấy vẫn còn cho đến mai sau. Như nói trước đây ông thật có lòng muốn trả ba tỉnh, tuy việc không thành là do tình thế, nhưng tấm lòng tất đó vẫn còn mãi. Lại nói, ông là người vốn am

hiếu sự thế Nam triều, nay Nam triều như vậy như vậy... nếu ông có cách gì hay giúp cho Tây Nam vĩnh viễn hòa hảo thì xin ông chỉ giáo cho. Đồng thời gửi biếu ông ta một ít món đồ chơi để tỏ tình thân ái. Nhận được thư ấy ông ta sẽ nghĩ lại rằng: “Lòng tốt của Triều đình nước Nam thủy chung như vậy, không vì việc trước kia không xong mà bất bình; trước đây ta có nói qua thế mà được Triều đình ấy hậu đãi, chỉ vì lý do riêng nên việc không thành khiến ta cũng mất mặt. Nay lại nghe lời bàn bạc của Tây triều cũng giống như những ý kiến của ta trước đây, sao ta không nhân cơ hội này mà phụ họa vào để thực hiện lời nói của ta trước đây để hả cái hận đã bị khuynh loát trước kia”.

Tôi cũng lấy cái tình thân thiện bí mật viết cho ông ta một bức thư nói sơ cho ông ta biết nỗi khổ tâm của Triều đình ta và hình như có ý muốn đem việc quan trọng nhờ ông ta, nhưng còn sợ trở ngại nên giấu kín không nói ra. Ông ta vốn đã hận Tây soái lại đọc thư tôi nghe kể sự thể hiện nay ở Gia Định như vậy tất sẽ bất bình nghĩ cách đối phó với Tây soái và sẽ không làm lộ chuyện của ta mà ta thì ngầm ngầm được lợi.

Trên đây là ý kiến thô thiển của tôi, không biết có nên hay không. Nếu thấy dùng được xin trả lời gấp, để sớm lo liệu. Nay kính bẩm.

Hai tập này không dám đưa cho Tây soái sợ chuyện tiết lộ. Vì vậy xin phái quý viên thân hành mang đến Vĩnh Long để gửi gấp.

Nguyễn Trường Tộ ký

## DI THẢO SỐ 22

Báo cáo về việc gặp viên lãnh  
sự Tây Ban Nha<sup>144</sup>

(26 tháng 9 năm Tự Đức 19, tức  
3 tháng 11 năm 1866).

Tôi Nguyễn Trường Tộ kính  
bẩm.

Tôi và Nguyễn Hoảng được  
Hiệp biện đại nhân bí mật dẫn  
dò đã cùng phái viên lên đến gặp  
viên lãnh sự Y Pha Nho. Lúc đầu,  
chúng tôi chỉ nói chuyện tình thế  
hiện nay. Thấy ông tỏ ra bất bình

---

144 Nguyên văn chữ Hán: Hv 189/1 tờ 139-144 Hv 634/4 tờ 37-51 Tờ này được viết lúc Nguyễn Trường Tộ ở Sài Gòn chờ tàu đi Pháp.

về việc người Tây mượn cớ phá điều ước cũ, chúng tôi khi ấy mới đem những mật ý của đại nhân nói rõ với ông ta. Chúng tôi nói: “Triều đình chúng tôi trước đây có chỗ thiếu sót đối với quý quốc, đó chẳng qua là do tình thế khác gây nên, chứ không phải bản ý của Triều đình chúng tôi. Hiện nay Triều đình chúng tôi vô cớ bị quan Tây đòi hỏi quá đáng, không biết lấy gì đáp ứng nổi. Lại nghĩ đến hòa ước trước kia vốn do nước Tây và quý triều lập nên, nhưng đại tướng của quý Triều đình đã không đòi chia đất, mà còn có thư nói “Được đất thì mất anh em”, mới thấy ý kiến của quý triều và người Tây ngược nhau như thế nào. Nay quan Tây lại muốn sinh sự nữa rõ ràng là khinh nhờn quý triều, tựa

như coi điều ước của đồng minh trước đây là không đủ căn cứ. Vì thế Triều đình chúng tôi lấy làm lạ dám đem việc bí mật này đến thưa hỏi chứ không như thói thường là có chuyện mới đến cầu cứu, xong chuyện thì thôi<sup>145</sup>”.

Ông ta liền nói: “Tây soái việc gì cũng tự ý chuyên quyền, mà Tây triều thì chỉ bằng vào một phía ý kiến của Tây soái mà thôi chứ không đối chất gì, không có ai bên cạnh để giúp Nam triều cả. Đại phạm con người ta giữa đường thấy sự bất bình lòng còn căm tức rút gươm thay. Nay bản chức tuy hèn mọn chưa đủ quyền sức để giúp đỡ Nam triều, mà bản triều với

---

145 Nguyên văn dùng câu tục ngữ “Cấp lai bão Phật”, nghĩa là khi có việc gấp rút ngặt nghèo không biết làm sao thì đến ôm Phật mà cầu cứu.

Tây triều thì sức lực ngang nhau lại là nước thông gia với nhau, nếu Nam triều tin tưởng thì hãy viết một bức mật thư giao cho bản chức, bản chức sẽ chuyển đệ về bản triều nhờ tìm giải pháp. Bản chức cũng sẽ viết một bức thư riêng nói rõ Nam triều khiêm cần như thế nào, ba tỉnh ngoài sinh loạn như thế nào, cũng những lý lẽ mà Tây soái vin vào đều chưa chân xác. Ta đồng minh với Nam triều, mà nay có thư đến trình bày sự việc như vậy lẽ nào ngồi nhìn mà không nói một lời? Dù có nói mà Tây triều nghe hay không nghe mặc họ ta cũng tránh được tiếng xấu. Nhưng nếu Nam triều không nói một lời để làm chứng thì tựa hồ đặt bản triều ra ngoài cuộc, mà bản triều lại vội lảm lời đến việc không liên

can gì mình thế cũng không hay. Nay nếu Nam triều thấy có thể nói được điều đó với bản chức thì nên bí mật gửi gấp cho bản chức một bức thư. Một mặt bản chức lấy bức thư của quý triều kèm theo bức thư của bản chức nữa đệ về, một mặt tin cho lãnh sự ở Tích Lan (ở Đông Nam Ấn Độ, nay đã có đường dây điện tín đặt tới nước Anh) nhờ đánh điện tín cho bản triều biết trước. Vả lại năm ngoái có một số người ngoài Tây triều cũng tỏ ý muốn theo lời Hà Ba Lý, nay tuy đã muộn rồi, nhưng nếu có bản triều bàn vào tường họ cũng sẽ hồi tâm. Như thế không những có thể duy trì ba tỉnh trong mà còn thuận tiện cho việc đề cập đến ba tỉnh ngoài”.

Đó là lời nói của viên lãnh sự. Xem sắc mặt và khẩu khí của ông ta thấy tỏ ra thành thật chứ không có gì xảo trá. Ông ta lại nói: “Những việc làm của người Tây thấy cũng đáng hoan nghênh, chỉ vì Triều đình không biết đường lối nên Tây soái mới có những manh tâm khác lạ”. Ông ta cũng đã từng nói chuyện với giám mục. Xem lời nói của ông ta thì quả thật là nghĩ sao nói vậy chứ không có ẩn ý muốn thử lòng ta. Tôi thiết nghĩ, hiện nay tình hình ba tỉnh rất khẩn cấp mà các lý lẽ viên lãnh sự trình bày cũng rất đúng. Vậy chi bằng nhân đây khéo đãi ngộ hãn để mượn hãn dùng vào việc của ta. Xét sự thế trước sau, thì việc ấy kể cũng nên làm, chẳng can ngại gì. Bởi vì: Một là vì trước kia nước Y Pha

Nho cũng dựa vào việc ký điều ước. Nay người Tây tự ý một mình bội ước, nếu Y triều không có một lời với thiên hạ thì rõ ràng là họ cũng đồng lòng. Hai là, theo cái thế tung hoành của họ, như trong Lục lợi từ trước kia tôi đã nói, thì nước Y với nước Tây vốn ở gần sát nhau, mà nước này dần dần lớn mạnh lên thì cũng chẳng lời gì cho nước kia. Nếu một khi xảy ra việc đánh chác với ai thì nước Y là nước đầu tiên bị họ kéo quân qua. Nay đã có cơ hội có thể dùng để chế ngự nhau thì dù được hay chưa được cũng phải làm để khỏi hối hận đã bỏ mất cơ hội. Ba là, viên lãnh sự này có chỗ không ưng Tây soái mà lại muốn thông tình với ta để được tiếng với Triều đình rằng ông ta là một người khéo ngoại giao. Nếu

việc thành thì cũng đủ rạng danh là người có sức làm được việc khó. Với ba lý lẽ đó, nếu nay ta đem ra làm thì đó cũng chính là điều mong muốn thiết tha của ông ta.

Nay ba tỉnh trong của ta đã bức bách như thế, mà muốn tìm đường giải tỏa thì phải nói cho nước Y biết. Đó cũng là lý đương nhiên mà còn hợp với thế tung hoành nữa. Dù sau này Tây soái biết được cũng khó tranh chấp với ta. Nếu lấy việc đó mà trách ta, thì rõ ràng là giận cá chém thớt, khinh miệt nước Y Pha Nho, ngăn cản không muốn họ thân thiết giao hảo với ta. Nước Y tuy hơi yếu nhưng là một nước lớn ở phương Tây, vốn có cái thế tung hoành liên hợp mà lại không biện bác nổi với một quan Tây thì

còn gì là quốc thể nữa? Nay nếu ta dùng lời khéo léo gởi đến họ, đợi đến khi sự việc đã tỏ rõ thì dùng cách khích họ để mời họ. Đó là cái kế của Triệu xu Ngày, không biết như thế có được không?

Lại có một kế nữa là, nước Y rất trọng đạo giáo. Giám mục của họ cũng có quyền lớn. Năm trước họ hưởng ứng chính sách của người Tây là vì ta giết hại giáo sĩ của họ. Nay nếu một mặt viết thư cho các giám mục người Y ở miền Bắc nói rõ nước Y với ta có tình giao hảo với nhau. Nay người Tây khinh thị nước Y, đem lòng bội ước. Trước đây nước Y đã giao hẹn với bản quốc là chuyên lấy đạo giáo làm trọng, không làm điều chia cắt chiếm cứ. Đó chính là điều nước

Y mong muốn. Còn người Tây thì lại muốn ngấm ngấm phản bội. Nay Triều đình nghe được các giám mục cùng với nước họ có thể đương đầu được. Vậy nếu được thì gửi thư cho tổng đốc Lữ Tống nói rõ lý do tại sao lại như thế để xem có cách gì có thể giúp đỡ cho một vài phần không, như thế thì đạo giáo lại được cái lợi lớn mà sau này tấm tình kiêm ái của Triều đình cũng tăng thêm. Nay theo cái kế ấy một mặt thì dọa dẫm họ, một mặt câu nhử họ tưởng cũng có thể giúp được ít nhiều.

Lại có một kế nữa, nguyên trước đây Tây soái thâm tâm muốn lấy miền Nam lăm, nhưng chưa có

chứng cứ rõ ràng. Nay họ đã cho thuyền lên Kinh dùng các lý lẽ yêu sách như vậy là có chứng thực rõ ràng rồi. Nay hoặc Triều đình nhân lúc bên Tây có lệ đấu xảo, sai một viên sứ mang nhiều mặt hàng hiếm lạ sang giả nói rằng: Nay Tây Nam đã hòa hảo rồi thì Nam triều có gì Tây triều cũng thơn lây, do đó sai sứ sang Tây dự đấu xảo và vấn an Tây triều luôn, để tỏ tình tương hợp với nhau. Lại viết một bức quốc thư giấu kỹ, đợi sang bên đó dò được rõ ràng ý lòng chừng của Triều đình họ như trước đây tôi đã bẩm, cũng như Di Minh đã nói và Hà Ba Lý nói, cũng như những nghị luận của quan Tây dân Tây, cùng là những lời bàn của giám mục, lại thêm sự biện giải của Y triều, khi ấy mới đem thư ra trình bày như thế,

như thế. Viên sứ của ta một mặt lại đem thư cho Y triều, và cũng nhân trên đường đi mà thăm hỏi Y triều luôn. Lại cũng nên đi qua nước Anh, nước Nga du lịch để mở rộng kiến văn. Triều đình họ thấy ta biết được cái kế của họ như thế và những việc làm của họ đều là vô cơ hiếp đáp khinh thị ta thì tất cả sẽ hồi tâm suy nghĩ. Hơn nữa, năm trước Triều đình họ tuy có bí mật bàn việc muốn thông con đường phía sau sông Cửu Long, nhưng họ đã sai người sang thám hiểm hai lần thì thấy ở đấy hiểm trở khó thông mà dân Cao Miên thì lại mọi rợ ngu đần khó chiêu mộ sai khuyển. Cho nên họ muốn lấy sáu tỉnh của ta để làm cửa trước mở “ba hang” như tôi đã bẩm ở đoạn cuối bài Khai hoang từ. Tôi nghĩ rằng

Triều đình họ ngày nay cũng đã chán nản phần nào, lại thêm hiện nay họ đứng chưa vững, nếu cứ tham đi theo con đường khó đi, để nửa đường hỏng mất cái công sắp thành, hoặc giả sau này Nam triều thấy được nhân tâm mà dùng cái thuật tung hoành thì sẽ xử trí như thế nào? Hơn nữa, mấy lâu họ đã lo sợ thế lực lớn mạnh của người Anh ở phương Đông, khó mà giữ được người Anh không tìm cách mưu lật mình, tất họ phải sợ già néo thì đứt dây mà xảy đến những việc không ngờ. Đại phàm càng lão luyện trong chiến trận thì càng rõ cái lý thế đó. Đừng bảo Triều đình họ không có người nghĩ đến điều đó. Hơn nữa con đường Vân Nam Tây Tạng họ vẫn chưa quên, nay vì đường phía Tây hiểm trở khó

qua, nên cũng có thể họ sẽ thuận tình với Nam triều để mong có thể thực hiện cái kế mượn đường phía Đông. Dù họ chưa cam tâm, nhưng ta chỉ cần được thư giãn phen này để mưu đồ kế sau. Vậy thì nhân lúc hiện nay họ còn ở tâm trạng do dự chưa dứt khoát nhất định, mà làm cái kế hoãn binh chắc cũng dễ. Tuy Tây soái nghi ta sang dự đấu xảo không thể không có ý đồ gì khác, nhưng làm sao ngăn cản được việc ta đi vấn an nước bạn? Tự hân sẽ nghĩ bụng: “Nếu không thông thả chờ xem nên chăng thế nào vạn nhất Triều đình ta có ý kiến gì mới hoặc Nam Triều tìm được một thế lực nào khác, thì khó mà chạy chối cái tội giả dối để cầu công và ngăn cản những ý kiến chính đáng, khiến bao nhiêu công lao của ta ngày

trước chẳng hóa ra công dã tràng sao?”.

Lại có một kế nữa là, nay những sự việc họ yêu sách đã rõ ràng rồi, nên ta có thể gửi trát cho các gia đình có danh vọng cùng lập một tờ ký tên tất cả vào nói rằng: “Nghe tin Tây soái tìm cơ bức hiếp bắt nhường ba tỉnh trong, tuy Triều đình bị đại thế bức bách không dám nói ra, nhưng dân tình không thể nào chịu được. Năm trước nhân dân ba tỉnh ngoài đã có ý góp tiền xin chuộc lại, không phải vì họ không ưa đường lối chính trị nhân đức của Tây, nhưng vì bị Tây soái ỷ thế làm điều phi pháp như thế. Cho nên nhân dân thất nghiệp không biết nương náu vào đâu, phải tụ tập mà sinh ra trộm

đạo. Thế mà Tây soái đã không biết lỗi mình lại đổ điều oán cho Triều đình để bắt ép lấy ba tỉnh. Nếu quả như thế thì dù Triều đình không có cách gì chống đỡ nhưng chúng tôi sẽ tìm cách cầu cứu. Chẳng nghe chuyện Hòa Tri Lan người Hà Lan đã trục xuất người Y Pha Nho đó sao? Nhân dân chẳng ai phục thì làm sao có thể giết hết tất cả được? Nếu không được thì chúng tôi thà nhảy xuống biển Đông làm thần sóng cho rồi chứ không nỡ nhìn thấy cảnh lũ chuột hại người như vậy”.

Một mặt viết thư cho Đại học sĩ Triều đình họ nói rõ việc sáu tỉnh của Triều đình ta là chỗ nương tựa của Bắc kỳ. Từ khi thuận nhượng, dân ở Bắc mất chỗ nương tựa oán

trách Triều đình. Cho nên mấy lâu dân tình sôi sục không yên. Họ muốn quyết một phen thắng phụ với quý quốc (nhân họ có bụng sợ dân Bắc kỳ một vài phần) dầu họ không biết lượng sức cũng cứ đưa tay không ra mà chống xe. Bốn năm nay bản triều đã tốn nhiều công sức vẫn chưa giải dụ xong, xếp đặt chưa ổn. Đó là do lòng oán giận của mọi người mà gây tai họa cả, chứ bản triều rất tha thiết ở sự thành thật giao thiệp, sợ mất tình thân đối với quý quốc. Thế mà người ta cứ trách móc thật lấy làm khổ tâm lắm! Nay quý soái lại có ý định khác, dân miền Bắc nghe tin ai nấy đều xôn xao bàn tán. Nếu họ lại trái mệnh làm nghịch như quân đội trong Nam sẽ tổn thương đến thể diện quý quốc. Nếu quý soái

không soi xét rõ ràng thì bản triều đã khổ lại càng khổ thêm. Vả lại, bản ý của quý quốc là muốn thông thương giao hảo với bản quốc. Nếu cứ để kéo dài sự xôn xao như thế, chẳng những khó xử cho bản triều mà cũng chẳng có lợi gì cho quý quốc cả.

Thư này kèm với thư của dân tỉnh trong gửi sang Tây triều. Có chừng ấy cách may ra có thể cứu vãn được sự thế.

Tóm lại, hiện nay sự thế ba tỉnh trong đã khá bức bách. Sự thế ba tỉnh ngoài cũng gần có cơ rồi, mà Tây triều thì còn đang ở cái thế lưỡng lự. Nay Triều đình ta phải nhanh chóng kiếm kế duy trì, nếu đem hết sức người ra mà yên được

ít nhiều cũng là phúc cho sinh linh, nhưng nếu hết sức rồi mà không được là do trời thôi. Như thế cũng có thể đem tấm tình này mà tạ cùng thiên hạ và lưu lại ngày sau lòng luyến nhớ việc cũ, để ngỗ hầu thu phục giang sơn sau này. Nếu nói sợ việc không thành mà vội hiềm nghi, thì ta nay có điều gì đáng hiềm nghi mà chịu để cho họ yêu sách ta sao? Chẳng qua là do lòng tham xui khiến họ mà thôi. Nếu cứ theo cái lòng tham ấy thì dù có có hay không có có, chỉ cần có cái thế có thể lấy được nước ta là kiếm có trách ta thôi. Như thế việc gì ta cũng làm vui lòng họ được sao?

Nay ta đã đem hết sức làm để thực hiện kế duy trì thì không kể gì tổn kém, tất cả là vì lòng yêu dân

mà thôi. Nhưng họ lại lấy cái việc ta mưu tính vì dân, cho đó là cái có để gây sự thì đạo trời lẽ đâu không có ngày soi sáng cho cái án này? Thế thì nếu vì tỵ hiềm mà cuối cùng để cho mất thì chi bằng cứ mặc cho hiềm nghi mà làm được việc có hơn không? Vì rằng nếu không có một lần làm cho minh bạch thì cái kế tâng công của Tây soái sẽ ngày càng sâu đến nỗi ta không hơi sức đâu mà đối phó nhiều rắc rối nữa chứ không chỉ có thế mà thôi đâu.

Tôi có mấy ý kiến thô thiển như vậy, không biết có được hay không. Nếu cần thương thuyết với lãnh sự thì xin tin cho biết gấp (khoảng trong vòng 20 ngày) sợ chậm sẽ không kịp. Xin kính bẩm.

Lục bộ liệt vị đại nhân soi xét.

Nguyễn Trường Tộ ký.

Châu phê:

Bài này sự lý uẩn khúc rắc rối, nếu không hiểu sâu những sự lý từ trước đến nay giữa hai bên Tây và Nam thì không thể hiểu được mạch lạc.

## DI THẢO SỐ 23

Báo cáo về một số việc cần làm<sup>146</sup>

(25 tháng 9 năm Tự Đức 19, tức 3 tháng 11 năm 1866)

Tôi Nguyễn Trường Tộ kính bẩm.

Hiện nay người Tây mới chế ra loại súng điều thương mỗi phút (một giờ 60 phút) bắn được 100 phát. Không biết Triều đình có ưng mua một khẩu về làm mẫu chẳng?

Lại có di Minh bẩm rằng, nếu thuận lời xin của anh ta, anh ta

146 Bản chữ Hán: Hv 189/1 tờ 122-123. Viết tại Sài Gòn trong lúc chờ tàu đi Pháp.

đã có nhiều anh em về Tây làm kế phản gián. Anh ta xin tự cải thành người Anh, trở về nước Anh phao tin khắp nơi để làm xao động Tây triều. Sau khi xong việc anh ta sẽ về nước ta trở lại cư trú và lấy vợ người mình (Người Tây vốn có cái lệ đó, cho nên anh ta làm được không trở ngại gì).

Trước đây có hai vị quan Tây, một là quan hai lục quân, một nữa là quan ba thủy quân đều đã từng nói với Nguyễn Hoàng, muốn Nguyễn Hoàng xin cho họ được lên Kinh làm người giúp việc. Đó là tình thật. Vì tính tình của người Tây thường thường như thế, tôi đã biết rõ, chứ không phải có ai khác xui khiến mà làm như vậy đâu. Xem thế thì điều “Tìm người

để giúp bên trong” mà tôi đã bám trong Lục lợi từ trước đây đã có cơ hội rồi đấy.

Lại xin Triều đình đề phòng ở biên giới phía Bắc. Hiện nay ng-hịch đảng đã tụ tập ở Hương Cảng, cũng đã có người qua lại Gia Định để chiêu mộ người theo.

Lại bám nếu như Triều đình sai sứ đi Tây thì xin cho tôi được đi cùng để có thể cùng với phái bộ biện bác với Tây triều, vì nếu không có tên thì họ sẽ không coi ra gì. Việc xin này là vì công hay tư ngày sau Triều đình sẽ biết rõ. Về thông ngôn thì dùng Nguyễn Hoảng suốt từ đầu chí cuối mới được. Còn giám mục thì nhờ nói giúp cho một hai lời, như thế mới

được việc. Nếu muốn thi hành kế  
gấp này thì xin khởi hành ngay  
mới được.

Tôi hể biết thì nói, nếu không  
hợp sự lý xin Triều đình lượng thứ  
cho cái tội ngu muội không phải ấy.

Kính bẩm.

## DI THẢO SỐ 24

Kế ly gián giữa Anh và Pháp<sup>147</sup>

(18 tháng 11 năm Tự Đức 19 tức 24 tháng 12 năm 1866).

Nguyễn Trường Tộ kính bẩm.

Năm trước trong bài Lục lợi từ ở đoạn thứ năm tôi có nói: Nếu vạn nhất xảy ra việc gì, thì thế lực của người Anh ở phương Đông mạnh mẽ sẽ tranh hùng với người Pháp để bù lại chỗ thua thiệt trước kia. Việc đó sẽ xảy ra khi nào nước Pháp có nội loạn, bấy giờ họ sẽ cướp lấy

---

147 Bản văn chữ Hán: Hv 189/1 tờ 133a-138 Hv 634/4 tờ 27-37. Viết tại Sài Gòn trước lúc lên tàu đi Pháp.

mối lợi bên ngoài của Pháp. Hiện nay nước Pháp chia làm ba đảng.

Một đảng nói: Ba, bốn năm nay, vô cớ đi đánh nhau với quân Mặc Tây Ca<sup>148</sup> ở Tây Châu tiêu phí vô kể mà chẳng được cái gì cả để đến nỗi phí công vô ích. Đó là do lòng tham hay gây chuyện đánh nhau mà ra cả. Nay lại đóng thuyền hạm<sup>149</sup> toan muốn đi theo vết chân cũ vua bác<sup>150</sup> trước, khiến nước nào cũng

---

148 Mặc Tây Ca tức Mêhicô, ý muốn nói đến cuộc chiến tranh tốn kém và vô ích do Napoléon III chủ trương ở Mêhicô (từ tháng 1-1862 đến tháng 3-1867).

149 Thuyền hạm: Năm 1859, Napoléon III cho đóng chiến hạm thiết giáp đầu tiên, trước cả Anh nữa, làm cho hải quân Pháp trở nên hùng mạnh.

150 Vua bác: tức Napoléon Bonaparte, ý nói chủ trương bành trướng gây chiến tranh khắp nơi như Napoléon Bonaparte. Napoléon III là con cả của Louis Bonaparte, em ruột của Napoléon I.

rất ghét. Nếu cứ theo cái đà này thì nhà vua ắt sẽ bị mối họa đại loạn không thể lường được.

Một đảng khác cho rằng nhà vua làm nhiều việc độc đoán, không công bố các lẽ phải trái cho mọi người trong nước được biết, hơn nữa còn dần dần làm cho người trong nước mất tự do, bị nhiều điều bó buộc, không hợp với thể lệ của các nước phương Tây. Chi bằng phế bỏ mà đi theo phép lập Tổng thống như ở Hợp Chúng Quốc. Vì nước Pháp trước kia cũng đã có lệ ấy rồi.

Một đảng nữa cho rằng Giáo hoàng La Mã là cha chung của các nước. Đối với các nước phương Tây, nước Pháp được coi như là con

cả của Giáo hoàng. Trong các công việc của Giáo hội, nước Pháp xưa nay vẫn đứng đầu. Năm trước ở La Mã có loạn, vua Pháp đã đem quân sang đánh giữ, nay không biết vì có gì lại rút về làm cho nước Pháp mất mặt với thiên hạ, không xứng với danh hiệu con cả.

Cả ba đảng này đều mưu việc phế lập, nhưng ý kiến bất đồng tất sinh mối loạn.

Lại 50 năm trước đây dòng nhà vua có người chạy sang nước Anh, hiện nay đang còn bên ấy. Người Anh cũng theo giúp đỡ để lấy tiếng là nước rộng rãi biết thu nạp người ngoài, điều đó cũng chưa biết được.

Mới đây Phổ Lỗ Sĩ đánh nhau với nước Áo Đại Lợi<sup>151</sup> mà người Nga lại đem quân đến đóng ở biên cảnh phía Bắc Thổ Nhĩ Kỳ toan muốn đánh hòa. Người Pháp thì lại muốn lập một người phương Tây làm vua Mặc Tây Ca<sup>152</sup>, nếu việc không thành bị mọi người cười chê. Theo tình hình hiện nay như thế thì sự việc sau này chưa biết sẽ kết cuộc ra sao.

---

151 Chiến tranh Phổ - Áo xảy ra khoảng tháng 7-1866. Nga ủng hộ Phổ, Pháp thì lo ngại Phổ lớn mạnh bao trùm tất cả các dân tộc Đức, không muốn cho Phổ thắng Áo, nhưng Phổ đã đè bẹp Áo ngay trong trận đầu, Pháp muốn ra tay giúp Áo, nhưng bận ở Mêhicô.

152 Vua Mặc Tây Ca: Pháp đã giúp cho Đại Quận Công (Gard duc) Maximilien, người Áo lên làm vua ở Mêhicô từ 12-6-1864. Maximilien chỉ giữ được ngai vàng là nhờ sự hiện diện của quân đội Pháp. Tháng 3-1867, Pháp rút hết quân đội khỏi Mêhicô, Maximilien bị bắt và bị hành quyết tháng 5-1867.

Tôi cho rằng nước họ tất có một phen đại loạn, mới phù hợp với lời bảm trước kia của tôi rằng 10 năm có một kỳ khôi phục. Nếu có loạn thì không tránh khỏi việc họ lấy Gia Định đổi cho người Anh, bằng không người Anh cũng sẽ chiếm chỗ của Pháp, đúng như trong Lục lợi từ đã nói, mất Tần này thì lại sinh Tần khác. Vậy mong Triều đình sớm phòng trước để đợi sự biến xảy ra.

Khoảng tháng ba, tháng tư năm nay có một quan khâm sai người Tây đến thám sát ở Gia Định trở về tâu với vua Tây rằng: Sự thế ba tỉnh không có gì khả quan. Nay lại có người anh của vua Miên<sup>153</sup> gây

---

153 Anh vua Cao Miên là Poukombo bắt đầu khởi nghĩa từ tháng 5-1866 và đánh cho Pháp thua nhiều trận liểng xiểng. Tháng 7-1867, Pháp xua đại quân

loạn, cây có chỗ hiểm yếu chống lại Pháp, quân Pháp phải chạy tháo thân, nhuộm khí sút kém. Mọi người đều nói rằng Tây soái tất sẽ bị tội phải triệu về thôi!

Nay có một kế rất hợp với sự thế nhưng phải có người khéo ứng đối mới làm được. Năm trước Tây soái có viết thư nói với vua Xiêm La rằng tất cả những thuộc quốc của Xiêm La ở miền thượng du sông Khung<sup>154</sup> không được bắt họ cống nạp nữa, hãy để họ tự trị. Cũng như năm trước họ đã bắt ta không được nhận Cao Miên làm nước thuộc hạ. Người Xiêm đã biết cái kế môi hở răng lạnh. Nay tuy người Pháp và người Anh cùng ở trên đất Xiêm,

---

và đẩy lùi được Poukombo. Tháng 12-1867 Poukombo bị bắt và bị hành quyết.

154 Sông Khung: Khung giang tức sông Cửu Long.

nhưng người Xiêm có cảm tình nồng hậu với người Anh hơn. Nay nếu ta cho người đi đường tắt đến nói với vua Xiêm rằng: Ta và họ vốn là đồng bệnh. Nay người anh của vua Miên đang làm cho Pháp khốn đốn. Sao ta không ngầm giúp vào để cho người Pháp nguy khốn thêm? Thế mới có lợi cho cả họ và ta. Lại khéo dùng lời lẽ bảo vua Xiêm nói với quan người Anh rằng, nước Miên vốn là nước thuộc hạ của ta, lại có lợi lớn của biển hồ. Từ khi người Pháp chiếm cứ đến nay, họ đã làm cho nước Miên hao tổn rất nhiều. Ta vì nghĩa mà muốn cứu, nhưng thế lực người Pháp to lớn, nếu không có người Anh giúp sức thì Miên không thể chi trì nổi mà cuối cùng sẽ rơi vào tay người Pháp mất. Người Pháp đã có thiên

nhiên hiểm yếu của Gia Định, nếu đề họ chiếm trọn cả Cao Miên nữa thì chẳng lợi gì cho Anh. Nay nếu Anh nhân lúc người anh vua Miên đang thắng mà ngầm cùng ta giúp Miên, sau khi thành sự lợi sẽ chia đôi. Vả lại, người Anh đã có quân lính người Đồ Bà cùng một chủng tộc với người Miên, nếu cho lẫn trộn với lính Miên người Pháp cũng không thể phân biệt được. Như thế không có gì trở ngại. Lại nói: Người Pháp tham lam vô độ, sau này sẽ sinh bụng này khác. Nay nếu vua Xiêm làm cho Anh Pháp tách ra khỏi nhau thì đó cũng là một lợi lớn cho Xiêm. Nếu kế này được thi hành thì người Anh một là sẽ cùng người Xiêm chia nhau phần đất; hai là đóng căn cứ ở miền thượng du đợi lúc nào sơ hở thì

tràn xuống phía Đông đánh chiếm sào huyệt Gia Định để bù lại chỗ thua thiệt ngày trước. Như vậy ắt người Anh sẽ nghe theo. Rồi sau đó ta cho người đến mật báo với người anh vua Miên (Phải dùng lời lẽ khéo léo xúi người anh vua Miên) rằng Anh Pháp vốn có thù với nhau lâu đời. Nếu mượn kế làm cho Anh Pháp hiềm khích nhau thì mới hả cái hận người Pháp đã bảo hộ vua Miên. (...). Người Pháp bấy lâu đã có bụng nghi, không biết người nào ngầm giúp anh vua Miên mà dám hung hăng như vậy. Nay nghe tin này họ chắc chắn sẽ gây chuyện với người Anh. Hơn nữa người Pháp được biết người anh vua Miên muốn lấy lại sáu tỉnh thì sẽ không nghi ta ngầm giúp cho người anh vua Miên. Vì

rằng người Pháp đã từng bị người anh vua Miên làm khốn đốn, bị tổn uy vũ rất nhiều, không biết tìm lối nào để lấp liếm cái sở đoản và chữa thẹn cho mình. Nay nghe có người Anh giúp sức, tuy có vài ba phần chưa tin nhưng họ cũng vội vàng ra đương đầu để biểu dương với thiên hạ bảo vệ tiếng tăm cho mình. Nếu người Anh có đồng mưu thì sẽ nhận không chối và người Pháp sẽ gây hấn lớn với người Anh. Còn nếu người Anh không có đồng mưu thì sẽ mạnh bạo biện bác với Pháp. Người Pháp đã lỡ nói cũng sẽ không chịu nhận sai, thế tất sẽ có sinh sự xảy ra.

Hoặc là nói với người anh vua Miên rằng: “Người Pháp rất sợ người Anh, nay nếu nghe nói là

người Anh ngầm giúp, một mặt thì mua khí giới của người Anh và bí mật mượn một người giỏi Anh văn làm các loại nhật ký hành sự và sắm các thức ăn dùng của người Anh. Có dấu chữ của người Anh rồi giả cách làm như thua chạy vứt bỏ vương vãi ra để cho người Pháp lượm được, hoặc thả cho trôi từ các thượng lưu sông về để Pháp lượm được thì tất họ sẽ nghi trong lính Miên có người Anh, họ sẽ không dám hành quân đi sâu. Nếu không sớm dùng kế này thì dù có nhờ vào sự kiên cố mà thắng được thì cũng chỉ tạm thời thôi, vì người Pháp quá xấu hổ thành ra giận mà nuôi chí phục thù không thôi, sau này khó giữ được khỏi hoạn nạn”. Nếu người anh vua Miên dùng kế sách này làm cho Anh Pháp tách rời nhau

thì ở đây công của Tây soái không thành tất sẽ phải về triều chịu tội. Và cái kế “Con thỏ có ba hang” trước đây cũng không thi thố được. Vả lại ở phương Tây, thì người Anh hoặc sẽ nhân lúc nước Pháp có biến cố mà ra tay khống chế trước. Đó là cái lý thế tung hoành phải làm như vậy. Nhưng ta phải khéo biết cách ly hợp mới được. Ở nước Xiêm đã có nhiều người dân ta bên đó. Ở đây họ rất được vua Xiêm tin dùng. Tôi cũng có quen biết, nếu muốn sang họ thì phải cải trang mà đi, giả làm người buôn bán, trước là thông ngõ ngách, dò xem ý họ thế nào, sau mới bí mật thổ lộ với vua Xiêm như thế, như thế thì Xiêm cũng như ta cùng một mối hận, tất sẽ cùng chung rửa hận. Nếu thấy khó thừa cơ hội được thì lạng lẽ

trở về chỉ để một mình người anh vua Miên làm kế đó cũng được. Như việc đó mà không được thì cũng nên cùng với người Pháp đắp đê trút nước về bên Miên, để tránh hoạn nạn cho ta để trả thù vua Miên trước đây phụ ơn mà bỏ ta. Và nhân đó mượn uy chiêu dụ các dân ở thượng du sông Khung, như trong bài Khai hoang từ tôi đã bẩm để đợi khi nước Pháp có biến thì thừa thế mà lấy toàn bộ Cao Miên để làm sào huyệt phía Nam, vì khi ta hợp tác với người Pháp thì ta cũng đã có căn bản ở bên Miên rồi. Hai con đường như vậy không biết có được không?

Kính xin lục bộ đại thần soi xét.







